

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

TRẦN ĐÌNH DUỆ

**ĐẢNG BỘ KHU TÂY NAM BỘ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG
TỪ NĂM 1961 ĐẾN NĂM 1975**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HÀ NỘI - 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

TRẦN ĐÌNH DUỆ

**ĐẢNG BỘ KHU TÂY NAM BỘ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG
TỪ NĂM 1961 ĐẾN NĂM 1975**

**Ngành : Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Mã số : 9 22 90 15**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS Đoàn Thị Hương

2. TS Nguyễn Thị Hào

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan Luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực; những kết luận của luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác; các thông tin trích dẫn trong luận án đã được trích dẫn rõ nguồn gốc.

Tôi chịu trách nhiệm đối với luận án của mình.

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

Tác giả

Trần Đình Duệ

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN | 8 |
| 1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan | 8 |
| 1.2. Đánh giá kết quả nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu..... | 30 |
| Chương 2: ĐẢNG BỘ KHU TÂY NAM BỘ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG (1961 - 1968) | 37 |
| 2.1. Những yếu tố tác động đến nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ (1961 - 1968)..... | 37 |
| 2.2. Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ được thành lập, thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng (1961 - 1968)..... | 56 |
| Chương 3: ĐẢNG BỘ KHU TÂY NAM BỘ ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG ĐƯA KHÁNG CHIẾN ĐẾN THẮNG LỢI (1969 - 1975) | 87 |
| 3.1. Sự chuyển biến tình hình tác động đến nhiệm vụ xây dựng Đảng ở Khu Tây Nam Bộ (1969 - 1975)..... | 87 |
| 3.2. Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, đưa kháng chiến đến thắng lợi (1969 - 1975)..... | 98 |
| Chương 4: NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM | 133 |
| 4.1. Nhận xét..... | 133 |
| 4.2. Một số kinh nghiệm | 151 |
| KẾT LUẬN | 165 |
| DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI | 169 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 170 |
| PHỤ LỤC | 195 |

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ | CHỮ VIẾT TẮT |
|-----------------------|--------------|
| Áp chiến lược | ACL |
| Ban Chấp hành | BCH |
| Ban Thường vụ | BTV |
| Khu ủy viên | KUV |
| Lực lượng vũ trang | LLVT |
| Quân khu 9 | KU9 |
| Quân khu ủy | QKU |
| Ủy viên Ban Thường vụ | UVBTV |
| Việt Nam cộng hòa | VNCH |

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ là cơ quan lãnh đạo cấp Khu trong hệ thống tổ chức của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Về địa bàn lãnh đạo, giai đoạn 1961 - 1975, Đảng bộ khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo kháng chiến trên địa bàn gồm 08 tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long); Cần Thơ, Sóc Trăng (nay thuộc thành phố Cần Thơ); Cà Mau, Bạc Liêu (từ 1964 một nửa nhập vào Cà Mau, một nửa nhập vào Sóc Trăng, đến tháng 11-1973 Khu ủy Tây Nam Bộ thành lập trở lại tỉnh Bạc Liêu, hiện nay thuộc tỉnh Cà Mau), Rạch Giá (sau 1975 đổi tên thành tỉnh Kiên Giang, nay thuộc tỉnh An Giang) và tỉnh Châu Hà (thành lập 4-1971 trên cơ sở lấy một số huyện của An Giang và Rạch Giá, sau 1975 tỉnh này giải thể, các huyện nhập trở lại các tỉnh cũ).

Về vị trí địa lý, Khu Tây Nam Bộ tiếp giáp đất liền về phía Tây với Campuchia. Vùng biển nằm về phía Tây Nam Biển Đông, phía Đông giáp Philip-pin, phía Nam và Đông Nam giáp Ma-lai-xi-a, Sin-ga-po, In-do-nê-xi-a, phía Tây và Tây Nam giáp Thái Lan và Campuchia. Phần đất liền chủ yếu là đồng bằng được bồi tụ bởi phù sa của hai con sông Tiền và sông Hậu cùng hệ thống kênh, rạch chằng chịt. Là vùng đất được khai phá và hình thành sau cùng, cũng là vùng đất có nhiều dân tộc cùng định cư sinh sống với nhiều tôn giáo nội sinh và ngoại nhập. Với những đặc điểm này, Tây Nam Bộ trở thành khu vực có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trên các phương diện kinh tế, chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và văn hóa - xã hội.

Trong quá trình xâm lược, triển khai chiến lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ, địa bàn Khu Tây Nam Bộ được xác định là “vùng đệm” bảo vệ đầu não Sài Gòn từ phía Tây Nam, đồng thời cũng là nơi cung cấp nhân, vật lực phục vụ cho chế độ thực dân mới, Tây Nam Bộ trở thành vùng “trọng điểm” thực thi chính sách “bình định” với nhiều giải pháp, thủ đoạn dụ dỗ, cưỡng ép, kìm kẹp, khủng bố... để “xúc tát dân”, cô lập, truy lùng và thủ tiêu lực lượng cách mạng.

Suốt quá trình 15 năm ra đời và hoạt động (1961 - 1975), Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ, lãnh đạo và tổ chức kháng chiến trên một vùng đồng bằng rộng lớn, có vị trí chiến lược quan trọng, trong điều kiện xa Trung ương; chiến trường bị chia cắt, phân mảnh bởi những đặc thù về địa lý tự nhiên, dân tộc, tôn giáo; là trọng điểm của chính sách bình định, luôn trong tình thế bị đối phương kìm kẹp gắt gao và đánh phá quyết liệt... trong một số thời điểm cách mạng bị đẩy vào tình thế vô cùng khó khăn khi hệ thống tổ chức cơ sở Đảng bị đánh rã, rất nhiều cán bộ, đảng viên bị bắt, bị sát hại. Tuy nhiên, nhờ luôn bám sát và quán triệt nguyên tắc xây dựng Đảng, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam, đồng thời, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ đã lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ ngày càng vững mạnh toàn diện, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi.

Nghiên cứu, tổng kết làm sáng tỏ quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, qua đó tiếp tục làm sáng tỏ vị trí, vai trò, những đóng góp, thành công và cả những hạn chế, đúc kết những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ giai đoạn 1961 - 1975 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: góp phần làm sâu sắc và toàn diện hơn lịch sử công tác xây dựng Đảng, lịch sử cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng; cung cấp thêm những luận chứng, luận cứ khoa học và thực tiễn, đúc kết những kinh nghiệm có giá trị kế thừa, vận dụng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Trên phương diện giá trị lịch sử, đây còn là trách nhiệm lịch sử, sự tri ân các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn khu Tây Nam Bộ về những cống hiến hy sinh vì lý tưởng của Đảng, vì sự nghiệp thống nhất Tổ quốc.

Qua quá trình khảo sát, tìm hiểu cho thấy, có nhiều công trình nghiên cứu, dưới nhiều cách tiếp cận, phạm vi khác nhau đề cập đến nhiệm vụ xây dựng Đảng trên địa bàn khu Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về trình Đảng bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên địa bàn khu Tây Nam Bộ.

Với ý nghĩa đó, nghiên cứu sinh chọn nghiên cứu đề tài: **“Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng từ năm 1961 đến năm 1975”** làm luận án tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Góp phần làm rõ quá trình Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng từ năm 1961 đến năm 1975; đúc kết những kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng ở Đảng bộ khu Tây Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ xâm lược, có giá trị vận dụng trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, hệ thống hóa các công trình đã công bố liên quan đến đề tài.

Hai là, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ từ năm 1961 đến năm 1975.

Ba là, tái hiện quá trình Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên các phương diện: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Bốn là, làm rõ đặc điểm, những thành công, hạn chế.

Năm là, đúc kết một số kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng ở Đảng bộ khu Tây Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ, có giá trị vận dụng trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu quá trình Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng giai đoạn 1961 - 1975.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Về không gian: Nghiên cứu trên địa bàn gồm 8 tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh (từ 01-7-2025 thuộc tỉnh Vĩnh Long); Cần Thơ, Sóc Trăng (từ 01-7-2025 thuộc thành phố Cần Thơ); Cà Mau, Bạc Liêu (từ 01-7-2025 thuộc tỉnh Cà Mau), Châu Hà (thành lập tháng 4-1971, sau 1975 thuộc tỉnh An Giang) và Rạch Giá (từ 01-7-2025 thuộc tỉnh An Giang).

- *Về thời gian*: từ năm 1961 đến năm 1975.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên chủ nghĩa duy vật lịch sử và phép biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; quan điểm của Đảng về công tác xây dựng Đảng làm cơ sở lý luận nghiên cứu.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic là chủ yếu, kết hợp các phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp và so sánh. Cụ thể:

- *Sử dụng phương pháp lịch sử*: Trong quá trình phục dựng, mô tả các sự kiện hoạt động xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ, luận án đặt sự kiện theo trình tự thời gian từ lúc hình thành đến khi kết thúc; xác định sự kiện trong không gian, bối cảnh cụ thể; phân tích, đánh giá, nhận định dựa trên nguồn tư liệu đã xác thực, khách quan; dựa trên không gian cụ thể và vấn đề lịch sử cụ thể (Khu Tây Nam Bộ trong sự áp đặt, thực thi chính sách thực dân mới phản động của đế quốc Mỹ - bối cảnh chung ở miền Nam Việt Nam - những đặc thù riêng ở Khu Tây Nam Bộ theo trình tự thời gian; nghiên cứu các yếu tố mang tính đặc thù về điều kiện tự nhiên, quy luật hình thành cấu trúc, tâm lý xã hội; những chính sách của đối phương và giải pháp trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, lãnh đạo kháng chiến của Đảng bộ) trên cả hai phương diện đồng đại và lịch đại.

- *Sử dụng phương pháp logic*: Trên cơ sở những dữ liệu, sự kiện đã được tập hợp, luận án tiếp tục chất lọc, hệ thống lại để đánh giá, xác định những vấn đề, nội dung mang tính quy luật trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ trong điều kiện chiến tranh và trên địa bàn trực tiếp đối mặt với xâm lược. Phương pháp này được sử dụng kết hợp với phương pháp lịch sử để xây dựng đề cương nghiên cứu; kết nối, xuyên chuỗi, hệ thống các sự kiện để nhận định, đánh giá mức độ, trạng thái phát triển, tính chất phản động từ các giải pháp thực dân mới của Mỹ và tay sai; mối quan hệ giữa hữu cơ giữa các mặt của nhiệm vụ xây dựng Đảng (chính trị, tư tưởng, tổ chức); mối quan hệ tác động giữa nhiệm vụ xây dựng Đảng với vấn đề nâng cao năng lực lãnh

đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, cũng như đối với quá trình tu dưỡng, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên; về mối quan hệ giữa nhiệm vụ xây dựng Đảng với nhiệm vụ lãnh đạo kháng chiến của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ giai đoạn 1961 - 1975.

- *Sử dụng phương pháp thống kê*: Sử dụng trên 2 phương diện: (1)- Căn cứ trên những nguồn tư liệu thu thập từ các cơ quan lưu trữ, các công trình khoa học khác nhau trong và ngoài nước, luận án sử dụng phương pháp thống kê để thấy tính hệ thống và đưa ra những kết quả rõ ràng, minh chứng khoa học cho những luận điểm, những đánh giá của Luận án. (2)- Từ việc áp dụng phương pháp thống kê trong nghiên cứu, xác minh số liệu, sự kiện, giúp bảo đảm độ tin cậy trong nghiên cứu, phân tích, đánh giá về nhiệm vụ xây dựng Đảng và những nội dung liên quan đến quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ một cách khách quan, khoa học. Phương pháp thống kê chủ yếu được sử dụng trong tổng quan tài liệu; trình bày hệ thống các số liệu, sự kiện để minh chứng cho các luận điểm, đánh giá.

- *Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp*: Trên cơ sở nguồn tư liệu hiện có, luận án áp dụng hai phương pháp này trong nghiên cứu sâu các vấn đề cụ thể (quá trình xây dựng chủ trương, xác định nhiệm vụ, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ...); phân tích quá trình vận động, phát triển công tác xây dựng Đảng bộ khu Tây Nam Bộ trong bối cảnh, không gian, thời gian cụ thể (ở những địa bàn, khu vực, bối cảnh khác nhau); tổng hợp để đưa ra những đánh giá, kết luận, tổng quan vấn đề nghiên cứu... Việc kết hợp hai phương pháp này giúp nghiên cứu sinh nhận thức hệ thống, toàn diện và sâu sắc hơn về quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ giai đoạn 1961 - 1975.

- *Sử dụng phương pháp so sánh*: nghiên cứu quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ để tìm ra những điểm chung, điểm tương đồng và khác biệt; những yếu tố mang tính đặc thù (về tự nhiên, xã hội) cũng như trong các giải pháp, thủ đoạn trong triển khai chính sách thực dân mới của đế quốc Mỹ trong từng giai đoạn hoặc ở những vùng khác nhau trong cùng địa bàn Khu; giữa khu Tây Nam Bộ so với những khu vực khác ở Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

5. Đóng góp mới của luận án

5.1. Về khoa học

Luận án hệ thống toàn diện về quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên các mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ trên địa bàn từ năm 1961 đến năm 1975.

Đúc kết một số kinh nghiệm về thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ cấp Khu trên địa bàn đồng bằng sông nước, bị chia cắt; có nhiều dân tộc, tôn giáo; trong điều kiện xa trung ương và trực tiếp đối phó với sự đàn áp, khủng bố không liệt của chủ nghĩa thực dân kiểu mới giai đoạn 1961 - 1975.

5.2. Về thực tiễn

Luận án góp phần tái hiện quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ giai đoạn 1961 - 1975 trên các phương diện, nội dung: công tác tổ chức quán triệt chủ trương, nghị quyết của Đảng; vấn đề xác định chủ trương, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể và gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức kháng chiến; công tác giáo dục, rèn luyện, nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên gắn liền với tạo lập sự đoàn kết, thống nhất của tổ chức; vấn đề xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức cơ sở Đảng gắn liền với nâng cao năng lực lãnh đạo kháng chiến của tổ chức Đảng; vấn đề xây dựng “cơ sở chính trị của Đảng” và những điều kiện để tổ chức Đảng tồn tại, phát triển và giữ vững vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, liên tục của Đảng trong điều kiện luôn bị đối phương kìm kẹp, đánh phá.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Góp phần tổng kết và làm sâu sắc những vấn đề lý luận, các nguyên tắc xây dựng Đảng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên những khu vực đặc thù về tự nhiên, lịch sử văn hóa, xã hội trong điều kiện chiến tranh và trực tiếp đối đầu với xâm lược.

Tiếp tục khẳng định những đóng góp của Đảng Cộng sản Việt Nam qua những chặng đường phát triển của lịch sử dân tộc, từ đó khẳng định vị trí, vai

trò lãnh đạo - cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu, xuyên suốt quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trên cơ sở nghiên cứu những yếu tố đặc thù về lịch sử - xã hội và những kinh nghiệm từ quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng ở khu Tây Nam Bộ trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, luận án cung cấp một số luận cứ khoa học góp phần vận dụng trong công tác xây dựng chủ trương và lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chinh đốn Đảng ở các Đảng bộ địa phương trên địa bàn Tây Nam Bộ hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo hữu ích trong nghiên cứu, tuyên truyền, giảng dạy lịch sử Đảng ở địa phương.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, Luận án gồm 4 chương, 8 tiết.

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.

Chương 2. Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng giai đoạn 1961 - 1968.

Chương 3. Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, đưa kháng chiến đến thắng lợi (1969 - 1975).

Chương 4. Nhật xét và kinh nghiệm.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam là một trong những vấn đề lịch sử lớn, tác động ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống chính trị quốc tế trong thế kỷ XX, vì vậy, đây là chủ đề thu hút sự quan tâm đặc biệt của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, chính khách... trong và ngoài nước tìm hiểu, nghiên cứu dưới những góc nhìn, quan điểm khác nhau và ít nhiều có đề cập đến đối tượng nghiên cứu của luận án.

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN

1.1.1. Những công trình của học giả nước ngoài

Sách *Hồi ký của Lindon Giônxon*, Nhà xuất bản Weidenfeld and Nicolson (London), Việt Nam Thông tấn xã dịch và phát hành năm 1972. Sách được viết dưới dạng hồi ký với nhan đề *The Edvantage point* (Lợi thế) được tập hợp từ những tư liệu riêng, văn kiện, bài viết, bài nói chuyện, thư... của chính tác giả từ cuối năm 1963 (khi đang là Phó Tổng thống dưới thời của J.Ken-nơ-đây) đến tháng 1-1969 (khi kết thúc nhiệm kỳ tổng thống). Phần viết về Việt Nam được thể hiện khá tỉ mỉ về các sự kiện mà Mỹ gọi là “bảo vệ Việt Nam”, lý giải “hành động đưa quân vào tham chiến tại Việt Nam” từ việc tạo cơ “sự kiện Vịnh Bắc Bộ” để đem quân đánh phá miền Bắc đến việc đưa quân viễn chinh Mỹ và đồng minh trực tiếp tham chiến ở miền Nam, diễn biến về những thất bại của của Mỹ trên chiến trường và quá trình dẫn đến đàm phán tại Hội nghị Pa-ri [218].

Sách *Tường trình của một quân nhân*, của William C. Westmoreland, Nhà xuất bản Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh (dịch và xuất bản) năm 1988. Sách được viết dưới dạng hồi ký về những giải pháp chiến lược của giới cầm quyền Mỹ và những quan điểm, chính kiến và quyết định của chính tác giả trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Tinh thần cốt lõi và thông điệp cuốn sách là những giải thích của tác giả về căn nguyên dẫn đến thất bại của Mỹ chủ yếu xuất phát từ những yếu tố khách quan, trong đó có những sai lầm từ chính phủ, tổng thống và nhân dân Mỹ. Đồng thời, trong nghiên cứu của mình, tác giả muốn lý giải và gửi một

thông điệp về động cơ “cao thượng”, nhân văn của Mỹ trong “chiến tranh Việt Nam”, khẳng định: “một thực tế là có rất ít nước đã tham gia với thái độ cao thượng có tính chất lý tưởng như vậy, và dù có giành được quyền tự do của con người hay không giành được thì cũng không thể phủ nhận điều đó được (...) nếu xảy ra nhiều Việt Nam nữa thì có ủng hộ tự do, bảo vệ người yếu chống kẻ mạnh nữa hay không” [223, tr.159].

Sách *Việt Nam - cuộc chiến tranh mười nghìn ngày* của tác giả Michael Maclear, Nhà xuất bản Sự thật (dịch và xuất bản) năm 1990. Tác giả khắc họa những chính sách và tham vọng của Mỹ trong việc từng bước ủng hộ đến can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp; quá trình thiết lập chính quyền, xây dựng quân đội Việt Nam cộng hòa, đổ vũ khí, phương tiện chiến tranh và quân đội Mỹ vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam qua các đời tổng thống Mỹ. Những leo thang khẳng định tham vọng của Mỹ bằng cam kết rằng, nếu cần Mỹ sẽ “xem xét việc sử dụng lực lượng Mỹ để giúp Nam Việt Nam chống lại áp lực của cộng sản”, và trên thực tế, có giai đoạn Mỹ đã huy động đến hơn nửa triệu quân viễn chinh vào miền Nam Việt Nam, đánh phá miền Bắc. Phần kết của cuốn sách, tác giả cũng đề cập đến những quan điểm, cách nhìn của chính giới Mỹ về nguyên nhân dẫn đến thất bại của cuộc chiến tranh ở Việt Nam, cho rằng: thất bại của Mỹ là hiển nhiên vì họ “không thể tồn tại được bằng những luật lệ do họ áp đặt cho các nước khác”, cuộc chiến tranh đó đã vi phạm các tiêu chuẩn luật pháp quốc tế do Mỹ thiết lập”. Cuốn sách thừa nhận một sự thật cay đắng về những chính sách leo thang của Mỹ đã “không làm giảm khả năng chiến đấu, cũng không làm suy sụp tinh thần dân chúng và ban lãnh đạo Bắc Việt Nam” và cuối cùng đi đến thất bại [219, tr.21, 157].

Sách *Giải phẫu một cuộc chiến tranh* của tác giả Gabriel Kolko, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân (dịch và xuất bản) năm 1991. Khi tiếp cận và giải quyết các nội dung liên quan, Gabriel Kolko cũng đã nhìn thấy, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhìn thấy quy luật về “sự kế thừa hệ tư tưởng Lênin-nít của Đảng phải được kết hợp với những đòi hỏi của cuộc đấu tranh lâu dài để giành chính quyền”; đã “xây dựng hệ thống lý luận độc đáo của chính mình”; đó là tổ chức tập hợp những “hạt nhân” lãnh đạo là “những nhà chính

trị sâu sắc mà tri thức, đức tính và sự liên tục vẫn còn là một vốn quý cho Đảng... từ bỏ sung sướng cá nhân, luôn luôn chịu nguy hiểm của tù đày và thậm chí chết chóc”; về “đạo đức cách mạng”; về “tổ chức cách mạng”; về xây dựng mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân [215]. Mặc dù còn những khoảng cách, sự khác biệt về quan điểm, lập trường chính trị, cách tiếp cận vấn đề, nhưng tác giả đã nhìn nhận khá khách quan, về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam, về vị thế, vai trò lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và sau đó là đế quốc Mỹ.

Sách *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam* của tác giả Philip B.Davidson, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (dịch và xuất bản) năm 1995. Sách viết dưới dạng hồi ký về quá trình bước chân vào nghề tình báo và quá trình trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh Việt Nam. Tác giả đề cập đến nhiều vấn đề, những “bí mật” về cuộc chiến tranh Việt Nam, đặc biệt là cách tiếp cận về vị trí, vai trò của chiến tranh cách mạng Việt Nam, những hạn chế trong chiến lược và triển khai chiến lược của Mỹ..., về nguyên nhân dẫn đến thất bại của Mỹ. Tác giả cho rằng, Mỹ đã “không hiểu được chiến tranh cách mạng, họ không thể xác định được giai đoạn hiện tại của chiến lược đối phương và theo đó để định hình các biện pháp đối phó đúng đắn (...); không hiểu được những huyền thoại mà người dân Bắc Việt đã trải qua - huyền thoại về khởi nghĩa nhân dân tháng 8-1945 đã quét sạch người Pháp và người Nhật ra khỏi Việt Nam” [221, tr.42, 187], đặc biệt, tác giả cũng khẳng định một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của Mỹ trong cuộc chiến tranh này chính là do “những người cộng sản có một chiến lược siêu hạng”, đó là chiến lược nhất quán, lâu dài và cực kỳ tài giỏi [221, tr.266, 267].

Sách *Nhìn lại quá khứ - Tán tảo kịch và những bài học về Việt Nam* của tác giả Robert S.Mc Namara, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (dịch và xuất bản) năm 1995. Dưới dạng hồi ký, tác giả kể lại những sự kiện từ giai đoạn bước chân vào Nhà trắng (1-1961) đến khi rời khỏi chức vụ Bộ trưởng quốc phòng (2-1968) với những quyết định tác động trực tiếp đến những diễn biến của cuộc chiến tranh. Từ những phân tích, đánh giá các sự kiện, R.S.Mc Namara đã rút ra 11 nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của Mỹ ở Việt Nam, trong đó xuất phát từ sự

“đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó”, khẳng định sự “thiếu hiểu biết cơ bản” của Mỹ về lịch sử văn hóa và chính trị của Dân tộc Việt Nam [222, tr.316].

Sách *Liên bang Xô Viết và chiến tranh Việt Nam* của tác giả Ilya V.Gaiduk, Nhà xuất bản Công an nhân dân (dịch và xuất bản) năm 1996. Trên cơ sở khai thác các nguồn tư liệu từ phía Liên Xô, những tài liệu được Nga công bố sau sự sụp đổ của nhà nước Liên bang Xô-viết (1991), công trình đã tái hiện lại một số nét trong quan hệ giữa Liên Xô - Trung Quốc - Mỹ trong giải quyết các vấn đề về “chiến tranh Việt Nam”; làm rõ quan điểm của Liên Xô là cần tránh sử dụng vũ lực, để người dân các quốc gia (Đông Dương trong đó có Việt Nam) tự giải quyết các vấn đề thống nhất một cách hòa bình; cung cấp những tư liệu liên quan đến quá trình viện trợ vũ khí, khí tài quân sự và lực lượng chuyên gia của Liên Xô và Trung Quốc đối với Bắc Việt Nam. Công trình cũng khẳng định ý chí, sự quyết tâm thống nhất đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam mặc dù đối phương là một siêu cường như Mỹ [217].

Sách *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ* của tác giả George C.Herring, Nxb Chính trị quốc gia (dịch và xuất bản) năm 1998. Tác giả tập trung giải quyết những chuyển biến quan trọng về quan điểm, lập trường và tham vọng của giới cầm quyền Mỹ từng bước dính líu, can thiệp vào Việt Nam thông qua sự viện trợ quân sự cho thực dân Pháp xâm lược Việt Nam; hành động của giới cầm quyền Mỹ trong quá trình chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam; biên miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và là tiền đồn chống lại “làn thủy triều đỏ của chủ nghĩa cộng sản”. Những tư liệu đề cập trong cuốn sách khá khách quan, phong phú phản ánh về tham vọng của giới cầm quyền Mỹ và quá trình xâm lược, gieo rắc tội ác của Mỹ ở Việt Nam; về thất bại không thể tránh khỏi của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam [216].

Sách *Sự lừa dối hào nhoáng* của tác giả Neil Sheehan, Nhà xuất bản Công an nhân dân (dịch và xuất bản) năm 2003. Sách được viết dưới dạng hồi ký, phản những *quan điểm, cách nhìn* của tác giả về cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam, về các chính sách, chiến lược, chiến thuật “tiêu diệt cộng sản” qua quan điểm của một số nhân vật thuộc giới tướng lĩnh, cầm quyền về thiết kế và thực thi chính sách thực dân mới của Mỹ như Edward Lansdale,

Wesmorlan... và những cố vấn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam về quan điểm, cách thức, giải pháp nhằm đàn áp cách mạng miền Nam, quá trình viện trợ vũ khí, đưa quân viễn chinh và đồng minh trực tiếp tham chiến, leo thang đánh phá bằng không quân... cung cấp thêm một số tư liệu và minh chứng cho những tham vọng cùng sự nguy hiểm của giới cầm quyền Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam [220].

Ngoài ra, có một số công trình tiếng nước ngoài khác, tiêu biểu như:

Sách *Defeating communist insurgency: Experiences from Malaya and Vietnam*, Sir Robert Thompson, Chatto and Windus Press, London, 1965. (*Đánh bại sự nổi dậy của cộng sản: Bài học của Malaysia và Việt Nam, tác giả Sir Robert Thompson, Nhà xuất bản Chatto và Windus, London, 1965*). Trên cơ sở khái quát mục tiêu, cách thức, biện pháp, chủ thể triển khai, xây dựng các “ấp chiến lược”, chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến thất bại của chương trình ấp chiến lược là do chính quyền Ngô Đình Diệm “không nắm được dân chúng”, “coi thường sự gia tăng của cộng sản”. Muốn đánh bại phong trào cách mạng ở khu vực nông thôn thì phải nắm được và đánh bại tận gốc những cơ sở tồn tại và lãnh đạo chiến tranh du kích ở nông thôn - đó chính là các cơ sở mật của cộng sản ở các thôn, ấp; phải sử dụng lực lượng tình báo, thực hiện bình định và lập các ấp chiến lược ở miền Nam [227, tr.64, 124].

Sách *Deadly deceits - My, 25 years in the CIA*, Ralph W. Mc Gehee, Sheridan Square publication Inc, New York, 1983 (*Sự lừa dối chết người - 25 năm tôi ở CIA, tác giả Ralph W. Mc Gehee, xuất bản tại Sheridan Square publication Inc, New York, 1983*). Tác giả đã chỉ ra rằng chính CIA đã kích động, lôi kéo lực lượng công giáo từ Bắc vào để xây dựng cơ sở xã hội, đồng thời tuyên truyền, bịa đặt, bôi xấu những hành động của Việt Minh; hậu thuẫn, xây dựng cơ sở chính trị cho Diệm, hoạt động CIA cũng thông qua các cơ quan truyền thông, tác động đến hoạt động đối ngoại để củng cố vị trí thống trị của chính phủ Ngô Đình Diệm. Công trình khẳng định rằng, chính sự đàn áp lực lượng không theo Diệm của chính phủ Diệm đẩy người dân miền Nam ngày càng ủng hộ và tham gia các tổ chức của Việt Cộng để tự cứu mình [226, tr.132, 134].

Sách *Why did the strategic hamlet program fail?*, Peter Francis Leahy, the Thesis of Master of Military art and science, New South Wales University,

Australia, 1990. (*Tại sao chương trình áp chiến lược thất bại, Luận văn Thạc sĩ nghệ thuật và khoa học quân sự của Peter Francis Leahy, Đại học New South Wales, Úc, 1990*). Tác giả chỉ ra nhiều nguyên nhân chính dẫn đến thất bại của chương trình “áp chiến lược” trong chiến tranh Việt Nam, như thiếu kế hoạch đầy đủ, thiếu nguồn lực, các vấn đề về địa điểm và xây dựng; thiếu sự đánh giá đến các yếu tố kinh tế; thông tin liên lạc thiếu bảo đảm [225, tr.170] và nhất là không bảo đảm được sự “tách biệt Việt Cộng khỏi sự hỗ trợ vật chất do nông dân cung cấp” [225, tr.95].

Sách *Victory in Vietnam: The Official History of the People's Army of Vietnam, 1954-1975: the Military History Institute of Vietnam University Press of Kannas, 2002* (*Chiến thắng ở Việt Nam: Lịch sử chính thức của Quân đội Nhân dân Việt Nam, 1954-1975: Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam / Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Kansas, 2002*). Cuốn sách cung cấp một góc nhìn khác về cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Việt Nam, rằng đối với Hoa Kỳ, cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa cộng sản đang lan tràn ở Đông Nam Á chính là “cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại” của người dân Bắc Việt Nam và đã chiến thắng kẻ khổng lồ về quân sự. Cuốn sách thể hiện những tuyên bố dứt khoát về quan điểm của người Việt Nam rằng mọi sự dính líu, xâm nhập của Mỹ vào đất nước Việt Nam cùng nhiều sự thật được chấp nhận trong lịch sử chiến tranh của người Mỹ là sai trái [229].

Sách *The Vietnamese war: Revolution and Social Change in the Mekong Delta, 1930-1975*, David W.P. Elliott, M.E. Sharpe, New York, 2003. (*Chiến tranh Việt Nam: Cách mạng và sự biến đổi ở Đồng bằng sông Cửu Long, tác giả David W.P. Elliott, nhà xuất bản M.E. Sharpe, New York, 2003*). Tác giả nghiên cứu về cuộc chiến tranh ở Việt Nam với cách tiếp cận từ những đặc trưng xã hội khu vực đồng bằng sông Cửu Long, đặt trong mối quan hệ tác động qua lại giữa chiến tranh và những biến đổi của cấu trúc xã hội ở cơ sở (làng, xã, thôn, ấp), trong đó nhấn mạnh đến vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực hiện chính sách ruộng đất đã tập hợp được lực lượng đông đảo nhân dân “quyết tâm” tham gia kháng chiến và là động lực củng cố, phát triển phong trào mạng ở các địa phương với sức lan tỏa mạnh mẽ [224, tr.180-184, 188].

Sách *Vietnamese Communism In Comparative Perspective*, William S Turley, Taylor & Francis, 2019. (*Chủ nghĩa cộng sản Việt Nam trong góc nhìn so sánh, tác giả Taylor & Francis, nhà xuất bản Taylor & Francis, Anh*). Tác giả làm rõ những vấn đề, nội dung và cách thức Đảng Cộng sản Việt Nam thích nghi với môi trường của mình để đạt được quyền lực và thực thi quyền lực, thể hiện ở việc kết hợp lý thuyết cộng sản với chủ nghĩa dân tộc và phong trào chống thực dân được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn. Điều đó cũng phản ánh mô hình cộng sản ở Việt Nam tuy có chung nhưng vẫn khác căn bản so với các quốc gia khác như Trung Quốc, Liên Xô... đó là không sao chép nguyên bản. Chính sự thích nghi trong lãnh đạo mà làm cho cuộc cách mạng Việt Nam trở nên đặc biệt [230].

Như vậy, có nhiều công trình của các tác giả nước ngoài phản ánh về cuộc chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, đề cập những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Đảng cũng như những tác động từ các chính sách, chiến lược chiến tranh của Mỹ đối với phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam Việt Nam, nhưng số công trình phản ánh trực tiếp vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không nhiều.

1.1.2. Những công trình của học giả trong nước

1.1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và lịch sử công tác xây dựng Đảng

Công trình *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 2 (1954 - 1975), do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995. Đây là công trình khoa học đã phản ánh rất sinh động và hấp dẫn về một thời kỳ lịch sử đấu tranh rất oanh liệt của dân tộc Việt Nam, trong đó hệ thống khoa học về chủ trương, đường lối, nghệ thuật lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức chiến tranh của Đảng để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Công trình khẳng định một nhiệm vụ then chốt, trọng yếu, thường xuyên và quyết định đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam chính là xây dựng Đảng Mác-Lênin ngang tầm cuộc kháng chiến. Dựa trên đường lối, phương hướng đúng “vừa đánh vừa học, vừa làm vừa học, vừa chiến đấu vừa xây dựng, đánh đến đâu, làm đến đâu và xây dựng đến đâu tổng kết kinh nghiệm đến đâu để nâng cao trình độ của Đảng lên ngang tầm đòi hỏi

của đất nước và thời đại” [78, tr.755]. Nhiệm vụ xây dựng Đảng cũng đi liền với giữ vững và phát huy những phẩm chất truyền thống cao quý của của người chiến sĩ tiên phong của giai cấp, của dân tộc, cán bộ, đảng viên phải luôn “tự rèn luyện, tự sàng lọc mình” [78, tr.757].

Công trình *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975)* do Viện Lịch sử quân sự Việt Nam xuất bản năm 1998. Trên cơ sở khẳng định vị trí, vai trò của công tác chính trị, tư tưởng là một bộ phận quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, quyết định đến thắng lợi trong mỗi nhiệm vụ chính trị của quân đội nói chung và đối với mỗi trận đánh, công trình phản ánh những nội dung, giải pháp và chỉ ra một số bài học trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên trong lực lượng quân đội trước mỗi chiến dịch [210].

Công trình *Sơ thảo lược sử công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam 1930 - 2000* do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2000. Công trình nghiên cứu công tác lãnh đạo về tư tưởng của Đảng từ năm 1925 khi tổ chức tiền thân của Đảng là *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* được thành lập đến năm 2000, trong đó công trình phân kỳ thành các giai đoạn, mỗi giai đoạn có những nhiệm vụ đặc thù khác nhau trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, qua đó đúc kết một số bài học kinh nghiệm từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng của Đảng đối với từng tổ chức chính trị, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang nói riêng cũng như trong công tác xây dựng Đảng nói riêng [26].

Công trình *Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2000)* do hai tác giả Nguyễn Hữu Tri và Nguyễn Thị Phương Hồng (đồng chủ biên), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2004. Công trình tập trung nghiên cứu hệ thống lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam từ quá trình ra đời, xây dựng phát triển, không ngừng hoàn thiện hệ thống tổ chức và lãnh đạo cách mạng trong 70 năm (1930 - 2000), trong đó phân kỳ thành 5 giai đoạn, mỗi giai đoạn Đảng đúc kết được những bài học quan trọng làm phong phú thêm kho tàng lý luận của Đảng, đồng thời cũng khẳng định những bước tiến tư duy của Đảng về công tác xây dựng Đảng nhằm đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi của lịch sử [197].

Công trình *Đảng Cộng sản Việt Nam, những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng* của GS, TS Mạch Quang Thắng, do Nhà xuất bản Lao động xuất bản năm 2007. Công trình chuyên khảo một cách hệ thống những vấn đề cơ bản của khoa học xây dựng Đảng trên một số mặt, nội dung cốt lõi và then chốt: phương pháp luận nghiên cứu khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị, trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, vấn đề xây dựng Đảng gắn với chỉnh đốn Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức và các vấn đề lãnh đạo hoạt động đối ngoại. Trên cơ sở đó, công trình cũng lưu ý, gợi mở và định hướng những vấn đề trong nghiên cứu khoa học khoa học xây dựng Đảng [188].

Công trình *Lịch sử Biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, In lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung của Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn, do GS TS Trịnh Nhu (chủ biên), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2008. Công trình tái hiện lại và hệ thống hóa những sự kiện về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh đạo của Đảng về thành lập tổ chức và lãnh đạo Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam; quá trình xây dựng tổ chức và lãnh đạo, chỉ đạo các cấp bộ Đảng ở miền Nam của Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, cứu nước... theo trình tự thời gian. Được kết cấu thành hai phần và ba phụ lục, công trình đã góp phần làm sáng tỏ tinh thần chủ động, sáng tạo của Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và đề xuất các chủ trương, biện pháp trong công tác xây dựng Đảng và tổ chức chỉ đạo kháng chiến, góp phần hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Công trình cũng đề cập đến nhiều sự kiện, nội dung về quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng ở Đảng bộ khu Tây Nam Bộ [76].

Công trình *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, của tập thể các nhà khoa học Viện Lịch sử Đảng Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh do PGS, TS Nguyễn Quý (chủ biên), xuất bản năm 2010. Công trình tái hiện lại lịch sử ra đời, quá trình xây dựng phát triển hệ thống tổ chức của Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam, các Liên tỉnh ủy, Khu ủy, các cơ quan chuyên môn, giúp việc của Xứ ủy Nam Bộ

và Trung ương Cục miền Nam trong tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng; sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam đối với cách mạng miền Nam qua từng giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Công trình cũng làm rõ vai trò, những đóng góp sáng tạo của Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam đã góp phần hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc [77].

Công trình *Lịch sử công tác xây dựng Đảng (1930 - 2011)*, của PGS, TS Nguyễn Trọng Phúc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2012. Công trình trình bày hệ thống lịch sử công tác xây dựng Đảng từ khi Đảng được thành lập đến Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2011). Công tác xây dựng Đảng giai đoạn kháng chiến chống Mỹ thể hiện ở chương IV của công trình. Trên cơ sở luận cứ khoa học là hệ thống các văn bản thể hiện quan điểm, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trên cả hai vấn đề lớn là xây dựng nội bộ Đảng và lãnh đạo chiến tranh cách mạng trên không gian hai miền, công trình đã khái quát và khẳng định công tác xây dựng Đảng về chính trị là quá trình không ngừng xây dựng, phát triển cương lĩnh đường lối nhằm triệt để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc; sức mạnh về tổ chức và uy tín chính trị, tính thống nhất và kỷ luật cao là sự bảo đảm cho Đảng lãnh đạo tập trung, thống nhất trong thời kỳ vô cùng khó khăn của dân tộc; không ngừng hoàn thiện về tổ chức, bảo đảm tính chặt chẽ, khoa học, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, không ngừng chăm lo, phát triển đội ngũ đảng viên là nền tảng để Đảng không ngừng phát triển lớn mạnh; luôn luôn giữ vững các nguyên tắc tổ chức và hoạt động là cơ sở để giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao uy tín và sự vững mạnh của Đảng [182, tr.165-168].

Bộ công trình *Biên niên sự kiện Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, do Viện Lịch sử Đảng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn, xuất bản năm 2021. Công trình gồm 7 tập nhằm tái hiện lại quá trình ra đời và lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến năm 2010. Các sự kiện được đề cập trong công trình đã được tuyển chọn, chỉnh lý, bổ sung trên cơ sở những nghiên cứu mới và hệ thống khoa học nhằm làm rõ quá trình hoạch định đường lối và bổ sung, phát triển đường lối cách mạng của Đảng qua các thời kỳ. Trong đó, các tập 3 và tập 4 phải ánh sự lãnh đạo của Đảng đối với cách Việt Nam trong giai đoạn

kháng chiến chống Mỹ được thể hiện qua nội dung của các kỳ Đại hội, Hội nghị của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo, kết luận, hướng dẫn, thư, điện của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng [80].

Công trình *Tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2021)* của PGS, TS Ngô Đăng Tri do Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông xuất bản năm 2022. Công trình hệ thống khái quát tiến trình lịch sử từ quá trình vận động thành lập Đảng, lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, tiến hành chiến tranh cách mạng bảo vệ thành quả cách mạng, thống nhất đất nước và tiếp tục lãnh đạo đưa cả nước từng bước vượt qua những khó khăn, thử thách và đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nghiên cứu tiến trình lịch sử ra đời và lãnh đạo của Đảng, công trình phân kỳ thành 7 giai đoạn, mang đặc trưng, đặc điểm hoàn cảnh và nhiệm vụ riêng, mỗi giai đoạn Đảng đã đúc kết được những bài học kinh nghiệm quý, trong đó, bài học về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, bản lĩnh, trí tuệ, ngang tầm nhiệm vụ là nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng [192].

Luận án tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam “*Công tác xây dựng Đảng tại Đảng bộ miền Nam từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 10 năm 1961*” của tác giả Nguyễn Bình, bảo vệ tại Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh năm 2009. Công trình đã dựng lại quá trình xây dựng Đảng giai đoạn từ 7-1954 đến 10-1961 trong sự tác động của tình hình quốc tế hết sức khó khăn, phức tạp và thực tiễn cam go, khốc liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ trong giai đoạn đầu chống chính sách thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ tại miền Nam. Luận án đã đưa ra những luận chứng và luận cứ khách quan cùng những căn nguyên tác động, quy định đặc điểm, hình thái vận động và phát triển cách mạng miền Nam, qua đó đúc kết năm bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tại miền Nam, khẳng định xây dựng Đảng về chính trị giữ vai trò then chốt, quyết định nhất: “trước hết phải xây dựng được đường lối chính trị đúng đắn, mới định hướng được tư tưởng và xây dựng tổ chức cho phù hợp” [37, tr.178].

Luận án tiến sĩ “*Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Liên khu V từ năm 1949 đến năm 1961*” của tác giả Nguyễn Quang Hòa, bảo vệ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2023 [75]. Luận án nhấn mạnh việc quán

triệt sâu sắc chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng, căn cứ tình hình địa phương để tiến hành xây dựng chủ trương, nhiệm vụ chính trị sát đúng; thường xuyên tiến hành công tác tư tưởng, bảo đảm và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; đề phòng và khắc phục sự máy móc, “tả” khuynh trong công tác xây dựng Đảng; các cấp ủy Đảng, từng cán bộ, đảng viên khi tổ chức thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong thực tiễn phải phải luôn bám sát nguyên tắc xây dựng Đảng; đặc biệt là phải “xây dựng cấp ủy các cấp thật sự là hạt nhân lãnh đạo phải được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu”, chú trọng công tác xây dựng Đảng ở cơ sở; xây dựng các “chi bộ tự động” để thích ứng và đáp ứng với hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, địa bàn bị chia cắt, coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chính là yếu tố mang tính tiên quyết, nền tảng và then chốt quyết định thắng lợi của cách mạng.

Bài viết “Công tác xây dựng Đảng ở miền Nam (1973-1975)” của PGS, TS Trịnh Thị Hồng Hạnh đăng trên *Tạp chí Lịch sử Đảng 3-2014*. Trên cơ sở khái quát những chuyển biến lớn, cục diện chính trị và âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - Ngụy tại miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Pa-ri, tác giả tập trung nghiên cứu những giải pháp mang tính bước ngoặt của Đảng ta trong lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng miền Nam, trong đó đề cập đến thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng nhằm chuẩn bị những điều kiện đầy đủ nhất để chủ động đối phó với địch trong mọi tình huống, sẵn sàng đưa cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, trong đó nhấn mạnh phải đảm bảo công tác xây dựng Đảng phải được hiện thân trong phong trào quần chúng; công tác tư tưởng và công tác chính trị phải gắn chặt với nhau, bảo đảm nhiệm vụ chính trị được xác định đúng, được thông suốt, được thực hiện thắng lợi; xây dựng Đảng phải gắn liền với việc nâng cao năng lực quản lý, kiện toàn tổ chức [74, tr.16].

Bài viết “Kinh nghiệm công tác xây dựng Đảng về tư tưởng - nhìn từ các cuộc vận động chỉnh đốn Đảng ở miền Bắc Việt Nam (1954 - 1975)” của TS Đặng Minh Phụng và TS Lê Tuấn Vinh đăng trên *Tạp chí Cộng sản* điện tử, số ra ngày 14-11-2022. Trên cơ sở khái quát 5 cuộc vận động chỉnh đốn Đảng tại miền Bắc (1954 - 1975), các tác giả đúc kết ba kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng là: xây dựng Đảng về tư tưởng phải xuất phát từ mục tiêu, nhiệm vụ chính trị; xây dựng Đảng về tư tưởng phải gắn chặt với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tổ chức; xây dựng Đảng về tư tưởng cần chú trọng

đến nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Đây là những kinh nghiệm hết sức quý báu cần tiếp tục kế thừa, vận dụng vào trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng trong giai đoạn hiện nay [211].

1.1.2.2. Nhóm công trình nghiên cứu về kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam có đề cập đến nhiệm vụ xây dựng Đảng

Công trình *Thư vào Nam*, do Nhà xuất bản Sự thật xuất bản năm 1985, là tập hợp một số thư, điện của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam gửi các đồng chí lãnh đạo của Đảng ở chiến trường miền Nam về những trao đổi, phân tích, đánh giá tình hình và định hướng trong công tác lãnh đạo, tổ chức chỉ đạo cách mạng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Trong đó, đồng chí cũng đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng hệ thống tổ chức Đảng vững mạnh ở địa phương, cơ sở nhằm đảm đương, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tập hợp, lãnh đạo phong trào cách mạng. Đồng chí khẳng định “Trong khi nhân mạnh tập hợp quần chúng bằng các hình thức công khai, hợp pháp, chúng ta không xem nhẹ một chút nào việc phát triển các tổ chức trung kiên, bí mật, xây dựng và phát triển các tổ chức cơ sở của Đảng... phải che dấu các cơ sở Đảng và lực lượng nòng cốt; phải nghiêm ngặt tuân theo các nguyên tắc tổ chức và hoạt động bí mật” [42, tr.182].

Công trình *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học*, do Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 1995. Công trình gồm hai phần: phần thứ nhất khái quát những nội dung cơ bản và bước phát triển của cuộc kháng chiến theo 05 giai đoạn, đánh giá những ưu điểm, khuyết điểm chính về sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh của Đảng; phần thứ hai đúc kết 08 bài học kinh nghiệm. Trong đó khẳng định “nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của đường lối và nghệ thuật tổ chức là xây dựng Đảng, nâng cao hơn nữa tính giai cấp và tính tiên phong của Đảng”; khẳng định, nhờ Đảng “luôn nhận rõ sứ mạng, trọng trách của mình trước giai cấp, trước nhân dân, trước dân tộc và phong trào cách mạng thế giới, đã ra sức xây dựng mình cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, theo đúng nguyên lý xây dựng một đảng mácxít lêninít”; “nâng cao trình độ lý luận và tư tưởng, ra sức bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất

và năng lực lãnh đạo của các đảng viên”; “xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên”, trở thành “chủ thể trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc” [20, tr.184, 185-187].

Công trình *Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 - 1975) Thắng lợi và bài học*, do Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh, trực thuộc Bộ Chính trị biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2000. Trên cơ sở khái quát bối cảnh và những sự kiện chính yếu trong 30 năm chiến tranh cách mạng của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công trình đúc kết một số bài học quý trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức kháng chiến, trong đó khẳng định công tác xây dựng Đảng phải luôn đáp ứng yêu cầu, ngang tầm nhiệm vụ trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Xây dựng Đảng về chính trị phải bảo đảm các nguyên tắc xây dựng Đảng. Xây dựng đội ngũ đảng viên trong kháng chiến phải “lấy chất lượng làm căn bản, nhưng số lượng đủ, củng cố đi đôi với phát triển”; công tác tư tưởng là phải làm cho cán bộ đảng viên, quần chúng “thông suốt đường lối kháng chiến của Đảng” [21, tr.411, 413];

Công trình *Tổng kết công tác binh vận - địch vận trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, do Tổng Cục Chính trị biên soạn, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 2002. Trên cơ sở nghiên cứu bối cảnh, các yếu tố tác động đến công tác binh vận - địch vận; mục tiêu, nội dung, phương thức thực hiện công tác binh vận - địch vận qua từng giai đoạn, trong đó làm rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, từ đó đúc kết một số kinh nghiệm quý về xây dựng đường lối chiến lược, về mối liên hệ giữa công tác binh - địch vận với đấu tranh chính trị và hoạt động vũ trang; về xây dựng lực lượng làm công tác binh vận - địch vận và lựa chọn thời cơ, sử dụng phương pháp linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn, từng thời điểm [193].

Công trình *Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá “quốc sách” áp chiến lược của Mỹ - nguy ở miền Nam Việt Nam (1961 - 1975)*, của tác giả Trần Thị Thu Hương, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2003. Công trình đã phản ánh một cách chân thực, sinh động về cuộc đấu tranh đầy cam go, ác liệt của quân và dân miền Nam chống lại âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt của Mỹ - nguy trong quá trình thực thi chính sách “áp chiến lược” ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1961 - 1965. Trong đó, công trình cũng làm rõ vai trò lãnh đạo và chỉ đạo sắc bén, linh hoạt, sáng tạo của Trung ương Đảng, Trung ương Cục và các đảng

bộ địa phương ở miền Nam [86, tr.12]; khẳng định “công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trở thành trọng tâm hàng đầu trong công tác chống phá áp chiến lược (...) công tác tư tưởng và giáo dục chính trị giữ vai trò quyết định đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng; đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên gắn với đào tạo cán bộ lãnh đạo ở các cơ sở và xây dựng tổ chức gọn nhẹ, phù hợp với đặc thù từng địa bàn; xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên có trình độ, bản lĩnh, trung kiên, luôn gắn bó mật thiết với nhân dân [86, 232 - 238].

Công trình *Chung một bóng cờ* (Về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam) do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xuất bản năm 2010. Công trình công phu được tập hợp từ 93 bài viết, nghiên cứu của các tác giả, nhóm tác giả, tái hiện lại những sự kiện, dấu ấn lịch sử về đấu tranh của các cấp bộ Đảng, nhân dân và lực lượng vũ trang Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ở miền Nam xoay quanh chủ đề và làm nổi bật vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đồng thời, qua hồi ký, nghiên cứu, đánh giá của mình, các tác giả cũng đã đề cập đến vai trò then chốt, thường trực và xuyên suốt quyết định đến thắng lợi của cách mạng chính là sự lãnh đạo của Đảng, trong đó, vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thể hiện trong Cương lĩnh của Đảng chính là cơ sở quan trọng để hình thành Mặt trận dân tộc giải phóng, trở thành ngọn đuốc soi đường, là nền tảng để xây dựng Tuyên ngôn, chương trình hành động và xác định phương pháp tập hợp lực lượng, và tổ chức đấu tranh, góp phần vào thắng lợi chung của cả Dân tộc [179].

Công trình *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* và công trình *Biên niên sự kiện lịch sử Nam Bộ kháng chiến* của Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến biên soạn, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản năm 2010 phản ánh 30 năm chiến tranh cách mạng *rất cam go, ác liệt, đầy hy sinh, gian khổ* của Nhân dân ta trên địa bàn Nam Bộ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để bảo vệ nền độc lập của dân. Tập II *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* của công trình phản ánh cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ của quân và dân ta trên địa bàn Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1975 trong đó có đề cập đến các nội dung liên quan đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, xác định “công tác chính trị, tư tưởng là một công tác có ý

nghĩa sống còn của cách mạng”, chú trọng xây dựng tổ chức vững mạnh, đặc biệt chú ý “xây dựng những chi bộ tự động công tác trong tình thế chiến trường chia cắt, mạnh dạn bố trí cán bộ ... Đảng phải gắn bó với dân, sâu sát đời sống, tâm tư, nguyện vọng của dân, luôn tìm tòi, học hỏi thực tiễn để đề ra những chủ trương, chính sách thích hợp” [83, tr.1093-1094].

Bộ công trình *Lịch sử Việt Nam* do Viện sử học thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam biên soạn, Nhà xuất bản khoa học xã hội xuất bản năm 2017 là bộ chính sử gồm 15 tập, từ khởi thủy đến năm 2000, trong đó tập 12 (1954 - 1965) và tập 13 (1965 - 1975) đề cập đến nội dung cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975. Về nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, công trình đã chỉ ra nhiều nhân tố, trong đó khẳng định *nổi bật lên sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng là nhân tố quyết định của mọi quyết định đi đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* [208, 224; tr.545].

Công trình *Tổng kết Đảng lãnh đạo quân sự và quốc phòng trong cách mạng Việt Nam (1945 - 2000)* do Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh biên soạn, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 2021. Trên cơ sở khái quát quá trình Đảng lãnh đạo chiến tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và củng cố quốc phòng (1945 - 2000), công trình đã đúc kết 7 bài học về những thành công trong quá trình lãnh đạo của Đảng, trong đó khẳng định bài học về xây dựng Đảng và hoàn thiện phương thức Đảng lãnh đạo quân sự và quốc phòng là bài học quan trọng, thường xuyên, nhấn mạnh việc kết hợp chặt chẽ chính trị, tư tưởng với tổ chức trong xây dựng và giáo dục, rèn luyện đảng viên là vấn đề mang tính sống còn, bảo đảm công tác lãnh đạo của Đảng luôn được thông suốt, thống nhất trong điều kiện chiến tranh ác liệt, xa Trung ương, sự khác biệt, tính đặc thù và nhiệm vụ mỗi chiến trường. Nhiệm vụ xây dựng Đảng trong lực lượng quân đội phải đi liền với đảm bảo cơ cấu số lượng, chất lượng và tính kế tục vững chắc của đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực quân sự và quốc phòng; đồng thời sự lãnh đạo của Đảng phải luôn coi trọng việc tổng kết thực tiễn, xem đó là một giải pháp cơ bản trong xây dựng tổ chức và rèn luyện đảng viên [31].

1.1.2.3. Nhóm công trình lịch sử kháng chiến, lịch sử ngành, lịch sử Đảng bộ các địa phương trên địa bàn khu Tây Nam Bộ

Công trình *Quân khu 9, ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)* do Bộ Tư lệnh Quân khu 9 nghiên cứu, biên soạn, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 1996. Công trình đã tái hiện lại quá trình 30 năm chiến tranh cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975) của quân và dân khu Tây Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng, góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cả nước bảo vệ vững chắc nền độc lập và thống nhất Tổ quốc, qua đó đề cập đến quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ từ cấp Khu đến chi bộ, đảng bộ các địa phương [36]. Công trình cũng đã đúc kết một số kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng và khẳng định muốn cách mạng được thắng lợi thì đảng viên và tổ chức cơ sở bám dân và tồn tại được trong dân; chiến tranh ở địa phương và chiến tranh nhân dân bằng lực lượng và phương thức tổng hợp cần phải đặt dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy đảng địa phương (Khu ủy, tỉnh ủy, huyện ủy, xã ủy) [35, tr. 688-699].

Công trình “Tổng kết chiến tranh nhân dân địa phương”, chuyên đề *Kết hợp đấu tranh hai chân, ba mũi giáp công trên cả ba vùng chiến lược trong kháng chống đế quốc Mỹ tại địa bàn quân khu 9 (1954 - 1975)* do Bộ Tổng tham mưu biên soạn, Nhà xuất bản quân đội nhân xuất bản năm 2001. Trên cơ sở khái quát những nội dung chính yếu về quá trình hình thành, phát triển của thể trận “hai chân”, “ba mũi giáp công” qua 5 giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, công trình đã đúc kết 05 bài học kinh nghiệm, trong đó xác định bài học quan trọng, mang yếu tố thường xuyên và quyết định đến thắng lợi đó là giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là phải chăm lo, củng cố xây dựng Đảng bộ cơ sở, nhiệm vụ này “phải được tiến hành thường xuyên cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức...; yêu cầu công tác giáo dục, lãnh đạo tư tưởng trong Đảng bộ phải làm thường xuyên, liên tục, công tác tổ chức, cán bộ cũng phải được củng cố kịp thời ở những khâu yếu, ở những bộ phận yếu” để bảo đảm thắng lợi trong thực hiện thắng lợi của cuộc kháng chiến trên địa bàn [32, tr.364-365].

Công trình *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang Quân khu 9 (1945 - 2005)*, do Đảng ủy - Bộ Tư lệnh quân khu 9 biên soạn, Nhà

xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 2009. Công trình gồm 04 chương, trong đó, chương 2 tập trung nghiên cứu về công tác xây dựng Đảng trong lực lượng vũ trang của quân khu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ. Công trình đã đúc kết và khẳng định nguyên tắc thực hiện nhiệm vụ công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang phải luôn được đặt lên hàng đầu, “công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, xây dựng ý chí quyết tâm, xác định xây dựng chủ trương, đường lối dựa trên nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên và từ thực tiễn chiến trường” [67, tr.382]. Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang cũng như bảo đảm sự sống còn của lực lượng vũ trang chính là “Ở đâu có lực lượng vũ trang, ở đó có hoạt động công tác Đảng, công tác chính trị... luôn bám sát mọi hoạt động của lực lượng vũ trang, kịp thời giáo dục, tuyên truyền, cổ động, chấn chỉnh... xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng vững mạnh” [67, tr.384].

Hai công trình: *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến* do Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập truyền thông Tây Nam Bộ biên soạn, xuất bản năm 2000 [22] và tiếp đó là công trình *Lịch sử Tây Nam kháng chiến* do Ban Biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến biên soạn có chỉnh lý, bổ sung những nguồn tư liệu và sự kiện mới gồm 03 tập, tập 1 (1945 - 1954), tập 2 (1955 - 1969), tập 3 (1969 - 1975) do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2010 [1, 2, 3] đã tái hiện lại cuộc kháng chiến của Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Tây Nam Bộ từ năm 1945 đến năm 1975. Trong kháng chiến, thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, gắn bó chặt chẽ với nhân dân là vấn đề then chốt, trong đó, “công tác tư tưởng có vị trí rất quan trọng trong thắng lợi của cách mạng; công tác cán bộ là vấn đề quan trọng bậc nhất trong xây dựng Đảng; đảng viên bám sát quần chúng và gương mẫu trong chiến đấu, trong đời sống thúc đẩy phong trào quần chúng lên cao hơn; xây dựng Đảng bộ là trọng tâm, thường xuyên của nhiệm vụ xây dựng Đảng; xây dựng cấp Khu với các ngành tương đối hoàn chỉnh mới đủ sức lãnh đạo cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện” [22, tr.866-875].

Công trình *Lịch sử Đảng bộ Quân khu 9 (1947 - 2007)* do Đảng ủy Quân khu 9 biên soạn, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội xuất bản năm 2010.

Công trình gồm 2 tập, tập 1 tái hiện lại lịch sử ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng bộ Quân khu 9 đối với lực lượng vũ trang trên địa bàn khu Tây Nam Bộ qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Bên cạnh những ưu điểm, công trình cũng chỉ ra những hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng và tổ chức kháng chiến [68].

Luận án tiến sĩ lịch sử Việt Nam: *Phong trào phá áp chiến lược ở miền Tây Nam Bộ (1961 - 1965)* của tác giả Phạm Đức Thuận, bảo vệ tại Đại học Huế năm 2017. Từ việc phân tích âm mưu, thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, tác giả phân tích sự vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng trong đấu tranh chống phá áp chiến lược của các cấp ủy Đảng, lực lượng vũ trang trên chiến trường Tây Nam Bộ; tái hiện quá trình Đảng bộ, quân và dân khu TNB từng bước đánh bại các kế hoạch, thủ đoạn thiết lập áp chiến lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, qua đó đúc kết một số kinh nghiệm của phong trào chống phá áp chiến lược trên địa bàn khu Tây Nam Bộ; các cấp ủy Đảng, cán bộ lãnh đạo, chiến sĩ phải hiểu rõ âm mưu, bản chất, thủ đoạn mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong lập các áp chiến lược cùng phương thức vận hành của nó để đưa ra giải pháp chống phá hiệu quả; kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công gắn chặt với xây dựng vững chắc thể trận lòng dân và phát huy vai trò của đồng bào Khmer. Đây vừa là ba kinh nghiệm lớn, đồng thời cũng là ba cơ sở quan trọng mà Đảng bộ khu Tây Nam Bộ đã bám sát, vận dụng, xử lý hiệu quả trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, là cơ sở đưa đến thắng lợi nhiệm vụ lãnh đạo phá áp chiến lược trên địa bàn Tây Nam Bộ giai đoạn 1961-1965 [190].

Luận án tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: *Khu ủy Tây Nam Bộ lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị từ năm 1965 đến năm 1975* của tác giả Nguyễn Bích Thúy, bảo vệ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2023. Trên cơ sở nghiên cứu các tác động, ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh chính trị trên địa bàn khu Tây Nam Bộ, chủ trương, giải pháp trong lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh chính trị của Khu ủy trên địa bàn đảm trách, Luận án đã đúc kết một số kinh nghiệm từ quá trình Khu ủy lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị giai đoạn 1965 - 1975, trong đó khẳng định phát triển Đảng về quy mô phải gắn với việc đảm bảo chất lượng của đội ngũ đảng viên

và không ngừng củng cố hệ thống tổ chức của Đảng, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; đồng thời phải đặc biệt coi trọng công tác cán bộ đáp ứng những yêu cầu khắt khe của chiến tranh và phù hợp với đặc thù từng nhiệm vụ, trên từng địa bàn... là yếu tố quyết định đưa đến thắng lợi trong tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị nói riêng và của cuộc kháng chiến trên địa bàn nói chung [191, tr.173-175].

Một số bài viết nghiên cứu ít nhiều có đề cập đến nhiệm vụ xây dựng Đảng trên địa bàn Khu, như: “Tiếp nhận hàng chi viện của Trung ương về miền Tây Nam Bộ qua tuyến đường vận tải 1C trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước” của tác giả Lý Ngọc Định, đăng trên *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, Số 11-2009 [70]. Bài viết “Đánh địch bình định, lấn chiếm sau Hiệp định Paris ở miền Tây Nam Bộ” của tác giả Nguyễn Minh Phụng, đăng trên *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, Số 2-2013 [183]. Bài viết “Xã, ấp chiến đấu ở miền Tây Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước” của tác giả Lý Kim Cương, đăng trên *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, Số 4-2014 [40]. Bài viết “Công tác tuyên huấn/tuyên giáo trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở Trà Vinh” của tác giả Trần Bình Trọng [196].

Một số công trình lịch sử Đảng bộ, công trình tổng kết công tác xây dựng Đảng, lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân và lực lượng vũ trang ở các địa phương có đề cập đến tổ chức và lãnh đạo xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ đối với Đảng bộ các địa phương, tiêu biểu:

Công trình *Hậu Giang 21 năm kháng chiến chống Mỹ*, do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang biên soạn, Nhà xuất bản Tổng hợp Hậu Giang xuất bản năm 1987. Công trình khẳng định trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ phải luôn nắm vững các nguyên tắc xây dựng Đảng; nhiệm vụ xây dựng Đảng phải gắn liền với vai trò lãnh đạo chiến đấu, vừa không ngừng tự củng cố mình; đặc biệt, phải nắm vững phương châm xây dựng Đảng trong phong trào cách mạng của quần chúng “Từ cán bộ lãnh đạo, chiến sĩ, cán bộ ở cơ sở đều phải bám dân để hiểu địch, hiểu ta” mới có thể đảm đương và hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. [61, tr.187-189].

Công trình *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu*, tập 1, (1927-1975) do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu biên soạn và chịu trách nhiệm xuất bản năm

2002). Công trình tái hiện lịch sử ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn tỉnh từ khi được thành lập đến năm 1975, trong đó phần thứ ba của công trình tập trung làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Công trình đã đánh giá và đúc kết một số bài học kinh nghiệm của Đảng bộ trong công tác xây dựng Đảng qua một số giai đoạn cụ thể. Khẳng định nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, tiên phong, gương mẫu, gắn bó với quần chúng là yếu tố then chốt quyết định mọi thắng lợi của cách mạng [4].

Công trình *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau* tập 1 (1930 - 1975), do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau biên soạn, Nhà xuất bản Mũi Cà Mau xuất bản năm 2004. Công trình phản ánh lịch sử ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn tỉnh từ khi được thành lập đến năm 1975. Công trình khẳng định xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ hàng đầu, theo đó “trước hết là tăng cường giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng cho mỗi đảng viên... nâng cao ý thức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ; giữ vững mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng, dựa vào quần chúng để khắc phục mọi khó khăn và xây dựng Đảng bộ vững mạnh” [64, tr.381-382].

Công trình *Lịch sử Trà Vinh*, tập ba (1954-1975) của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chỉ đạo, Ban Tư tưởng Tỉnh ủy Trà Vinh biên soạn và chịu trách nhiệm xuất bản năm 2005. Công trình khẳng định nhiệm vụ xây dựng Đảng vững mạnh là yếu tố quyết định của mọi tình huống, mọi thời kỳ cách mạng, trong đó “lấy sự đoàn kết, nhất trí trong Tỉnh ủy làm hạt nhân để xây dựng sự đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng bộ; lấy sự đoàn kết, nhất trí trong toàn Đảng bộ làm cơ sở xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân; luôn phát huy được tinh thần chủ động trọng việc vận dụng thực hiện chủ trương, nghị quyết của cấp trên vào tình hình thực tế, triển khai một cách kịp thời và sắc bén các phong trào, hành động cách mạng trên địa bàn tỉnh phù hợp với từng giai đoạn” [195, tr.333].

Công trình *Kiên Giang kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Tỉnh ủy Kiên Giang biên soạn, Tạp chí Xưa & Nay - Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn

xuất bản năm 2008. Qua tái hiện chặng đường đấu tranh cách mạng của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang) qua 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), công trình chỉ ra một số bài học kinh nghiệm phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh, đó là: trong bất cứ tình huống nào cũng phải giữ vững, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; khẳng định vai trò quan trọng của chi bộ, đảng bộ cơ sở trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; các cấp ủy Đảng và cán bộ chủ chốt nói riêng, cán bộ, đảng viên nói chung phải thật sự là trung tâm đoàn kết; chấp hành nghiêm sự phân công và kỷ luật của Đảng, luôn tiên phong, gương mẫu công tác, chiến đấu, sẵn sàng hy sinh vì nhân dân mới lãnh đạo được nhân dân, mới phát động được phong trào cách mạng [194, tr.272, 275].

Công trình *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (1930 - 2010)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản năm 2015. Chương III của công trình tái hiện lại quá trình xây dựng, phát triển tổ chức và lãnh đạo của Đảng bộ trong lãnh đạo, Nhân dân và các lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh tiến hành kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tay sai trên địa bàn. Công trình đúc kết một số kinh nghiệm trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng phải bám sát chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; xác định nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt, gắn liền với bảo đảm các nguyên tắc xây dựng Đảng; phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng sát hợp với tình hình, hoàn cảnh cụ thể của địa phương [7, tr.522-526, 528-530].

Công trình *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng*, tập II, (1954 - 1975) do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng biên soạn và chịu trách nhiệm xuất bản lần thứ hai, có bổ sung, chỉnh sửa năm 2019. Công trình đã khẳng định, trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng thì “Công tác tư tưởng phải luôn đi đầu và xuyên suốt trong mọi giai đoạn, mọi quá trình thực hiện nghị quyết công tác”; xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở là nền tảng của Đảng; xây dựng Đảng phải gắn liền với bảo vệ Đảng, không ngừng nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, ngăn ngừa sự phân hóa trong Đảng, ngăn ngừa bọn phản động chui vào Đảng; chú trọng phát triển gắn với rèn luyện đảng viên [6].

Công trình *Lịch sử Đảng bộ thành phố Cần Thơ*, tập III (1954-1975), do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội xuất bản năm 2020. Công trình đã làm rõ quá trình Đảng bộ lãnh đạo của Đảng bộ trên địa bàn đảm trách trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Công trình khẳng định vấn đề then chốt quyết định thắng lợi trong lãnh đạo của Đảng bộ là xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đặc biệt phải bám sát các nguyên tắc xây dựng Đảng bảo đảm tính kỷ luật cao trong đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên “sẵn sàng hy sinh lợi ích riêng lo cho sự nghiệp chung”; trong lãnh đạo phải sâu sát thực tiễn, bám dân để tồn tại và thắng địch [62, tr.460-463].

1.2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan đến luận án

Qua việc khảo lược các công trình nghiên cứu trên cho thấy, tùy đối tượng, phạm vi nghiên cứu, dựa trên nguồn tư liệu và với những cách tiếp cận, góc nhìn và lập trường khác nhau về cuộc kháng chiến chống Mỹ của Nhân dân Việt Nam mà các công trình giới hạn phạm vi nghiên cứu với những nhận định, đánh giá khác nhau về đặc điểm, tính chất, hình thái, diễn biến, kết quả, hậu quả... của cuộc chiến tranh, trong đó ít nhiều có đề cập đến vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như vai trò, tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

1.2.1.1. Công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài

Đối với các công trình của các tác giả là những nhà nghiên cứu, chuyên gia, cố vấn quân sự hoặc những cựu binh đã từng tham chiến tại chiến trường miền Nam Việt Nam khi đánh giá chủ yếu dựa trên hai cách tiếp cận: 1- Tiếp cận từ các tư liệu mà các tác giả thu thập được liên quan đến quá trình Mỹ từng bước dính líu, can thiệp, trực tiếp tham chiến với các giải pháp cụ thể; 2- Những chiêm nghiệm từ thực tiễn cuộc chiến tranh Việt Nam và những hậu quả của nó để lại. Từ hai cách tiếp cận trên, các tác giả đã đưa ra những đánh giá theo quan điểm cá nhân về những tác

động cùng những hậu quả để lại từ trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

Một số nghiên cứu dựa trên cơ sở khảo lược những quan điểm, nhận xét, lý giải của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, chính khách về nguồn gốc dẫn đến chiến tranh và nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của nước Mỹ trong cuộc chiến tranh này (Gabriel Kolko, Michael Maclear); một số chỉ ra những sai lầm và trên nhiều góc độ của những đánh giá đã tiếm cận bản chất lừa dối, tính chất phi nghĩa của Mỹ là nguyên nhân dẫn đến thất bại (Philip B.Davidson, Daniel Ellsberg, Ralph W. Mc Gehee...) từ đó đưa ra những nhận định cá nhân và xem đó như là những bài học để định hình, điều chỉnh cách ứng xử của nước Mỹ trong bối cảnh mới.

Ngoài ra, một số tác giả nước ngoài là các cựu binh từng tham chiến ở chiến trường miền Nam Việt Nam đi sâu nghiên cứu các giải pháp chiến thuật của Mỹ và quân đội tay sai VNCH từ thực tế chiến trường.

Nhóm công trình của các tác giả là những chính khách, tướng lĩnh đã từng tham gia hoạch định và tổ chức thực thi chính sách thực dân mới của Mỹ ở Việt Nam chủ yếu chuyển tải những “nghiên cứu” của mình dưới thể loại hồi ký. Về mặt nội dung, đi sâu phân tích, đánh giá lại các quyết định, chính sách, giải pháp và phương thức tiến hành chiến tranh; phân tích, lý giải các nhân tố chi phối, ảnh hưởng đến việc đưa ra các quyết định, giải pháp đó. (William C.Westmoreland). Một số nghiên cứu lý giải sự thất bại của Mỹ trong cuộc chiến tranh xuất phát từ sự chủ quan của Mỹ hoặc những sai lầm trong tổ chức thực thi giải pháp, chiến thuật, cách thức thực hiện; hoặc thiếu những nỗ lực ủng hộ khách quan để triển khai thực hiện các giải pháp đó, trong khi Đảng Cộng sản Việt Nam có sự giúp đỡ hiệu quả của các nước đồng minh (Sir Robert Thompson, Peter Francis Leahy, Ilya V.Gaiduk...), từ đó cố tình bỏ qua vai trò lãnh đạo đặc biệt quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Một số nghiên cứu trong chừng mực thừa nhận những sai lầm chủ quan của Mỹ, trong đó có sự thiếu hiểu biết về Việt Nam đã dẫn đến sự thất bại của họ trong cuộc “chiến tranh Việt Nam” (L.Johnson, Robert S.McNamara).

Tiếp cận từ góc độ sử liệu học, những nghiên cứu của các tác giả ngoài

nước cung cấp những tư liệu mới, dữ kiện cụ thể, trong một chừng mực nhất định giúp cho việc đánh giá đa chiều về bản chất của các sự kiện lịch sử. Đồng thời, cũng phản ánh những đặc trưng trong quan hệ quốc tế, những chính sách, thủ đoạn của Mỹ và chính quyền VNCH là những thách thức rất lớn, gây ra rất nhiều khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến nói chung và quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của các cấp bộ Đảng ở miền Nam trong đó có địa bàn Khu Tây Nam Bộ nói riêng.

Nhóm nghiên cứu này cung cấp thêm tư liệu, góc độ tiếp cận đa chiều, là cơ sở để luận án so sánh, đối chiếu và củng cố những luận chứng, luận cứ, đưa ra những đánh giá trung thực, khách quan về đối tượng nghiên cứu.

1.2.1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước

Các công trình nghiên cứu trong nước đề cập đến vị trí, vai trò của nhiệm vụ xây dựng Đảng - yếu tố hạt nhân then chốt, thường xuyên, thường trực bảo đảm và quyết định sự phát triển lớn mạnh không ngừng của Đảng ngang tầm với sứ mệnh lịch sử dân tộc giao phó, là nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Điều đó thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

Một là, các công trình nghiên cứu đã góp phần phục dựng lại bức tranh lịch sử hào hùng của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời cũng góp phần tái hiện lịch sử ra đời, hoạch định đường lối, hoàn thiện đường lối lãnh đạo cách mạng; xây dựng và hoàn thiện hệ thống tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong điều kiện đất nước có chiến tranh. Khẳng định vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp lãnh đạo cách mạng; bản lĩnh, tầm cao trí tuệ của Đảng được thể hiện qua các chủ trương, quyết sách, phương thức, nghệ thuật lãnh đạo của Đảng trong từng giai đoạn, bước ngoặt lịch sử, đưa cách mạng vượt qua những khó khăn, thử thách, tiến lên giành thắng lợi.

Hai là, trong một số công trình đã nêu ra những khía cạnh về xây dựng Đảng như nguyên tắc, nội dung, nhiệm vụ, phương thức xây dựng Đảng. Qua đó cũng nêu ra việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng vững mạnh, đảm đương

vai trò lãnh đạo kháng chiến là yếu tố tiên quyết, bảo đảm sự lớn mạnh của toàn Đảng, của các cấp ủy Đảng từ Trung ương đến mỗi địa phương, ngành và trên từng địa bàn, lĩnh vực trong lãnh đạo toàn diện kháng chiến chống Mỹ xâm lược. Trong đó, một số công trình nghiên cứu đã góp phần làm rõ những nội dung của nhiệm vụ xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Ba là, trong nhiều công trình đã phản ánh, ở mỗi giai đoạn kháng chiến, các cấp ủy Đảng đã kịp thời đề ra những chủ trương, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; ngăn ngừa, chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc, tả khuynh, giáo điều, duy ý chí, chủ quan, kiêu ngạo hoặc hoang mang, dao động, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí chiến đấu, co thủ cầu an... nảy sinh trong quá trình kháng chiến, đặc biệt là ở những thời điểm cách mạng gặp khó khăn hoặc có tính chất bước ngoặt. Nhiều cấp ủy địa phương, cơ sở đã phát huy cao độ tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí, khát vọng độc lập, thống nhất trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chú trọng củng cố tổ chức đảng, phát triển cơ sở, đảng viên tại các vùng giải phóng và vùng sau lưng địch; gắn với phát triển với nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng được liên tục, thông suốt, trên mọi mặt trận và địa bàn.

Bốn là, các công trình lịch sử Đảng bộ địa phương, ngành, các nghiên cứu về phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân, các lực lượng vũ trang ở Khu Tây Nam Bộ cũng đã góp phần tái hiện và phản ánh ở những mức độ nhất định về nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ ở các địa phương trên địa bàn từ năm 1961 đến năm 1975. Từ quá trình tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công, các Đảng bộ ở địa phương, đơn vị, ngành luôn bám sát các nguyên tắc xây dựng Đảng, quán triệt và thực hiện nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, chủ trương, đường lối của Đảng; các chủ trương, sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam và của Khu ủy Tây Nam Bộ trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng. Tổ chức Đảng ở các địa bàn cơ sở đóng vai trò là hạt nhân lãnh đạo, tập hợp quần chúng nhân dân quyết định thắng lợi các nhiệm vụ kháng chiến trên địa bàn đi đến thắng lợi.

Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu ngoài nước và trong nước có liên quan, luận án chọn lọc, kế thừa những nội dung sau:

Thứ nhất, kế thừa phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học lịch sử, Lịch sử Đảng, lịch sử xây dựng Đảng; các phương pháp, cách thức tiếp cận, khai thác, phân tích tổng hợp số liệu, các luận cứ, luận điểm khoa học.

Thứ hai, kế thừa từ nguồn tư liệu đã được kiểm chứng. Các công trình nghiên cứu đã cung cấp một khối lượng tài liệu phong phú từ nhiều kênh, nhiều nguồn khác nhau, đa dạng về thể loại, trong đó tư liệu về công tác xây dựng Đảng nói chung và nhiệm vụ xây dựng Đảng trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ nói riêng. Đây là nguồn tư liệu rất quý để luận án tiếp tục kế thừa, chọn lọc, khai thác và sử dụng trong các nghiên cứu của luận án.

Thứ ba, kế thừa những kết quả nghiên cứu từ các công trình khoa học. Việc kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình đã được kiểm chứng, thẩm định là một thuận lợi trong quá trình thực hiện đề tài luận án. Đồng thời từ tổng quan kết quả nghiên cứu, cũng gợi mở những cách tiếp cận mới, mở rộng phong nghiên cứu trên những góc độ, khía cạnh khác nhau về thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Đảng nói chung và ở khu Tây Nam Bộ nói riêng mà các nghiên cứu trước chỉ mới đề cập đến hoặc chưa nghiên cứu.

1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu, làm rõ

Qua việc tổng quan những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài Luận án cho thấy, mặc dù có nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử Đảng, lịch sử công tác xây dựng Đảng hoặc những công trình liên quan đến Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có đề cập đến vị trí, vai trò của công tác xây dựng Đảng, tuy nhiên, nghiên cứu về lịch sử công tác xây dựng Đảng ở khu Tây Nam Bộ vẫn còn nhiều “khoảng trống” cần tiếp tục nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và chuyên sâu, thể hiện ở những vấn đề sau:

Chưa có công trình nào xác định đối tượng nghiên cứu là quá trình Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên địa bàn giai đoạn 1961 - 1975. Chưa có công trình nào nghiên cứu một cách *hệ thống và toàn diện* về quá trình Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng

trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức; những cơ sở, điều kiện chủ quan và khách quan tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ trên địa bàn được phân công phụ trách trong giai đoạn 1961 - 1975; vai trò, sự chủ động, sáng tạo của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ. Cũng chưa có công trình nào tổng kết kinh nghiệm xây dựng Đảng bộ khu Tây Nam Bộ trong quá trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Từ những “khoảng trống” trên, luận án tập trung nghiên cứu và làm rõ các vấn đề sau:

Một là, nghiên cứu các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ giai đoạn 1961 - 1975. Chú trọng khai thác những yếu tố đặc trưng, riêng biệt tác động trực tiếp đến nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ.

Hai là, hệ thống, khái quát những chủ trương của Đảng, mà trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam về xây dựng Đảng; trên cơ sở đó, làm rõ quá trình quán triệt, đề ra chủ trương, nội dung, những kết quả đạt được của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức trên địa bàn được phân công đảm trách giai đoạn 1961 - 1975.

Ba là, làm rõ những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế từ quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ giai đoạn 1961 - 1975.

Bốn là, đúc kết một số kinh nghiệm từ quá trình Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng từ năm 1961 đến năm 1975 - có giá trị vận dụng trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng giai đoạn hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức lãnh đạo cả dân tộc tiến hành kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi đã trở thành một mẫu mực trong lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, mang giá trị của thời đại sâu sắc; khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn, của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời minh định sứ mệnh lãnh đạo cách mạng, sứ mệnh cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với dân tộc Việt Nam.

Từ tổng quan tình hình nghiên cứu các công trình có liên quan đến đề tài Luận án cho thấy, nhiều công trình với nhiều thể loại khác nhau đã quan tâm khai thác ở nhiều khía cạnh, tiếp cận nhiều phương diện nhằm phản ánh các chính sách, các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và VNCH cùng những thách thức, khó khăn của cuộc kháng chiến nói chung và công tác xây dựng Đảng ở miền Nam nói riêng. Một số công trình nghiên cứu về lịch sử Đảng, lịch sử kháng chiến đã trình bày ở mức độ nhất định những chủ trương, giải pháp của các cấp bộ Đảng trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức ở Khu Tây Nam Bộ.

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận án một mặt chọn lọc, kế thừa những kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước; mặt khác xác định những khoảng trống khoa học, những nội dung, vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ với hướng nghiên cứu tập trung vào tái hiện toàn diện và hệ thống quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ từ năm 1961 đến năm 1975; đúc kết một số kinh nghiệm từ quá trình thực hiện, cung cấp thêm những luận cứ khoa học hữu ích cho công tác xây dựng Đảng trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ hiện nay.

Chương 2
ĐẢNG BỘ KHU TÂY NAM BỘ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG (1961 - 1968)

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG CỦA ĐẢNG BỘ KHU TÂY NAM BỘ (1961 - 1968)

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, xã hội và truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân Tây Nam Bộ

Khu Tây Nam Bộ là vùng đất cực Nam của Tổ quốc, như một bán đảo hình chữ V, có mũi Cà Mau là điểm cuối cùng của lãnh thổ trên đất liền. Giai đoạn từ 1961 - 1975, địa bàn Khu Tây Nam Bộ bao gồm các tỉnh: Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ, Rạch Giá (Kiên Giang), Vĩnh Long, Trà Vinh và Châu Hà (thành lập tháng 4-1971, sau 1975 thuộc tỉnh An Giang). Về vị trí địa lý, phần phía Tây, Nam và Đông Nam giáp vịnh Thái Lan và Biển Đông, có chiều dài 578 km; phía Tây giáp hai tỉnh Ta-keo, Kam-pốt của Cam-pua-chia với đường biên giới dài 48 km [30, tr.10]; phía Bắc và Đông Bắc giáp các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang và Bến Tre thuộc Trung Nam Bộ.

Vùng biển Khu Tây Nam Bộ nằm về phía Tây Nam Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng, tiếp giáp với các tuyến hàng hải quan trọng kết nối với các nước châu Á và thế giới; phía Đông giáp Phi-líp-pin; phía Nam và Đông Nam giáp Ma-lai-xi-a, Sin-ga-po, In-đô-nê-xi-a; Tây và Tây Nam giáp Thái Lan và Cam-pu-chia. Vùng nội thủy và lãnh hải có trữ lượng lớn dầu mỏ, khí đốt; có hơn 100 đảo với một số đảo, cụm đảo lớn như: Côn Đảo, Phú Quốc, Nam Du, Hải Tặc, Thổ Chu... có vị trí vai trò quan trọng trong hệ thống phòng thủ quốc gia từ phía Nam và Tây Nam. Nhận thấy tầm quan trọng về vị trí chiến lược của đường biển, khi tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ đã triển khai các đơn vị tàu tuần tiểu khu vực biển phía Tây Nam, triển khai lực lượng quân sự tại các đảo, xây dựng quân cảng Phú Quốc hợp với các quân cảng (căn cứ quân sự thực hiện chức năng tác chiến đường sông và ven biển với các loại tàu cỡ nhỏ hoạt động trên sông, rạch) tại các con sông lớn như Bình Thủy (Cần Thơ), Đại Ngãi (Long Phú, Sóc Trăng), Xẻo Rô (Rạch Giá)... nhằm hỗ trợ các lực lượng mặt đất, phối hợp với các chiến trường khác để triển khai các giải pháp chiến tranh và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc vào miền Nam.

Khu Tây Nam Bộ nằm trọn trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo. Khí hậu chia thành 2 mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 5, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 năm sau, lượng mưa trung bình hằng năm khoảng 1.600 mm. Phần lớn địa hình Tây Nam Bộ tương đối bằng phẳng, riêng khu vực phía Tây có một phần nhỏ diện tích đồi, gò và núi không cao. Rừng (lưng) ở Tây Nam Bộ chủ yếu ngập nước, sinh lầy; từ phía Tây Nam tỉnh Kiên Giang đến bán đảo Cà Mau (U Minh) là rừng tràm và rừng ngập mặn ven biển. Những đặc điểm này không phù hợp với việc sử dụng các loại vũ khí, khí tài hạng nặng và tác chiến quy mô lớn, tuy nhiên lại phù hợp với việc xây dựng các căn cứ địa, xây dựng vùng giải phóng và phát triển chiến tranh du kích.

Hệ thống giao thông bộ ở Khu Tây Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ về cơ bản đã hình thành hệ thống liên thông giữa các tỉnh, ngoài một số tuyến chính được xây dựng từ thời Pháp thuộc và được nâng cấp, nối rộng thêm như tuyến Sài Gòn - Tiền Giang - Vĩnh Long - Cần Thơ - Cà Mau (nay là quốc lộ 1); Vĩnh Long - Trà Vinh..., Cần Thơ - Rạch Giá; Cần Thơ - Lộ Tẻ - Long Xuyên (An Giang). Về đường không, trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, để hỗ trợ cho các lực lượng mặt đất, Mỹ đã xây dựng và khai thác một số sân bay quân sự ở Cần Thơ (Trà Nóc, Bà Đồ), Cà Mau, Rạch Giá (Kiên Giang), Vĩnh Long, Trà Vinh và Cà Mau.

Địa bàn Khu Tây Nam Bộ có hệ thống sông với mật độ dày, ngoài hai con sông lớn như sông Tiền dài 150 km và sông Hậu dài gần 200 km còn có các nhánh sông vùng hạ lưu nối ra biển như: sông Ba Lai (dài 55km), sông Hàm Luông (70km), sông Cổ Chiên (dài 82km). Một số con sông tự nhiên khác có nguồn từ các rạch, chi lưu như: sông Mỹ Thạnh (Sóc Trăng) dài 25km, sông Gành Hào dài 50 km và sông Ông Đốc dài 58 km (Cà Mau); sông Cái Bé dài 80km và sông Cái Lớn dài 60 km từ Cần Thơ qua Long Mỹ (Hậu Giang) và Kiên Giang... Ngoài hệ sông sông tự nhiên, Tây Nam Bộ còn có hệ thống các kênh đào với mật độ dày, nối liền các sông tự nhiên như: kênh Vĩnh Tế thuộc địa phận 2 tỉnh An Giang và Kiên Giang, chạy song song với biên giới Việt Nam - Campuchia; kênh Thoại Hà nối Long Xuyên với Rạch Giá; kênh Xáng Xà No nối Kiên Giang - Hậu Giang - Cần Thơ, kênh Xáng - Cái Côn (Quản Lộ - Phụng Hiệp) nối Ngã Bảy (Hậu Giang) với Sóc Trăng - Bạc Liêu đổ ra sông

Gành Hào, thông với Cà Mau... Hệ thống sông tự nhiên và kênh đào chằng chịt là điều kiện phát triển giao thông thủy. Đây là loại hình giao thông được hình thành từ rất sớm và phổ biến ở Tây Nam Bộ.

Hệ thống sông ngòi dày đặc, chia cắt giữa các địa phương trong khu vực và các địa bàn trong cùng một địa phương nên tạo ra những khó khăn lớn và ít nhiều ảnh hưởng đến công tác thông tin liên lạc, truyền đạt sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương xuống địa phương, cơ sở, đặc biệt là trên địa bàn trực tiếp đối mặt quân xâm lược với hệ thống kìm kẹp gắt gao và đàn áp, khủng bố quyết liệt của đối phương, đặt ra những yêu cầu cao trong quán triệt và thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam, sự bản lĩnh và sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ đối với mỗi cấp ủy đảng và từng cán bộ, đảng viên.

Với lợi thế của một vùng đất phì nhiêu được bồi tụ bởi hai con sông lớn, khí hậu ôn hòa đã tạo cho Khu Tây Nam Bộ trở thành vùng sản xuất lúa gạo quan trọng bậc nhất của Nam Bộ và cả nước, được ví như chiếc “bao tử” nuôi sống chế độ của ngụy quyền Việt Nam cộng hòa. Chính vì vậy, trong chiến tranh, đối phương luôn xác định Khu Tây Nam Bộ là vùng trọng điểm của chính sách “bình định”, kết hợp với việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp khủng bố, đàn áp, thủ tiêu các cơ sở cách mạng và phong trào đấu tranh của Nhân dân nhằm tận thu lương thực, thực phẩm phục vụ chiến tranh.

Khu Tây Nam Bộ là địa bàn cư trú chủ yếu của 3 dân tộc: Kinh, Khmer, Hoa. Người Kinh chiếm đa số và sống ở khắp các tỉnh; người Khmer sống chủ yếu ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng và một bộ phận sống rải rác ở các tỉnh Vĩnh Long, Hậu Giang, Bạc Liêu, Kiên Giang với nghề làm ruộng, rẫy; người Hoa chủ yếu sống ở khu vực đô thị các tỉnh, chủ yếu làm nghề thủ công, buôn bán. Tính đến ngày 1-7-1959, tổng dân số toàn miền Nam là 13.749.300 người, trong đó dân số trên địa bàn khu Tây Nam Bộ là 2.852.800 người, chiếm 20,74% dân số toàn miền Nam [198, tr.1-2]. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Trung ương Cục miền Nam có những điều chỉnh về mặt ranh giới địa bàn các tỉnh và khu vực, đồng thời, những tác động từ cuộc “cải cách điền địa”, lập các “khu dinh điền”, “khu trừ mật” và hệ thống ACL của chế độ VNCH đã làm cho tình hình dân số ở khu Tây Nam Bộ có những biến động nhất định. Đến cuối năm

1972, tổng số dân các tỉnh trên địa bàn Khu (lúc này có thêm tỉnh Châu Hà) có 3.540.000 dân [138, tr.2].

Đồng bào các dân tộc sống trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ theo nhiều tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Ngoài tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, nhân dân thờ các vị Thành Hoàng, Bà Chúa Xứ, những người có công khai hoang, lập ấp và các vị anh hùng trong đấu tranh bảo vệ làng ấp, có công với nước. Các tôn giáo chính: Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu nghĩa, Tịnh độ cư sĩ Phật hội, Tin Lành, Đạo Hồi (dòng Islam). Mặc dù các tôn giáo có hệ thống giáo lý khác nhau và luôn chịu tác động từ chính sách chia rẽ dân tộc, tôn giáo của chủ nghĩa thực dân xâm lược nhưng cộng đồng các dân tộc theo các tôn giáo khác nhau hoặc không theo tôn giáo cùng sinh sống trên địa bàn Tây Nam Bộ luôn đoàn kết, gắn bó.

Là vùng đất được hình thành gắn liền với quá trình khẩn hoang, mở cõi, xác lập và bảo vệ chủ quyền, vì vậy, những giá trị văn hóa Tây Nam Bộ được kết tinh từ những nền tảng giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; tiếp tục được bồi tụ, phát triển trong sự tác động của các điều kiện tự nhiên, xã hội của vùng đồng bằng sông nước; trong sự giao thoa và tiếp biến những giá trị văn hóa tinh hoa của đồng bào các dân tộc để hình thành nên những đặc trưng riêng, song những giá trị cốt lõi là tinh thần yêu nước tiếp tục được phát huy, khẳng định trong quá trình bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ nhất (1858), trước sự bắt lạt của Triều đình phong kiến nhà Nguyễn, nhân dân Tây Nam Bộ đã vùng dậy kháng chiến. Không chịu khuất phục kiếp nô lệ, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, những cuộc khởi nghĩa vũ trang của nhân dân nổ ra liên tiếp và đều khắp các tỉnh miền Tây, tiêu biểu như: Nguyễn Trung Trực ở vùng Rạch Giá - Long Xuyên; Phan Tử Long ở Cà Mau, Nguyễn Tấn Kiêu, Nguyễn Văn Linh ở Vĩnh Long; Đinh Sâm ở Cần Thơ, Trần Văn Thành ở An Giang. Phong trào “tự địa” bất hợp tác đối với thực dân Pháp do các văn thân, sĩ phu khởi xướng và tiếp đó là các phong trào Đông Du đã được đông đảo nhân hưởng ứng. Tất cả những phong trào đó mặc dù thất bại và bị đàn áp đẫm máu nhưng tiếp tục hun đúc thần yêu nước, khẳng định bản lĩnh và khí phách kiên cường, bất khuất của đồng bào các dân tộc Việt Nam ở khu Tây Nam Bộ.

Sau khi Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam và tích cực truyền bá vào trong nước, phong trào đấu tranh, yêu nước trên địa bàn các tỉnh Tây Nam Bộ nhanh chóng chuyển hướng theo khuynh hướng cách mạng vô sản. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, các tổ chức Đảng ở các địa phương cũng lần lượt được thành lập, dẫn dắt phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân phát triển mạnh mẽ hòa cùng với cuộc đấu tranh chung của các địa phương cả nước và góp phần làm nên làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám (1945).

Được thụ hưởng nền độc lập chưa được bao lâu, Nhân dân khu Tây Nam Bộ lại buộc phải bước vào cuộc kháng chiến oanh liệt trước sự xâm lược trở lại của thực dân Pháp. Với một lòng tin theo Đảng, ý chí quyết tâm sắt đá thà hy sinh tất cả để giữ vững nền độc lập của dân tộc, đồng bào các dân tộc ở khu Tây Nam Bộ đã dựng nên bức “thành đồng Tổ quốc” trở thành tuyến đầu trong cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm, cùng cả nước đánh bại sự xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã mở ra một chương mới trong lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ với mưu đồ tạo lập ở miền Nam Việt Nam một tiền đồn “chống Cộng”, đã tiến hành xâm lược, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của chủ nghĩa thực dân mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân trên địa bàn khu Tây Nam Bộ cùng nhân dân miền Nam và cả nước buộc phải tiếp tục tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược mới đầy cam go, thử thách.

Với truyền thống yêu nước, bất khuất, đoàn kết đã được hình thành, tôi luyện từ quá trình khải hoang mở nước, đấu tranh khăng định và bảo vệ chủ quyền là cơ sở quan trọng để các cấp ủy Đảng ở khu Tây Nam Bộ tập hợp lực lượng, xây dựng, phát triển các cơ sở cách mạng; dựa vào thế trận lòng dân để xây dựng và phát triển hệ thống tổ chức Đảng tinh gọn, mạnh về tổ chức, vững về nhận thức, bản lĩnh chính trị, kiên định về lập trường tư tưởng đã trở thành hạt nhân, nòng cốt lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng trên địa bàn, lãnh đạo lực lượng vũ trang và nhân dân toàn toàn Khu từng bước đánh bại các loại hình chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

2.1.2. Bối cảnh và tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng ở khu Tây Nam Bộ trước năm 1961

Theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), thực dân Pháp phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và rút toàn bộ quân đội về nước. Tuy nhiên, đế quốc Mỹ với mưu đồ chia cắt lâu dài miền Nam Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành *tiền đồn chống Cộng* ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đã trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, ráo riết xây dựng lực lượng và chính quyền làm công cụ phục vụ mưu đồ của Mỹ. Từ tháng 6-1954, CIA đã tác động Bảo Đại để Diệm làm Thủ tướng [219, tr.164] và đến ngày 7-7-1954, một chính phủ thân Mỹ đã được thành lập do Ngô Đình Diệm làm thủ tướng kiêm Tổng trưởng quốc phòng. Ngày 23-10-1954, Ngô Đình Diệm đơn phương tổ chức “trung cầu dân ý”; ngày 26-10-1956 tổ chức bầu cử tổng thống, thành lập “chính quyền Việt Nam cộng hòa”.

Trên địa bàn khu Tây Nam Bộ, sau khi thanh trừng các phe phái và các lực lượng đối lập thuộc các giáo phái như Cao Đài, Hoà Hảo, Bình Xuyên..., từ giữa năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm đẩy mạnh chính sách “tố cộng”, “diệt cộng” với quy mô toàn diện, tổ chức có hệ thống, trắng trợn và mức độ ngày càng tàn khốc với mục tiêu chính là thủ tiêu cán bộ (đảng viên cộng sản), tiêu diệt các cơ sở cách mạng, trả thù, bắt bớ những người kháng chiến cũ, con em những người tập kết ra Bắc và gia đình có cảm tình cách mạng.

Trong 02 năm 1957 - 1958, sau khi đàn áp các lực lượng đối lập, chính quyền Ngô Đình Diệm đẩy mạnh chính sách “tố cộng”, “diệt cộng”, thành lập các đoàn tố cộng, diệt cộng xuống các xã, áp thực hiện “tam cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) với dân. Thực chất là dụ dỗ, mua chuộc và ép vợ, con, người thân của cán bộ cách mạng phải làm đơn đòi chồng con, người thân đang tập kết ở miền Bắc; khủng bố, đe dọa; khai thác, sử dụng lực lượng “chiêu hồi” để chỉ điểm để truy tìm, đánh phá các cơ sở cách mạng.

Nhằm siết chặt hệ thống kim kẹp, chính quyền Ngô Đình Diệm rà soát, điều tra dân số, buộc quần chúng phải khai báo hộ khẩu và cấp căn cước công dân. Tổ chức phân loại các hộ dân thành các hạng A, B, C (loại A gồm những đảng viên, người tham gia kháng chiến thuộc loại “cộng sản bất hợp pháp”; loại B là những người có người thân đi tập kết, hoặc là cán bộ, đảng viên bị xếp loại

“công dân bắt hợp pháp” và loại C gồm những loại không dính líu với hai loại trên) [2, tr.90]; kết hợp thực hiện các thủ đoạn chiêu hồi, dụ hàng và khủng bố. Về thực hiện các giải pháp kinh tế, chính quyền Ngô Đình Diệm ráo riết thiết triển khai chính sách “cải cách điền địa”, cướp đoạt ruộng đất để lập các khu quân sự và đẩy Nhân dân vào các “Khu dinh điền”, “Khu trừ mật”. Đến tháng 5-1959, Mỹ - Ngô Đình Diệm đã xây dựng được 17 khu trừ mật với tham vọng “cứ làm, làm mãi, cho đến khi nào nông thôn trở thành những pháo đài kiên cố của tự do” nhằm “tách quần chúng ra khỏi những phần tử cảm tình với cộng sản, lừa cộng sản vào rừng để chúng bị cô độc, thiếu thốn, đói khát rồi bị diệt trừ” [72, tr.936, 937].

Ở các địa phương, chính quyền VNCH sắp xếp lại hệ thống tề ấp, xã; ráo riết bắt lính, xây dựng quân đội riêng. Đến tháng 10-1959 lực lượng quân quân VNCH tại Tây Nam Bộ có 19.920 quân với đầy đủ lực lượng chủ lực, bảo an, dân vệ; gấp rút đào tạo và sử dụng mạng lưới chỉ điểm, ác ôn dày đặc tại các thôn xã, trung bình mỗi xã từ 30 đến 50 tên. Riêng Quận Long Mỹ, bộ máy chính quyền địch ở 15 xã có 1.082 tên, trong đó có 183 ác ôn, chiếm tỷ lệ hơn 16,9%; trong 69 tề xã có 22 tên, tỷ lệ hơn 31%; trong 300 dân vệ có 82 tên, tỷ lệ hơn 27%; trong 408 tề ấp có 28 ác ôn; trong 305 do thám có 51 ác ôn. Năm 1958, ở Phong Dinh (Cần Thơ), trong 201 tề xã có 18 ác ôn, tỷ lệ hơn 8%; trong 952 tề ấp có 52 ác ôn [213, tr.3].

Với sự hỗ trợ từ lực lượng quân sự và hệ thống kìm kẹp, chính quyền Mỹ - Ngô Đình Diệm không ngừng đẩy mạnh chính sách đàn áp, khủng bố với quyết tâm “bình định miền Tây” bằng một kế hoạch đánh phá quy mô, tính chất ác liệt hơn những năm trước. Các điểm ác liệt như Đầm Dơi, Cái Nước, Sông Đốc (Cà Mau), Vị Thanh, An Biên (Rạch Giá), Long Mỹ, Ô Môn (Cần Thơ), vùng duyên Hải Trà Vinh [76, tr.218].

Để đối phó với những thủ đoạn của đối phương, Liên Tỉnh ủy miền Tây đã chỉ đạo bố trí cán bộ, đảng viên ở lại làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh chính trị [76, tr.66]. Đến 1957, hầu hết các tỉnh miền Tây (trừ Trà Vinh) đều có lực lượng vũ trang mang danh nghĩa giáo phái Hòa Hảo chống Mỹ-Diệm [22, tr.338]. Tuy nhiên, do chính sách khủng bố ngày càng khốc liệt của chính quyền Mỹ - Diệm, công tác xây dựng Đảng vô cùng khó khăn. Phần lớn

cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở các địa phương bị bắt, bị sát hại, tổn thất nặng nề. Trong các năm từ 1957 đến 1959, hai tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng có trên hai vạn người bị bắt, chém giết, tù đày, trong đó có 11.270 đảng viên, cán bộ bị sát hại. Vĩnh Long, Trà Vinh có 4.405 người bị giết, 27.500 người bị tù đày. Đến cuối năm 1959, tỉnh Sóc Trăng còn 280 đảng viên. Hệ thống tổ chức Đảng bị vỡ, nhiều cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở “lột xác nhiều lần”, có nơi ít nhất 2 đến 3 lần, nhiều 9 đến 10 lần [68, tr.265].

Mặc dù các cấp bộ đảng đã thực hiện nhiều giải pháp để bảo vệ tổ chức đảng và lực lượng kháng chiến nhưng đến năm 1958, toàn miền Tây chỉ còn 200 chi bộ xã và một số đơn vị vũ trang với 700 đảng viên; 1.500 đảng viên hoạt động đơn tuyến, 2.751 đảng viên được điều, lắng; 2.000 đoàn viên và 10.000 nòng cốt [22, tr.375]. Nhiều cơ sở Đảng đã phải rút vào rừng sâu hoạt động, phong trào lắng xuống, không ít quần chúng hoang mang. Công tác lãnh đạo của Đảng ở những vùng này gặp rất nhiều khó khăn. Sự liên hệ giữa cấp tỉnh, huyện tới chi bộ cơ sở và quần chúng gặp nhiều trở ngại; giao thông gián đoạn, căn cứ luôn bị địch đánh phá [76, tr.220]. Tình trạng khó khăn này còn kéo dài thêm một thời gian nữa, “đến tháng 8-1959 còn khoảng trên 3.000 đảng viên, nhiều chi bộ xã bị đánh rã” [90, tr.2].

Chính sách khủng bố tàn bạo của chính quyền Mỹ - Ngô Đình Diệm đã đẩy xã hội miền Nam nói chung và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn khu Tây Nam Bộ nói riêng vào tình thế ngột ngạt, căng thẳng. Để hạn chế tổn thất, duy trì hoạt động, các cấp ủy Đảng khu Tây Nam Bộ đã có nhiều giải pháp mang tính *tình thế* trước mắt nhằm bảo vệ tổ chức, bảo vệ cán bộ và nhân dân. Tuy nhiên, trong bối cảnh sự khủng bố, đàn áp ngày càng hệ thống, bài bản, khốc liệt của đối phương, nếu ta vẫn giữ phương pháp, hình thức đấu tranh *hòa bình*, dựa trên những cơ sở pháp lý được quy định bởi Hiệp định Giơ-ne-vơ, cách mạng có nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Vận mệnh của cách mạng đã bị đẩy đến lần ranh sinh tử, cách mạng miền Nam nói chung và Tây Nam Bộ nói riêng cần có một giải pháp căn cơ, “cởi nút thắt” để xoay chuyển cục diện, đưa cách mạng vượt qua khó khăn và tiến lên.

Cuối tháng 10-1958, Xứ ủy Nam Bộ tổ chức họp tại Phnôm Pênh (có đại biểu của ba Liên Tỉnh ủy dự), đánh giá về những khó khăn tổn thất của cách

mạng, xác định nguyên nhân chủ yếu của những tổn thất là do “đường lối, chủ trương của Đảng không phù hợp với diễn biến của tình hình miền Nam” [2, tr.147-148]. Hội nghị chủ trương ở những “vùng lõm không hợp pháp” cho quần chúng được phép vũ trang, lập các “làng rừng” để diệt ác, tề điệp.

Từ trung tuần tháng 8-1959, sau khi nhận được điện tóm tắt nội dung cơ bản của Nghị quyết 15, Liên Tỉnh ủy miền Tây đã phổ biến ngay đến Tỉnh ủy Rạch Giá và Cà Mau, trên cơ sở đó, cấp ủy các địa phương đã quyết định chuyển hướng đấu [35, tr.269]. Các cấp ủy Đảng đã chủ động đề ra giải pháp bảo vệ cán bộ, bảo vệ tổ chức và cơ sở cách mạng: củng cố lập trường chính trị, tư tưởng, niềm tin của đội ngũ cán bộ, đảng viên vào sự nghiệp cách mạng; gấp rút chuyển trạng thái hoạt động sang bí mật; bố trí, điều động những cán bộ đã bị lộ hoặc có nguy cơ bị lộ sang các vùng khác; những đảng viên hoạt động trong vùng kìm kẹp, không có khả năng hoạt động, cho tạm thời “lắng” xuống tiếp tục giữ liên lạc. Những đảng viên chưa bị lộ và có điều kiện, khả năng hoạt động bí mật, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng được sắp xếp ở lại, tiếp tục bám sơ sở, bám dân để xây dựng các cơ sở, nòng cốt cách mạng.

Cuối tháng 11-1959, Điện toàn văn Nghị quyết 15 của Trung ương được truyền đến Nam Bộ và được phổ biến, quán triệt đến toàn thể các cấp bộ Đảng. Nghị quyết 15 của Đảng trở thành bước ngoặt quan trọng trong đường lối lãnh đạo của Đảng ở miền Nam. Từ cuối năm 1959, không khí chuẩn bị khởi nghĩa đã lan tỏa khắp các địa phương khu Tây Nam Bộ. Đảng bộ các địa phương đã lãnh đạo lực lượng vũ trang tấn công, tiêu diệt các đồn, bót, hỗ trợ lực lượng chính trị nổi dậy diệt ác, giải tán hệ thống các tề ấp. Đến cuối 1960 toàn khu Tây Nam Bộ đã giải phóng được 159 xã với 200.000 dân; tranh chấp 41 xã với 300.000 dân, còn bị kềm 160 xã với 1.300.000 dân [22; 401].

Trên nền tảng thắng lợi của Đồng khởi, hệ thống tổ chức Đảng các địa phương từng bước được chấp nối, khôi phục. Trong 6 tháng đầu năm 1960, công tác củng cố, phát triển đảng viên, cơ sở đảng toàn Khu đạt nhiều kết quả, khôi phục được 417 chi bộ và 1.600 đảng viên [76, tr.262]. Tính từ tháng 8-1959 đến cuối năm 1960, Đảng bộ miền Tây Nam Bộ phát triển được trên 3.000 đảng viên mới, móc nối 2.751 đảng viên điều lắng, đưa số đảng viên của toàn Đảng bộ lên 7.951 đảng viên với 250 chi bộ xã; tập hợp được hơn nửa triệu quần chúng vào các đoàn thể cách mạng [22, tr.401].

Tháng 1-1961, Hội nghị Liên Tỉnh ủy miền Tây (với sự tham gia của Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh) được triệu tập tại Ấp Bình Minh (xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Rạch Giá) xác định, tiếp tục đẩy mạnh phong trào Đồng khởi, phát động quần chúng đấu tranh chính trị trực diện chống địch kết hợp với hỗ trợ của đấu tranh vũ trang, đòi dân sinh, dân chủ, diệt ác, phá kìm, tiến công binh vận, bao vây gọi hàng, bức rút đồn bốt” đánh địch bằng phương châm “ba mũi giáp công” nhằm mở rộng vùng giải phóng, xây dựng căn cứ cách mạng [76, tr.283-284]. Trên cơ sở đánh giá cục diện lực lượng và những khó khăn sắp tới, Xứ ủy Chi thị cho cấp ủy địa phương về những khả năng và giải pháp trong khai thác mâu thuẫn nội bộ địch trong tổ chức bộ máy của đối phương và tính tất yếu thắng lợi của cách mạng, khẳng định “nếu các cấp Đảng bộ ta đều chuẩn bị sẵn sàng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng về chủ trương và kế hoạch hành động đấu tranh” thì hoàn toàn thúc đẩy phong trào và thắng lợi [9, tr.12].

Từ giữa năm 1961, tại các vùng giải phóng, Mặt trận Dân tộc giải phóng ở các tỉnh lần lượt ra đời, thực hiện chức năng của chính quyền cách mạng, trực tiếp điều hành và quản lý đời sống xã hội. Trong khu giải phóng, Liên Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy địa phương tiếp tục giao ruộng đất cho nông dân, vận động nhân dân tích cực khai hoang, mở rộng diện tích. Các tổ chức cơ sở Đảng từng bước được chấp nối, phục hồi, phát huy vai trò lãnh đạo các tổ chức chính trị xã hội và các đoàn thể cách mạng.

Vượt qua thời kỳ khủng bố trắng của chính quyền Mỹ - Ngô Đình Diệm, Liên Tỉnh ủy miền Tây đã từng bước tổ chức lại lực lượng, chấp hành chủ trương của Đảng, kịp thời chuyển hướng chỉ đạo, đưa phong trào cách mạng của nhân dân Khu Tây Nam Bộ tiến lên giành thế chủ động tiến công. Sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam, những chuyển biến của tình hình ở Tây Nam Bộ đặt ra yêu cầu mới trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân Tây Nam Bộ hòa nhịp với cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam.

2.1.3. Tây Nam Bộ trong bối cảnh đế quốc Mỹ triển khai các chiến lược “chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) và “chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968)

Nhằm cứu vãn nguy cơ sụp đổ của hệ thống chính quyền tay sai, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, thực thi chiến lược toàn cầu mới “Phản ứng linh hoạt” và triển khai tại miền Nam Việt Nam chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

Trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ, Mỹ thiết lập hàng rào an ninh dọc biên giới Việt Nam - Campuchia và phong toả đường biển nhằm cắt đứt liên lạc, tăng viện của hậu phương miền Bắc cho chiến trường Tây Nam Bộ, cô lập lực lượng kháng chiến. Chính quyền VNCH đẩy mạnh bắt lính, đôn quân; sắp xếp lại các vùng và khu chiến thuật; tăng cường lực lượng cho các tiểu khu, chi khu, đẩy mạnh xây dựng hệ thống đồn bót. Ngày 13-4-1961, Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh giải tán các quân khu, chia toàn bộ miền Nam Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào thành 3 vùng chiến thuật, dưới vùng chiến thuật là các khu chiến thuật. Nam Bộ là vùng 3 chiến thuật, gồm 3 khu chiến thuật và biệt khu thủ đô. Địa bàn Tây Nam Bộ là khu chiến thuật 33, thuộc vùng 3 chiến thuật. Đối với cấp tỉnh, chính quyền VNCH “gấp rút chuyển từ tỉnh dân sự thành các tiểu khu quân sự, thống nhất bộ máy chính quyền, quân đội do tên tỉnh trưởng làm trưởng tiểu khu chỉ huy, có hai tỉnh phó phụ trách quân sự và dân sự” [87, tr.5]. Cấp huyện được chuyển thành các chi khu, thống nhất dưới quyền điều khiển của người phụ trách quân sự. Nâng cấp, xây dựng các kho tàng, bến cảng, sân bay dã chiến. Lập các cơ quan do thám, tung gián điệp, mật vụ, an ninh quân đội, công dân vụ, tâm lý chiến, chiêu hồi về các vùng nông thôn để nắm tình hình, kết hợp tăng cường lực lượng chủ lực tiến hành các giải pháp “bình định nông thôn” nhằm thực hiện hai mục tiêu: càn quét, tiêu diệt lực lượng cách mạng và gom dân để lập ACL. Tháng 2-1962, chính quyền VNCH xây dựng ấp Phước Ngươn (Phước Hậu, Châu Thành, Vĩnh Long) là nơi thí điểm ACL rồi phát triển ra các tỉnh. Trong 2 năm 1962 - 1963, Mỹ và chính quyền VNCH đã lập 1.581 ấp chiến lược trên tổng số 3.051 ấp dự kiến, trong đó, Vĩnh Long, Trà Vinh: 535 ấp; Cần Thơ, Sóc Trăng: 813 ấp; Rạch Giá 103 ấp; Cà Mau 130 ấp [22, tr.427].

Từ cuối năm 1963, với những thắng lợi liên tiếp của quân và dân miền Nam trên khắp các mặt trận đã đẩy chính quyền VNCH vào bước đường khủng hoảng và suy yếu, kéo theo sự thất bại của “chiến tranh đặc biệt”. Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của chính quyền tay sai, từ cuối năm 1964, Mỹ đã từng bước tăng viện trợ chiến tranh, đồng thời đưa một số lực lượng lính đánh thuê tham chiến tại chiến trường miền Nam. Đầu năm 1965, đế quốc Mỹ chính thức triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, ồ ạt đưa quân viễn chinh và quân đồng

minh Mỹ cùng vũ khí và phương tiện chiến tranh trực tiếp tham chiến tại miền Nam Việt Nam, đồng thời mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc bằng không quân và hải quân với quyết tâm thực hiện “mục tiêu rõ rệt, không lay chuyển của Tổng thống Mỹ Johnson lúc này là bằng bất cứ mọi giá, phải chiến thắng” [221, tr.151-153]. Ngày 9-3-1964, chính quyền VNCH ban hành Sắc lệnh giải tán Ủy ban liên bộ đặc trách ACL và Ủy ban đặc trách ACL, khu chiến thuật; thay tên gọi ACL bằng “ấp tân sinh”, lập Tổng nha tân sinh nông thôn làm công việc của ACL cũ, thực hiện các chiêu bài lừa bịp, mị dân, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, kêu gọi “chiêu hồi” nhằm hỗ trợ cho quá trình xây dựng các ấp tân sinh. Cũng trong năm 1964, nhằm tăng cường khống chế các lực lượng cách mạng, chính quyền VNCH tiếp tục điều chỉnh các vùng và khu chiến thuật, toàn bộ các tỉnh thuộc Khu Tây Nam Bộ thuộc vùng 4 chiến thuật, đặt Bộ chỉ huy tại Cần Thơ.

Từ giữa năm 1965, Mỹ bắt đầu triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, tiếp tục xây dựng và nâng cấp các sân bay mới ở Cần Thơ, Sóc Trăng, Vĩnh Long; triển khai các căn cứ hải quân ở An Thới (Phú Quốc), Nam Căn (Cà Mau), Bình Thủy (Cần Thơ); điều 2 hải đoàn kết hợp hải quân vùng 4 chiến thuật đẩy mạnh hoạt động trên sông và khống chế đường biển; kiên cố hóa hệ thống các chi khu, đồn, bốt quân sự, triển khai và sử dụng những loại vũ khí, phương tiện chiến tranh mới như B52, bom hạng nặng, chất độc hoá học; rải chất độc xuống khu vực U Minh, các vùng nghi có khu căn cứ kháng chiến, rải bom xuống các khu vực dân cư nhằm “tát dân” ra khỏi vùng căn cứ, vùng giải phóng; tăng cường phương tiện, vũ khí và lực lượng cho quân chủ lực Sài Gòn, bổ sung cố vấn và sĩ quan chỉ huy Mỹ, đẩy mạnh càn quét và bình định; lập thêm các căn cứ ở những trọng điểm chiến lược nhằm chia cắt chiến trường, đàn áp phong trào cách mạng, cô lập, tấn công các khu căn cứ kháng chiến; đẩy mạnh hoạt động chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, kêu gọi chiêu hồi, chiêu hàng; lập các khu định cư “tị nạn cộng sản” ở các thị xã, thị trấn ven trục lộ giao thông để tiếp nhận chiêu hồi, chiêu hàng; đẩy mạnh thực hiện chính sách dụ dỗ, mua chuộc và cưỡng ép nhân dân vào “ấp tân sinh”... nhằm tách quần chúng khỏi cách mạng và xây dựng cơ sở chính trị, giành quyền kiểm soát toàn diện khu vực nông thôn.

Từ nửa cuối 1965 lực lượng quân VNCH bắt đầu đẩy mạnh phản kích bằng các cuộc hành quân càn quét hòng mở rộng phạm vi chiếm đóng và hỗ trợ cho việc thành lập các “ấp tân sinh”. Đến cuối năm 1966, mặc dù tốc độ và số lượng có sụt hơn so với năm 1965 nhưng đối phương vẫn cầm được 750 đồn; lập được 510 ấp tân sinh (tăng 50 ấp so với năm 1966). Các giải pháp càn quét được hỗ trợ đắc lực của cơ giới, các loại phương tiện, khí tài hiện đại và rải chất độc hóa học [22, tr.537]. Những thay đổi về chiến lược cùng những giải pháp về chính trị và quân sự của đối phương bước đầu đã gây ra những khó khăn lớn cho cách mạng, cũng như thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng ở Khu Tây Nam Bộ.

2.1.4. Chủ trương của Trung ương Đảng, của Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam về xây dựng Đảng (1961 - 1968)

Ngày 24-1-1961, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam. Về thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, Bộ Chính trị chỉ rõ phải nắm vững đường lối giai cấp, nguyên tắc bí mật trong xây dựng Đảng, cần chọn một số đảng viên có điều kiện đưa về các vùng cơ sở còn yếu để từng bước gây dựng cơ sở; tăng cường công tác tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; khắc phục tư tưởng nôn nóng, phiêu lưu mạo hiểm không thấy tính chất khó khăn, phức tạp lâu dài trên bước đường cách mạng, “đảm bảo sự đoàn kết nhất trí từ trên xuống dưới, thông suốt đường lối, chủ trương, quyết tâm khắc phục khó khăn, vững lòng tin tưởng, đưa cách mạng đến toàn thắng” [425, tr.168-169].

Ngày 12-7-1961, Xứ ủy Nam Bộ ra Chỉ thị “Một số vấn đề thuộc công tác tuyên truyền giáo dục trước mắt”. Trên cơ sở vạch trần những luận điệu, thủ đoạn tuyên truyền của địch và những kết quả cùng ưu điểm trong công tác tuyên truyền của ta, Xứ ủy cũng chỉ ra những hạn chế, thiếu sót như: công tác tuyên truyền chưa thật sát hoàn cảnh từng vùng; thiếu chiều sâu; phạm bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chủ quan, nóng vội. Trên cơ sở đó, Xứ ủy xác định nhiệm vụ của công tác tuyên truyền giáo dục, định hướng công tác tư tưởng phải động viên được mọi tầng lớp, giai cấp, mọi giới, mọi dân tộc ở khắp các vùng kiên quyết đứng lên giữ vững các thắng lợi đã đạt được, bẻ gãy âm mưu bắt lính, đôn quân, khủng bố quân sự, tung gián điệp phá hoại và kìm kẹp của địch ở nông thôn. Phát động lòng căm thù trong nhân dân đối với những âm mưu, hành

động can thiệp của đế quốc Mỹ, tội ác của Mỹ - Diệm. Vạch trần những thủ đoạn chia rẽ, ly gián của địch, tuyên truyền, vận động nhân dân đoàn kết thành một khối vững chắc trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Cán bộ, đảng viên, quân và dân cần nhận rõ cuộc đấu tranh còn khó khăn, lâu dài, không nôn nóng, tự mãn với những thắng lợi đã giành được. Đề cao vai trò, uy thế của Mặt trận giải phóng và tính chất hợp pháp của chính quyền cách mạng, đồng thời xác định đúng nội dung, nhiệm vụ, phương châm công tác tuyên truyền đối với từng vùng [9, tr.109].

Cũng trong tháng 7-1961, Xứ ủy Nam Bộ ra Chỉ thị về “Nhận thức đúng tương quan lực lượng và tính chất của giai đoạn hiện nay và mau kịp thời khắc phục những nhận thức, tư tưởng, tác phong lệch lạc để đảm bảo đưa phong trào tiến lên rộng mạnh và vững chắc”, chỉ rõ: một mặt phải chống tư tưởng hữu khuynh, co thủ, nhưng phải kịp thời ngăn chặn tư tưởng chủ quan, nôn nóng, cục bộ, phiến diện; đề cao tác phong tích cực, khẩn trương, mạnh dạn trong mọi mặt công tác nhưng phải kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu, mệnh lệnh, hời hợt, thoát ly quần chúng; đánh giá đúng tương quan lực lượng ta, địch, nhận thức đúng tính chất giai đoạn cách mạng hiện tại và tăng cường công tác tư tưởng trong Đảng bộ [9, tr.175].

Sau khi Trung ương Cục miền Nam được thành lập thay thế Xứ ủy Nam Bộ trực tiếp chỉ đạo cách mạng miền Nam, ngày 10-10-1961, Hội nghị lần thứ nhất (mở rộng) Trung ương Cục miền Nam đã được triệu tập. Nghị quyết *Về phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam, nhiệm vụ trước mắt và các công tác cụ thể* [9, tr.446] xác định nhiệm vụ công tác trước mắt và đề ra 10 công tác cụ thể trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng. Trong đó, công tác tuyên văn giáo phải nắm vững yêu cầu, dựa trên quan điểm, đường lối của Đảng, phương châm “tuyên truyền phải sắc bén, kịp thời, linh hoạt, sát thực, cụ thể và liên tục” [9, tr.515]; công tác xây dựng củng cố, phát triển Đảng có ý nghĩa quyết định, vì vậy, mạnh dạn phát triển đảng nhưng phải bảo đảm chất lượng, xây dựng chi bộ theo hướng có năng lực tự động công tác, đề bạt cán bộ phải chú trọng đến phẩm chất, tác phong, tăng cường đoàn kết trong Đảng gắn liền với hiệu quả công tác giáo dục chính trị và chất lượng hệ thống trường Đảng. [9, tr.517-520].

Ngày 1-1-1962, *Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam* công khai tuyên bố cương lĩnh hoạt động, khẳng định sứ mệnh kế tục sự nghiệp lịch sử vẻ vang của các Đảng cách mạng tiền bối và kêu gọi “Toàn thể đảng viên đem hết nhiệt tình cách mạng, hết lòng phục vụ nhân dân để thực hiện cương lĩnh của Đảng và chương trình hành động của Mặt trận, ra sức khắc phục khó khăn, không quản hy sinh gian khổ, dũng cảm tiến lên dưới ngọn cờ của Đảng” [76, tr.343-345].

Trước những chuyển biến nhanh chóng của tình hình khi Mỹ ráo riết triển khai kế hoạch Stalây - Taylo, ngày 14-1-1962, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị số 10/CTR về *Mấy đặc điểm trong âm mưu địch hiện nay và yêu cầu đối phó của ta* yêu cầu các Tỉnh ủy, Huyện ủy ở các vùng còn bị kìm kẹp cần tăng cường theo dõi chỉ đạo, rút kinh nghiệm vận dụng phương châm xây dựng cơ sở và đấu tranh cho phù hợp từng vùng [9, tr.677]. Để đối phó những thủ đoạn mới của đối phương, ngày 10-2-1962 Trung ương Cục ra Chỉ thị số 12/CTR về việc *Cần đi sâu hơn nữa về âm mưu, thủ đoạn của địch và cách đối phó của ta* (Bổ sung Chỉ thị số 10/CTR ngày 14-1-1962) [9, tr.693] chỉ đạo: trước sự thay đổi của tình hình và những thủ đoạn của đối phương, “các cấp ủy cần nghiên cứu lại toàn bộ để vận dụng cho thích hợp. Đặc biệt, về chính trị, tư tưởng, Chỉ thị yêu cầu “Trong việc thi hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng cần phải luôn luôn chú ý nâng cao nhận thức tư tưởng của toàn thể đảng bộ và đảng viên”; chống tư tưởng hữu khuynh co mình đánh giá cao lực lượng địch, đánh giá thấp lực lượng ta; đồng thời phải chống tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác...; xây dựng tư tưởng lâu dài, bền bỉ đấu tranh kiên cường, tin tưởng ở thắng lợi” [9, tr.713, 715].

Cuối tháng 2-1962, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về *công tác cách mạng miền Nam*. Nghị quyết lưu ý vấn đề “hết sức chú trọng công tác giáo dục huấn luyện trong Đảng, nâng cao trình độ hiểu biết, trình độ tư tưởng và lập trường, ý thức tổ chức và kỷ luật... Cần bảo đảm việc phổ biến tốt và bí mật đường lối, chủ trương của Đảng và phương châm hoạt động để toàn Đảng nhất trí và quán triệt, tạo thành sức mạnh của phong trào” [46, tr.162].

Trên cơ sở chỉ đạo của Bộ Chính trị, ngày 19-8-1962, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị *Về việc củng cố chi bộ* [9, tr.881]. Vấn đề củng cố cần tập trung giải quyết 3 vấn đề mấu chốt với 7 biện pháp cụ thể, đồng thời lưu ý một

số vấn đề: đối với cán bộ được cử đi củng cố chi bộ phải xác định đúng mục tiêu, nhiệm vụ bản thân; về xây dựng kế hoạch củng cố phải tiến hành từng bước; việc củng cố phải tiến hành thường xuyên; cần có thí điểm để rút kinh nghiệm, đồng thời cấp ủy cấp trên chi bộ cũng cần cải tiến lề lối, phương pháp làm việc, sâu sát, tránh thủ tục hình thức, tránh dồn việc cho cấp xã.

“Báo cáo của Trung ương Cục miền Nam” tháng 12-1962, về *Công tác xây dựng Đảng* tiếp tục điểm lại những thành tích quan trọng trong công tác xây dựng, củng cố Đảng, đồng thời phân tích rõ “những nhược điểm khuyết điểm cần ra sức khắc phục” như: cơ sở đảng phát triển chưa thật rộng mạnh và đều khắp các vùng, việc phát triển chưa theo đúng nguyên tắc, thủ tục, thiếu thẩm tra kỹ lưỡng; phát triển chưa đi đôi với củng cố; cấp ủy có được tăng cường nhưng có những nơi số lượng vẫn còn ít, trình độ lý luận còn non; trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch nhiều nơi chưa chặt chẽ và linh hoạt... hiện tượng ngán ngại Mỹ can thiệp vũ trang, ngán lâu dài gian khổ xuất hiện, tác phong quan liêu, mệnh lệnh cũng khá phổ biến. Trên cơ sở đó, Trung ương Cục chỉ ra 4 nhóm nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng, đồng thời đề ra 8 mặt công tác để cụ thể hóa 4 nhiệm vụ xây dựng Đảng gồm: phát triển Đảng; củng cố chi bộ; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy; công tác cán bộ; giáo dục đảng viên và công tác cán bộ; xử lý đảng viên và cán bộ bị địch bắt thả ra; vấn đề phòng gian, bảo mật trong Đảng và đối với Đoàn Thanh niên lao động. [9, tr.1065].

Cuối năm 1963, để nâng cao chất lượng công tác phát triển Đảng, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ban hành Quy định về điều kiện phẩm chất chính trị và lý lịch người xin vào Đảng và giải thích thủ tục kết nạp Đảng, trong đó nhấn mạnh việc kết nạp đảng viên phải đáp ứng tất cả các điều kiện, tiêu chuẩn về phẩm chất và bảo đảm thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục [10, tr.872].

Đầu tháng 6-1964, Bộ Chính trị ra chỉ thị chỉ đạo về phương hướng, nhiệm vụ của các chiến trường tiến lên đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Bộ Chính trị chỉ đạo cần phải tăng cường công tác cán bộ, trong đó tăng cường cán bộ chủ chốt có năng lực quản lý để giúp Trung ương Cục miền Nam và các Khu ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Đối với lãnh đạo công tác Mặt trận, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam lưu ý các

cấp ủy phải tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên; cần kiện toàn tổ chức để các cấp ủy nghiên cứu và chỉ đạo công tác mặt trận từ cấp tỉnh đến cấp xã [11, tr.284].

Ngày 17-9-1964, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị *Về việc mở hội nghị bầu cử dân chủ kiện toàn các cấp ủy đảng*. Theo đó, đối với những nơi có điều kiện, Đảng bộ, chi bộ cần tổ chức Hội nghị bầu cử theo đúng Điều lệ Đảng nhằm bảo đảm tính dân chủ, đoàn kết. Hướng dẫn về quy trình, cách thức tổ chức bầu cử các cấp (ở các vùng ta làm chủ, tranh chấp, tạm chiếm) và lưu ý một số vấn đề đối với cấp ủy chi bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiện toàn tổ chức [11, tr.371-375].

Trước những chuyển biến nhanh chóng của tình hình, tháng 1-1965, Trung ương Cục miền Nam tổ chức Hội nghị lần thứ ba, ban hành Nghị quyết số 2/NQ *Về tình hình cách mạng miền Nam năm 1964 và nhiệm vụ trước mắt của ta*, trên cơ sở phân tích những điểm lớn của tình hình thế giới có tác động trực tiếp đến cách mạng Việt Nam và những điểm chính tình hình cách mạng miền Nam trong năm 1964. Nghị quyết nhận định “nhiều nhân tố mới, nhiều điều kiện mới đã xuất hiện báo hiệu một thời kỳ cách mạng mới rộng rãi hơn, sôi nổi, quyết liệt hơn đã bắt đầu” [11, tr.551]. Trung ương Cục cũng nhấn mạnh công tác củng cố chi bộ, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; chuẩn bị tư tưởng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân để có thể chủ động tấn công địch mọi lúc, mọi nơi, quyết giành thắng lợi; công tác tổ chức gắn liền với công tác cán bộ, cải tiến sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng.

Ngày 31-12-1965, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Về tình hình cách mạng miền Nam; ý kiến chỉ đạo về công tác tư tưởng* chỉ ra một số hạn chế, khuyết điểm về tư tưởng như: bảo thủ, thỏa mãn; dàn đều phân tán không tập trung; cục bộ địa phương bản vị; dao động và chập chờn giữa cách mạng lâu dài và xóc tới tận dụng thời cơ. Trung ương Cục yêu cầu các cấp ủy, cán bộ của Đảng phải phát huy hết tài năng sáng kiến trong tổ chức và lãnh đạo, nhấn mạnh “Trong lúc này, chúng ta phải lấy cái quả quyết thắng cái do dự, lấy cái vững vàng thắng cái dao động, lấy cái khấn trương thắng cái lè mè, lấy đầu óc suy tính thực tế thắng cái ảo tưởng, lấy cái linh hoạt thắng cái cứng nhắc, lấy cái tập trung thắng cái dàn đều” [11, tr.927]. Từng cấp ủy phải

thường xuyên rà soát lại nhận thức, soát lại tư tưởng và tác phong chỉ đạo của mình, soát lại nhận thức tư tưởng của từng ngành, từng cán bộ để nắm thật chắc yêu cầu của lãnh đạo.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ tư, tháng 3 năm 1966 về *Đánh giá tình hình cách mạng miền Nam năm 1965, phương hướng, nhiệm vụ sắp tới và một số nhiệm vụ của cách mạng miền Nam*, chủ trương phải tăng cường công tác xây dựng Đảng, để Đảng đủ sức hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang là lãnh đạo toàn dân đánh bại kẻ thù mạnh nhất và nguy hiểm nhất là đế quốc Mỹ xâm lược. Nghị quyết Trung ương Cục khẳng định

“Xây dựng Đảng phải gắn chặt với nhiệm vụ chính trị của Đảng, với nhu cầu của tình thế mới, phải xây dựng cả hai mặt tư tưởng và tổ chức để bảo đảm giữ vững sự nhất trí về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng; trong hai mặt đó phải lấy việc xây dựng Đảng về tư tưởng làm chủ yếu. Trong công tác tư tưởng, ngoài việc chống tư tưởng ngán ngại gian khổ, ngại hy sinh, ngán ngại lâu dài, thiếu khẩn trương... cần chú ý đến xây dựng củng cố lập trường giai cấp, tác phong sâu sát, chống quan liêu mệnh lệnh, lơ là; xây dựng lề lối làm việc dân chủ, chống cá nhân, cục bộ. Công tác tổ chức phải tập trung vào phát triển đảng viên mới gắn với ra sức củng cố chi bộ, làm cho cơ sở đảng được ăn sâu, bám chắc trong quần chúng; bảo đảm thực hiện tốt chính sách cán bộ; tăng cường phòng gian, bảo mật, bảo vệ nội bộ Đảng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng [12, tr.106].

Ngày 18-8-1966, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam tiếp tục ra Chỉ thị *Về kiện toàn chi bộ Đảng ở xã giải phóng và tranh chấp mạnh tiến tới tự động công tác* [12, tr.218]. Chỉ thị khẳng định củng cố chi bộ cơ sở thôn, xã “là một khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng”, tập trung giải quyết vấn đề xây dựng *chi bộ tự động công tác* là một vấn đề bức thiết để đẩy mạnh các hoạt động chống Mỹ, cứu nước. Chi bộ phải nắm chắc tình hình, nắm vững nhiệm vụ và trình độ hiểu biết, cải tiến công tác xây dựng nội bộ, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, phát triển đảng viên mới gắn với củng cố chi bộ để tăng cường sức mạnh và hiệu lực chiến đấu cho chi bộ độc lập công tác ở xã, ấp.

Tháng 10-1967, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị *Về tăng cường giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng trong Đảng*. Trên cơ sở nhận xét về đội ngũ cán bộ, đảng viên ở miền Nam, Thường vụ Trung ương Cục đặt ra bốn nội dung, phương hướng: làm cho các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thông suốt trong toàn thể cán bộ đảng viên và sát với yêu cầu thực tế địa phương; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình từ tổ đảng, chi bộ đến các cấp ủy; tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng [12, tr.947].

Nhằm chuẩn bị cho công tác lãnh đạo “Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa” vào dịp Tết Mậu Thân 1968, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị yêu cầu các cấp khu, tỉnh phải “khẩn cấp củng cố chi bộ, làm chi chi bộ thấu triệt tình hình và nhiệm vụ chuyển biến mạnh về tư tưởng và tác phong... làm cho đảng viên xóc tới đúng với nhiệm vụ tiên phong gương mẫu, làm cho quần chúng dám xông lên hành động cách mạng mạnh mẽ” [11, tr.16]. Tháng 3-1968, Trung ương Cục miền Nam tiếp tục ra Chỉ thị về *Kiểm điểm việc chấp hành Nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị*, yêu cầu phải gấp rút tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nhất là chi bộ phải khẩn trương cải tiến nền nếp lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo chỉ huy. Phải bảo đảm cho “từng cán bộ, đảng viên biết rõ vị trí, nhiệm vụ của mình trong chiến đấu, khởi nghĩa, sản xuất, công tác” [11, tr.255].

Sau những hoạt động của tổng công kích, tổng khởi nghĩa đợt 2, nhằm củng cố lập trường tư tưởng của cán bộ, đảng viên, khắc phục hạn chế, khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam tiếp tục ra Chỉ thị về *Khẩn trương tiến hành chỉnh huấn trong toàn Đảng, củng cố quyết tâm sắt đá, xóc tới hoàn thành quyết tâm chiến lược của Trung ương và Trung ương Cục miền Nam*. Chỉ rõ sự cần thiết phải tiến hành chỉnh huấn; nội dung, yêu cầu; cách thức chỉnh huấn và vấn đề lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với chỉnh huấn. Công tác chỉnh huấn, tự phê bình phải được tiến hành nghiêm túc, thông suốt, chu đáo, tuyệt đối tránh sự xao nhãng, xem nhẹ, qua loa ở tất cả các cấp bộ đảng, từng ủy viên cấp khu đến cán bộ, đảng viên ở các chi bộ [13, tr.495, 505].

Giai đoạn 1961 - 1968 là giai đoạn vô cùng khó khăn của cách mạng miền Nam khi phải đối đầu liên tiếp với hai loại hình chiến tranh xâm lược thực

dân kiều mới của đế quốc Mỹ: “chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) và “chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968), đặt ra những thách thức rất lớn và những yêu cầu mới trong lãnh đạo, tổ chức chỉ đạo kháng chiến ở miền Nam. Sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đảng mà trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam đã giúp cho các cấp Đảng bộ ở miền Nam trong đó có Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thắng lợi thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng - yếu tố then chốt và là hạt nhân đặc biệt quan trọng quyết định thắng lợi của cách mạng trên địa bàn.

2.2. ĐẢNG BỘ KHU TÂY NAM BỘ ĐƯỢC THÀNH LẬP, THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG (1961 - 1968)

2.2.1. Thành lập Đảng bộ khu Tây Nam Bộ

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết. Theo quy định của Hiệp định, các bên liên quan có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tiến tới hiệp thương, tổng tuyển cử, thống nhất đất nước. Xuất phát từ tình hình thực tiễn miền Nam Việt Nam, Trung ương Đảng quyết định lập lại Xứ ủy Nam Bộ. Tháng 10 - 1954, Hội nghị thành lập Xứ ủy Nam Bộ đã quyết định chia Nam Bộ thành 3 Liên Tỉnh ủy (miền Trung, Miền Đông, Miền Tây) và Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Đầu năm 1955, Liên Tỉnh ủy miền Tây được thành lập. Liên Tỉnh ủy miền Tây là bộ phận cấp ủy (Ban Chấp hành) của Đảng bộ miền Tây chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Xứ ủy Nam Bộ, gồm 01 chức danh Bí thư, 01 chức danh Phó Bí thư và các ủy viên phụ trách lãnh đạo các ban, ngành thực hiện các nhiệm vụ của công tác Đảng và lãnh đạo kháng chiến trên địa bàn được phân công phụ trách. Về vị trí, Liên Tỉnh ủy là một *cấp ủy trung gian* giữa Xứ ủy Nam Bộ và các Tỉnh ủy; về vai trò, Liên Tỉnh ủy là cấp thừa hành của Xứ ủy Nam Bộ, thực hiện việc truyền đạt các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Xứ ủy đến các Tỉnh ủy và lãnh đạo, đôn đốc triển khai thực hiện, đồng thời phản ánh những kiến nghị của các Tỉnh ủy đến Xứ ủy về những vấn đề liên quan đến công tác Đảng và lãnh đạo kháng chiến ở các địa phương.

Hoạt động trong hoàn cảnh đế quốc Mỹ ngang nhiên xé bỏ mọi quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ, biến miền Nam thành thuộc địa kiều mới, đàn áp cách mạng, khủng bố trắng và thủ tiêu cán bộ, đảng viên... cách mạng miền Nam vào tình thế vô cùng khó khăn. Liên Tỉnh ủy miền Tây luôn bám sát chủ trương,

đường lối của Đảng, nắm vững các nguyên tắc xây dựng Đảng và sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy Nam Bộ, vận dụng sáng tạo quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng để làm tốt nhiệm vụ của mình, từng bước đưa cách mạng trên địa bàn vượt qua khó khăn, lãnh đạo Nhân dân miền Tây Nam Bộ cùng quân và dân toàn miền Nam tiến hành *Đồng khởi* thắng lợi, góp phần xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam.

Như vậy, với việc lập Xứ ủy, các Liên Tỉnh ủy, từ tháng 10-1954 hệ thống tổ chức Đảng ở miền Nam gồm 5 cấp: cấp Xứ (Xứ ủy Nam Bộ); Liên khu ủy/Khu ủy/Liên Tỉnh ủy; Tỉnh ủy/Thành ủy; Huyện ủy/Thị ủy và Xã ủy (Chi ủy).

Tuy nhiên, trong điều kiện đế quốc Mỹ đã thay đổi chiến lược, đẩy mạnh triển khai các giải pháp *chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới* bằng loại hình “chiến tranh đặc biệt” (một bộ phận quan trọng trong chiến lược toàn cầu “phản ứng linh hoạt” của đế quốc Mỹ) với thủ đoạn và hành động ngày càng tinh vi, cùng với các hoạt động đàn áp, khủng bố khốc liệt... đặt ra những yêu cầu mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng. Vấn đề hết sức bức thiết đặt ra lúc này là phải xây dựng hệ thống tổ chức Đảng ngang tầm nhiệm vụ, đủ sức đảm đương và hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lãnh đạo của Đảng trên địa bàn trực tiếp đối mặt với quân xâm lược.

Về mặt chủ trương chiến lược của Đảng, để bảo đảm thắng lợi của cách mạng, vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải nâng cao hơn nữa sức chiến đấu của toàn Đảng, phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trên mọi mặt công tác. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960) của Đảng chủ trương thành lập Trung ương Cục miền Nam, trực tiếp lãnh đạo kháng chiến ở miền Nam. Căn cứ vào Điều 24, Điều lệ Đảng (sửa đổi) do Đại hội thông qua: “Ban Chấp hành Trung ương có thể cử ra một số ủy viên trung ương thành lập Trung ương Cục phụ trách chỉ đạo công tác Đảng ở những đảng bộ đặc biệt trọng yếu...” [44, tr.797], ngày 23-1-1961, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, để phù hợp với yêu cầu bố trí chiến trường và tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ quan lãnh đạo các cấp ở miền Nam, đồng

thời chuẩn bị cho *Đảng nhân dân cách mạng miền Nam* ra hoạt động công khai, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập các Khu ủy thay thế cho các Liên Tỉnh ủy, theo đó, ngày 7-7-1961, *Khu uỷ Tây Nam Bộ được thành lập* thay thế cho Liên Tỉnh ủy miền Tây trực tiếp lãnh đạo kháng chiến ở các tỉnh thuộc địa bàn khu Tây Nam Bộ. Khu ủy Tây Nam Bộ là cơ quan cấp ủy cấp Khu đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam [35, tr.310].

Thành phần, nhân sự Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khu (Khu ủy viên) do Trung ương Cục miền Nam chỉ định, số lượng gồm 10 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ gồm 4 đồng chí: Nguyễn Thành Thơ - Bí thư; Trần Văn Bình - Phó Bí thư; 2 ủy viên Ban Thường vụ là Lâm Văn Thê và Vũ Đình Liệu; 6 Khu uỷ viên gồm: Trần Văn Long (Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh), Phan Công Cương (Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ), Nguyễn Việt Châu (Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long), Dương Minh Cảnh (Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng), Phan Ngọc Sến (Bí thư Tỉnh ủy Cà Mau) và La Lâm Gia (Phó Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh). Các đồng chí Khu ủy viên vừa đảm nhiệm lãnh đạo ở các địa phương, vừa được phân công phụ trách từng lĩnh vực: Nguyễn Thành Thơ phụ trách chung; Trần Văn Long phụ trách các hoạt động quân sự; La Lâm Gia phụ trách các lực lượng vũ trang địa phương; Phan Công Cương phụ trách Tổ chức; Lâm Văn Thê phụ trách an ninh.

Với việc lập Khu ủy cùng cơ cấu tổ chức cán bộ hoàn chỉnh, Đảng bộ khu Tây Nam Bộ chính thức được củng cố, kiện toàn với vị trí, vai trò cấp Khu trong hệ thống tổ chức Đảng ở miền Nam, do Trung ương Cục trực tiếp lãnh đạo. Hệ thống tổ chức Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ gồm 4 cấp: Đảng bộ cấp Khu; Đảng bộ cấp tỉnh; Đảng bộ cấp huyện; chi bộ cấp xã (chi bộ cấp cơ sở). Cơ quan cấp ủy của mỗi cấp ủy đảng đảm nhiệm lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị tương ứng trong phạm vi Đảng bộ, chi bộ và địa bàn phụ trách.

Cơ cấu tổ chức Đảng bộ cấp Khu gồm: Văn phòng, các Ban Quân sự, Tổ chức, Địch tình (An ninh), Tài chính (Kinh tài), Tuyên huấn, các Ban thuộc khối Dân vận: Binh vận, Thanh vận, Phụ vận, Công vận, Nông vận, Khmer vận, Tôn giáo vận...; các ban phụ trách các hội, đoàn thể quần chúng như: Phụ nữ, Thanh niên và các nghiệp đoàn lao động giúp Khu ủy nắm bắt, tổ chức chỉ đạo triển khai toàn diện, kịp thời các lĩnh vực công tác.

Ở các địa phương, căn cứ vào điều kiện thực tiễn và đặc thù, cấp ủy địa phương chỉ đạo xây dựng các cơ quan, ban, ngành phù hợp trên cơ sở tinh, gọn, hoạt động thông suốt, hiệu quả, bố trí cán bộ phù hợp với sở trường, năng lực đáp ứng thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Đối với tổ chức Đảng lãnh đạo trong quân đội, Ban Quân sự có vị trí tương đương với một Ban của Khu ủy và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy. Đồng chí Bí thư Khu ủy đảm trách Trưởng ban quân sự. Về cơ chế phối hợp lãnh đạo, Khu ủy lãnh đạo toàn diện công tác Đảng của toàn Khu, bao gồm cả quân sự và các cấp đảng bộ ở địa phương. Quân Khu ủy trực tiếp lãnh đạo công tác Đảng và công tác chính trị trong quân đội. “Lực lượng vũ trang địa phương đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh ủy, huyện ủy” [67, tr.222].

Về phạm vi lãnh đạo, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ lúc này gồm 6 Đảng bộ tỉnh: Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Rạch Giá và Cà Mau. Địa bàn đứng chân của Khu ủy Tây Nam Bộ được chuyển từ khu vực U Minh thượng và Long Mỹ (Cần Thơ) về huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian này, thực hiện chỉ đạo của Khu ủy, căn cứ của các tỉnh ủy cũng nhanh chóng hình thành: Khu căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ (khu vực kinh Ngang, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp - sau này chuyển về xã Phương Bình), Khu căn cứ Tỉnh ủy Vĩnh Long (địa bàn Cái Ngang), Khu căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng (khu vực rừng tràm Mỹ Phước), Khu căn cứ Tỉnh ủy Cà Mau (Xẻo Đước, xã Phú Tân).

Việc thành lập Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ đánh dấu bước phát triển hoàn chỉnh hệ thống tổ Đảng trên địa bàn Tây Nam Bộ trong bối cảnh đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược chiến tranh, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước sang giai đoạn mới. Với vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ cấp Khu đòi hỏi Đảng bộ phải nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến trên địa bàn chiến lược quan trọng của Tổ quốc. Đảng bộ phát huy vai trò, tính thống nhất, tinh thần trách nhiệm của cấp ủy chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và tổ chức triển khai thực hiện được chủ động, hiệu quả và bao quát, toàn diện hơn trong khu vực. Đồng thời, sự hoàn thiện về hệ thống cấp ủy cấp Khu giúp cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam đối với cách mạng miền Nam nói chung và ở Khu Tây Nam Bộ nói riêng được thuận lợi hơn

trong điều kiện đối phương đã thay đổi chiến lược chiến tranh xâm lược, cách mạng miền Nam đã chuyển sang thế tiến công.

2.2.2. Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng (1961 - 1968)

2.2.2.1. Xây dựng Đảng bộ về chính trị

Vấn đề then chốt, trọng tâm và mang tính sống còn đối với nhiệm vụ xây dựng Đảng về mặt chính trị của các cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên là phải luôn nắm vững và kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; bảo đảm đường lối của Đảng phải được hiện thân trong mọi nhiệm vụ và hạt nhân quyết định mọi thắng lợi cách mạng trên địa bàn. Trên cơ sở đó, phải nắm vững các nguyên tắc xây dựng Đảng, quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, đồng thời căn cứ tình hình thực tiễn địa bàn, nắm vững, nắm chắc đối phương để xây dựng nghị quyết, xác định nhiệm vụ, đề ra giải pháp sát hợp và đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng.

Cuối năm 1961, Khu ủy triệu tập hội nghị, nhận định: Đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, tăng cường viện trợ cho quân nguy vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại với nhiều cố vấn Mỹ. Vì vậy, cuộc chiến đấu của nhân dân ta sẽ lâu dài, không thể giành thắng lợi trong một thời gian ngắn được. Đối với miền Tây Nam Bộ, địch bắt đầu phản kích mạnh, căn cứ của ta chưa ổn định, phong trào quần chúng còn khó khăn [35, tr.311-312].

Trên cơ sở phân tích sâu sắc những chuyển biến tình hình chiến trường và tương quan lực lượng, Khu ủy nhận định, mặc dù các kế hoạch của địch triển khai bài bản, hệ thống chặt chẽ song chúng cũng có điểm yếu cố hữu đó là không được nhân dân đồng tình ủng hộ. Mặt khác, “để càn quét bắn phá bình định, gom dân vào ấp chiến lược và muốn bảo vệ ấp chiến lược phải có đồn, có lực lượng quân sự bảo vệ. Đó là chỗ mạnh của địch nhưng cũng là chỗ yếu của chúng” [22, tr.420]. Đây là đặc điểm lớn nhất và cũng là điểm yếu nhất trong các giải pháp của đối phương mà các cấp, ngành Khu và cấp ủy Đảng các địa phương phải nắm vững để xây dựng nghị quyết, đề ra nhiệm vụ và kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo.

Từ thực tiễn quá trình triển khai các chính sách thực dân mới của đối phương trên chiến trường, Khu ủy đã từng bước nhận thức rõ hình thái, phương thức vận hành và những điều kiện ảnh hưởng đến việc triển khai các

giải pháp thực dân mới. Đây là vấn đề rất quan trọng giúp cho các cấp ủy xây dựng chủ trương, nghị quyết và nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng một cách sát hợp, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo kháng chiến trong bối cảnh mới. Hội nghị Khu ủy giữa năm 1963 tiếp tục khẳng định: muốn đánh bại kế hoạch gom dân lập ACL, phải đập tan các cuộc cán quét, đánh phá của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, tạo điều kiện phát động quần chúng kiên trì đấu tranh “một tấc không đi, một ly không dời” (...) ta phải kết hợp hai lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, sử dụng 3 mũi giáp công, phát động lực lượng nhân dân tại chỗ nổi dậy với sự phối hợp, yểm trợ của lực lượng bên ngoài, tạo thành sức mạnh tổng hợp [22, tr.436-437].

Nhiệm vụ của xây dựng Đảng về chính trị phải bảo đảm xây dựng và không ngừng củng cố cơ sở chính trị của Đảng vững mạnh, đều khắp. Đây là điều kiện để Đảng tồn tại trong bối cảnh bị đối phương kìm kẹp, khủng bố, đồng thời cũng là cơ sở để tổ chức các phong trào cách mạng. Tại khu vực đô thị, Khu ủy chủ trương bằng mọi giá phải nắm được các cơ sở của Đảng, thực hiện nhiệm vụ giáo dục, tập hợp quần chúng và hoà mình vào quần chúng để đấu tranh vì những quyền lợi thiết thân, trực tiếp hàng ngày. Về nhiệm vụ ở khu vực nông thôn, một trong những vấn đề cơ bản nhất để tập hợp và huy động sức dân trong thực hiện các nhiệm vụ cách mạng là vấn đề ruộng đất, chống mọi hành vi cướp đất để xây dựng các khu dinh điền, trù mật. Đảng bộ các địa phương phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đoàn kết khối cố nông, bản nông, trung nông, liên hiệp phú nông. Đối với địa chủ yêu nước tham gia kháng chiến thì trọng dụng; đối với địa chủ do dự, không có hành động chống cách mạng thì lôi kéo, trung lập; đối với địa chủ làm tay sai cho đối phương thì kiên quyết đánh đổ [2, tr.297-298]. Các cấp ủy Đảng địa phương, đặc biệt là chi bộ ở cơ sở phải luôn bám sát thực tiễn, nắm bắt nhu cầu, khát vọng của quần chúng để tổ chức, tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chính trị; phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ cho các mũi quân sự và binh vận; thực hiện triệt để phương châm: vùng giải phóng mở rộng đến đâu phải thiết lập và củng cố chính quyền đến đó, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, liên tục và toàn diện của Đảng.

Bám sát quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam và Khu ủy, đồng thời căn cứ đặc điểm tình hình, các cấp

ủy địa phương trên địa bàn Khu đã xác định đúng những vấn đề chính trị cốt lõi của cách mạng và đề ra nhiệm vụ chính trị sát thực đối với Đảng bộ, chi bộ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phụ trách. Đến cuối năm 1964, nhiều giải pháp chiến lược của đối phương bị đánh bại, ý đồ xây dựng hệ thống “kìm kẹp” cùng các giải pháp “bình định” hòng thủ tiêu lực lượng cách mạng của chính quyền VNCH thông qua các hoạt động càn quét, thiết lập hệ thống ACL thất bại. Trên cơ sở phát triển phong trào, có những vùng trắng và vùng yếu trước đây ta không bám được, đến năm 1965 ta có cơ sở, lực lượng vũ trang, du kích đã bám trụ tác chiến thắng lợi [32, tr.5].

Tại Vĩnh Long, Đảng bộ đề ra *hai nhiệm vụ lớn* đối với các cấp ủy Đảng là phát huy sức mạnh tổng hợp của ba mũi giáp công, đánh rã bộ máy tề nguỵ, lực lượng nguỵ quân, phá áp chiến lược và ra sức xây dựng chính quyền và các đoàn thể cách mạng, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế ở vùng nông thôn giải phóng, xây dựng lực lượng vũ trang xã, áp chiến đấu, dồn sức đánh bại “quốc sách áp chiến lược” của địch. Đến cuối năm 1964 đã giải phóng hoàn toàn 9 xã và cơ bản 7 xã, trong đó phá lỏng được “vành đai trắng” của địch và phá tan được ACL Phước Ngươn B - hình mẫu và trọng điểm chỉ đạo của chính quyền VNCH, làm chủ được phần lớn khu vực nông thôn. Nhiều ACL đã được chuyển thành áp chiến đấu, tạo thế phát triển vững chắc của cách mạng [7, tr.174, 192].

Ở Trà Vinh: bám sát chủ trương của Khu ủy, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện “ba mũi” phối hợp chặt chẽ; phá ACL là nhiệm vụ trung tâm; đánh trực diện vào cơ sở tồn tại của ACL; kết hợp tăng cường lực lượng vũ trang chiến đấu với việc đưa cán bộ, đảng viên vào ACL để tuyên truyền, vận động nhân dân, gây dựng cơ sở, chuẩn bị kỹ lưỡng, phối hợp chặt chẽ giữa ngoài tấn công trong nổi dậy. Đến giữa năm 1965 giải phóng hoàn toàn 11 xã và phần lớn các xã còn lại [195, tr.139, 141-142].

Ở Cần Thơ: Đảng bộ xác định rõ chủ trương nhiệm vụ “phát huy vai trò đấu tranh chính trị của quần chúng kết hợp với phong trào đấu tranh vũ trang, binh vận đánh địch ở đô thị và nông thôn; xây dựng lực lượng vũ trang ba cấp, thành lập Ban Chỉ uy quân sự tỉnh, huyện và xây dựng lực lượng dân quân du kích xã, ấp” [62, tr.95]. Các cấp ủy Đảng địa phương đã tổ chức tập hợp đông đảo lực lượng chính trị kết hợp cùng lực lượng vũ trang và các mũi binh vận bẻ

gây nhiều kế hoạch “bình định” của đối phương, bóc gỡ đồn bót, phá rã nhiều ACL, từng bước mở rộng vùng kiểm soát và tạo lập thể đứng cho cách mạng. Đến tháng 6-1965 ta giữ vững và mở rộng vùng giải phóng đưa lên 30 xã, giải phóng 2/3 đất đai, 3/4 số dân được giải phóng [61, tr.85].

Ở Sóc Trăng: Tỉnh ủy chủ trương củng cố và phát triển toàn diện các chi bộ, cơ sở cách mạng từ thị xã, thị trấn đến vùng nông thôn; vận động và phát huy vai trò của người uy tín trong đồng bào dân tộc Khmer để xây dựng cơ sở cách mạng và tập hợp quần chúng đấu tranh xây dựng lực lượng vũ trang nhanh chóng, vững chắc đi đôi với tiến công địch để mở rộng và giữ vững quyền làm chủ ở nông thôn. Xây dựng phát triển toàn diện và vững mạnh vùng giải phóng. Các phong trào đấu tranh trực diện với địch ngày càng mạnh mẽ, quyết liệt, thu hút nhiều lực lượng quần chúng, nhiều giới, dân tộc, tôn giáo tham gia và đạt được những kết quả quan trọng [6, tr.111,136].

Ở Rạch Giá: trên cơ sở thắng lợi từ Đồng khởi, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy địa phương, đặc biệt là chi bộ Đảng ở cơ sở khi xác định nhiệm vụ phải luôn bám sát chủ trương của Đảng, của Khu và Tỉnh ủy, căn cứ vào đặc điểm mỗi địa bàn để có hình thức tập hợp, tổ chức lực lượng, phát triển chiến tranh du kích khắp cả 3 vùng (vùng kèm, vùng tranh chấp và vùng giải phóng) cho sát hợp. Tăng cường xây dựng, củng cố vùng giải phóng; kiện toàn các cơ quan lãnh đạo; phát triển mạnh thế trận “2 chân”, “ba mũi” nhằm bẻ gãy các kế hoạch “bình định” để xây dựng các ACL của đối phương. Biến các ACL của đối phương thành các xã, ấp chiến đấu. Đến cuối năm 1964, toàn tỉnh xây dựng được 172 ấp chiến đấu [194, tr.99].

Ở Cà Mau: thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, đầu năm 1961, Tỉnh ủy ra Chỉ thị xác định nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ là: động viên toàn thể cán bộ, đảng viên và quân dân trong tỉnh quyết tâm nỗ lực thực hiện 2 nhiệm vụ trọng tâm là “Phát huy sức mạnh tổng hợp 3 mũi giáp công, đánh rã bộ máy tề ngụy và lực lượng quân sự ở cơ sở, phá ACL, “khu trừ mật” của địch và ra sức xây dựng chính quyền và các đoàn thể cách mạng, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế ở vùng nông thôn giải phóng, nhất là xây dựng lực lượng vũ trang xã, ấp chiến đấu, dồn sức tiến công địch, đánh bại “quốc sách” ACL của chúng” [64, tr.151-153]. Cuối năm 1964, đã xây dựng chính quyền ở 47 xã, địch chỉ còn 14 ACL [22, tr.484].

Từ giữa năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và đồng minh Mỹ vào miền Nam, Khu ủy Tây Nam Bộ đã tổ chức nhiều cuộc họp nhằm đánh giá tình hình, dự báo những thuận lợi, khó khăn trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng và tổ chức lãnh đạo kháng chiến. Khu ủy nhận định, việc Mỹ trực tiếp đưa quân tham chiến tạo ra sự thay đổi lớn về cục diện chiến trường, gây rất nhiều khó khăn cho ta, tuy nhiên điểm yếu “giấu mặt, trá hình” của đối phương đã bộc lộ, đồng thời càng làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ càng thêm sâu sắc. Trên cơ sở xác định đúng bản chất và những điểm mạnh, điểm yếu của đối phương, Khu ủy xác định nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng toàn Đảng bộ là phải “đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giữ vững và tăng cường sức chiến đấu của tất cả các lực lượng vũ trang, chính trị... Các cấp ủy Đảng phải chỉ đạo sâu sát những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống và chiến đấu, kiên quyết thực hiện “ba bám” (Dân bám đất, Đảng bám Dân, toàn dân bám đánh địch, “ba mũi” (vũ trang, chính trị, binh vận)” [2, tr.461-462]. Đây là điểm mấu chốt, mang tính nguyên tắc và xuyên suốt của toàn Đảng bộ nói chung cũng như đối với các cấp ủy Đảng trong xác định nhiệm vụ chính trị của công tác Đảng, là cơ sở để tập hợp quần chúng tấn công và đập tan mọi âm mưu thủ đoạn, hành động lấn chiếm nông thôn, bình định có trọng điểm của đối phương [90, tr.4].

Nhằm tiếp tục chỉ đạo cấp ủy Đảng các địa phương trong xác định rõ nhiệm vụ và tổ chức chỉ đạo, ngày 28-3-1966, Thường vụ Khu ủy ban hành Công văn số 35/TV-66 gửi các tỉnh và các ngành, các cấp trong toàn Khu về việc tập trung nghiên cứu những vấn đề lớn, trọng tâm về tình hình địch, ta để có chủ trương, giải pháp đúng đắn trong công tác xây dựng Đảng từ đó đề ra giải pháp phù hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Trong đó, cần nghiên cứu sâu về: chuyển phong trào đấu tranh chính trị, trực diện ra vùng nông thôn tranh chấp, kèm kẹp, thị xã; về kết hợp đấu tranh giữa đô thị với nông thôn và củng cố vùng giải phóng; việc phối hợp các mũi quân sự, chính trị và binh vận để phá các ấp chiến lược, phá đồn, xây dựng các xã, ấp chiến đấu và mở rộng vùng giải phóng. [91].

Ở khu vực đô thị, từ năm 1967, các cấp ủy Đảng đã thể hiện rõ tính “tự động công tác” khi xác định nhiệm vụ chính trị, chi bộ đã chủ động xây dựng

những giải pháp quyết liệt và trực diện trong chỉ đạo đấu tranh. Tuy nhiên, trong công tác xây dựng chủ trương, nhiệm vụ lãnh đạo, các cấp ủy địa phương vẫn còn một số hạn chế: tính phù hợp giữa mục tiêu với điều kiện thực tiễn từng địa bàn chưa cao; sự liên kết, phối hợp trong lãnh đạo các “mũi tấn công” chưa thật sự tốt. Trên cơ sở đó, Khu ủy đề ra nhiệm vụ đối với công tác lãnh đạo phải phát động cao trào chính trị tấn công địch, đưa phong trào công nhân lao động làm căn bản; ra sức tập hợp quần chúng trong Mặt trận, đề ra các khẩu hiệu dân sinh, dân chủ và dân tộc có kết hợp vũ trang đúng mức, phá kim kẹp, giành quyền làm chủ của nhân dân, “ra sức xây dựng, phát triển cơ sở Đảng, Đoàn và thực lực chính trị vũ trang đều khắp, tranh thủ thời cơ bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ trước mắt, đồng thời bảo tồn, tích trữ lực lượng chuẩn bị cho phương hướng tổng công kích - tổng khởi nghĩa” [94, tr.5].

Từng cấp ủy Đảng phải nâng cao ý thức giác ngộ cách mạng, lập trường chính trị, trình độ cán bộ; tiếp tục kiện toàn, củng cố bộ máy, chú ý các mặt trận, các đầu cầu, các xã, các nơi còn yếu; cải tiến phương pháp, lề lối làm việc cho phù hợp với hoàn cảnh chiến tranh [92, tr.7, 8]. Lưu ý việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị và chỉ đạo về công tác an ninh nội bộ “có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt cần phải được nhận thức đầy đủ trong các cấp Đảng bộ, trong ngành an ninh cũng như các ngành liên quan để bảo đảm việc học tập, triển khai được quán triệt, chấp hành được nhứt quán từ trên xuống dưới” [96, tr.1].

Ngày 27-7-1967, Thường vụ Khu ủy ra Nghị quyết số 76/TV-67 về công tác chống gián điệp, phản động ở miền Tây Nam Bộ, xác định rõ nguyên tắc “Đảng lãnh đạo ngành an ninh tuyệt đối về chủ trương, chính sách và nghiệp vụ, lập ban chuyên môn ở các cấp làm nhiệm vụ nghiên cứu giúp Đảng lãnh đạo, hướng dẫn trao đổi nghiệp vụ cho bên dưới, làm một số công việc thực hành do Đảng giao và từ đó quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, lề lối làm việc, lập bộ máy và cơ sở bí mật của mình ở các cấp” [95, tr.7-10].

Ngày 20-4-1968 Hội nghị Khu ủy (mở rộng) kiểm điểm, đánh giá tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo toàn Khu và các địa phương, phát huy những kết quả đạt được, chấn chỉnh những khuyết điểm, khắc phục hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị lực lượng; lựa chọn hướng tấn công; tính quán triệt trong thực hiện nhiệm vụ; công tác tuyên truyền; vấn đề xây dựng hậu

phương; công tác chính trị, tư tưởng... trên cơ sở đó, Khu ủy đặt mục tiêu cao nhất của công tác Đảng đối với các cấp ủy, ngành địa phương phải nắm vững quan điểm “bạo lực, vũ trang, khởi nghĩa cướp chính quyền, lập chính quyền cách mạng”, có giải pháp phù hợp với từng địa bàn (đô thị, nông thôn), ra sức xây dựng hậu phương, phối hợp chặt chẽ chữa các mũi tấn công vũ trang với chính trị và binh vận [107].

Nhằm tiếp tục củng cố quyết tâm, tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết, Thường vụ Khu ủy đã ra nhiều Thông báo, Chỉ thị đề động viên, đôn đốc, chỉ đạo các ban, ngành Khu, cấp ủy các địa phương phối hợp chặt chẽ, bám sát yêu cầu, nhiệm vụ để tổ chức lãnh đạo đạt kết quả cao nhất, trong đó phải tập trung xây dựng vùng giải phóng vững mạnh, phát động một phong trào quần chúng sôi nổi, mạnh mẽ tấn công tiêu diệt địch, nâng cao cảnh giác, bảo mật phòng gian, bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng, bảo vệ Mặt trận và các đoàn thể làm cơ sở cho xã hội mới [103, tr.2-3]. Các cấp ủy phải luôn đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc truy bắt gián điệp không buông lơi, chú ý phòng gian, bảo mật, bảo vệ nội bộ [100]. Trong lãnh đạo xây dựng nghị quyết, xác định các nhiệm vụ chính trị và tổ chức thực hiện phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng; xây dựng kế hoạch và tổ chức chỉ đạo phải bao quát, đồng thời chú ý tính đặc thù của từng “điểm” cụ thể; hợp đồng chặt chẽ giữa các mũi chính trị, vũ trang và binh vận để đạt hiệu quả cao nhất [102, tr.2-6].

Đối với xây dựng vùng giải phóng, vấn đề bảo đảm trị an phải gắn liền với xây dựng cơ sở chính trị của Đảng vững chắc. Muốn vậy, phải tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, phát huy vai trò, tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên; nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy phải gắn liền với bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; bám sát thực tiễn, đặc thù của địa bàn. Tập trung khắc phục khó khăn, đề cao cảnh giác, tăng cường công tác quản lý, giữ vững an ninh vùng giải phóng, bảo vệ kinh tế của ta, bảo vệ tài sản của nhà nước cách mạng; kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, trừng trị các loại tội phạm [103].

Tháng 7-1968, Khu ủy tiến hành ra Nghị quyết số 25/CT.T-68, xác định nhiệm vụ chính trị trọng tâm của toàn Đảng bộ phải “liên tục tấn công, liên tục nổi dậy, ra sức phát triển lực lượng mọi mặt, nhất là lực lượng ở đô thị vùng ven

là chủ lực, xốc tới dứt điểm miền Tây, góp phần thắng lợi hoàn toàn miền Nam và sẵn sàng đánh bại mọi tình huống chiến tranh” [111, tr.8].

Trên cơ sở nghị quyết, chỉ thị của Khu ủy, các cấp ủy Đảng địa phương kịp thời tổ chức quán triệt và triển khai đến các huyện ủy/thị xã ủy và chi ủy về tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trên từng địa bàn. Ở Trà Vinh: Các cấp ủy bám sát phương châm lãnh đạo quần chúng “vừa sản xuất, vừa chiến đấu”, “bám đất, bám dân”, “kiên cường đánh địch”, “một tác không đi, một li không rời” [195, tr.195]. Ở Vĩnh Long: Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo các địa phương tiếp tục phát triển thế trận ba mũi giáp công bẻ gãy các kế hoạch, giải pháp xương sống của đối phương. Từ cuối 1967, trên cơ sở được tăng cường lực lượng từ Khu ủy, Tỉnh ủy tiếp tục phân công điều động cán bộ trực tiếp lãnh đạo tại các tuyến, các địa phương và cơ sở, đồng thời tăng cường xây dựng, củng cố hậu phương; phát triển và củng cố lực lượng chính trị, vũ trang các cấp; xây dựng cơ sở, lực lượng nội tuyến khắp các địa bàn xây dựng các xã, ấp chiến đấu [7, tr.218, 220, 234]. Ở Cần Thơ: thực hiện phương châm của Tỉnh ủy, từng cấp ngành, chi bộ bám sát tình hình, cán bộ, đảng viên bám chặt cơ sở, cùng nhân dân bám đất, bám vườn, “một tác không đi, một li không rời”, tổ chức xây dựng các xã, ấp chiến đấu, “chuyển các ấp chiến lược thành ấp chiến đấu” [62, tr.166-167, 254]. Ở Sóc Trăng: thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy (3-1965) về công tác xây dựng Đảng, các cấp ủy Đảng địa phương đã tập trung xây dựng “Chi bộ tự động” với nguyên tắc “trong bất cứ tình huống nào cũng phải bám dân, sâu sát với quần chúng, tuyên truyền phát động và tổ chức quần chúng đấu tranh”; bám sát phương châm “Chi bộ bám dân, dân bám đất, du kích bám đánh địch. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện” [6, tr.143-144]. Trên cơ sở đó, cùng với đấu tranh trực diện của các mũi quân sự và vũ trang, đã xây dựng được các “nòng cốt” ngay trong lòng địch [6, tr.183; 228]. Ở Rạch Giá: tháng 7-1965, Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị và đặt ra nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng bộ phải “Kiên quyết đánh bại âm mưu xóc tác dân và ngăn chặn các cuộc càn quét “tìm diệt” của địch; liên tục tiến công địch trên cả ba vùng, kết hợp 3 mũi giáp công nhằm tiêu diệt và làm tan rã nhiều sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng...” [194, tr.116, 141]. Ở Cà Mau: Đảng bộ xác định rõ nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ là đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn, mọi

giải pháp chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai, trên cơ sở đó, Tỉnh ủy chủ trương “phát triển nhanh lực lượng và chất lượng vũ trang 3 thứ quân, bám chắc địa bàn, tiên tặc tấn công, tiếp tục đánh bại âm mưu “bình định” và mở rộng việc đánh lấn địch theo phương châm: đẩy lùi địch, từng bước giành thắng lợi từng phần” [66, tr.300].

Mặc dù trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng về chính trị, Đảng bộ còn một số hạn chế nhất định: việc tổ chức triển khai, quán triệt chủ trương, nhiệm vụ từ cấp Khu đến cơ sở có lúc, có nơi chưa kịp thời; ở một số cấp ủy, chi bộ, việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể chưa sát với đặc điểm tình hình và yêu cầu thực tiễn; công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn ở một số cấp ủy, chi bộ vẫn còn “thụ động”, chờ chỉ đạo của cấp trên hoặc cứng nhắc trong chỉ đạo thực tiễn kháng chiến... Tuy nhiên, nhờ bám sát chủ trương của Đảng, sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ mà trước hết là Khu ủy đã sớm xác định đúng kẻ thù, nắm rõ rõ bản chất thực dân xâm lược “giấu mặt trá hình” cùng những phương thức, thủ đoạn của đối phương, theo dõi sát sao và nắm bắt, nhận diện từng trạng thái chuyển biến của đối phương trên từng địa bàn; từng bước khắc phục những hạn chế nảy sinh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở các chi bộ xã, thị xã, đơn vũ trang, cơ quan, trong quần chúng, nhất là ở các vùng địch kim kẹp để đề ra chủ trương, nhiệm vụ sát hợp, kế hoạch cụ thể trong lãnh đạo, chỉ đạo.

2.2.2.2. Xây dựng Đảng bộ về tư tưởng

Công tác tư tưởng luôn được Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ quan tâm thực hiện với mục tiêu xuyên suốt đối với cán bộ, đảng viên là củng cố lòng tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và tương lai tất thắng của cách mạng; giữ vững lập trường giai cấp công nhân của Đảng, tạo lập được sự đoàn kết, thống nhất ở mọi tập thể cấp ủy, trở thành nền gốc vững chắc và động lực để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng.

Thực tế từ sau khi *Đồng khởi* thắng lợi, cục diện lực lượng giữa ta và đối phương trên chiến trường miền Nam nói chung và ở Khu Tây Nam Bộ nói riêng đã có sự thay đổi mang tính bước ngoặt, cách mạng đã chuyển từ thế “bị động” sang thế “chủ động tiến công”. Tuy nhiên, thời điểm này cách mạng vẫn còn nhiều khó khăn. Những tổn thất lớn trước đây cần phải có thời gian để gây

dựng, phục hồi, trong khi nhiều địa bàn trọng yếu, đặc biệt là ở khu vực đô thị và hệ thống chính quyền cấp trên cơ sở của đối phương vẫn còn mạnh. Đồng thời, để tạo lợi thế, đối phương cũng nhanh chóng thay đổi chiến lược gây nhiều khó khăn cho cách mạng. Thực tế đó đã tác động đa chiều đến tình hình tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên: Một bộ phận chủ quan, nóng vội dẫn đến mất cảnh giác; một bộ phận khác có biểu hiện ngại khó, ngại khổ, thậm chí dao động; một số trì trệ, giáo điều, thiếu sâu sát thực tiễn, tư tưởng “công thần địa vị (...) chưa nêu cao vai trò tiên phong lãnh đạo trong Đảng” [89, tr.21]. Mặc dù những hạn chế đó ở một bộ phận nhỏ cán bộ, đảng viên nhưng nếu không kịp thời chấn chỉnh sẽ hết sức nguy hiểm đến công tác tư tưởng, làm suy yếu bản chất giai cấp công nhân của Đảng, suy yếu sức sức chiến đấu của Đảng bộ, ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng.

Từ thực tế trên, Thường vụ Khu ủy kịp thời chỉ đạo cấp ủy Đảng các địa phương và ngành từ cấp Khu đến cấp cơ sở phải nghiêm túc kiểm điểm, chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc; tăng cường công tác quản lý đảng viên, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng. Khu uỷ nhân mạnh, các cấp ủy Đảng toàn Khu phải thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện hiệu quả công tác tự phê bình và phê bình, kịp thời uốn nắn những biểu hiện lệch lạc trong tư tưởng, chính trị của đảng viên để xây dựng tập thể cấp ủy, tổ chức Đảng đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, đủ uy tín, sức mạnh lãnh đạo kháng chiến. Đảng bộ toàn Khu xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt và xuyên suốt của công tác xây dựng Đảng và có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển vững mạnh của tổ chức, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cách mạng.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng được tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả thông qua các cơ quan báo chí cách mạng. Ngành thông tin thành lập, xuất bản các tờ báo, tập san chuyên đề nhằm định hướng, giáo dục tư tưởng chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ...; phản ánh những thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, qua đó củng cố lòng tin chiến thắng của toàn Đảng bộ và nhân dân về cuộc kháng chiến chống Mỹ dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, trực tiếp là Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam. Hệ thống tổ chức các cơ quan ngôn luận và tuyên truyền cấp Khu từng

bước được hình thành và phát triển. Tiêu biểu như tờ “*Giải phóng miền Tây*” của Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Tây Nam Bộ (ra số đầu tiên ngày 12-5-1961), tờ “*Nhân dân miền Tây*” số ra ngày 19-5-1969 nhân dịp sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh, nội san “*Rèn luyện*” của Đảng bộ miền Tây [22 tr.462].

Thực hiện chỉ đạo của Khu ủy, cấp ủy các địa phương đã chủ động và nỗ lực trong công tác đào tạo, giáo dục chính trị - tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trực tiếp tại cơ sở và tạo nguồn. Ở Rạch Giá: phát huy những kết quả đạt được từ sau “*Đông khởi*”, Tỉnh ủy kiện toàn tổ chức Tuyên Văn giáo, xây dựng, củng cố bộ phận làm công tác giáo dục để theo dõi, chỉ đạo xây dựng, phát triển trường, lớp và đội ngũ giảng dạy; tổ chức các lớp huấn luyện về công tác tuyên truyền để cung cấp đội ngũ cán bộ cho các huyện, xã trong tỉnh. Các cấp ủy địa phương đẩy mạnh công tác giáo dục trong nhân dân. Tỉnh ủy Rạch Giá xuất bản các báo *Thống nhất* của Đảng bộ tỉnh, báo *Giải phóng* của Mặt trận dân tộc giải phóng; ngoài ra còn có các tờ *Tin tức tỉnh Rạch Giá*, *Tạp san Văn Nghệ* [194, tr.73].

Ở Trà Vinh: cùng với Trường Đảng thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, Tỉnh ủy thành lập các trường đào tạo nguồn kế cận như: Trường bổ túc văn hóa nội trú, Trường nghiệp vụ sư phạm, Trường Thiếu sinh quân Võ Thị Sáu. Phát hành các tờ báo tuyên truyền như: *Đoàn kết*, *Giải phóng* (sau đổi thành *Anh Dũng*), thành lập được các đoàn văn công như Ánh Hồng, Ánh Bình Minh [196].

Ở Vĩnh Long: Để đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, Tỉnh ủy đã phát hành các tờ tin: *Vĩnh Long*, *Văn nghệ nhân dân*, báo *Vĩnh Long*, thành lập nhà máy in Nguyễn Văn Thành. Thành lập các đội chiếu phim, đoàn văn công để lưu diễn phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng giáo dục chính trị, tư tưởng trong nhân dân [7, tr.196-198].

Ở Cần Thơ: từ sau thắng lợi của *Đông khởi*, Tỉnh ủy chỉ đạo kiện toàn các cơ quan tuyên truyền, thành lập Ban Tuyên Văn giáo (thay cho Ban Tuyên huấn trước đây) gồm các bộ phận: tuyên truyền, Trường Đảng, báo chí, văn nghệ và giáo dục. Công tác tư tưởng chú trọng việc học tập Tuyên ngôn, Chính cương của Đảng lao động Việt Nam, bồi dưỡng, nâng cao lập trường tư tưởng

chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và những quần chúng cốt cán. Cuối năm 1963, Trường Đảng tỉnh mở 2 lớp đào tạo chi ủy viên với 78 đồng chí, 7 lớp đào tạo tổ trưởng với 68 đồng chí, tổ chức học tập chương trình 6 bài cho 594 đảng viên, 3 lớp bồi dưỡng phát triển đảng cho 176 đồng chí, 7 lớp bồi dưỡng cán bộ đoàn và đoàn viên cho 117 đồng chí. Riêng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh mở 1 lớp xã đội cho 52 học viên phụ nữ, nông dân. Đến năm 1964, Trường Đảng tỉnh mở được 3 lớp bồi dưỡng cho 139 chi ủy viên, 7 lớp bồi dưỡng bí thư chi bộ với 285 học viên, ngành tuyên huấn tỉnh mở 2 lớp đào tạo cán bộ tuyên truyền với 85 học viên [62, tr.114-125;133].

Ở Sóc Trăng: từ đầu 1961, Trường Đảng tỉnh tiếp tục được kiện toàn phát huy vai trò trong công tác đào tạo cán bộ, Trường đào tạo được 200 học viên. Các huyện đều mở lớp bồi dưỡng phát triển đảng viên mới, bồi dưỡng tiểu tổ trưởng Đảng. Cuối năm 1961, Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng các cấp từ huyện đến xã được thành lập, phối hợp chặt chẽ với Ban Văn Tuyên giáo mở các lớp ngắn ngày cho các ủy viên của Mặt trận. Năm 1963 có những khó khăn nhất định nhưng đến năm 1964, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có sự khởi sắc: cấp huyện mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho cán bộ phụ trách các đoàn thể, ngành, giới, dân tộc ở cấp huyện và cơ sở. Trường Chính trị tỉnh mở được 3 lớp với 220 học viên, trường quân sự tỉnh đào tạo cán bộ với 70 học viên, ngành an ninh mở 1 lớp với trên 50 học viên [88, tr.10].

Ở Cà Mau: công tác văn hóa, xã hội ở vùng giải phóng tập trung vào việc tổ chức học tập văn hóa cho nhân dân. Năm 1963, toàn tỉnh xây dựng được 118 trường với 763 giáo viên, 23.100 học sinh [64, tr.283]. Một số tờ báo: *Súng Mỹ lòng ta*, *Chiến đấu*, *Cà Mau giải phóng* đã ra được nhiều số phản ánh thắng lợi của quân và dân ta trên chiến trường, tố cáo tội ác của Mỹ và tay sai, định hướng công tác tư tưởng, cổ vũ, động viên tinh thần chiến đấu của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh. Ở một số xã đã thành lập được các đội ca múa, cải lương [4, tr.257].

Khi đế quốc Mỹ trực tiếp tham chiến và đẩy mạnh chính sách càn quét, “bình định”, vấn đề củng cố lập trường, bảo đảm sự thống nhất về nhận thức, tư tưởng là vấn đề hết sức quan trọng, có quan hệ hữu cơ với nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ vững mạnh chính trị, tinh gọn, khoa học về tổ chức, là cơ sở để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, lãnh đạo các mũi vũ trang, chính trị,

binh vận; công tác nông thôn (gồm vùng kìm kẹp và vùng giải phóng); phát triển mạnh mẽ phong trào cách mạng thị xã, thị trấn và xây dựng thực lực. Thường vụ Khu ủy lưu ý cấp ủy Đảng các địa phương phải nghiên cứu kỹ tình hình và những yêu cầu đặt ra từ thực tế để có những phương án, giải pháp đúng đắn, kịp thời trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Các cấp ủy Đảng phải là nòng cốt, tăng cường liên hệ các cấp, ngành để thống nhất tư tưởng, chỉ đạo bao quát, toàn diện và trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo [92, tr.4-5].

Đối với công tác chính trị, tư tưởng, Khu ủy lưu ý nghiên cứu kỹ những “tư tưởng sai lầm, cản ngại chính, diễn biến tư tưởng trong tình hình Mỹ đưa quân vào càng nhiều trong chi bộ xã, thị xã, đơn vũ vũ trang, cơ quan, trong quần chúng các vùng, nhất là vùng kìm kẹp” để có chủ trương đúng, kịp thời trong lãnh đạo [91, tr.4].

Mỗi cấp ủy phải là tốt công tác tư tưởng nội bộ tổ chức đảng, làm cơ sở quan trọng để quán triệt và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, do đó, vấn đề cốt lõi của công tác tư tưởng là không ngừng bồi dưỡng, nâng ý thức giác ngộ cách mạng, củng cố lập trường giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng; gắn liền với vấn đề giáo dục, nâng cao trình độ chính trị và phương pháp cách mạng cho mỗi cán bộ, đảng viên đạt đến trình độ “tự động công tác”, trên cơ sở đó, chi bộ “tiến lên tự động công tác”, “tự củng cố mình” để bám đường được những yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn [94, tr.16].

Ngay trong đợt 1 của tổng công kích, tổng khởi nghĩa, Khu ủy tổ chức Hội nghị (mở rộng) đánh giá những khó khăn, hạn chế; ưu điểm, nhược điểm trong công tác tổ chức, lãnh đạo chỉ đạo và ra Nghị quyết về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư tưởng. Nghị quyết xác định rõ nguyên tắc, phương pháp công tác cụ thể trên từng mặt trận, lĩnh vực, từng địa bàn. Nghị quyết nhấn mạnh phải “xây dựng quyết tâm cao, tự lực, tự cường, gặp khó khăn, trở ngại phải kiên quyết tiến lên... Củng cố chi bộ là quán triệt tư tưởng bạo lực, quan điểm quần chúng, chi bộ chịu trách nhiệm với trên và với quần chúng, *thực hiện nhiệm vụ chính trị của chi bộ theo yêu cầu, không phải theo khả năng*”; tư tưởng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng từ cấp Khu đến chi ủy chi bộ *phải là tư tưởng cách mạng tiến công, “xây dựng quyết tâm cao, tự lực, tự cường, gặp khó khăn, trở ngại phải kiên quyết vượt qua, tiến lên”* [107, tr.11].

Trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, Đảng bộ cũng nhận thức sâu sắc nhiệm vụ xây dựng tư tưởng cách mạng đối với “cơ sở chính trị” của Đảng là vấn đề hết sức quan trọng, bởi đây chính là lực lượng “nòng cốt” để cung cấp cho Đảng những cán bộ, đảng viên dũng cảm, kiên trung, dám hy sinh. Trên cơ sở đó, Thường vụ Khu ủy yêu cầu các cấp ủy cần phải xác định rõ đặc điểm, nhu cầu, lợi ích của mỗi giai cấp, tầng lớp, giới, ngành từng đối tượng cụ thể như: công nhân, người lao động; học sinh, sinh viên; tiểu tư sản, trí thức; bộ phận trung gian... để xác định đúng mục tiêu, nhiệm vụ, đề ra khẩu hiệu, nội dung vận động, tuyên truyền và cách thức tổ chức phù hợp [94, tr.12]. Đặc biệt, trong giai đoạn khó khăn của đợt tấn công Xuân Mậu Thân 1968, Khu ủy yêu cầu từng cấp ủy Đảng phải vận động, tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, “làm cho họ thông cảm được khó khăn tài chính của Đảng trong tổng tấn công, đồng thời làm cho họ tin tưởng vào thắng lợi của tổng tấn công để họ vui lòng đóng góp thêm tiền của cho cách mạng” [108, tr.7]. Cấp ủy Đảng phải “hết sức chú ý lãnh đạo khâu phát động tư tưởng quần chúng đến mức kiên quyết nổi dậy khởi nghĩa vũ trang... phải hy sinh đổ máu, cấp ủy và cán bộ phải có quyết tâm cao và biết chuyển quyết tâm đó thành quyết tâm của đông đảo quần chúng. Cán bộ, đảng viên phải tin tưởng vào khả năng to lớn của quần chúng” [101, tr.3, 7]. Để phục vụ cho đợt tổng tiến công và nổi dậy thắng lợi, các cấp ủy phải phải khơi dậy cao độ tinh thần yêu nước trong lực lượng quần chúng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải tuyệt đối tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, gương mẫu trong nghĩa vụ đóng góp cho cách mạng, từ đó mới vận động và huy động nguồn lực to lớn từ nhân dân để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng [108, tr.1-2].

Trên cơ sở những chỉ đạo của Khu ủy, cấp ủy các địa phương đã kịp thời tổ chức triển khai chính huấn, định hướng công tác tư tưởng đến từng chi bộ và đảng viên.

Ở Trà Vinh: để đối phó với sự thay đổi chiến lược của đế quốc Mỹ, cuối năm 1965, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị (mở rộng), đề ra 6 nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng. Trong đó đặt ra “trách nhiệm cho mọi cán bộ, đảng viên dù ở vị trí nào, ở trong lòng địch, ở các địa phương, cơ quan, đơn vị, v.v.. đều phải làm đầu tàu trong phong trào quyết tâm thắng Mỹ, đều phải kiên quyết bám dân mà đấu tranh với quân thù” [195, tr.156].

Ở Vĩnh Long: Tỉnh ủy chỉ thị mở đợt học tập chính huấn trong toàn Đảng bộ nhằm làm cho cán bộ, đảng viên nắm vững tình hình, thông suốt nhiệm vụ để củng cố lòng tin, khắc phục tư tưởng “ngán” Mỹ, sợ Mỹ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, xây dựng tinh thần quyết tâm đánh Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Tỉnh ủy chỉ đạo đẩy mạnh quán triệt đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đến với mỗi cán bộ, đảng viên, toàn quân và dân; cổ vũ, động viên phong trào nhanh chóng, kịp thời và rộng khắp chống phản tuyên truyền của địch, lên án tội ác của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với nhân dân. Ngành Tuyên huấn nêu cao tinh thần “chính trị tư tưởng phải luôn luôn đi đầu và luôn thể hiện cả chiều rộng lẫn chiều sâu, quán triệt để cán bộ, đảng viên và nhân dân thấm nhuần các chỉ thị, nghị quyết, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam” [7, tr.211]. Trong năm 1967, ngành Tuyên huấn Tỉnh đã mở các lớp quán triệt tư tưởng cho 287 cán bộ, đảng viên. Nhiệm vụ của công tác tư tưởng nói chung và ngành Tuyên huấn nói riêng phải tập trung vào “đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, giáo dục làm thông suốt từ trong nội bộ ra nhân dân” về chủ trương của Đảng, chuẩn bị kỹ tinh thần, sẵn sàng đánh bại mọi thủ đoạn, kế hoạch lớn của đối phương, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng.

Ở Cần Thơ: Tỉnh ủy chỉ thị các cấp, ngành, đoàn thể quần chúng triển khai mạnh mẽ công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ nhận thức về tính chất và nhiệm vụ của cuộc chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới, sẵn sàng chiến đấu, không sợ hy sinh gian khổ, xây dựng quyết tâm “đánh Mỹ và thắng Mỹ”; kết hợp phong trào học tập văn hóa với nâng cao cao tinh thần lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến [62, tr.189, 214].

Ở Sóc Trăng: Tỉnh ủy mở đợt sinh hoạt chính trị, phát động trong Đảng bộ, các lực lượng vũ trang, ban ngành, đoàn thể và nhân dân “không ngán ngại đánh Mỹ, chủ động đánh Mỹ”. Công tác học tập lý luận chính trị “phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng trong giai đoạn mới, hiểu được âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, nâng cao ý chí chiến đấu vững vàng vượt qua mọi thử thách ác liệt. Từ đó mà lãnh đạo quần chúng ở địa phương và đơn vị sẵn sàng tiến công địch trong bất cứ tình huống nào” [6, tr.154-155]. Đặc biệt, trong giai

đoạn chuẩn bị cho đợt “tổng công kích, tổng khởi nghĩa” năm 1968, Tỉnh ủy chỉ đạo ban cán sự phụ trách các khu vực phải “đề ra nhiệm vụ, kế hoạch cho từng chi bộ, từng đảng viên và nòng cốt, tiến hành chỉnh huấn tư tưởng, nâng cao nhận thức trong tình hình mới, giúp cán bộ, đảng viên đánh giá đúng địch, ta, thấy được khó khăn, vũng vằng kiên định trong nhiệm vụ mới” [6, tr.190]. Cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa phải có quá trình, nhưng không kéo dài, cũng không phải một sớm, một chiều, càng gần đến thắng lợi càng gian nan, vì vậy “phải thật vững vàng trên trận địa chính trị tư tưởng” [6, tr.226].

Ở Rạch Giá: từ giữa năm 1965, sau khi tiếp thu Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (3-1965), Tỉnh ủy đã tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng trong toàn thể Đảng bộ và quần chúng. Sau đợt học tập, cán bộ đảng viên, quần chúng đã có chuyển biến quan trọng về nhận thức, đã nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ, nắm được chỗ mạnh và chỗ yếu của Mỹ, từ đó đã khắc phục tư tưởng “ngán” Mỹ, nâng cao ý chí và quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ [194, tr.112]. Một số tờ báo như: tờ *Giải phóng* - tiếng nói của Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Rạch Giá (đến 30-9-1965 đổi thành *Chiến Thắng* và ra số đầu tiên), các tờ *Tin tức Rạch Giá*, *Tin tức Khmer* vẫn được duy trì thường xuyên nhằm thông tin thời sự, vạch trần những tội ác của Mỹ và tay sai, phản ánh thắng lợi của cách mạng, kịp thời cổ vũ, giáo dục, tuyên truyền, định hướng công tác tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân [194, tr.120].

Ở Cà Mau: để đối phó với những hành động “tát dân”, “tách dân ra khỏi Đảng” của đối phương, Tỉnh ủy xác định nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng bộ là lãnh đạo nhân dân kiên cường bám trụ, giữ vững vùng nông thôn giải phóng, Tỉnh ủy tổ chức sinh hoạt tư tưởng trong toàn Đảng bộ, quán triệt nắm rõ tình hình Mỹ thay đổi chiến lược trong thế thua nhưng chúng càng ngoan cố, cuộc kháng chiến càng gay go, ác liệt, không được chủ quan buông lơ tinh thần chiến đấu [64, tr.294]. Các cấp ủy Đảng tổ chức học tập cho cán bộ cốt cán, nhất là lực lượng vũ trang luôn sẵn sàng chiến đấu. Từ giữa 1967, để đối phó với những cuộc càn quét tập trung kết hợp các thủ đoạn chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng, Tỉnh ủy chủ trương “đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng; tăng cường củng cố và phát triển Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, nhất là các cơ sở

Đảng trong lòng địch” [64, tr.295, 300]; tư tưởng của cán bộ, đảng viên phải “thông suốt nhiệm vụ, xây dựng quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ”. Công tác giáo dục, tuyên truyền trong nhân dân được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo.

Có thể thấy, mặc dù trong một số thời điểm, đặc biệt mỗi khi Mỹ triển khai chiến lược chiến tranh mới, thời điểm cách mạng gặp khó khăn (1968) tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên bộc lộ hạn chế, khuyết điểm như: chủ quan, kinh địch, buông lỏng chế độ sinh hoạt Đảng hoặc cầu an, dao động... Tuy nhiên, về cơ bản và bao trùm, việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng về tư tưởng của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ những năm 1961 - 1968 luôn được quan tâm và đã đạt được những kết quả quan trọng: công tác giáo dục, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên kịp thời, liên tục, bắt đúng nhịp và đáp ứng đúng yêu cầu thực tiễn; xây dựng được đội ngũ vững vàng về chính trị, kiên định lập trường; tiếp tục củng cố sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ; khơi dậy sức mạnh trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cùng quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

2.2.2.3. Xây dựng Đảng bộ về tổ chức

Sau khi Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ được thành lập, Khu ủy được kiện toàn, đã chỉ đạo các ngành và cấp ủy địa phương tiếp tục củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng, các cơ quan lãnh đạo kháng chiến. Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, địch liên tục đánh phá, Đảng bộ Khu chủ trương tăng cường các biện pháp bảo vệ an toàn hệ thống tổ chức và các cơ sở Đảng; xây dựng chi bộ và phát triển đảng viên, gây dựng “nòng cốt” ở vùng địch kìm kẹp, vùng yếu. Nhanh chóng hoàn thiện hệ thống tổ chức Mặt trận dân tộc giải phóng từ cấp khu đến cấp xã; mở rộng và phát triển các hội, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội. Bám sát quần chúng, tiến hành mọi biện pháp, hình thức đấu tranh, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu, hành động chiến tranh mới của đế quốc Mỹ. Cấp ủy các cơ quan chuyên môn, ban, ngành từ cấp khu đến cấp huyện phải khẩn trương củng cố tổ chức, bổ sung, kiện toàn nhân sự lãnh đạo, hoàn chỉnh hệ thống tổ chức. Ở các xã, cấp ủy phân công các chi ủy viên phụ trách từng lĩnh vực cụ thể theo yêu cầu thực tiễn cơ sở.

Để đáp ứng yêu cầu công tác tổ chức, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với việc nâng cao năng lực tổ chức chiến đấu của lực lượng vũ trang, Khu

ủy quyết định chuyển Ban Quân sự miền Tây lên thành Ban Quân sự Khu ủy Tây Nam Bộ. Từ tháng 6-1963, Ban Quân sự Khu ủy tiếp tục được tăng cường, nâng cấp thành Bộ Tư lệnh Quân khu. Bộ Tư lệnh gồm: Tư lệnh Đồng Văn Cống (Ủy viên Thường vụ Khu ủy), Phó Tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng Nguyễn Hoài Pho, Chính ủy Nguyễn Thành Thơ (Bí thư Khu ủy), Phó Chính ủy Trần Văn Long (Khu ủy viên, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh chuyển sang). Đảng lãnh đạo lực lượng vũ trang Quân khu theo cơ chế “song trùng lãnh đạo”: Quân Khu ủy vừa chấp hành mệnh lệnh, chỉ thị của Quân ủy Miền, vừa chịu sự lãnh đạo của Khu ủy; Bí thư Khu ủy đồng thời là Bí thư Quân Khu ủy. Các Ban Cán sự Tỉnh đội, Huyện đội chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy, Tỉnh ủy, Huyện ủy và tổ chức thực hiện các mệnh lệnh, chỉ thị, kế hoạch quân sự của Quân khu.

Cuối năm 1964, đáp ứng yêu cầu về tăng cường lãnh đạo cán bộ cấp Khu, đẩy mạnh lãnh đạo kháng chiến, đánh thắng hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Trung ương Cục miền Nam bổ sung 08 cán bộ vào Ban Chấp hành Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ, gồm: Nguyễn Hoài Pho, Nguyễn Văn Sĩ, Nguyễn Hồng Sơn, Phan Thị Tốt, Nguyễn Thị Đước, Nguyễn Hữu Sanh, Nguyễn Văn Hơ, Phạm Văn Kiệt, nâng số ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khu lên 19 đồng chí. Ban Thường vụ Khu ủy gồm 5 đồng chí: Nguyễn Thành Thơ, Bí thư; Vũ Đình Liệu, Phó Bí thư và các ủy viên: La Lâm Gia, Trần Văn Long, Đồng Văn Cống. Lúc này, số lượng Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khu là 19 người [2, tr.408].

Để chủ động đối phó với chính sách “bình định” tăng cường “giành trái tim và khối óc của người dân” của của đối phương, Khu ủy chỉ đạo các cơ quan cấp Khu và cấp tỉnh tăng cường cán bộ, đảng viên về cơ sở để trực tiếp nắm tình hình và chỉ đạo phong trào. Bám sát tinh thần chỉ đạo và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng bộ Khu, các Đảng bộ địa phương ra sức xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy tổ chức và lãnh đạo, đội ngũ đảng viên trở thành hạt nhân trong tổ chức lực lượng, lãnh đạo xây dựng các xã ấp chiến đấu, xây dựng các cơ sở “nòng cốt” và phát triển đảng.

Ở Trà Vinh: Tỉnh ủy quán triệt yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh phải đi đôi với “đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đủ khả năng lãnh đạo phong trào, chấn chỉnh lề lối làm việc” để đủ sức tổ chức và lãnh đạo thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của cách mạng [195, tr.133].

Thực hiện phương châm tự lực, tự cường, tổ chức gọn, từ năm 1961, Tỉnh ủy chỉ đạo củng cố bộ máy cấp ủy từ tỉnh ủy đến huyện ủy và các chi bộ cơ sở (chi ủy); đề bạt, bổ sung cán bộ chỉ huy quân sự, đứng đầu các ban, ngành các cấp; kiện toàn bộ máy binh vận làm công tác tham mưu cho các cấp ủy trong chỉ đạo xây dựng cơ sở trong lòng địch, bố trí đưa cán bộ, đảng viên cài vào các đồn bót, hậu cứ, kho tàng, các đơn vị pháo binh, thiết giáp, công binh, bộ binh và các trận địa pháo của địch.

Ở Vĩnh Long: Tỉnh ủy chỉ đạo tăng cường xây dựng và phát triển đội ngũ đảng viên trong các vùng giải phóng nhằm tạo cơ sở nền tảng để xây dựng lực lượng và phát triển tổ chức Đảng trong các vùng tranh chấp, vùng địch kèm với nhiệm vụ trọng tâm là phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng ở cấp tỉnh và cấp huyện. Đẩy mạnh công tác xây dựng, phát triển Đảng ở cấp cơ sở, trong đó chú trọng phát triển đảng viên và cơ sở Đảng tại những “vùng trắng” cơ sở đảng. Đến đầu 1963, toàn tỉnh có khoảng 1.000 đảng viên, trong đó 50 xã có chi bộ đảng, 18 xã có đảng viên, còn 8 xã chưa có đảng viên [7, tr. 193]. Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy, chi bộ ở địa phương phát động phong trào thi đua lao động, tăng gia sản xuất gắn với xây dựng làng, xã chiến đấu, cải tạo địa hình thành các “lỗm căn cứ” để tổ chức kháng chiến [7, tr.195].

Ở Cần Thơ: từ năm 1961, Tỉnh ủy khẩn trương chỉ đạo phát triển đảng viên mới, kiện toàn các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở xã, ấp; đẩy mạnh xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng đều khắp. Trên cơ sở đó, các địa phương trong tỉnh tiến hành củng cố, gây dựng chi bộ vùng địch kèm, chọn lựa quần chúng cốt cán, đoàn viên, thanh niên có thành tích trong các phong trào cách mạng, nhất là phong trào đồng khởi để bồi dưỡng phát triển Đảng [62, tr. 96]. Cuối năm 1961, toàn tỉnh có 136 chi bộ với 1.878 đảng viên [62, tr.103]. Đến cuối năm 1963, toàn tỉnh có 197 chi bộ với 3.179 đảng viên sinh hoạt trong 9 chi bộ thị xã, 6 chi bộ thị trấn và 59 chi bộ xã trên tổng số 70 xã (còn 10 xã của huyện Thốt Nốt chưa có chi bộ và xã Thới An, huyện Ô Môn bị đánh rã chưa thành lập được trở lại). Thực hiện chủ trương của Khu ủy, Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức học tập và hướng dẫn các ngành cấp tỉnh, các huyện đưa một số cán bộ có năng lực về tăng cường cho cấp xã, ấp có phong trào yếu; sắp xếp lại bộ phận chuyên môn của tỉnh, huyện gọn, nhẹ, thích hợp với chiến trường tranh chấp của tỉnh nhằm giảm thiểu số cán bộ thoát ly sản xuất.

Ở Sóc Trăng: Tỉnh ủy thành lập các Ban: Quân sự, An ninh, Tuyên văn giáo, Tổ chức, Dân vận, Phụ vận, Nông vận, Mặt trận dân tộc giải phóng Tỉnh và thành lập Ban đấu tranh chính trị. Bổ sung một số đồng chí vào Tỉnh ủy và phân công các Tỉnh ủy viên phụ trách các ban, ngành tỉnh, bí thư huyện, thị nhằm bảo đảm lãnh đạo phong trào toàn diện [6, tr.84]. Công tác phát triển đảng đặc biệt quan tâm đến vùng yếu, vùng có đông đồng bào Khmer, những ấp chưa có đảng viên thị trấn, thị xã. Số lượng đảng viên tăng nhanh: từ 1.000 đảng viên năm 1961 tăng lên 2.470 đảng viên năm 1962. Nhiều cán bộ người Khmer, Hoa được đào tạo và được bố trí vào các cấp ủy xã, huyện, tỉnh [6, tr.101; 111].

Ở Rạch Giá: năm 1961, Đảng bộ các huyện có bước trưởng thành khá vững vàng trong công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, hầu hết các xã trong tỉnh đều có chi bộ, trừ thị trấn Dương Đông và một số phường trong nội ô thị xã Rạch Giá [194, tr.69]. Tỉnh ủy tăng cường đội ngũ cán bộ vào các vị trí lãnh đạo cốt cán Tỉnh ủy và phân công cán bộ phụ trách các ban, ngành của tỉnh như Quân sự, Tuyên Văn giáo, An ninh... đồng thời tăng cường đội ngũ cán bộ từ cấp huyện xuống trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn các chi bộ cơ sở và xây dựng các nòng cốt, phát triển tổ chức [2, tr.475].

Ở Cà Mau: trong 02 năm 1963 - 1964 phát triển được gần 1.000 đảng viên, nâng tổng số đảng viên của toàn tỉnh lên 4.000 đồng chí. Số đảng viên mới hầu hết là cán bộ, hội viên các đoàn thể, năng lực, bản lĩnh chính trị đội ngũ đảng viên được rèn luyện qua thử thách, trưởng thành từ quá trình chiến đấu và công tác. Chất lượng và sức chiến đấu của đảng viên góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ [64, tr.290]. Đến cuối năm 1964, số lượng đảng viên đã có 7.000 đồng chí [24, tr.484].

Đến cuối năm 1964, hệ thống tổ chức Đảng từng bước được kiện toàn và hoàn chỉnh từ cấp Khu đến cấp xã. Về số lượng đảng viên toàn Khu (T3) đến cuối năm 1964 có 23.311 đảng viên [11, tr.963].

Nhằm tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, tháng 1-1965, *Hội nghị xây dựng Đảng miền Tây lần thứ nhất* được triệu tập. Hội nghị đã thảo luận, quyết định nhiều vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, xây dựng Đảng: Thông qua đề án công tác tư tưởng; công tác phát triển Đảng

và xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng; kiện toàn hệ thống cấp uỷ và các cơ quan chuyên môn trong hệ thống tổ chức, lãnh đạo kháng chiến. Cùng với tổng kết những thành tựu đạt được, Hội nghị nghiêm khắc phê phán một số biểu hiện lệch lạc trong bộ phận cán bộ đảng viên, và chỉ đạo phải khắc phục ngay, như: “công thần địa vị... chưa nêu cao vai trò tiên phong lãnh đạo trong Đảng” [89, tr.21]. Tại Hội nghị, Khu uỷ chỉ rõ:

Nguyên nhân chủ yếu của những thiếu sót, nhược điểm đó là do các cấp uỷ chưa thấy hết tầm quan trọng của công tác cán bộ (...) Các cơ quan làm công tác cán bộ chưa được kiện toàn về tổ chức, về nghiệp vụ chuyên môn và lề lối làm việc chưa nền nếp, do đó chuyên môn chưa đủ sức giúp cấp uỷ chỉ đạo cụ thể công tác, việc quản lý cán bộ chưa chặt nên thiếu cơ sở đề ra chính sách cán bộ toàn diện, kịp thời mà thường là đề ra từng mặt có tánh chất chấp vá [89, tr.25].

Khu uỷ yêu cầu, từng cấp uỷ Đảng, chi bộ phải nghiêm túc kiểm điểm, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc; tăng cường công tác quản lý đảng viên, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng. Khu uỷ nhấn mạnh, cấp uỷ toàn Khu phải thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện hiệu quả công tác tự phê bình và phê bình, kịp thời uốn nắn những biểu hiện lệch lạc trong tư tưởng, chính trị để xây dựng tập thể cấp uỷ, tổ chức Đảng đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, đủ uy tín, sức mạnh lãnh đạo kháng chiến.

Sau Hội nghị xây dựng Đảng miền Tây lần thứ nhất, hệ thống tổ chức Đảng từ cấp Khu bộ đến cấp Đảng bộ, chi bộ ở cơ sở tiếp tục được chỉnh đốn, kiện toàn. Các cơ quan chuyên môn ở các ban, ngành Khu và các tỉnh được bổ sung, hoàn chỉnh. Sự lãnh đạo của cấp uỷ đối với các cơ quan chính quyền, quân đội, đoàn thể, Mặt trận..., được phân định rõ, từng bước khắc phục tình trạng hoạt động chồng chéo.

Những kết quả đạt được trong công tác xây dựng, phát triển Đảng là yếu tố hạt nhân nền tảng và then chốt quyết định thắng lợi nhiệm vụ lãnh đạo kháng chiến trên địa bàn, góp phần cùng quân và dân toàn miền đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Chủ động lãnh đạo quân và dân đối phó với các hành động chiến tranh mới của đế quốc Mỹ, Khu ủy Tây Nam Bộ quán triệt nghiêm túc Nghị quyết của Hội nghị công tác Đảng và công tác chính trị lần thứ hai của Quân uỷ Miền (8-1966), tiếp tục kiện toàn tổ chức Đảng và lực lượng vũ trang. Trong hệ thống quân đội, quy định rõ về tổ chức, nhiệm vụ của hệ thống cơ quan chính trị các cấp (Quân Khu uỷ, Ban Cán sự Tỉnh đội, Ban Cán sự huyện đội). Quân Khu uỷ và các Ban Cán sự tỉnh, huyện chịu sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương và sự lãnh đạo của cấp uỷ quân sự cấp trên [68, tr.372]. Chỉ đạo cấp uỷ các Ban, ngành Khu rà soát, kiểm điểm lại tình hình tổ chức và hoạt động. Phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, không ngừng củng cố, xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh, thường xuyên kiểm điểm công tác tổ chức và hoạt động lãnh đạo.

Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng thế trận “hai chân”, phát triển “ba mũi giáp công” ở các thị xã, thị trấn, Khu uỷ chỉ đạo cấp uỷ các ban, ngành cấp khu và các tỉnh phải thực hiện hiệu quả công tác củng cố chi bộ; phát triển chi bộ ở các xí nghiệp, khu xóm lao động, ngành nghề, trường học... ra sức xây dựng và phát triển cơ sở Đảng, Đoàn và thực lực chính trị, vũ trang đều khắp, tranh thủ thời cơ đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trước mắt, đồng thời bảo tồn, tích trữ lực lượng chuẩn bị cho phương hướng tổng công kích, tổng khởi nghĩa [94, tr.5].

Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh phải gắn liền với hiệu quả trong tổ chức xây dựng lực lượng chính trị, đẩy mạnh hơn nữa công tác vận động các giai cấp cách mạng, các tầng lớp, giới như tiểu tư sản, công nhân, học sinh, sinh viên, trí thức; gắn liền với việc nêu các khẩu hiệu thiết thực như: Chống địch càn quét, bắn giết bừa bãi, chống bắt lính, chống văn hoá phẩm đồi trụy, xây dựng văn hoá dân tộc. Do tính chất đặc biệt của các thị xã, thị trấn với sự tập trung cao của lực lượng quân đội, cảnh sát, chính quyền địch nên việc xây dựng lực lượng vũ trang chủ yếu là bí mật, gồm: tự vệ, du kích, đội biệt động (đặc công) thị xã [94, tr.8].

Nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ quan bảo vệ tổ chức gắn với tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp uỷ; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đặc biệt là đội ngũ trinh sát, điệp báo, nội tuyến, bí mật để tăng cường cho các thị xã, thị trấn, vùng yếu, vùng địch kìm,

“củng cố bộ máy mạnh, gọn nhẹ, tăng cường các lực lượng chiến đấu ở các cấp, chú ý xã vùng yếu, đô thị, giản chính biên chế các bộ phận công kênh nặng nề, chấp hành đúng chế độ ban chuyên môn của Đảng [95, tr.7, 10, 16].

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết, chỉ thị của Khu ủy, đồng thời căn cứ điều kiện thực tiễn trên từng địa bàn, cấp ủy Đảng các địa phương đã chủ động và thực hiện củng cố hệ thống tổ chức Đảng, ra sức phát triển đội ngũ đảng viên.

Ở Sóc Trăng: năm 1966 phát triển được 45 đảng viên, khôi phục các chi bộ cơ sở ở những vùng khó khăn, đưa các chi bộ ly hương về bám trụ hoạt động. Đến cuối năm 1967, công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều kết quả, “chi bộ tự động” có kinh nghiệm lãnh đạo toàn diện, vững vàng về chính trị tư tưởng; số lượng đảng viên tăng lên 3.877 đồng chí; ở vùng yếu, vùng kèm số “ấp trắng” được thu hẹp, phát triển được 2.208 đoàn viên thanh niên lao động, 26.238 hội viên các đoàn thể. Đến năm 1968, số lượng đảng viên là 4.075 đồng chí [6, tr.173, 185, 229].

Ở Cần Thơ: công tác kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ luôn được Đảng bộ quan tâm, bảo đảm tinh tinh, gọn, hướng về cơ sở. Tháng 8-1967, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị (mở rộng) nhằm quán triệt chủ trương của Trung ương và của Khu ủy. Nghị quyết Hội nghị chỉ rõ, việc tăng cường cán bộ, đảng viên có quan điểm, lập trường vững vàng, có kinh nghiệm chỉ đạo phong trào cách mạng của quần chúng vào những vùng trọng điểm, cùng với số đảng viên tại địa phương kiên cường bám đất, bám dân, tuyên truyền, phát động quần chúng, phát động phong trào du kích chiến tranh, xây dựng cơ sở cách mạng. Đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Tỉnh ủy viên để chỉ đạo những lĩnh vực quan trọng và các địa bàn trọng yếu. Về công tác phát triển đảng, năm 1966 toàn tỉnh phát triển được 489 đảng viên. Cuối năm 1966, Cần Thơ có 72 xã, trong đó 62 xã có chi bộ Đảng với 5.300 đảng viên [62, tr.187-188]. Đến cuối năm 1968, toàn tỉnh có 5.000 đảng viên, 2.200 đoàn viên, 60.000 hội viên đoàn thể, 400 địa phương quân tỉnh, 230 địa phương quân huyện và 1.500 du kích xã, ấp [62, tr.254].

Ở Trà Vinh: công tác củng cố hệ thống tổ chức, đội ngũ cán bộ tiếp tục được quan tâm cả về số lượng và chất lượng, xây dựng “chi bộ tự động” ở các

địa phương và “chi bộ ba tốt” (xây dựng, phát triển, lãnh đạo) đối với lực lượng vũ trang. Đến cuối năm 1965, số lượng Tỉnh ủy viên có 21 đồng chí [195, tr.153-156].

Ở Vĩnh Long: thực hiện phương châm “nâng cao sức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Các ngành, các lực lượng cách mạng đều có đảng viên lãnh đạo” [28, tr.538]. Từ tháng 5 đến tháng 7-1965, Ban Chấp hành kiện toàn, phân công các chức vụ chủ chốt các ban, ngành [28, tr.209]. Về phát triển đảng, cuối năm 1965, toàn Đảng bộ có 2.098 đảng viên, trong đó có trên 1.300 đảng viên sinh hoạt tại các chi bộ cơ quan và lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, có 724 đảng viên sinh hoạt ở các chi bộ xã, thị trấn và các hộ (tương đương cấp phường). Toàn tỉnh có 73 chi bộ, trong đó có 53 chi bộ xã và 20 chi bộ lực lượng vũ trang; 13 xã có đảng viên nhưng chưa có chi bộ và có 13 xã vắng đảng viên [28, tr.219-220]. Đến đầu năm 1967, Ban Chấp hành Đảng bộ tiếp tục được tăng cường thêm 13 đồng chí, nâng số ủy viên lên 21 đồng chí. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, thúc đẩy phong trào cách mạng của địa phương, Tỉnh ủy bố trí đưa 24 cán bộ về chỉ đạo các tuyến, các vùng quan trọng [28, tr.229]. Các tổ chức đoàn thể thanh niên, phụ nữ, nông hội được quan tâm xây dựng, đồng thời tạo nguồn phát triển đảng viên.

Ở Rạch Giá: ngay khi đối phương triển khai chiến lược “chiến tranh cục bộ”, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, ngành kiện toàn, củng cố hệ thống tổ chức Đảng, phát triển lực lượng, mở rộng thành phần trí thức, tư sản có tinh thần yêu nước trong Mặt trận và các tổ chức, đoàn thể cách mạng; thành lập Ban công tác vận động người Hoa cùng với xây dựng các cơ sở [194, tr.112-113]. Từ cuối 1966 Đảng bộ tỉnh thực hiện chủ trương xây dựng “chi bộ tự động”, tổ chức tập huấn về nội dung, yêu cầu và giải pháp xây dựng cơ sở ở vùng yếu; phân công hơn 50 cán bộ có trình độ lý luận trung cấp và sơ cấp từ các cơ quan cấp tỉnh xuống hỗ trợ các huyện, xã. Lập 2 đoàn chỉ đạo riêng về xây dựng chi bộ tự động và chỉ đạo xây dựng cơ sở Đảng ở vùng yếu và phân công cán bộ đảm nhiệm. Thời gian này, Tỉnh cũng được Khu ủy phân công cán bộ ở các cơ quan của Khu về trực tiếp chỉ đạo tại 8 xã giải phóng [194, tr.130]. Đầu năm 1967, ở 53 xã, thị trấn trong tỉnh đều có chi bộ. Riêng thị xã Rạch Giá lập được 5 chi bộ với 25 đảng viên. Đến cuối năm 1967, toàn tỉnh có 3.877 đảng viên [194, tr.134, 139].

Ở Cà Mau: Đảng bộ luôn gắn kết nhiệm vụ xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng gắn liền và đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên từng địa bàn; nâng cao chất lượng đảng viên, nhất là các cơ sở đảng trong lòng địch. Toàn Đảng bộ, cuối năm 1966 có 315 xã có chi bộ Đảng; 12 xã có đảng viên nhưng chưa có chi bộ, 20 xã trắng [22, tr.537]. Năm 1967, toàn Đảng bộ phát triển được 386 đảng viên, thành lập được một số Đảng bộ và chi bộ hoạt động bí mật ở thị xã, thị trấn và trong bộ máy của địch. Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng đã kết nạp thêm 700 đoàn viên, phát triển được 1.465 hội viên thanh niên giải phóng và 6.000 nam nữ thanh niên tham gia dân quân, du kích xã [64, tr.302].

Cuối năm 1967, Khu ủy tiếp tục kiện toàn nhân sự, bố trí điều động phân công các Khu ủy viên giữ các chức vụ lãnh đạo các địa phương: Đồng chí Vũ Đình Liệu, Ủy viên Ban Thường vụ Khu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Cần Thơ; Trần Văn Long, Ủy viên Ban Thường vụ Khu giữ chức vụ Phó Chính ủy Quân khu [2, tr.524].

Tính chung toàn Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ cuối năm 1967 có 26.377 đảng viên. Đến cuối năm 1968 có 31.730 đảng viên [138, tr.2]. Riêng từ tháng 1 đến khoảng giữa 1968, phát triển thêm được 1.822 đảng viên, đồng thời xây dựng được “nguồn” hùng hậu để phát triển Đảng với 1.715 đoàn viên, 6.700 nông hội, 6.000 phụ nữ giải phóng [110, tr.2].

Sau những tổn thất từ các đợt Tổng tấn công và nổi dậy, Khu ủy chỉ đạo cấp ủy các địa phương gấp rút về củng cố khu vực nông thôn, tổ chức tại các vùng giải phóng và tranh chấp. Bám sát và thực hiện nguyên tắc “lấy việc củng cố chi bộ làm gốc, có củng cố được chi bộ mới củng cố được đoàn thể và dân quân du kích” [99, tr.9]. Khu ủy đặc biệt nhấn mạnh công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và lãnh đạo phong trào ở những “vùng yếu”, nhằm phá tan mọi kế hoạch của đối phương trong việc đẩy mạnh bình định, bắt lính và làm bàn đạp tấn công vùng giải phóng, căn cứ của ta. Trên cơ sở đó, Khu ủy tiếp tục phân công một số Khu ủy viên nắm sát Tỉnh ủy, trực tiếp nắm một hoặc hai Huyện để trực tiếp chỉ đạo, đưa một số cán bộ chuyên môn của khu, tỉnh, huyện và xã (có vùng yếu) “đi công tác vùng yếu”. Tỉnh nào vùng yếu tương đối rộng

thì Tỉnh ủy viên xuống huyện để trực tiếp giúp huyện, xã xây dựng, củng cố chi bộ và lãnh đạo phát triển phong trào, phát triển lực lượng [99, tr.10].

Thực tiễn công tác xây dựng, phát triển tổ chức bảo đảm tính hệ thống, chặt chẽ từ cấp khu đến cấp xã. Phạm vi tương đối đều khắp các vùng bảo đảm tính trực tiếp và toàn diện của Đảng trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo kháng chiến. Công tác xây dựng tổ chức và phát triển Đảng đi đôi với củng cố, bảo vệ tổ chức, bảo vệ cán bộ. Tuy nhiên, trong giai đoạn này vẫn còn một số hạn chế nhất định, công tác xây dựng, phát triển Đảng ở đô thị còn khá “mỏng”, thậm chí ở một số địa phương vẫn còn nhiều xã, ấp “trắng” chi bộ, như Cần Thơ đến cuối năm 1963 vẫn còn 126 “ấp trắng”, 549 ấp chưa có tổ Đảng, chi bộ ấp [62, tr.124, 125]; một số cấp ủy, chi bộ còn thiếu cảnh giác trong công tác bảo mật; công tác quản lý đảng viên có lúc, có nơi chưa chặt chẽ... phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả trong công tác xây dựng Đảng nói riêng và lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến nói chung.

Tiểu kết chương 2

Giai đoạn 1961 - 1968, Đảng bộ và Nhân dân Khu Tây Nam Bộ phải đối phó với 2 loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ: “chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) và “chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968) với muôn vàn khó khăn và thử thách. Đảng bộ, trước hết là Khu ủy và các cấp ủy Đảng luôn bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam, đồng thời, nắm bắt rõ, nhận diện sớm âm mưu, thủ đoạn triển khai chiến lược của đối phương, nắm rõ đặc thù tình hình từng địa phương, trên từng địa bàn, đề ra những chủ trương, giải pháp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng đúng đắn, kịp thời, sát hợp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng toàn Khu.

Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ từ khi được thành lập và liên tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng giai đoạn 1961 - 1968, mặc dù trong một số thời điểm, có những khó khăn hạn chế, các cấp bộ Đảng trong toàn Đảng bộ, trong đó đứng đầu là Khu ủy sớm đề ra chủ trương, nhiệm vụ chính trị và chỉ đạo hướng dẫn cấp ủy các địa phương, ngành ngành trong toàn Khu khắc phục khó khăn, điều chỉnh, bổ sung chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị; kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn những lệch lạc trong công tác tư tưởng, tạo lập sự thống nhất trong ý chí, lập trường tư tưởng và kiện toàn, phát triển tổ chức. Đây là yếu tố then chốt bảo đảm cho Đảng bộ không ngừng phát triển vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, ngang tầm nhiệm vụ, qua đó góp phần lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trên địa bàn giai đoạn 1961 - 1968.

Chương 3
ĐẢNG BỘ KHU TÂY NAM BỘ
ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG
ĐƯA KHÁNG CHIẾN ĐẾN THẮNG LỢI (1969 - 1975)

3.1. SỰ CHUYỂN BIẾN TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG ĐẾN NHIỆM VỤ
XÂY DỰNG ĐẢNG Ở KHU TÂY NAM BỘ (1969 - 1975)

3.1.1. Tây Nam Bộ trong bối cảnh Mỹ triển khai chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 trên địa bàn các tỉnh Tây Nam Bộ tuy không có những trận đánh lớn, đồng loạt và “không đạt được ý định chỉ đạo của trên về tổng công kích, tổng khởi nghĩa” [35, tr.469] nhưng về mặt chiến lược, quân và dân Tây Nam Bộ cùng quân và dân cả nước đã giáng một đòn mạnh mẽ làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận đàm phán và rút dần quân viễn chinh cùng lực lượng đồng minh của Mỹ về nước. Song với bản chất ngoan cố và hiếu chiến, đế quốc Mỹ tiếp tục theo đuổi chiến tranh ở Việt Nam với chiến lược mới “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Chiến lược chiến tranh mới của Mỹ thực chất là “dùng người Việt giết người Việt” nhằm hạn chế sự thiệt hại về sinh mạng cho thanh niên Mỹ, xoa dịu làn sóng chống chiến tranh trong nước và quốc tế đang dâng cao; chiến lược này được hỗ trợ bởi các giải pháp bao vây, bóp nghẹt, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh viện trợ vũ khí, đô la, do Mỹ chỉ huy. Từ 1969 đến 1973, số viện trợ của Mỹ cho chính quyền VNCH tăng rất nhanh qua các năm: 1969: 1,7 tỷ đô la; năm 1970: 2 tỷ đô la; năm 1971: 2,5 tỷ đô la; năm 1972: 3 tỷ đô la và đến năm 1973 tăng đột biến lên 3,38 tỷ đô la. Từ năm 1969 đến năm 1975, Mỹ đã viện trợ cho chính quyền VNCH 16 tỷ đô la, trong đó, 13 tỷ đô la là viện trợ quân sự trực tiếp, 3 tỷ đô la là viện trợ kinh tế, phần lớn là trả lương cho công chức, sĩ quan, binh lính [181, tr.51].

Về sự chuyển đổi cấu trúc lực lượng từ chiến lược “chiến tranh cục bộ” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, việc rút quân viễn chinh được Mỹ

thực hiện từng bước một trên cơ sở những kết quả của việc củng cố, tăng cường nguy quân, nguy quyền VNCH: từ 6-1969 đến 1-1972 Mỹ thực hiện 10 đợt rút quân, đến tháng 1-1972 vẫn còn hơn 150.000 quân [20, tr.315]. Trên thực tế chiến trường, Mỹ vừa “xuống thang” chiến tranh nhưng vừa phối hợp chặt chẽ với lực lượng VNCH phản công quyết liệt quân giải phóng trên các vị trí chiến lược quan trọng; tăng cường, mở rộng chiến tranh sang toàn Đông Dương, đồng thời hậu thuẫn đắc lực cho các lực lượng quân VNCH để đẩy mạnh chính sách “bình định” nông thôn với sự viện trợ vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, kể cả các loại vũ khí hóa học.

Từ đầu tháng 4-1972, để cứu vãn những thất bại của quân VNCH, Mỹ tiếp tục quay trở lại đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Đến cuối tháng 10-1972, sau những thắng lợi của quân và dân ta trên chiến trường 2 miền Nam - Bắc, Mỹ buộc phải chấp thuận các điều khoản dự thảo Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở miền Nam. Tuy nhiên, sau khi tái đắc cử tổng thống Hoa Kỳ nhiệm kỳ thứ 38, Richard Nixon đã tráo trở và lật lại những điều khoản Hiệp định Pa-ri và ráo riết triển khai chiến dịch Linebacker II - ném bom tàn phá miền Bắc nhằm tạo lợi thế và sửa lại các điều khoản bất lợi của Mỹ. Đồng thời, trên chiến trường, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu ra sức phản kích lực lượng cách mạng. Nhưng một lần nữa tham vọng của Mỹ bị phá sản Trận Điện Biên Phủ 12 ngày đêm cuối năm 1972 trên bầu trời Hà Nội, buộc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán và ký kết Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình của Việt Nam tại Pa-ri. Mặc dù đã ký vào bản Hiệp định và rút quân đội về nước nhưng Mỹ vẫn để lại hầu hết vũ khí, phương tiện chiến tranh cùng lực lượng lớn cố vấn Mỹ, tiếp tục viện trợ cho chính quyền VNCH duy trì, kéo dài cuộc chiến.

Về quân sự, đẩy mạnh các cuộc càn quét, thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của lực lượng cách mạng, từng bước khống chế và chiếm giữ vùng đồng bằng rộng lớn; gấp rút bố trí lại chiến trường, điều chuyển về Tây Nam Bộ lực lượng lớn quân tương đương 03 sư đoàn, chủ yếu là biệt động quân và thủy quân lục chiến và tăng cường thêm các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh phù hợp với tác chiến đồng bằng sông nước như pháo, tăng lội nước, thiết giáp. Về chính trị, Mỹ và VNCH ráo riết triển khai chính sách “bình định” dưới dạng dụ dỗ lợi ích

vật chất, chiêu hồi, chiêu hàng nhằm “giành trái tim và khối óc” của nông dân. Ngày 26-3-1970, chính quyền VNCH ban hành “Luật Người cày có ruộng”, thực chất là sự tiếp nối chính sách “cải cách điền địa” trước đây nhằm tiếp tục tăng cường cướp giạt, xáo trộn ruộng đất của nông dân; lấy đất của gia đình cán bộ, chiến sĩ cách mạng hoặc gia đình có cảm tình với cách mạng để chia cho một bộ phận nông dân chưa giác ngộ hoặc trong vùng kìm kẹp hoặc tay sai, qua đó chia rẽ nội bộ nông dân; dụ dỗ, lôi kéo đông đảo nông dân khu vực nông thôn, từng bước xây dựng cơ sở chính trị cho chính quyền Mỹ - Thiệu và tách nhân dân khỏi lực lượng cách mạng. Đây là “một thủ đoạn chính trị bịp bợm hòng lừa gạt dư luận trong và ngoài nước... che đậy làm lạc hướng dư luận về những tội ác man rợ do chính sách bình định cấp tốc, kéo dài chiến tranh của chúng gây ra ở khắp nông thôn miền Nam” [15, tr.125]. Trên thực tế, với nguồn viện trợ lớn từ Mỹ, đối phương cũng đã đạt được một số kết quả nhất định trong việc tác động đến tư tưởng của một bộ phận nhân dân, đặc biệt là tầng lớp trung nông lớp trên.

Để hỗ trợ cho chính sách “bình định”, chính quyền Mỹ đã khai thác triệt để các “tổ chức phi chính phủ” (NGO) như một công cụ để dụ dỗ, nắm bắt thông tin từ nhân dân, đặc biệt hướng đến những đối tượng không có việc làm, tầng lớp dân nghèo ở khu vực nông thôn. Quá trình triển khai các chương trình trên khắp nông thôn miền Nam, các tổ chức phi chính phủ này đã tiếp cận được với một bộ phận tầng lớp nông dân nghèo, và trên thực tế đã đóng góp mang ý nghĩa chính trị vào việc thực hiện các mục tiêu chính trị của Mỹ tại Việt Nam [187, tr.85]. Thực chất, đây là thủ đoạn thực dân mới rất tinh vi của đế quốc Mỹ được khoác chiếc áo “từ thiện”, “nhân đạo” để hướng đến phục vụ mục tiêu trước mắt: biến các tổ chức từ thiện thành công cụ phục vụ các kế hoạch “bình định” nông thôn của chính quyền Mỹ - Nguyễn Văn Thiệu ở miền Nam Việt Nam; và hơn hết là che đậy hành vi và bản chất xâm lược cùng những tội ác chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam.

Cùng với những chiêu bài dụ dỗ, Mỹ và chính quyền VNCH tăng cường các lực lượng kìm kẹp nhân dân. Trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ, từ năm 1969 - 1971, Mỹ thành lập, huấn luyện và trang bị cho 300.000 dân vệ, 250.000 bảo an. Điều động lực lượng chuyên gia, cố vấn từ Sài Gòn về thành lập các cơ

quan mật vụ, thám báo với sự yểm trợ của lực lượng quân đội, thám báo địa phương, những lực lượng này có nhiệm vụ truy lùng, tiêu diệt cán bộ, đảng viên của ta và phá tổ chức đảng, các cơ quan lãnh đạo cơ sở để nắm và giành dân.

Khai thác khó khăn của ta sau các đợt tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, quân đội VNCH nhanh chóng tập hợp lực lượng và tiến hành phản kích, giành lại các đô thị, tái chiếm và mở rộng kiểm soát những vùng nông thôn, hiện thực hóa tham vọng “nhổ cỏ U Minh”, “tiêu diệt cộng sản”. Trên thực tế, đối phương đã đạt được những kết quả ban đầu, gây nhiều khó khăn cho ta. Cuối năm 1968, các tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, quân đội VNCH đã đóng 1.343 đồn, Trà Vinh 400 đồn, Cà Mau 246 đồn (tăng gấp 6 lần so với thời điểm đầu năm 1968). Đến đầu năm 1969, đối phương kiểm soát chiếm 79% dân số toàn Khu Tây Nam Bộ, trong đó phần lớn thuộc vùng nông thôn trọng yếu [35, tr.463-464]. Đồng thời, tăng cường lực lượng quân VNCH bằng các giải pháp bắt lính, đôn quân; đẩy mạnh kết hợp giữa đàn áp với bình định và chiến tranh tâm lý; mở rộng phạm vi càn quét, chiếm đóng ở vùng nông thôn hòng nắm quyền chủ động về mặt chiến lược.

Thực hiện âm mưu “phủ kín, lấp đầy U Minh”, từ năm 1969 chính quyền VNCH ráo riết thực hiện các kế hoạch “bình định cấp tốc”, “lấy bình định nông thôn làm cơ sở bắt lính”, ra sức bắt lính trong công nhân lao động, học sinh, sinh viên, thành thị để đào tạo sĩ quan, hạ sĩ quan, nhân viên kỹ thuật để nhanh chóng hiện đại hóa lực lượng quân đội. Đến giữa năm 1970, tổng số quân VNCH là 139.000 quân thường trực và khoảng 200.000 phòng vệ dân sự [34]. Cuộc chiến giằng co giữa ta và địch ngày càng ác liệt.

Về phía cách mạng, năm 1969 vùng giải phóng Tây Nam Bộ bị thu hẹp chỉ còn 32 xã với 700.000 dân, giảm 41 ấp và 527.000 dân so với năm 1968. Tỉnh Cà Mau, cuối năm 1969 còn 13 xã giải phóng, đến cuối 1970 vùng giải phóng chỉ còn 8 xã [138, tr.1-2]. Tỉnh Vĩnh Long, đến cuối năm 1969, địch cơ bản hoàn thành bình định và đóng thêm 449 đồn bốt các loại; năm 1969 có 539 người đầu hàng năm 1970, có khoảng 1.000 người đầu hàng, chiêu hồi, cầu an, trong đó có cán bộ, không ít đảng viên và cả lực lượng vũ trang [7, tr.264]. Đến cuối năm 1969 toàn khu có 12.000 cán bộ và chiến sĩ bỏ ngũ về nhà (chưa tính Vĩnh Long và Trà Vinh), có 50/250 xã đảng viên bỏ chạy khỏi xã; 40 xã chỉ có

1, 2 đảng viên, không có chi bộ. Lực lượng du kích toàn khu từ 45.000 người đầu năm 1968 chỉ còn 6.200 người vào cuối năm 1969 [35, tr.469]. Tỉnh Cà Mau còn 13 xã giải phóng, chỉ tuyển được 7 tân binh, bổ sung cho chủ lực khu. Địch lần chiếm hầu hết vùng giải phóng. Ta chỉ còn căn cứ U Minh và khu giải phóng Nam Cà Mau [22, tr.624]. Cách mạng ở Tây Nam Bộ bị đẩy vào tình thế vô cùng khó khăn.

Với vai trò là cơ quan chịu trách nhiệm trước Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp cuộc kháng chiến trên địa bàn, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ phải tiếp tục xây dựng, củng cố tổ chức vững mạnh, phát huy vai trò lãnh đạo, nhanh chóng đề ra chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp hiệu quả để đưa cách mạng vượt qua khó khăn, tiếp tục tiến lên.

3.1.2. Chủ trương của Đảng, sự chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam về công tác xây dựng Đảng

Ngày 10-5-1969, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 188-NQ/TW về *tình hình nhiệm vụ*, khẳng định những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược từ cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968), đề ra các mục tiêu và phương châm chiến lược nhằm đập tan ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Bộ Chính trị khẳng định “trong lúc cuộc chiến tranh đang ở vào bước quyết định của giai đoạn mới, vấn đề tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh của các cấp ủy Đảng có một ý nghĩa quyết định” [53, tr.140-143]. Các cấp ủy Đảng phải trên cơ sở đường lối cách mạng của Đảng, nắm thật vững quy luật chiến tranh cách mạng, nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật; tăng cường công tác tổ chức, ra sức phát triển và tăng cường cơ sở đảng, nhất là trong các thành thị và vùng địch kiểm soát; kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Đảng mạnh, gọn, nhẹ, phù hợp yêu cầu tình hình mới; hết sức chú trọng bảo vệ Đảng; đẩy mạnh xây dựng tổ chức quần chúng, chính quyền cách mạng, phải chuyển biến mạnh mẽ về lề lối, tác phong làm việc trong tình hình mới.

Ngày 17-1-1969, Ban Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị số 68/CTNT về công tác tư tưởng trong cán bộ, đảng viên trong tình hình chính trị hiện nay và nhiệm vụ cách mạng khi có sự thay đổi trong nội bộ chính quyền Sài Gòn. Chỉ thị chỉ rõ bản chất và tham vọng của Mỹ và VNCH, đánh giá những diễn biến thực tế rất nhanh và rất phức tạp, đòi hỏi cán bộ và đảng viên

phải luôn “đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, kiên định, dựa vào đường lối, chiến lược, sách lược và chủ trương của Đảng” và tư duy biện chứng để nhận thức tình hình, đánh giá và định ra giải pháp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo [14, tr.40].

Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ chín (tháng 7-1969) đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng: “đẩy mạnh hơn nữa phát triển đảng viên, đoàn viên đều khắp ở ba vùng, đồng thời gấp rút nâng cao chất lượng, gắn chặt và bám sát quần chúng: nắm vững xây dựng và củng cố chi bộ là khâu trung tâm đồng thời ra sức kiện toàn chấn chỉnh các cấp ủy, các ngành để tăng cường lãnh đạo và chỉ đạo toàn diện, cụ thể, sâu sát; tích cực và khẩn trương đào tạo bồi dưỡng cán bộ... tăng cường công tác bảo vệ Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ dân chủ và kỷ luật trong Đảng nhằm xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống” [14, tr.502]. Trung ương Cục miền Nam lưu ý mỗi cấp, mỗi vùng cần có kế hoạch và biện pháp cụ thể trong thực hiện; mỗi chi bộ phải nhận rõ nhiệm vụ, nắm vững và vận dụng phương châm, phương thức đấu tranh và tổ chức cho sát hợp tình hình của từng nơi, từng lúc; công tác kiện toàn, chấn chỉnh tổ chức phải gắn liền với nâng cao trình độ lãnh đạo toàn diện, gắn chặt với củng cố lập trường chính trị, tư tưởng; đề cao tính tự phê bình và phê bình; phát triển, đề bạt gắn liền với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Đối với vấn đề nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức xây dựng lực lượng và tổ chức chiến đấu, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng và củng cố “chi bộ 4 tốt”. Mỗi cấp ủy, đảng viên phải nắm vững nội dung, phương thức của 4 tốt được đề cập tại Nghị quyết 8, đặc biệt là ở Nghị quyết 9 của Trung ương Cục miền Nam, nhấn mạnh: “mỗi đảng viên, mỗi tổ đảng, mỗi chi bộ phải thể hiện được nhận thức tư tưởng, hành động đúng, công tác tốt” [14, tr.639], đồng thời lưu ý các cấp ủy trong công tác chỉ đạo và đánh giá cán bộ, đảng viên phải lấy sự chuyển biến về chính trị, tư tưởng và hiệu quả làm thước đo; lấy tinh thần tự phê bình và phê bình “làm chuẩn chung để đánh giá”; xây dựng người tốt, việc tốt; xây dựng chính trị, tư tưởng vững vàng cho cán bộ, đảng viên đi liền với đẩy mạnh củng cố tổ chức và phải được thực hiện thường xuyên.

Chỉ thị số 17/CT70 ngày 22-5-1970 của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam “về tăng cường công tác chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đảm bảo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Đảng trong bước phát triển mới của tình hình hiện nay” (gửi các khu, phân khu, Sài Gòn - Chợ Lớn, Tỉnh ủy trực thuộc và tất cả các ban ngành đoàn thể Trung ương Cục miền Nam) chỉ rõ các cấp bộ Đảng cần khắc phục triệt để tư tưởng chủ quan mắt cảnh giác trong nhận thức, trong sinh hoạt và công tác, do đó, công tác lãnh đạo tư tưởng phải tiến hành thường xuyên, chặt chẽ; nắm vững tình hình tư tưởng của từng nơi, từng lúc để giải quyết kịp thời nhằm tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng [15, tr.242-243]. Chỉ thị số 26/CT70 ngày 26-8-1970 “về tình hình và nhiệm vụ công tác trước mắt”, Trung ương Cục miền Nam tiếp tục lưu ý các cấp ủy Đảng phải nắm vững các yêu cầu của công tác tư tưởng và tổ chức, bảo đảm sự thông suốt từ trên xuống tận cơ sở; triển khai trong nhân dân thành một cuộc tuyên truyền vận động đấu tranh gắn liền với quyền lợi thiết thân của quân chúng với quyền lợi của cách mạng...; khâu trung tâm và quyết định là phải xây dựng chi bộ bám sâu và tồn tại vững chắc trong dân với yêu cầu tiêu chuẩn hàng đầu là nắm dân, giành dân bảo vệ quyền lợi của dân làm điều kiện cơ bản cho việc tấn công; xây dựng nghị quyết, xác định nhiệm vụ “phải bảo đảm sự thống nhất lãnh đạo của cấp ủy, chỉ đạo phối hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận dựa trên cơ sở phát động hàng triệu quần chúng nông thôn đấu tranh và đồng khởi”, [15, tr.414-417].

Điện số 653/TV ngày 29-8-1970 của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam gửi Khu IX (tên gọi khác của Khu ủy Tây Nam Bộ) định hướng một số yêu cầu sau mỗi đợt hoạt động, Đảng bộ phải rút kinh nghiệm để nâng cao trình độ chỉ đạo; đồng thời, phải hết sức chú trọng xây dựng, củng cố chi bộ để trong lãnh đạo “phải bảo đảm ... thực lực mọi mặt và phong trào 3 mũi tại chỗ từ ít biến thành nhiều, từ yếu biến thành mạnh, từ thấp lên cao”, công tác triển khai nghị quyết, đề ra nội dung lãnh đạo, chỉ đạo phải “càng đi xuống dưới càng gọn, càng sâu và rất cụ thể” [15, tr.419-422].

Tháng 10-1970, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam tiếp tục có Điện số 826/TV chỉ đạo và trao đổi với Khu ủy Khu IX về công tác chống phá bình định, xây dựng lực lượng nhằm đánh bại âm mưu “Việt Nam hóa chiến tranh”. Nhiệm

vụ của Khu IX lúc này “phải có sự cố gắng rất lớn, tập trung chỉ đạo, phát huy mọi lực lượng, kiên quyết đánh bại một bước quan trọng âm mưu bình định của chúng làm thay đổi lực lượng có lợi cho ta” [15, tr.511]. Khu ủy phải có những giải pháp kiên quyết trong kiện toàn tổ chức, “cần kiểm tra lại cơ quan dân đảng các cấp làm cho biên chế gọn nhẹ, thích hợp với tình hình hiện nay và có thêm cán bộ đưa xuống giúp cho cơ sở” [15, tr. 516].

Bước sang năm 1971, khi Mỹ và chính quyền VNCH có những điều chỉnh mới trong triển khai các giải pháp “bình định”, ngày 6-1-1971, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị số 07/CT71 về chuyển hướng công tác tổ chức và xây dựng Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện và sâu sắc của Đảng để đánh bại kế hoạch bình định và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, các cấp ủy Đảng cần nắm vững và làm tốt 4 công tác mấu chốt và cấp bách, cũng là 4 nhiệm vụ trong công tác xây dựng Đảng: làm tốt công tác chi bộ; kiện toàn, chấn chỉnh tổ chức và sửa đổi lề lối làm việc của các cấp ủy đảng và các ban ngành; làm tốt công tác cán bộ và nâng cao cảnh giác và tăng cường công tác bảo vệ Đảng [55, tr.516-529]. Ngày 15-1-1971, Thường vụ Trung ương Cục tiếp tục ra Chỉ thị *Tập trung sức xây dựng chi bộ, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của chi bộ trong đánh phá bình định, phát triển phong trào làm chủ ấp, xã trên khắp nông thôn*, bên cạnh những kết quả đạt được, chi bộ nông thôn vẫn còn một số hạn chế chưa được khắc phục như “chạy theo từng việc chứ không căn cứ vào tình hình mọi mặt của địa phương để chủ động đề ra nhiệm vụ; sinh hoạt, lề lối trong chi bộ thiếu chặt chẽ... công tác vận động quần chúng và công tác xây dựng nội bộ còn nhiều thiếu sót” [16, tr.46]. Vì vậy, các cấp ủy địa phương cần phải nắm vững 5 yêu cầu trong công tác xây dựng chi bộ vững mạnh là: phải đề ra được nhiệm vụ của chi bộ mình lãnh đạo toàn diện phong trào ở xã, ấp mình; xây dựng chi bộ, kiện toàn xã ủy, chi ủy, xây dựng củng cố đoàn thể, ban ngành; xây dựng nền nếp sinh hoạt và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; bám chặt quần chúng, hiểu sâu nguyện vọng quần chúng, đi sâu, ssi sát trong tuyên truyền và tổ chức quần chúng, hết sức chăm lo đời sống quần chúng và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch, đồng thời làm tốt công tác nội bộ, xây dựng chi bộ vững mạnh về tư tưởng và tổ

chức. Phải gắn liền với tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện của các cấp ủy Đảng đối với xây dựng, củng cố chi bộ.

Ngày 30-7-1971, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông tri số 272-TT/TW về tiếp tục chỉ đạo phát triển đảng viên, yêu cầu các cấp ủy Đảng hết sức chú ý đến nhiệm vụ xây dựng tổ chức gắn với công tác phát triển Đảng, trong đó chú trọng làm tốt 4 vấn đề: phải coi trọng công tác kết nạp đảng viên, “nhận thức rõ đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của tổ chức Đảng”; bảo đảm chất lượng đảng viên, đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn và thủ tục; việc phát triển đảng phải thông qua thử thách, trưởng thành từ phong trào đấu tranh cách mạng và thường xuyên kiểm tra chất lượng đảng viên gắn với việc hết sức giáo dục, bồi dưỡng đảng viên mới [55, tr.390-393].

Ngày 10-6-1972, Ban Bí thư tiếp tục ra Thông tri số 281-TT/TW “về tăng cường công tác lãnh đạo và kiện toàn công tác tổ chức của Đảng để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu trong tình hình mới”. Ban Bí thư yêu cầu mỗi cấp ủy Đảng, mỗi chi bộ phải căn cứ vào tình hình của mình mà xác định vị trí, trách nhiệm, giải pháp hiệu quả trong sản xuất, chiến đấu; tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục trong Đảng và ngoài quần chúng; xúc tiến công tác nâng cao chất lượng đảng viên, lấy việc củng cố chi bộ và chất lượng đảng viên làm cơ sở hoàn thành nhiệm vụ; cải tiến công tác chỉ đạo và cách làm của các cấp ủy Đảng cho phù hợp với tình hình mới [56, tr.310-313].

Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, để tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của Đảng trong tình hình mới, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 225-NQ/TW ngày 20-2-1973 “về công tác cán bộ trong giai đoạn mới”, đặt ra những yêu cầu, tiêu chuẩn, phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ. Nhiệm vụ trọng yếu của công tác cán bộ trong giai đoạn mới là “phải gắn liền với việc chấn chỉnh và kiện toàn tổ chức. Phải trên cơ sở xây dựng tổ chức, phát huy sức mạnh của tổ chức mà làm tốt công tác cán bộ” [57, tr.462]. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ, “các cấp ủy Đảng phải thường xuyên thảo luận, chỉ đạo việc giáo dục, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ” [57, tr. 473]. Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương cũng đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng đối với các cấp bộ Đảng ở miền Nam là “xây dựng phải nhằm bảo đảm sự

lãnh đạo toàn diện của Đảng”, phải tăng cường xây dựng Đảng về tư tưởng; tập trung sức cho công tác tổ chức của Đảng chuyển kịp và bảo đảm được nhiệm vụ chính trị trước mắt của cách mạng miền Nam; tổ chức đảng phải đảm bảo tính tập trung, toàn diện, thống nhất, hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện [57, tr.633-635].

Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, nhằm tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo được toàn diện, cụ thể, sâu sát, thống nhất, tập trung trong lãnh đạo và thực hiện các nhiệm vụ cách mạng của Đảng ở miền Nam trong bối cảnh mới. Thông tri số 04-TT.73, ngày 21-4-1973 *Về việc nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường phòng gian bảo mật, bảo vệ nội bộ cơ quan và đơn vị bộ đội* Thường vụ Trung ương Cục miền Nam tiếp tục chỉ rõ những cơ hội và thách thức lớn đối với cách mạng; những âm mưu, thủ đoạn mới của Mỹ và tay sai; những biểu hiện chủ quan, “loì lỏng khá nặng” của một số cơ quan, đơn vị và cán bộ, từ đó lưu ý 5 vấn đề cấp bách trước mắt để bảo vệ tổ chức Đảng, bảo vệ cán bộ, đảng viên [18, tr.178-180].

Ngày 18-11-1973, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị số 04/CT73 *Về mở đợt chỉnh huấn đặc biệt*, phát động đợt “chỉnh huấn” rộng rãi trong toàn Đảng bộ miền Nam, trong đó tập trung nâng cao nhận thức quan điểm, phương châm là phải xây dựng được tư tưởng tiến công, quan điểm bạo lực cách mạng triệt để. Công tác chỉnh huấn phải đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ từ Trung ương Cục đến các khu, các tỉnh, các địa phương, các chi bộ [18, tr.917].

Bước sang năm 1974, khi cục diện lực lượng giữa ta và đối phương đã thay đổi rõ rệt, để tiếp tục phát huy vai trò, nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, ngày 11-1-1974, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam tiếp tục ra chỉ thị số 01/CT.74 *Về việc củng cố, xây dựng chi bộ địa phương*. Trong tình hình mới, các Khu ủy, Tỉnh ủy phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao năng lực công tác của các chi bộ trên các vấn đề trọng yếu như: chi bộ phải bám chặt cơ sở, đi sát quần chúng trong bất cứ tình hình nào; xây dựng nghị quyết phải sát hợp; nắm vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối của mình trong công tác thực tiễn và gương mẫu trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, giữ vững kỷ luật Đảng; nhận thức rõ nhiệm vụ của cách mạng miền Nam

trong giai đoạn mới và nhiệm vụ cụ thể của địa phương và đơn vị; nắm vững và giỏi vận dụng phương châm, phương thức đấu tranh linh hoạt để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị gắn liền với không ngừng nâng cao trình độ chính trị và tổ chức của chi bộ Đảng ở nông thôn và thành thị. Lưu ý việc củng cố phải toàn diện; hệ thống cấp ủy phải nắm chặt tình hình; các ban giúp việc từng cấp ủy phải thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, giúp cấp ủy đảng một cách đặc lực trong chỉ đạo củng cố, xây dựng chi bộ [19, tr.1-19].

Ngày 7-3-1974, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 02/CT.74 về việc kiện toàn, chấn chỉnh tổ chức, cải tiến lề lối làm việc và tác phong công tác của các cấp ủy đảng và các ban ngành, cần tập trung chỉ đạo giải quyết các vấn đề về cơ cấu tổ chức cấp ủy và phân công cấp ủy phải thiết thực, đúng nguyên tắc xây dựng Đảng; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa cấp ủy đảng với cấp ủy ban ngành ở mỗi cấp, mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới; bảo đảm tính cụ thể, thiết thực, chất lượng [19, tr.26-33].

Bước sang năm 1975, khi thời cơ đến, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, và căn cứ diễn biến tình hình, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo các Khu ủy, Tỉnh ủy tiếp tục nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng. Xác định rõ nhiệm vụ chính trị của các cấp ủy, địa phương là phải phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường nhằm cụ thể hóa quyết tâm chiến lược “một ngày bằng 20 năm”. Điện số 271/TV ngày 14-3-1975 của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam *Về việc chỉ đạo các địa phương chủ động tấn công địch giải phóng quê hương* chỉ rõ sự chuyển biến nhanh chóng của cục diện chiến trường, mở ra thời cơ vô cùng thuận lợi để tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trên cơ sở đó, Thường vụ Trung ương Cục lưu ý về “Sự lãnh đạo của các cấp ủy phải hết sức sát tình hình đang phát triển rất nhanh hiện nay để điều khiển kế hoạch một cách linh hoạt, nhạy bén, điều chỉnh bổ sung cho thích hợp với tình hình mới, không cứng nhắc, máy móc, công thức, tuàn tự nhi tiến mà phải táo bạo, dám chủ trương dám hành động nhưng rất vững chắc” [19, tr.708]. Yêu cầu cán bộ khi được tăng cường xuống địa phương phải “xuống tận ấp, tham gia thực sự công tác dưới sự điều khiển của cấp ủy địa phương”. Lưu ý các cấp ủy cần phải nắm vững, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo sau khi xã và huyện giải phóng.

Ngày 1-4-1975, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị 04/CT.75 *Về một số vấn đề cấp bách về công tác chính trị tư tưởng và công tác tổ chức*, đặc biệt lưu ý các cấp ủy phải làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức được đây là thời cơ thuận lợi nhất để đánh bại hoàn toàn kẻ địch, nếu chần chừ, do dự là có tội với lịch sử, với dân tộc, vì vậy phải phát huy cao độ tinh năng động, tinh thần sáng tạo, nhạy bén, linh hoạt, kịp thời trong chỉ đạo, đề cao ý thức tổ chức kỷ luật trong chấp hành mệnh lệnh và nghị quyết, chỉ đạo của Đảng; tăng cường sự lãnh đạo thống nhất, tập trung của các cấp ủy Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo mọi nhiệm vụ; cấp tốc đào tạo, tăng cường cho cán bộ cho phía trước với yêu cầu, cách làm thiết thực được ngay; sửa đổi ngay tác phong, lề lối làm việc với tinh thần quyết tâm, trách nhiệm cao nhất, khẩn trương, nhanh nhất, hiệu quả nhất để hoàn thành trọng trách trước lịch sử [19, tr755-759].

Bám sát chủ trương lãnh đạo và chỉ đạo của Trung ương và Trung ương Cục miền Nam, căn cứ và điều kiện thực tiễn của Khu và từng địa phương, cùng những thủ đoạn của đối phương, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ đã đề ra những chủ trương, giải pháp trong lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ đáp ứng yêu cầu, ngang tầm nhiệm vụ, tiếp tục khẳng định vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện đưa kháng chiến trên địa bàn đi đến thắng lợi.

3.2. ĐẢNG BỘ KHU TÂY NAM BỘ ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG, ĐƯA KHÁNG CHIẾN ĐẾN THẮNG LỢI (1969 - 1975)

3.2.1. Xây dựng Đảng bộ về chính trị

Đối với địa bàn Khu Tây Nam Bộ, dù đối phương thay đổi chiến lược chiến tranh nhưng mục tiêu “bình định” vẫn không thay đổi, nó chỉ khác ở quy mô, mức độ, tính chất và những hình thức thể hiện thông qua sự hỗ trợ tối đa của các giải pháp quân sự và chính trị. Đập tan các kế hoạch bình định của đối phương chính là đập tan một bộ phận xương sống của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” để phối hợp cùng với các chiến trường khác đánh bại toàn phần chiến lược của đối phương. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ là phải đề ra mục tiêu, giải pháp đúng đắn, kịp thời, sát thực với đặc điểm tình hình và lãnh đạo,

chỉ đạo hiệu quả tập hợp, củng cố lực lượng sau những tổn thất từ các đợt tấn công Xuân Mậu Thân để đánh bại các giải pháp bình định của đối phương.

Trên cơ sở bám sát đường lối, nguyên tắc, phương châm lãnh đạo của Đảng và của Trung ương Cục miền Nam, căn cứ vào những yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng bộ, tháng 8-1969 Thường vụ Khu ủy tổ chức hội nghị và ra Nghị quyết số 48/CT-69 về *công tác phá kềm, phá bình định nông thôn T3*, đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ phải “Khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, phát huy thể chủ động tấn công và nổi dậy để giải phóng nông thôn, hỗ trợ đô thị. Toàn quân, toàn dân kiên trì xây dựng lực lượng, quyết tâm đánh bại chiến lược “quét và giữ”, kế hoạch bình định của địch, tạo bước ngoặt quyết định” [115, tr.3]. Theo đó, các cấp ủy, đặc biệt là chi bộ “phải bám chặt dân trong mọi tình huống, nắm dân, phát động và tổ chức quần chúng đấu tranh...”; lấy chiến đấu và sản xuất, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, nâng cao giác ngộ quần chúng làm *cơ sở để sinh tồn* và lãnh đạo [115, tr.6-9].

Đối với những vùng giải phóng, vấn đề xây dựng và củng cố chính quyền là một yêu cầu tất yếu, cấp bách và phải gắn liền với sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng. Trên thực tế, đến cuối 1969, một số địa phương sau khi các ACL bị đánh rã, chính quyền cách mạng đã được thành lập. Tuy nhiên, công tác xây dựng, củng cố chính quyền có chậm so với yêu cầu, tại một số nơi “Việc xây dựng chánh quyền chưa kết chặt với củng cố chi bộ, kiện toàn phát triển ngành chuyên môn và đoàn thể cách mạng, nhiều chi bộ chưa biết lãnh đạo chánh quyền” [117, tr.2]. Thường vụ Khu ủy chỉ thị các cấp ủy và chi bộ phải phát huy vai trò lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng, định hướng nội dung, giải pháp trong xúc tiến, hoàn thiện chính quyền từ xã đến huyện và cấp tỉnh.

Các cấp ủy, chi bộ phải thực tế hướng dẫn chánh quyền thật sự hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ, đảm bảo hệ thống trên dưới thông suốt, ngành chuyên môn và Ủy ban ngày càng chặt chẽ; phải mạnh dạn giao việc cho chính quyền, làm cho chính quyền lãnh đạo được các ngành và cấp dưới...; phải kết chặt xây dựng chính quyền với củng cố chi bộ, làm cho chi bộ vững mạnh, biết cách lãnh đạo chánh quyền, đảng viên tích cực, gương mẫu thi hành tốt các chủ trương của Đảng” [117, tr.7,9].

Bám sát chỉ đạo của Khu ủy, cấp ủy Đảng, chi bộ các địa phương đã phát huy vai trò trong lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng tại chỗ phối hợp lực lượng vũ trang các cấp toàn Khu từng bước giành được những thắng lợi quan trọng. Từ xuân hè 1970 phong trào phá kềm phát triển trên diện rộng nâng dân số vùng giải phóng, tranh chấp mạnh toàn Khu lên 1 triệu người. Đối phương tuy không đạt được mục tiêu là tiêu diệt lực lượng cách mạng nhưng cũng đã gây rất nhiều khó khăn cho ta. Đến tháng 8-1970, quân VNCH vẫn chốt giữ 2.800 đồn bót, kiểm soát nhiều tuyến giao thông và vùng nông thôn quan trọng [123, tr.3-4] Chính quyền, quân đội VNCH đẩy mạnh kết hợp thực hiện các giải pháp kinh tế, chính trị và hoạt động quân sự (“chia ruộng đất cho dân cày”, cấp phát giống, tư liệu cho bộ phận nông dân ở vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát, tập trung lực lượng đánh mạnh ra vùng giải phóng ở cấp sư đoàn...). Do đó, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ lúc này là phải bám sát yêu cầu, nhiệm vụ, nỗ lực khắc phục khó khăn trước mắt, khẩn trương xây dựng thực lực cách mạng vững mạnh; xác định mục tiêu, kế hoạch chính xác cho từng cấp, sát hợp đối với từng vùng, từng ấp và nắm vững kế hoạch chỉ đạo; phát động và lãnh đạo phong trào đấu tranh mạnh mẽ với sự kết hợp chặt chẽ của “ba mũi” giáp công với nhiều hình thức. Khu ủy cũng lưu ý các cấp ủy, các ngành cần có sơ kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo khu vực giải phóng, các vùng mới chuyển lên để có kế hoạch bảo vệ, xây dựng và mở rộng; các ngành, các đoàn thể của Khu, tỉnh, huyện phải có kế hoạch giúp cấp ủy mình theo dõi, chỉ đạo, tổ chức chiến đấu và xây dựng chính quyền tại vùng giải phóng [134, tr.15, 24].

Đến giữa năm 1971, tình hình cách mạng trên địa bàn khu Tây Nam Bộ có những chuyển biến tích cực, cho phép mở những đợt phản công lớn. Để hiện thực hóa những khả năng đó các cấp ủy Đảng tiếp tục nâng cao nhận thức chính trị trong toàn Đảng bộ và quần chúng về việc Mỹ muốn duy trì bộ máy tay sai Nguyễn Văn Thiệu thông qua cuộc bầu cử tổng thống (VNCH), mặt khác phải tập trung mọi nỗ lực kiên quyết đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”; bẻ gãy mọi nỗ lực “bình định” của đối phương. Vì vậy, các cấp ủy đảng phải phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên trong bám trụ, luôn sâu xây dựng phát triển cơ sở; động viên cao nhất mọi lực lượng quần chúng tấn công địch trên

cả 3 vùng (tranh chấp, tranh chấp mạnh và địch kìm); phối hợp chặt chẽ lực lượng ba mũi để làm thay đổi rõ rệt tương quan lực lượng của toàn Khu, qua đó góp phần tích cực thay đổi cục diện chung. Lưu ý các cấp ủy khi xây dựng nghị quyết, xác định nhiệm vụ phải có kế hoạch đấu tranh cụ thể, chi tiết, không chung chung; đặc biệt là vùng địch kìm, vùng tranh chấp mạnh và vùng có đông đồng bào có đạo, phải nắm vững phương châm “đánh lui địch từng bước, giành thắng lợi từng phần” [125, tr.8-9].

Tháng 12-1971, Thường vụ Khu ủy triệu tập Hội nghị Khu ủy (mở rộng). Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được về xây dựng lực lượng, công tác phối hợp 3 mũi trong phá các giải pháp bình định của đối phương; trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo vẫn còn những hạn chế lớn cần phải khắc phục ngay như: huy động lực lượng quần chúng còn ít, lực lượng 3 mũi chưa mạnh đều, công tác lãnh đạo, “điều khiển 3 mũi của chi bộ chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ”. Cục diện lực lượng có lợi cho ta nhưng địch vẫn còn đông, tập trung mọi cố gắng lớn trong thực hiện chính sách “bình định”, củng cố các ACL và ráo riết chuẩn bị phản công trong mùa khô. Trên cơ sở đánh giá và dự báo, Khu ủy đặt ra yêu cầu cho các cấp ủy phải tiếp tục nắm thế chủ động, chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, hình thành thế phối hợp vững chắc giữa các mũi, các vùng, đập tan mọi ý định phản công của địch, tạo tương quan so sánh lực lượng rõ rệt để chuẩn bị cho những bước tiếp theo [128].

Để đối phó với những thủ đoạn xảo quyệt của Mỹ - Thiệu về âm mưu phá hoại những thành quả về cải cách ruộng đất của cách mạng ở giai đoạn trước, gây xáo trộn, cướp đất của nông dân... thông qua “Luật cải cách điền địa”, trên cơ sở đánh giá những hạn chế và nguyên nhân trong nhận diện, đối phó với những thủ đoạn của đối phương, Thường vụ Khu ủy chỉ đạo các cấp ủy Đảng địa phương phải luôn bám sát quần chúng, giáo dục và lãnh đạo nông dân nâng cao cảnh giác để không mắc vào những thủ đoạn lừa mị của địch, vạch cho nông dân thật rõ bản chất phản động trong chính sách âm mưu ruộng đất của chúng. Khu ủy chỉ rõ: “khôn khéo lợi dụng mặt lừa mị của đối phương để đấu tranh đòi quyền lợi ruộng đất về mình, chống mọi thủ đoạn xảo canh cướp giật ruộng đất... có kế hoạch vận dụng chính sách của Đảng phù hợp với tình hình thực tế lúc mở vùng” [134]. Các cấp ủy, trong lãnh đạo chỉ đạo, cần bổ sung nội dung thi hành chính sách ruộng

đất của Đảng phù hợp với tình hình miền Tây, thực hiện chính sách ruộng đất gắn với sự lãnh đạo của Đảng; củng cố tổ chức Đảng, từng bước củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, củng cố cơ sở chính trị của Đảng, đánh bại mọi hành vi chia rẽ, dụ dỗ của đối phương.

Xác định rõ nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong tình hình có những biến động phức tạp, khó khăn, tháng 11-1972, Thường vụ Khu ủy ra Chỉ thị số 33/CT-T72, xác định rõ “Nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ miền Tây vẫn là đánh địch bình định nông thôn, trọng điểm vẫn là nông thôn mới (phải giành cho bằng được), đồng thời làm chuyên biến 1 bước mới nông thôn kèm cũ (dân tộc, tôn giáo), thị xã, thị trấn” [136, tr.6]. Thường vụ Khu ủy cũng lưu ý nhiều vấn đề quan trọng trong công tác quần chúng và lãnh đạo đấu tranh chính trị; phương châm trong chỉ đạo công tác binh vận và sự phối hợp tác chiến giữa quân chủ lực với lực lượng vũ trang các địa phương; vấn đề huy động sức dân và xây dựng hậu phương tại chỗ. Các cấp ủy, nhất là Tỉnh ủy phải có kế hoạch theo dõi chỉ đạo các vùng cho chặt; trong chỉ đạo thực hiện phải “thật toàn diện, tấn công phải đi đôi với xây dựng, tập trung cho điểm nhưng không buông lơì diện chỉ đạo ba mũi” [136, tr.16].

Từ cuối năm 1972, với những thắng lợi lớn liên tiếp của quân và dân hai miền đã dẫn đến cục diện chiến trường thay đổi rõ rệt, nghiêng hẳn về ta. Trên chiến trường khu Tây Nam Bộ, Mỹ rút quân, lực lượng quân VNCH liên tiếp thất bại, rơi vào thế bị động chiến lược, buộc phải chuyển sang trạng thái co cụm nhưng vẫn tập trung mọi nỗ lực “quét - giữ” nhằm nuôi hy vọng xoay chuyển cục diện chiến trường. Địch ráo riết củng cố hệ thống kìm kẹp, tăng cường lực lượng ác ôn từ Sài Gòn xuống Cần Thơ và các thị xã để thay thế các bảo an cũ; đưa tình báo, mật vụ vào các tổ chức chính trị, tổ chức tôn giáo, học sinh, sinh viên...; lập nhiều tổ chức mới như “đội quyết tử chống cộng” (trang bị súng giảm thanh để ám sát cán bộ), “Ủy ban đấu tranh chống cộng sản”, “ban đấu tranh chánh trị”, “ban chỉ huy nha phản khu vực” [137, tr.1].

Quán triệt và nắm vững quan điểm, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, chủ trương chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam và sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Khu ủy, các cấp ủy Đảng địa phương vận dụng sáng tạo, linh hoạt trong xác định nhiệm vụ chính trị và tổ chức thực hiện hiệu quả.

Đảng bộ Trà Vinh xác định rõ quyết tâm chính trị: “trong tình huống khó khăn, có thể tạm thời mất đất chứ nhất định không để mất dân” [195, tr.235]. Các cấp ủy Đảng phải luồn sâu vào sát các căn cứ của địch, bám trụ vững chắc trong tình lý để chỉ đạo sâu sát và trực tiếp. Tại Vĩnh Long, trước những tổn thất nghiêm trọng sau Mậu Thân, Tỉnh ủy chủ trương điều chỉnh phương châm, phương thức hoạt động cho thích hợp với tình hình mới là “bám trụ kiên cường, giành dân, nắm dân”; Tỉnh ủy xác định rõ nhiệm vụ là “phải giáo dục đảng viên, chiến sĩ, nhân dân nhận thức được đây là thời kỳ khó khăn tạm thời... Cán bộ và nhân dân cần giữ vững ý chí chiến đấu”, khắc phục mọi khó khăn, kiên quyết đánh bại các kế hoạch bình định của đối phương [7, tr.264]. Tại Cần Thơ, do tính chất là trung tâm của vùng 4 chiến thuật của lực lượng VNCH, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy nỗ lực phối hợp chặt chẽ các mũi giáp công, đập tan các nỗ lực bình định của đối phương, đồng thời sử dụng đa dạng các hình thức đấu tranh, mở rộng mặt trận, cô lập kẻ thù nhằm đánh bại bọn bình định ngay tại chỗ [62, tr.298]. Tại Sóc Trăng, nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong công tác Đảng của cấp ủy là nắm chắc quần chúng, xây dựng cơ sở đều khắp, phát triển nòng cốt tại vùng đồng bào có đạo, vùng đồng bào dân tộc; các chi bộ cơ sở xây dựng các đoàn thể thật sự trở thành đội xung kích trong phong trào đấu tranh chính trị, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang bẻ gãy các cuộc càn quét, bình định của địch [6, tr.272]. Tại Kiên Giang, trên cơ sở đánh giá tình hình thế trận cài răng lược, những thuận lợi từ điều kiện tự nhiên cho phép xây dựng căn cứ cách mạng, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo các cấp ủy địa phương phải tập trung mọi nỗ lực bám trụ chống địch bình định, giữ vững và từng bước mở rộng vùng giải phóng; tập trung xây dựng “chi bộ 4 tốt” vững mạnh để chỉ đạo phối hợp hiệu quả 3 mũi giáp công từ cơ sở [194, tr.161, 164]. Tại Cà Mau, ngay từ khi đối phương triển khai các kế hoạch “bình định”, Tỉnh ủy xác định rõ phương châm “...bất cứ giá nào cũng phải bẻ gãy kế hoạch của chúng”, trên cơ sở đó chỉ đạo các cấp ủy phải thấy rõ được âm mưu, thủ đoạn giành dân, chiếm đất của địch, kiên quyết thực hiện “ba bám”, từng bước đánh bại kế hoạch bình định của đối phương [64, tr.320].

Với chủ trương và sự chỉ đạo đúng đắn, sát hợp cho từng vùng, từng địa bàn của Khu ủy, sự chỉ đạo sát sao của các cấp ủy địa phương, phong trào đấu tranh của quần chúng ngày càng phát triển. Bằng nhiều hình thức tổ chức khác

nhau, các hội, đoàn thể phát triển đều khắp ở vùng giải phóng, vùng tranh chấp và vùng địch kiểm soát.

Hiệp định Pa-ri, được ký kết nhưng với bản chất và tham vọng thực dân, Mỹ tiếp tục hậu thuẫn cho chính quyền Thiệu bằng việc tiếp tục viện trợ vũ khí, phương tiện và chi phí chiến tranh. Được sự hậu thuẫn của Mỹ, chính quyền Thiệu ra sức chống phá Hiệp định. Mục tiêu “bình định” được đẩy lên mức cao nhất nhằm mở rộng, củng cố “vùng đệm” phía Tây Nam Sài Gòn trở thành “căn cứ phòng thủ cuối cùng” trong điều kiện Sài Gòn thất thủ. Tại thời điểm trước khi ký Hiệp định Pa-ri, chính quyền Thiệu trắng trợn thực hiện kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ”, cấm cò, chiếm đất, giành dân hòng tạo “sự đã rồi”, xác lập thế có lợi sau khi ký Hiệp định.

Trước diễn biến tình hình địch ngày càng mở rộng các cuộc hành quân đánh phá, chiếm đất, giành dân, Khu ủy chỉ đạo các ban, ngành và địa phương trên cơ sở nắm chắc cơ sở pháp lý của Hiệp định, đẩy mạnh phối hợp đấu tranh với thế trận “hai chân”, “ba mũi” hơn nữa. Đối với các địa phương trực tiếp đương đầu với địch, các cấp ủy Đảng ở cơ sở phải luôn dựa trên tinh thần tiến công cách mạng, nỗ lực vượt bậc, phát huy vai trò lãnh đạo, tập hợp, lãnh đạo quần chúng và tổ chức chiến đấu. Ngày 27-1-1973, Thường vụ Khu ủy tiến hành kiểm tra tình hình ở các địa phương. Tại một đơn vị chủ lực của quân khu đóng ở ven thành phố Cần Thơ, đồng chí Bí thư Khu ủy Võ Văn Kiệt đã chỉ thị đơn vị phải “đứng” hẳn trong dân, bảo vệ dân, trừng trị những đối tượng, tổ chức, lực lượng vi phạm Hiệp định [27, tr.70].

Ngày 2-2-1973, Thường vụ Khu ủy triệu tập Hội nghị mở rộng gồm Quân khu, các ban, ngành và đại diện một số tỉnh. Hội nghị khẳng định: “Địch không thi hành Hiệp định, ta phải tiếp tục chiến đấu giữ vững thành quả (...) phải kiên quyết trừng trị địch vi phạm Hiệp định” [27, tr.86]. Thường vụ Khu ủy nhấn mạnh

không mơ hồ ảo tưởng, nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công bằng sức mạnh của quân sự, chính trị, binh vận, pháp lý, trừng trị địch vi phạm Hiệp định để giành đất, giành dân, giành quyền làm chủ, đánh bại địch bình định, lấn chiếm, tiêu diệt và làm tan rã thật

nhieu sinh lực địch, phát triển lực lượng ta về mọi mặt. Kiên quyết giữ vững thành quả cách mạng đã giành được, đưa phong trào tiến công và nổi dậy của nhân dân ngày càng phát triển mạnh mẽ và vững chắc hơn [27, tr.72].

Thực hiện chỉ đạo của Thường vụ Khu ủy, lực lượng vũ trang phối hợp quân địa phương và du kích đã kiên quyết bám trụ, chặn đánh địch càn quét, lấn chiếm vùng giải phóng U Minh, phối hợp và hỗ trợ các cấp ủy Đảng địa phương phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh giữ vững quyền làm chủ, đồng thời tố cáo các hành động vi phạm Hiệp định Paris của của quân đội, chính quyền Việt Nam cộng hòa lên Ủy ban quốc tế.

Ngày 3-2-1973, Thường vụ Khu ủy triệu Hội nghị (mở rộng), có các Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Rạch Giá. Hội nghị nhất trí nhiệm vụ của toàn khu, kiên quyết đánh trả địch, khẳng định trong lúc này, đấu tranh quân sự là mũi nhọn trực tiếp và hữu hiệu nhất, đồng thời, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận để giữ vững thành quả đã đạt được, từng bước đưa mũi đấu tranh chính trị, binh vận lên ngang với tiến công quân sự, khi địch chấp nhận thi hành hiệp định, ngừng bắn và tự do dân chủ sẽ đưa đấu tranh chính trị và binh vận lên hàng đầu [35, tr.533]. Ngày 9-2-1973, Thường vụ Khu ủy ra Chỉ thị nhấn mạnh: “Khẳng định nhiệm vụ tấn công 3 mũi không có gì thay đổi, Hiệp định Pa-ri được ký kết và có hiệu lực là thêm thuận lợi để ta tiến lên đánh địch” [4, tr.410]. Hướng tiến công chủ yếu là vùng tranh chấp, vùng địch kiểm soát và vùng đông dân, nhiều của để phát triển thành vùng giải phóng.

Quán triệt sâu sắc quan điểm bạo lực cách mạng và phương châm chỉ đạo của Thường vụ Khu ủy, các cấp ủy Đảng địa phương từ tỉnh đến các chi bộ ở cơ sở, các ban, ngành toàn Khu củng cố quyết tâm chính trị quyết không sợ vi phạm Hiệp định Pa-ri mà không dám trừng trị kẻ địch, nắm vững phương châm vừa tấn công, vừa xây dựng ta thật mạnh, thật vững chắc, quyết “giành dân để làm chủ, làm chủ để giành dân” [141, tr.6]. Các cấp ủy Đảng cụ thể hóa nghị quyết và phương châm chỉ đạo của Thường vụ Khu ủy bằng kế hoạch cụ thể trong chỉ đạo, tổ chức quần chúng đấu tranh, thực hiện hiệu quả công tác binh vận, phối hợp chặt chẽ với các mũi vũ trang đánh bại mọi kế hoạch giành dân, bắt lính, lấn đất của đối phương [148, tr.5].

Thực tế cuộc đấu tranh trong giai đoạn thi hành Hiệp định Pa-ri và diễn biến trên chiến trường Tây Nam Bộ cho thấy, nếu chỉ dựa vào căn cứ pháp lý và đấu tranh chính trị thì không thể giành được thắng lợi. Do đó, Khu ủy tiếp tục chủ trương chủ động tiến công địch vi phạm Hiệp định: “Muốn giữ được vùng giải phóng thì phải tiến công, tiến công bằng cả quân sự, chính trị và binh vận, tiến công bằng cả 3 thứ quân (...) Nếu chỉ phòng ngự đơn thuần thì sẽ thất bại” [35, tr.543]. Từ đó, Khu ủy một mặt tiếp tục chỉ đạo lực lượng vũ trang và nhân dân tổ chức đánh địch, đồng thời, báo cáo cụ thể diễn biến tình hình ở Tây Nam Bộ với Trung ương Cục và Bộ Chính trị và đề nghị cho Tây Nam Bộ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tiến công địch vi phạm Hiệp định và “chịu trách nhiệm trước Đảng bộ miền Tây, trước Trung ương Cục, Trung ương Đảng” [67, tr.351].

Từ đầu tháng 5-1973, quân và dân trên địa bàn Khu đồng loạt tấn công tiêu diệt địch trên khắp chiến trường. Bằng “ba mũi giáp công”, lực lượng chủ lực của Quân khu IX cùng lực lượng vũ trang các địa phương và quần chúng đã kiên quyết đánh trả các đợt tấn công “tràn ngập lãnh thổ” của địch. Đến cuối tháng 5-1973, kế hoạch bước 1 bình định Chương Thiện của địch không thực hiện được phải kéo dài bước 1 ngoài dự kiến đến cuối tháng 8-1973). Đến tháng 11-1973, kế hoạch đánh chiếm vùng giải phóng, giành dân của chính quyền, quân đội VNCH ở Tây Nam Bộ đã bị đánh bại [137, tr.2].

Từ chủ trương đúng đắn và kết quả trong đấu tranh chống chính quyền VNCH vi phạm Hiệp định Pa-ri ở khu Tây Nam Bộ là một trong những cơ sở thực tiễn quan trọng để Trung ương Đảng hoạch định kế hoạch giải phóng miền Nam. Từ ngày 19-6 đến ngày 6-7-1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng dự kiến 2 khả năng phát triển của cách mạng miền Nam, khẳng định, bất kể trong tình hình nào, con đường của cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng, chiến lược cách mạng miền Nam vẫn là chiến lược tiến công [78, tr.613].

Quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, ngày 16-7-1973, Thường vụ Khu ủy ra Thông tri chỉ rõ âm mưu và hành động phá hoại Hiệp định Pa-ri của đối phương, nhấn mạnh sự cần thiết của việc nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang 3 thứ quân, trong đó phải xây dựng lực lượng chủ lực mạnh để mở

những trận đánh quyết định nhằm xoay chuyển cục diện tình hình. Khu ủy chỉ rõ, đây là nhiệm vụ của Đảng bộ các tỉnh, là trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, các đơn vị vũ trang, các ngành, đoàn thể trên địa bàn là sự thể hiện quan điểm bạo lực, tư tưởng tấn công trong xây dựng, là ý chí quyết thắng kẻ thù của quân và dân Tây Nam Bộ [143, tr.3].

Thường vụ Khu ủy chỉ đạo cấp ủy các ban, ngành và Đảng bộ các địa phương rà soát lại các vùng căn cứ, điểm chỉ đạo, xác định rõ tiềm năng, khả năng phát triển để xây dựng các căn cứ địa, hậu phương kháng chiến trực tiếp. Mục tiêu của xây dựng, củng cố căn cứ địa và mở rộng vùng giải phóng là “để nắm dân, giành dân, giành quyền làm chủ và phát huy đúng mức sức mạnh của dân nhằm biến vùng giải phóng, vùng căn cứ thành hậu phương trực tiếp, thành chỗ dựa cho cách mạng đánh bại âm mưu lấn chiếm, bình định của địch và để tỏ tính hơn hẳn của chế độ ta, tác động vào vùng địch còn tạm thời kiểm soát” [145, tr.59]. Xây dựng vùng giải phóng là “Xây dựng một chế độ chính trị dân tộc, dân chủ, một nền kinh tế dân tộc, dân chủ, một nền văn hoá dân tộc, dân chủ cùng với xây dựng quân đội cách mạng bảo vệ quyền lợi nhân dân nhằm làm cho vùng giải phóng vững về chính trị, mạnh về quốc phòng, dồi dào về kinh tế, tốt đẹp về văn hoá xã hội, chặt chẽ về trật tự an ninh” [23, tr.2].

Ngày 15-2-1974, Ban đại diện Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Tây Nam Bộ ban hành Quyết định số 04/QĐ BDD-1974 *Về việc xây dựng một trật tự xã hội mới nhằm bảo đảm cho nhân dân yên tâm phấn khởi đoàn kết sản xuất và chiến đấu*. Khẳng định việc xóa bỏ hoàn toàn mọi cơ cấu của chính quyền VNCH, từ bộ máy chính quyền, quân đội, các luật pháp, các chính sách phản cách mạng và các tổ chức hậu thuẫn. Kiên quyết trừng trị đích đáng và kịp thời những tội phạm hình sự, ác ôn, chỉ điểm; xác định một số nội dung cơ bản về quyền hạn trừng trị các loại tội phạm, đồng thời thực hiện chính sách “khoan hồng ân giảm cho những người biết ăn năn và thực sự hối cải” [24, tr.1, 3]; quy định các nội dung có liên quan đến vấn đề dân di cư, những người từng cộng tác với địch; về trách nhiệm và quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong bộ máy chính quyền.

Xác định nhiệm vụ chính trị trong lĩnh vực xây dựng chính quyền, xây dựng kinh tế vùng giải phóng, đầu năm 1975, Khu ủy quyết định thành lập Ủy

ban ban nhân dân cách mạng Khu Tây Nam Bộ, với chức năng “quản lý nhà nước toàn diện ở vùng giải phóng” do đồng chí La Lâm Gia làm chủ tịch [22, tr.779]. Vận động, thuyết phục được hàng nghìn binh lính trốn trại cùng gia đình ra vùng giải phóng sinh sống. Giáo dục ý thức và xây dựng phong trào đoàn kết, tương trợ trong nhân dân [164, tr.4]. Về chủ trương xây dựng kinh tế, Đảng bộ Khu xác định phương châm toàn diện, lấy nông nghiệp làm cơ sở, khôi phục và từng bước phát triển thủ công nghiệp, thương nghiệp; đẩy mạnh hoạt động sản xuất lương thực, thực phẩm; phát triển các làng nghề truyền thống và mở rộng các xưởng sản xuất, bảo dưỡng vũ khí, đạn dược; tiếp tục thực hiện các chính sách ruộng đất, vận động nhân dân tích cực khai hoang, tăng gia sản xuất. Công tác tuyên truyền, giáo dục và xây dựng đời sống mới lành mạnh, tiến bộ thu được nhiều kết quả. [22, tr.757-759].

Sự phát triển vững chắc và toàn diện của khu giải phóng là nguồn sức mạnh tổng hợp để quân dân khu Tây Nam Bộ sẵn sàng chiến đấu đánh thắng mọi âm mưu, hành động kéo dài chiến tranh của địch; đồng thời là thực tiễn lịch sử khẳng định Đảng bộ Tây Nam Bộ đã quán triệt và vận dụng đúng đắn đường lối kháng chiến của Đảng trên địa bàn thành công. Với phương châm chỉ đạo đúng đắn, lựa chọn phương thức đấu tranh phù hợp trên từng địa bàn, Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân các tỉnh trên địa bàn Khu đánh thắng 75 lượt tiểu đoàn địch hành quân đánh phá, bình địch ở khu vực Chương Thiện, làm thất bại âm mưu và hành động “giành dân, lấn đất, bắt lính, diệt cộng” của Mỹ và chính quyền VNCH, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng và căn cứ kháng chiến, giữ vững thành quả của cách mạng.

Một thành công của Đảng bộ Khu trong xây dựng Đảng về chính trị là nắm vững Nghị quyết Trung ương Cục miền Nam, đề ra trọng tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến trên địa bàn trong những giai đoạn giành thắng lợi quyết định. Ngày 6-11-1973, Ban Thường vụ Khu ủy triệu tập cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 1973, triển khai nghị quyết của Trung ương Cục và Quân uỷ Miền. Khu ủy chủ trương “Phát huy thể chủ động và tư tưởng cách mạng tiến công, kiên quyết bẻ gãy các cuộc hành quân lấn chiếm bình định của địch, bảo vệ vùng căn cứ, đồng thời tích cực chuẩn bị kế hoạch để tiến công địch mùa khô 1973 - 1974” [22, tr.723]. Thường vụ Khu ủy

xác định nhiệm vụ trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, ban, ngành toàn Khu trong mùa khô 1973 - 1974 là phải tiếp tục đề ra giải pháp đúng đắn, sát hợp để đánh bại các cuộc hành quân bình định, chiếm đất của địch, bảo vệ vùng giải phóng, vùng sản xuất lúa gạo và khu căn cứ; chủ động tổ chức tấn công tiêu diệt, bức rút hệ thống cứ điểm, đồn, bót nhằm tiếp tục đẩy địch vào thế bị động, co cụm; mở rộng vùng giải phóng, tạo thế và lực mới của ta trên chiến trường.

Với việc Đảng bộ khu Tây Nam Bộ xác định rõ nhiệm vụ chính trị, nắm vững chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng, vận dụng chỉ đạo cụ thể sát hợp từng địa bàn trong Khu, đến cuối năm 1974, phong trào cách mạng tại các phương trên địa bàn Tây Nam Bộ đã đạt được những kết quả quan trọng. Ở Vĩnh Long: trong số 67 xã, thị trấn có 51 xã có từ 1 đội du kích trở lên, 51 xã có từ 1 tiểu đội du kích trở lên, có 195 trong tổng số 387 ấp củng cố được du kích. Đến cuối tháng 9-1974 giải phóng cơ bản thêm 10 xã, giải phóng hoàn toàn 91 ấp với 98.000 dân; đưa lên tranh chấp mạnh 72 ấp, nhỏ thừa đồn 60 ấp và chuyển phong trào đi lên 72 ấp [7, 314, 325]. Ở Cần Thơ: với phương châm “quán triệt quan điểm bạo lực, tư tưởng cách mạng tiến công, kết hợp chặt chẽ pháp lý của Hiệp định nhưng không ảo tưởng, mơ hồ, triệt để tấn công quyết liệt 3 mũi, đến tháng 6-1974 toàn tỉnh đã giải phóng được 115 ấp với trên 60.000 dân, 83 ấp tranh chấp mạnh với trên 70.000 dân [62, tr.395, 409]. Ở Trà Vinh, đến cuối tháng 6-1974 có 2 xã được hoàn toàn giải phóng, 16 xã giải phóng được phần lớn, 184 ấp được giải phóng phần lớn [195, tr.278]. Tại Rạch Giá, đến cuối năm 1974, tỉnh có 7 xã giải phóng hoàn toàn. [194, tr.238]. Tính chung trên phạm vi toàn Khu, qua hai đợt thực hiện chiến dịch mùa khô 1973 - 1974, đến cuối tháng 4-1974, diệt và bức hàng, bức rút 704 vị trí, đồn bót; đã tạo được thế liên hoàn ở các vùng giải phóng và khu căn cứ, nắm được 500.000 dân vùng giải phóng, trên 400.000 dân thuộc vùng tranh chấp mạnh, gần 500.000 dân vùng tranh chấp yếu (trong tổng số 3,7 triệu dân) [157, tr.1]. Mục tiêu, kế hoạch bình định của địch cơ bản bị phá sản, đối phương tiếp tục bị đẩy vào thế co cụm, bị động.

Trong năm 1974, tình hình khu vực và quốc tế có nhiều chuyển biến lớn với nhiều thuận lợi cùng những thách thức nghiêm trọng. Bộ Chính trị nhận định: “Lúc này, chúng ta đang có thời cơ (...) Ngoài thời cơ này, không có thời

cơ nào khác. Nếu để chậm mười, mười lăm năm nữa, bọn nguy gương dậy được, các thế lực hồi phục, bọn bành trướng mạnh lên thì tình hình sẽ phức tạp vô cùng” [42, tr.374-375]. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, các cấp ủy Đảng đã nỗ lực chỉ đạo các lực lượng, cơ sở địa phương kết hợp chặt chẽ cùng lực lượng vũ trang đẩy mạnh các hoạt động tấn công địch. Đến cuối tháng 2-1975, trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ đã mở vùng giải phóng và tranh chấp 353 xã, 2.910 ấp với 2.805.000 dân, trong đó có 50 xã, 339 ấp với 500.000 dân mới chuyển lên. Địch còn kìm 67 xã, 490 ấp với 585.000 dân ở nông thôn và 900.000 dân ở thành thị; còn đóng 1.284 vị trí đồn bót với 155.720 quân và 39.904 cảnh sát [22, tr.780-781].

Cùng với đà thắng lợi của quân và dân trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ trong đợt tiến công mùa khô 1974 -1975 thì trên các chiến trường khác, quân và dân ta có những thắng lợi lớn, đặc biệt chiến thắng đường 14 Phước Long (6-1-1975). Ngày 8-1-1975, Bộ Chính trị củng cố quyết tâm chiến lược “Năm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận quyết định, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc” [78, tr.651].

Từ thắng lợi trong đợt 1 của kế hoạch mùa khô 1974 - 1975 trên địa bàn, Thường vụ Khu ủy chỉ đạo bổ sung một số nội dung và yêu cầu về mở mang, mở rộng vùng tranh chấp với mục tiêu: “Giải phóng tuyệt đại bộ phận nông thôn, xây dựng vững mạnh vùng giải phóng, chuyển mạnh rõ nét các khu vực kèm cũ, Hoà Hảo, di cư và ven, đưa thành thị từng bước lên cao và hoàn thành vượt mức cả về số và chất các chỉ tiêu về xây dựng lực lượng...” [167, tr.6].

Nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị 15 của Trung ương Cục miền Nam và Nghị quyết của Bộ Chính trị (25-3-1975), Đảng bộ Tây Nam Bộ đã chỉ đạo các cấp bộ Đảng từ Khu, tỉnh đến cơ sở, ra sức động viên quân và dân trên địa bàn tập trung cao độ lực lượng, phát huy sức mạnh ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng chuẩn bị tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, đánh sập chính quyền, quân đội VNCH, giành chính quyền về tay nhân dân. Khu ủy xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của toàn Đảng bộ, quân và dân Tây Nam Bộ khi cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn sôi nổi giành thắng lợi quyết định, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Đến cuối tháng 3-1975, cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam bước vào giai đoạn nhảy vọt, thời cơ để mở tổng tiến công vào Sài Gòn - Gia Định đã chín muồi. Để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi, Ngày 30-3-1975, Thường vụ Khu ủy Tây Nam Bộ ra Thông tri khẳng định quyết tâm: “Chớp lấy thời cơ mới, tranh thủ thời gian, nỗ lực hoàn thành vượt mức toàn diện chỉ tiêu, nhiệm vụ toàn năm 1975 trong mùa khô này và sẵn sàng xông lên giành thắng lợi cao nhất” [168, tr.2]. Khu ủy chỉ đạo các cấp, ngành và cấp ủy từng địa phương đẩy mạnh đánh địch, dốc sức trong thời gian nhanh nhất chuẩn bị lực lượng và các điều kiện cần thiết để tiến lên giành thắng lợi. Trong thời điểm cục diện lực lượng thay đổi từng giờ, từng phút, để đáp ứng yêu cầu của công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Khu ủy yêu cầu Ban Tổ chức các cấp phải “kịp thời giúp cấp ủy xây dựng kế hoạch phân phối cán bộ nhanh chóng theo yêu cầu, nhiệm vụ mới, dồn sức cho phía trước, cho các mục tiêu dứt điểm cuối cùng ... công tác chỉ đạo phải tập trung, thống nhất, táo bạo, nhạy bén và vững chắc” [170, tr.5].

Ngày 18-4-1975, Ban Thường vụ Khu ủy chỉ đạo các địa phương phải khắc phục ngay những tồn tại, thiếu sót trong chỉ đạo, triệt để chống tư tưởng chờ đợi cấp trên mà phải nêu cao tinh thần nỗ lực, tự lực, tự cường, dám đánh, dám thắng [172, tr.1]. Các cấp ủy Đảng địa phương, ngành... khi xây dựng kế hoạch phải toàn diện, chu đáo, quán triệt việc kết hợp chặt chẽ giữa công kích và khởi nghĩa, giữa nông thôn và thành thị; xây dựng phương án tiếp quản vùng giải phóng.

Trước chuyển biến nhanh chóng của tình hình, Khu ủy đề ra quyết tâm chiến lược *tự lực giải phóng theo phương châm xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh*. Khu ủy Tây Nam Bộ và Quân khu 9 hạ quyết tâm “nhân thời cơ chung, tạo thời cơ tại chỗ để “dứt điểm” giải phóng Tây Nam Bộ cùng lúc quân dân ta giải phóng Sài Gòn” [22, tr.787]. Khu ủy xác định 2 trọng điểm, trọng điểm 1 thành phố Cần Thơ, trọng điểm 2 thị xã Vĩnh Long. Các địa phương: Tỉnh, huyện, xã tự lực giải phóng. Phương thức, phương châm tiến công là huy động tất cả lực lượng, sử dụng 3 thứ quân, kết hợp 3 mũi giáp công, tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công.

Đêm 29 rạng 30-4-1975, các cấp ủy Đảng địa phương tổ chức phối hợp chặt chẽ lực lượng vũ trang các cấp đồng loạt tấn công vào các vị trí đầu não

của định. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân các tỉnh đã nhanh chóng giành được thắng lợi, góp phần quan trọng vào thắng lợi của Tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân 1975.

Trong những năm 1969 - 1975, Đảng bộ khu Tây Nam Bộ xác định nội dung xây dựng Đảng về chính trị là tiếp tục quán triệt, nhận thức sâu sắc đường lối cách mạng của Đảng; kiên quyết khắc phục và vượt qua mọi khó khăn, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Đồng thời căn cứ đặc điểm tình hình cụ thể để xây dựng chủ trương, nhiệm vụ sát hợp; bảo đảm lãnh đạo trực tiếp, liên tục, toàn diện của Đảng trên tất cả các mặt, các lĩnh vực quân sự, chính trị, binh vận; bám sát phương châm đánh địch bằng “hai chân”, “ba mũi” giáp công, xây dựng kinh tế - văn hóa kháng chiến; xây dựng chính quyền, mặt trận đoàn kết nhân dân. Từ thực tiễn lãnh đạo đấu tranh đầy gian khổ, hi sinh, cán bộ, đảng viên ngày càng trưởng thành, bản lĩnh chính trị được giữ vững, hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc chính trị mà Trung ương Đảng, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam và nhân dân Khu Tây Nam Bộ tin tưởng, giao phó, đóng góp lớn cùng Đảng bộ, quân dân miền Nam làm thất bại hoàn toàn chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ và VNCH, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

3.2.2. Xây dựng Đảng bộ về tư tưởng

Đến cuối năm 1969, nhờ làm tốt công tác sinh hoạt Đảng, đặc biệt là hiệu quả từ qua các đợt “chỉnh huấn”, công tác tư tưởng của cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ luôn được quan tâm thường xuyên, kịp thời. Nhận thức, lập trường tư tưởng, niềm tin cách mạng ngày càng được củng cố. Đội ngũ cán bộ, đảng viên dám xả thân, dám hy sinh, kiên cường bám trụ cơ sở, bám dân để tập hợp quần chúng và tổ chức chiến đấu, lãnh đạo phong trào cách mạng trên địa bàn từng bước vượt quan những khó khăn, thử thách.

Tuy nhiên công tác tư tưởng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng bộ vẫn còn bộc lộ những hạn chế: “Quan điểm, lập trường, ý thức tư tưởng có được củng cố, nâng lên một bước nhưng rõ ràng chưa thật kiên định vững vàng, trong đánh giá ta địch, đánh giá quần chúng, trong xác định nhiệm vụ và khả năng hoàn thành nhiệm vụ, từ đó tinh thần trách nhiệm, ý chí quyết chiến, quyết thắng, tấn công địch liên tục, triệt để chưa nâng cao, quan điểm quần chúng chưa vững” [118, tr.8]. Trong chỉ đạo công tác chỉnh

huấn chưa nắm vững mục đích, yêu cầu, chưa đặt đúng mức tầm quan trọng, chỉ đạo lỏng lẻo, do đó “Chính huấn chưa đạt yêu cầu cao, sau chính huấn chưa biết phát huy kết quả (để) tiếp tục nâng lên giải quyết nhận thức (tình hình, vị trí, vai trò của chi bộ)” trong củng cố lập trường tư tưởng, chấn chỉnh tổ chức, sửa đổi lề lối. Chưa gắn chặt chính huấn với củng cố tổ chức, nhất là củng cố xã ủy, chi ủy [118, tr.9-10].

Tháng 9-1970, Khu ủy ban hành Nghị quyết số 02/CT-BA-70, trên cơ sở đánh giá những thắng lợi của cách mạng có tác động lớn từ công tác chính trị, tư tưởng, đồng thời những chuyển biến trong công tác chính trị, tư tưởng trở thành điểm tựa, làm cơ sở củng cố lòng tin chiến lược, sự kiên trì, dũng cảm và quyết tâm trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đội ngũ đảng viên, đưa cách mạng thoát khỏi tình thế hiểm nghèo và tiến lên. Nghị quyết cũng khẳng định những thắng lợi đó chỉ mới bước đầu và còn rất nhiều khó khăn. Khu ủy đã phân tích kỹ và chỉ rõ những hạn chế

Về lập trường tư tưởng tư tưởng, nói chung mặt tích cực, tiến bộ là cơ bản chi phối toàn bộ tình hình nhưng mặt tồn tại vẫn còn lớn như vấn đề phân biệt ta - bạn - thù không sâu, lập trường quyết chiến quyết thắng của nhiều cán bộ, đảng viên chưa vững vàng... Tư tưởng còn tồn tại phổ biến là hoài nghi, bi quan, cầu an, hữu khuynh, co thủ, ý lại chờ thời, ngán ngại gian khổ lâu dài, mặt khác lại chủ quan, thỏa mãn, nôn nóng, xúc nổi, mất cảnh giác, thoát ly thực tế, thoát ly quần chúng [123, tr.7].

Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đứng vững trên lập trường quan điểm của giai cấp công nhân, chưa quán triệt tư tưởng của giai cấp công nhân trong mọi lĩnh vực chiến đấu. Do đó, “khi cục diện chiến đấu diễn ra gay go, quyết liệt, phức tạp thì có một số chùn bước, uể oải, không bám chặt quần chúng, không quyết liệt sử dụng bạo lực cách mạng mà còn sinh ra tự do, tùy tiện, tự tư tự lợi, tham ô hủ hóa, thậm chí có một số đầu hàng giặc” [123, tr. 8].

Để khắc phục những hạn chế trên Khu ủy đề ra nhiều giải pháp trong công tác tư tưởng đối với mỗi cấp ủy, chi bộ và đảng viên trên từng lĩnh vực công tác và đặc thù hoạt động ở từng địa bàn. Khu ủy nhấn mạnh phương châm, nguyên tắc trong công tác tư tưởng đối với từng cấp ủy, chi bộ là

Phải đứng vững trên lập trường quan điểm giai cấp công nhân mà tiến hành xây dựng Đảng... nếu không quán triệt thật sâu sắc lập trường quan điểm của giai cấp công nhân thì không thể tiến hành xây dựng Đảng, củng cố chi bộ tốt được (...) phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin (thể hiện cụ thể và sinh động trong đường lối chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng) làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, mọi đảng viên đều ra sức học tập đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết Đảng cho thông suốt và chấp hành nghiêm chỉnh [123, tr.39].

Vì vậy, các cấp ủy Đảng phải đẩy mạnh và nâng cao hơn nữa chất lượng công tác giáo dục chính trị từ thực tiễn chiến đấu, làm cho toàn Đảng bộ kiên định với đường lối cách mạng Việt Nam; loại bỏ những biểu hiện tự tư, tự lợi, hủ hóa, tư tưởng hữu khuynh, cầu an, nản chí, trông chờ, thụ động hoặc tả khuynh, chủ quan, giáo điều, khơi dậy tính tiên phong, gương mẫu, chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường trong mỗi cán bộ, đảng viên, tạo sự thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng bộ trong tổ chức thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng. Từ sự chỉ đạo kịp thời của Khu ủy, công tác tư tưởng trong Đảng bộ được đẩy mạnh; sinh hoạt tư tưởng được thực hiện thường xuyên, tính nền nếp, kỷ luật tiếp tục được củng cố.

Từ giữa năm 1971, khi đối phương đẩy mạnh chính sách bình định với sự kết hợp nhiều giải pháp về kinh tế, văn hóa và các hoạt động quân sự. Khu ủy chỉ đạo các cấp ủy Đảng không được phép buông lỏng công tác tư tưởng. Từng cấp ủy, chi bộ phải luôn xác định tinh thần cách mạng kiên định, chiến đấu đến cùng, xây dựng ý thức tiên công cách mạng, quyết định đánh bại kế hoạch bình định. Tiếp tục “chống tư tưởng cầu an co thủ, ngán ngại ác liệt, hi sinh, lâu dài. Luôn đề phòng nôn nóng, thiếu cảnh giác cách mạng... Tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, nhứt trí nội bộ và ngoài quần chúng, rèn luyện nâng cao phẩm chất, đạo đức của người cộng sản. Xây dựng tác phong sâu sát, khẩn trương, chống bừa bãi, quan liêu, thoát ly thực tế, xa rời quần chúng” [125, tr.11]. Trên cơ sở đó từng cấp ủy, chi bộ phải xác định rõ những vướng mắc, những điểm yếu trong các khâu công tác và có biện pháp khắc phục, chấn chỉnh,

sửa chữa, tập huấn nâng cao trình độ, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo của cán bộ đảng viên và tổ chức Đảng.

Ngày 28-2-1972 Thường vụ Ban Tổ chức Khu ủy ban hành *Đề án công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1972*, xác định rõ nhiệm vụ của các chi bộ “phải làm cho đảng viên xác nhận vai trò lãnh đạo của chi bộ mà đảng viên là thành viên, tự giác có thái độ thành khẩn nghiêm túc và nhiệt tình tự rèn luyện đảng tính và giúp các đồng chí khác rèn luyện có kết quả”. Đồng thời, đảng viên cũng phải phát huy vai trò tự rèn luyện, tự giác ngộ thông qua việc tự kiểm điểm nhận thức tư tưởng, tác phong, nhìn nhận rõ những hạn chế để, sửa chữa, phấn đấu với sự giúp đỡ của tập thể giúp đỡ. Bốn biện pháp cơ bản, thường xuyên đảng viên phải nắm vững để rèn luyện phẩm chất cách mạng, nâng cao năng lực công tác là: “Rèn luyện trong thực tế chiến đấu, công tác; rèn luyện trong sinh hoạt của tổ chức Đảng; rèn luyện trong học tập và rèn luyện trong sinh hoạt với tổ chức quần chúng mà người đảng viên đó chân (thực hiện tự phê bình và tranh thủ ý kiến phê bình của quần chúng)” [132, tr.13].

Trong quá trình lãnh đạo, cấp ủy Đảng các địa phương luôn bám sát chủ trương, sự chỉ đạo của Trung ương và của Khu ủy đồng thời căn cứ vào điều kiện thực tiễn tình hình, thực trạng diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên ở cơ quan, đơn vị mình để đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện, bảo đảm công tác giáo dục, chỉnh huấn, tự phê bình và phê bình gắn với công tác giáo dục phải được tiến hành liên tục, không được phép buông lỏng, không được phép xao nhãng.

Đảng bộ Rạch Giá từ thực tiễn công tác chỉnh huấn trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là trong lực lượng vũ trang, tư tưởng “có một bước chuyển biến là kiên định, vững vàng hơn” [194, tr.189-190]. Tình hình Vĩnh Long đến cuối 1969, cách mạng ở thế vô cùng khó khăn nhưng Tỉnh ủy đã kịp thời có những chỉ đạo, chấn chỉnh, ổn định tư tưởng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ. Bên cạnh công tác xây dựng Đảng về tư tưởng trong Đảng bộ, Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành, cấp, trong đó ngành Tuyên huấn quan tâm tình hình tư tưởng trong nhân dân, đẩy mạnh các hoạt động, tuyên truyền hiệu quả như “đền từng xóm, ấp để tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân khắc phục khó khăn, quyết tâm bám đất sản xuất, nuôi chứa cán bộ, chiến sĩ ủng hộ

cách mạng”. Công tác tuyên truyền “thực hiện liên tục, ở mọi nơi, mọi lúc, bất chấp bom đạn và sự đánh phá của địch” [7, tr.265]. Ở Sóc Trăng: Đảng bộ xác định rõ phương châm “gắn chặt xây dựng tư tưởng, tổ chức với nhiệm vụ từng vùng”; xây dựng Đảng bộ có lập trường tư tưởng vững vàng đáp ứng tiêu chí, yêu cầu của “5 xây, 5 chống” qua đó đã củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; góp phần củng cố tổ chức; tạo sự ổn định về tư tưởng, tạo động lực, niềm tin để chi bộ, đảng viên kiên trì bám trụ địa bàn [6, tr.266]. Ở Cần Thơ: Công tác tư tưởng được Đảng bộ quan tâm, thực hiện gắn với công tác chính trị, như thông qua quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, của Trung ương Cục miền Nam và của Khu ủy; công tác sinh hoạt chính trị thường xuyên; chỉnh huấn, chấn chỉnh tư tưởng chính trị thông qua công tác kiểm thảo, tự phê bình và phê bình trong các đợt sinh hoạt chi bộ. Tiêu biểu như: đợt chỉnh huấn Nghị quyết 9 của ương Cục miền Nam (10-1969); sinh hoạt chi bộ xây dựng chi bộ “4 tốt” theo Nghị quyết 8 của TWCMN (12-1970); kiểm điểm, thảo luận tình hình thực hiện Chỉ thị số 29/CT/72 của Khu ủy và Quân Khu ủy (8-1972) [62, tr.276, 299].

Nhằm vạch trần những thủ đoạn tuyên truyền, kích động, các hoạt động chiến tranh tâm lý của đối phương, Thường vụ Khu ủy chỉ đạo các cấp ủy địa phương tiếp tục đẩy mạnh công tác tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên; chấn chỉnh những biểu hiện thỏa mãn với những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế “tiêu cực trì trệ khá đông (nhứt là cơ sở) không tiêu biểu gương mẫu, vi phạm tổ chức, kỷ luật Đảng, vi phạm một số chủ trương, chính sách của chính quyền, gây ảnh hưởng lớn và làm giảm sút lòng tin trong quần chúng” [159, tr.8].

Đối với chi bộ, Thường vụ Khu ủy chỉ đạo công tác tư tưởng cần chú ý đến tính nêu gương điển hình “nhắm vào thành phần đảng viên là cán bộ cốt cán, đảng viên tích cực để có một sự chuyển động mạnh, nhiệt tình cao, phấn đấu tự tu dưỡng rèn luyện xây dựng bản thân và chi bộ để có tác động mạnh mẽ vào bộ phận đảng viên thuộc diện trung bình, kém” để từng bước nâng cao chất lượng của chi bộ [155, tr.2].

Trước tình hình phức tạp sau Hiệp định Pa-ri, chính quyền VNCH vừa tiếp tục ráo riết thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, vừa tuyên

truyền xuyên tạc Hiệp định, vấn đề đặt ra lúc này là phải nâng cao nhận thức chính trị, kiên định tư tưởng cách mạng tiến công cho các cấp ủy Đảng và cán bộ, đảng viên, tạo sự tin tưởng, nhất trí cao hơn trong toàn Đảng bộ, Thường vụ Khu ủy chủ trương đẩy mạnh công tác chỉnh huấn trong toàn Đảng bộ, với các nội dung trọng tâm

Xây dựng tư tưởng cách mạng tiến công, quan điểm bạo lực cách mạng quần chúng, tinh thần cách mạng triệt để, liên tục, nâng cao thêm một bước lập trường giai cấp công nhân. Trên cơ sở tiếp tục giải quyết và khắc phục các hiện tượng cầu an, co thủ, hữu khuynh, mơ hồ mất cảnh giác, ảo tưởng hòa bình, trông chờ ỷ lại, thiếu tự tin tự cường, thiếu dựa vào phục vụ quần chúng, kém ý thức tổ chức kỷ luật, không sâu sát để nhạy bén với tình hình, thiếu gương mẫu trong công tác, chiến đấu, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng [158, tr.2].

Theo đó, mỗi cấp ủy và từng đảng viên phải tự “liên hệ, kiểm điểm lại những sai sót về lập trường quan điểm, đạo đức, tác phong” và các cấp ủy, ban, ngành, chi bộ phải giải quyết tốt các yêu cầu này. Thường vụ Khu ủy nhấn mạnh, để làm tốt công tác sinh hoạt, mỗi cấp ủy phải nắm vững nguyên tắc và phương châm: nghiêm túc, khẩn trương, sâu sắc, chuẩn bị chu đáo, thực hiện từ trên xuống dưới, không kéo dài thời gian nhưng cũng không qua loa; phát huy dân chủ trong thảo luận, tiến hành tự phê bình và phê bình đúng đắn, hết sức lắng nghe ý kiến đóng góp của tập thể và cá nhân, tránh gò bó quy chụp, tạo sự đoàn kết, thống nhất và phấn khởi trong nội bộ. Công tác chỉnh huấn đến đâu phải tiến hành sơ kết đến đó để uốn nắn và phát huy những ưu điểm [158, tr.3].

Bên cạnh xây dựng Đảng về tư tưởng, công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức tư tưởng của nhân dân là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng nhằm phát huy tinh thần căm thù giặc, ý chí độc lập, thống nhất và hăng hái bước vào hàng ngũ đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuy nhiên, việc thực hiện nhiệm vụ ở một số địa phương, cơ sở chưa được cấp ủy quan tâm đúng mức. Ngày 15-4-1974 Thường vụ Khu ủy ra Chỉ thị số 03/CT.74 chỉ đạo cấp ủy các địa phương phải tiếp tục chỉ đạo phát huy vai trò của các đoàn thể trong công tác vận động, tuyên truyền quần chúng. Vạch rõ những thủ đoạn, bản chất chiến tranh tâm lý, phản tuyên truyền của địch; giải thích cho quần

chúng nhân dân hiểu rõ những luận điệu hòa bình, độc lập dân chủ giả hiệu, như đòi “miền Bắc rút quân” của chính quyền VNCH..., khắc phục tình trạng mơ hồ đối với địch [156, tr.2]. Đối với các cơ quan, ban, ngành Khu như: Tiểu ban tuyên truyền, thông tấn, báo chí, xuất bản, phòng điện ảnh, văn nghệ... phải tiếp tục phát huy vai trò xung kích đi đầu, thực hiện hiệu quả trong công tác giáo dục, tuyên truyền, cổ vũ, cổ động cán bộ, đảng viên và nhân dân; trở thành một mũi quan trọng để khơi dân tinh thần cách mạng, lan tỏa những giá trị cách mạng, tạo không khí cách mạng sôi nổi trong từng trong từng xóm ấp.

Về công tác tư tưởng ở những vùng địch kìm, Thường vụ Khu ủy chỉ đạo các Tỉnh ủy, Thành ủy và các ban ngành chuyên môn sau khi mở mảng, giải phóng phải giải tán ngay các tổ chức chính trị phản động, hủy bỏ các luật lệ, sách báo phản động; tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhận rõ chủ trương, chính sách của ta, trong đó có chính sách 10 điểm đối với nhân viên viên chính quyền, binh sĩ, chính sách tôn giáo, dân tộc, ruộng đất... giải tỏa những lo âu, băn khoăn, thắc mắc của quần chúng, nhất là những gia đình có người thân trong quân đội, chính quyền VNCH. Đảng bộ cho rằng, lúc này, giáo dục ổn định tư tưởng quần chúng, đoàn thể cũng chính là ổn định tư tưởng của Đảng, nâng cao vị thế, uy tín của Đảng trong nhân dân, củng cố lòng tin của quần chúng nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng [161].

Trên thực tế chiến trường, từ nửa cuối năm 1973, sau khi những cuộc tấn công “giành dân”, “cắm cờ lần đất” thất bại, chính quyền VNCH từng bước bị đẩy vào thế bị động phòng ngự. Tuy nhiên, đối phương vẫn tập trung mọi nỗ lực để đẩy mạnh các cuộc càn quét, đánh phá ra vùng giải phóng hòng từng bước giành lại quyền chủ động. Trên mặt trận tư tưởng, địch tăng cường các hoạt động tuyên truyền chống phá cách mạng, tung ra luận điệu “cộng sản miền Bắc xâm lược miền Nam”, vu khống lực lượng quân giải phóng vi phạm Hiệp định Pa-ri, xuyên tạc Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam là “tay sai việt cộng”, tuyên truyền cho cái gọi là “chánh nghĩa quốc gia”, tung hô “cải cách điền địa”, kết hợp các thủ đoạn dụ dỗ, lừa mị, mua chuộc đi đôi với việc siết chặt chính sách kìm kẹp, khống chế và khủng bố. Mặc dù những chiêu bài, thủ đoạn của đối phương không thể che giấu được bản chất thực dân, tính phi nghĩa, tuy nhiên, đối phương cũng đã đạt

được một số mục tiêu nhất định: tạo ra tâm lý chấp chèn, mờ hồ trong trong đánh giá tình hình ta - địch, một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng không thấy hết những đặc điểm mới của tình hình; một số thuộc tầng lớp trung gian, tôn giáo mơ hồ với luận điệu “nội chiến”, “hòa bình”, “quốc gia phồn vinh kinh tế”; hoài nghi vào thắng lợi của cách mạng; xuất hiện chia rẽ quần chúng giữa vùng này với vùng khác, tôn giáo này với tôn giáo khác, giữa đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không tôn giáo... Những hạn chế trên một mặt từ những chính sách, thủ đoạn của đối phương, nhưng về chủ quan cũng xuất phát từ “công tác chính trị, tư tưởng của ta còn bị nhiều hạn chế và những thiếu sót của ta trong phản tuyên truyền địch chưa nhạy bén, sâu sắc nên địch có đạt được một số kết quả nhưrt định” [165, tr.6].

Trên cơ sở đánh giá những diễn biến tình hình, Thường vụ Khu ủy đề ra chủ trương, nhiệm vụ trọng tâm là củng cố, nâng cao một bước lập trường quan điểm tư tưởng quan điểm của giai cấp công nhân, quan điểm cách mạng triệt để, tư tưởng tiến công bằng bạo lực cách mạng, trên cơ sở đó mà “uốn nắn, khắc phục mọi nhận thức, tư tưởng lệch lạc của Đảng bộ, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm với tinh thần thừa thắng xúc tới” đánh bại mọi kế hoạch của địch, tạo bước ngoặt quan trọng cho năm 1975. Cụ thể hóa mục tiêu, nội dung này, trong năm 1974, toàn Khu đã tiến hành 3 đợt chỉnh huấn lớn (đợt 1 từ tháng 1-1974 đến tháng 5-1974; đợt 2 từ tháng 7-1974 đến tháng 11-1974; đợt 3 từ đầu 11-1974 đến 12-1974), xen kẽ việc triển khai một số nghị quyết có tính chất chỉnh huấn như Nghị quyết về công tác dân vận, thanh vận, đảm phụ... của Khu ủy. Về hình thức tổ chức: thông qua các hội nghị chuyên đề, hội nghị thường lệ, bất thường, biểu dương, khen thưởng.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được thực hiện hiệu quả thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ từ cấp khu đến cấp huyện. Trong năm 1974, Trường Hoàng Văn Thụ (khu vực nông thôn) của Khu với 2 phân hiệu mở được 3 khóa gồm 230 học viên; Trường Hoàng Văn Thụ (khu vực thành thị) mở 1 cuộc tập huấn với 40 học viên và 1 khóa với 30 học viên. Trường Đảng của các tỉnh đào tạo cán bộ cơ sở xã ủy viên mở được 26 khóa với 1.012 học viên, cụ thể: Cà Mau 3 khóa với 201 học viên; Trà Vinh 3 khóa (kinh) với 136 học viên, 3 khóa (Khmer với 58 học viên); Cần Thơ 2 khóa với 58 học viên; Sóc Trăng

4 khóa (có 2 khóa vùng yếu) với 144 học viên; Bạc Liêu 2 khóa với 58 học viên; Châu Hà 1 khóa với 36 học viên; Vĩnh Long 2 khóa với 100 học viên. Trường Đảng (cấp) huyện của các địa phương đào tạo bí thư, phó bí thư chi đoàn bộ và tổ trưởng Đảng, đến tháng 10-1974 mở được 37 khóa với 700 học viên, cụ thể: Cần Thơ có 5 huyện mở được 10 khóa với 129 học viên; Trà Vinh có 5 huyện mở được 10 khóa học với 347 học viên; Sóc Trăng 4 huyện mở được 10 lớp với 152 học viên; Bạc Liêu có 1 huyện mở được 1 khóa với 14 học viên, Vĩnh Long mở được 4 khóa với 33 học viên và Rạch Giá có 1 huyện mở được 2 khóa với 25 học viên. Các cơ quan cấp Khu cũng mở được lớp bồi dưỡng cán bộ cơ sở như: Đảng ủy Dân Đảng Khu mở 1 khóa với 11 học viên; Đảng ủy cơ quan Tuyên huấn mở 1 khóa với 20 học viên [165, tr.11]. Công tác giáo dục, tuyên truyền, định hướng công tác tư tưởng còn được thực hiện thông qua phát hành các tờ báo, các hoạt động cổ động, tuyên truyền dưới hình thức chiếu phim, lưu diễn cổ nhạc - kịch.

Có thể khẳng định, nhờ làm tốt công tác tư tưởng trong toàn Đảng bộ đã góp phần quyết định củng cố lập trường cách mạng, khắc phục, chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc trong tư tưởng, tăng cường bản chất cách mạng của giai cấp công nhân trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của toàn Đảng bộ, không ngừng củng cố sự thống nhất ý chí và hành động, khơi dậy sức sáng tạo và tạo lập sự đoàn kết để nhân lên sức mạnh giúp Đảng bộ lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng.

3.2.3. Xây dựng Đảng bộ về tổ chức

Từ 1969, đối phương đẩy mạnh thực hiện hàng loạt các chương trình, kế hoạch “bình định”, tung quân thọc sâu đánh chiếm các vùng căn cứ, hậu phương của ta, trọng điểm là phía Tây - Nam Cần Thơ, vùng ruột Chương Thiện và các căn cứ U Minh (từ Rạch Giá đến Nam Cà Mau), gây cho ta nhiều khó khăn lớn, hệ thống tổ chức cơ sở đảng ở cơ sở tồn thất nặng.

Ngày 21-12-1969, Thường vụ Khu ủy ra Chỉ thị Chỉ thị số 040/CT-68 ngày 21-12-1969 của Thường vụ Ti về Khẩn trương xây dựng tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của chính quyền cách mạng các cấp theo kịp với sự phát triển của tình hình, đặt ra yêu cầu phải gấp rút hoàn thành việc tổ chức chính quyền ở cơ sở và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong tổ chức chính quyền; kết

hợp chặt chẽ giữa xây dựng chính quyền với củng cố chi bộ, phát huy vai lãnh đạo của cấp ủy [117]. Nghị quyết Hội nghị tháng 12-1969 đề ra 5 nội dung lớn về phương hướng, nhiệm vụ lớn, trong đó xác định tiếp tục phải “củng cố và xây dựng hệ thống chỉ đạo - chỉ huy các cấp các ngành từ cấp khu đến đến tỉnh, huyện, xã, ấp, phố, phường cho thông suốt trong tình hình cách mạng khẩn trương và đủ sức quản lý và chỉ huy lực lượng” [118, tr.12].

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy năng lực, hiệu quả trong hệ thống tổ chức lãnh đạo kháng chiến ở khu Tây Nam Bộ, năm 1969, Trung ương Cục miền Nam có sự điều chỉnh, tăng cường nhân sự lãnh đạo cho Đảng bộ khu Tây Nam Bộ: Đồng chí Phạm Thái Bường được điều động về giữ chức vụ Bí thư Khu ủy; đồng chí Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Miền được điều động về giữ chức vụ Tư lệnh Quân khu (thay cho các đồng chí Đồng Văn Cống, nguyên Tư lệnh quân Khu và đồng chí Nguyễn Thành Thơ, nguyên Bí thư Khu ủy được rút về Miền). Năm 1970, Trung ương Cục điều động đồng chí Võ Văn Kiệt về thay cho đồng chí Phạm Thái Bường giữ chức vụ Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu [76, tr.1427-1431]. Bổ sung 02 đồng chí Trần Quang Quít (Bí thư Tỉnh ủy Rạch Giá) và đồng chí Lê Thị Bảy (Hội trưởng phụ nữ Khu) vào Ban Chấp hành Đảng bộ Khu [22, tr.647].

Một nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng về tổ chức là công tác *phòng gian, bảo mật, bảo vệ tổ chức Đảng*. Khu ủy chỉ đạo các cấp ủy Đảng phải chú trọng thực hiện tốt công tác bảo vệ Đảng, nhưng đồng thời phải đánh bại các tổ chức gián điệp, các hoạt động dụ dỗ, chiêu hồi, chiêu hàng của đối phương. Bảo vệ tổ chức, bảo vệ cơ sở phải đi liền với bảo vệ cán bộ, bảo vệ đảng viên, đồng thời mỗi đảng viên cũng phải có *nhiệm vụ* tự bảo vệ an toàn hoạt động cho chính mình. Đảng viên ở cơ sở hoạt động trong vùng địch kềm, “phải tạo nghề nghiệp làm ăn với quần chúng, hòa trong quần chúng”, phải đào tạo được lực lượng nòng cốt để nắm quần chúng; được quần chúng bảo vệ, che giấu để không bị địch phát giác [116, tr.9-10]. Các cấp ủy Đảng phải đẩy mạnh và thực hiện quyết liệt, hiệu quả việc phát động quần chúng đề cao cảnh giác, phát hiện và trấn áp ngay các đối tượng gián điệp khi chúng có ý định tấn công ta trên cả ba vùng thị xã, thị trấn, vùng nông thôn bị kềm và vùng giải phóng; kiện toàn

phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của các cơ quan an ninh trong công tác nắm tình hình, tham mưu và tổ chức thực hiện [119].

Để đối phó với các chính sách “bình định” nông thôn, bẻ gãy các kế hoạch “giành dân”, lấn đất của đối phương, các cấp ủy địa phương đã phát huy vai trò chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo, đội ngũ cán bộ, đảng viên kiên cường trong bám giữ các vùng nông thôn. Có hơn 1.000 đảng viên, cán bộ đã được đưa về cơ sở bám trụ trong 450 ấp, đồng thời tiếp tục phát triển được cơ sở tại chỗ [129, tr.4].

Từ cuối 1970, Khu ủy đã ban hành Nghị quyết, trọng tâm là đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng gắn liền với nâng cao chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng: Khẩn trương xây dựng, củng cố chi bộ 4 tốt, đẩy mạnh phát triển đảng viên đều khắp 3 vùng, làm cho đảng viên bám sát địa bàn (...) ra sức kiện toàn các cấp ủy, các ban, ngành để tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo toàn diện, cụ thể, sâu sát (...) tăng cường bảo vệ Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh và triệt để chế độ dân chủ và kỷ luật trong Đảng, nhằm xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống [124, tr.39].

Nghị quyết nhấn mạnh “xây dựng Đảng về mặt chính trị, tư tưởng là chủ yếu nhưng xây dựng về mặt tổ chức, lề lối làm việc cũng hết sức quan trọng, gắn liền với nhau không thể tách rời” [124, tr.39]. Xây dựng Đảng về mặt tổ chức phải quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ và phải lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật phát triển Đảng, tích cực phát triển Đảng viên đều khắp ở các vùng đi liền với công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực công tác của cán bộ và kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp ủy.

Bước sang năm 1971, cách mạng miền Nam nói chung và ở khu Tây Nam Bộ nói riêng đã vượt qua thời kỳ khó khăn. Yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho cuộc kháng chiến trên địa bàn khu Tây Nam Bộ lúc này là phải tiếp tục nỗ lực tạo lập thế đứng vững chắc của cách mạng, đồng thời tận dụng những khả năng, điều kiện hiện hiện có, phát huy những kết quả đạt được để tiếp tục đưa cách mạng tiến lên giành những thắng lợi lớn hơn. Để tạo thế liên hoàn, bảo vệ vững chắc khu căn cứ U Minh, mở rộng hành lang tiếp viện qua Campuchia và chuẩn bị chiến trường để tác chiến tập trung, thực hiện chủ trương của Trung ương Cục miền Nam, tháng 4-1971, Khu ủy lấy các huyện Tịnh Biên, Tri Tôn, Huệ Đức

(An Giang) thuộc Trung Nam Bộ và các huyện Hà Tiên, Phú Quốc, Châu Thành (Rạch Giá) thành lập tỉnh Châu Hà [5, tr.191]. Giữa năm 1971, theo Chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy thành lập *Phân ban Khu ủy Vĩnh Trà*, đồng chí La Lâm Gia, Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy làm Trưởng Phân ban; các Ủy viên gồm: Bùi Thanh Khiết, Khu ủy viên, Phó Chính ủy Quân khu; Hồ Nam, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh; Nguyễn Ký Úc, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long [22, tr.652].

Đầu năm 1971, Thường vụ Khu ủy thông qua Đề án công tác tổ chức xây dựng Đảng với trọng tâm là xây dựng “chi bộ 4 tốt” ở các vùng nông thôn tranh chấp và vùng địch kìm. Đề án xác định đối với vùng địch kìm, các cấp ủy phải chú trọng xây dựng đội ngũ đảng viên mật, hoạt động đơn tuyến; nhanh chóng phát triển đảng viên, tạo chỗ lập tổ Đảng, chi bộ mật ở các ấp, tạo nguồn từ các hội, đoàn thể; phải quán triệt yêu cầu tăng số đảng viên trẻ, nữ, người tại chỗ. Phải làm cho chi bộ, đảng viên nắm được phương châm “một nhiệm vụ, hai lực lượng, hai phương thức tại vùng nông thôn kìm, qua hoạt động từng ngày mà nâng dần trình độ vận dụng nhuần nhuyễn phương châm này vào các mặt công tác tổ chức và hoạt động của các đoàn thể quần chúng, lực lượng dân quân, du kích, phát triển đoàn viên, đảng viên, xây dựng chi đoàn, chi bộ lộ và mật” [127, tr.8-10].

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan lãnh đạo chỉ đạo kháng chiến, Khu ủy chủ trương: “Tập trung kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng với cơ chế lãnh đạo, chỉ huy tập trung thống nhất, phân công phân nhiệm rõ ràng, nhằm vừa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy cao nhất vai trò chỉ huy; phải khôi phục, củng cố hệ thống chính trị làm cơ sở phát triển mạnh mẽ 3 thứ quân, lực lượng vũ trang phải trụ lại và đánh mở ra” [68, tr.416]. Theo đó, từng cơ quan ban, ngành Khu cùng hệ thống ngành dọc tiến hành kiểm điểm nghiêm túc quá trình lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, thực hiện đúng vị trí, chức năng và xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ.

Trong cơ chế lãnh đạo đối với lực lượng vũ trang: tiếp tục phát huy hiệu quả của cơ chế “song trùng lãnh đạo” để tăng cường đoàn kết trong Khu ủy, giữa Khu ủy và Quân Khu ủy, củng cố tổ chức, thống nhất lãnh đạo, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, xác định rõ mối quan hệ giữa lãnh đạo với chỉ đạo (chỉ huy quân sự): Tất cả những công việc thuộc về quân sự như vũ khí, trang bị vật chất

kỹ thuật do Quân khu chỉ huy, điều phối, “Đảng lãnh đạo bằng nghị quyết, chỉ huy quân sự do Bộ Tư lệnh Quân khu” [68, tr.417].

Tháng 7-1971, Thường vụ Khu ủy ra Chỉ thị số 04/CT-T-71, chỉ đạo củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng. Chỉ thị nêu rõ: Tổ chức cơ sở Đảng “là nền tảng, là cầu nối liền giữa Đảng và quần chúng. Muốn xác lập quyền lãnh đạo của Đảng đối với quần chúng, cơ sở Đảng phải bám chặt quần chúng, tổ chức tập hợp được quần chúng và muốn phát huy được vai trò lãnh đạo, cơ sở Đảng phải đi vào nền nếp được khéo léo tốt về mọi mặt...” [125, tr.12]. Do đó, tổ chức cơ sở Đảng phải giác ngộ, tập hợp được quần chúng, đưa chủ trương, chính sách của Đảng vào trong phong trào quần chúng, và coi hoạt động thực tiễn là trường học thường xuyên của đảng viên. Chi bộ phải xây dựng được nghị quyết sát hợp, tổ chức sinh hoạt và tổ chức quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng.

Cùng với nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, trong quá trình lãnh đạo, Khu ủy đặc biệt coi trọng công tác cán bộ. Để đáp ứng yêu cầu của cách mạng, Khu ủy yêu cầu các ban, ngành và địa phương: “Phải đào tạo nhanh, phù hợp với tình hình và có chất lượng (...) Bố trí, sử dụng, đề bạt cán bộ phải hết sức phát huy khả năng cán bộ, bố trí thích hợp sở trường, sở đoản của cán bộ, đúng theo chính sách cán bộ của Đảng, phù hợp từng nơi” [25, tr.14-15]. Việc xây dựng tổ chức cách mạng của quần chúng cũng phải “chuẩn chất chi bộ” vì liên quan đến việc củng cố, xây dựng Đảng, tuyển chọn vào đội ngũ của Đảng. Cán bộ hoạt động trong thực tiễn kháng chiến, các cấp ủy Đảng cần đề cao tinh thần trách nhiệm, chủ động và sáng tạo, dám nghĩ, dám làm; kịp thời uốn nắn, sửa chữa những sai lầm, hạn chế để phát huy hết khả năng của cán bộ.

Về thành phần cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Khu ủy, sau nhiều lần điều chuyển của Trung ương Cục miền Nam, năm 1971 cấp ủy Khu có 15 đồng chí đang hoạt động tại Tây Nam Bộ: Bí thư Võ Văn Kiệt; Phó Bí thư Trần Văn Bình và Lê Đức Anh; Ủy viên Ban Thường vụ: Vũ Đình Liệu, Trần Văn Long, La Lâm Gia, Phan Ngọc Sến; Các Khu ủy viên: Phan Công Cương, Bùi Thanh Khiết, Nguyễn Văn Hôn, Trần Quang Quít, Lê Thị Bảy, Võ Văn Sĩ, Phạm Văn Kiệt và Nguyễn Đán.

Tháng 11-1971, sau đợt kiểm thảo các cấp ủy, ủy viên và đảng viên toàn Khu, Khu ủy được bổ sung thêm 11 đồng chí, gồm: Nguyễn Văn Cúc, Nguyễn

Văn Đáng, Hồ Nam, Nguyễn Văn Nam, Phạm Ngọc Hưng, Nguyễn Đình Chức, Lê Phước Thọ, Nguyễn Tấn Liêng, Nguyễn Đệ, Ngô Khắc Đăng và Ma Ha Sơn Thông [22, tr.674].

Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ Khu được phân công trách nhiệm như sau: Đồng chí Võ Văn Kiệt: Bí thư; Đồng chí Trần Văn Bình: Phó Bí thư, phụ trách Dân vận; Đồng chí Vũ Đình Liệu: Phó Bí thư, phụ trách Tuyên huấn; Đồng chí Lê Đức Anh: Phó Bí thư, phụ trách Quân sự; Đồng chí Trần Văn Long: Thường vụ, Phó Chính ủy; Đồng chí La Lâm Gia: Thường vụ, phụ trách Chính quyền; Đồng chí Phan Ngọc Sên: Thường vụ, phụ trách An ninh; Đồng chí Bùi Thanh Khiết: Khu ủy viên, Phó Chính ủy; Đồng chí Phan Công Cương: Khu ủy viên, chuyên trách Tổ chức; Đồng chí Võ Văn Sĩ: Khu ủy viên, chuyên trách Kinh tài; Đồng chí Lê Thị Bảy: Khu ủy viên, chuyên trách Phụ vận; Đồng chí Nguyễn Văn Hôn: Khu ủy viên, chuyên trách Nông vận [126].

Cuối năm 1972, Trung ương Cục miền Nam tiếp tục bổ sung cho Khu ủy 6 đồng chí, gồm: Nguyễn Ký Úc, Phạm Trọng Yêm, Trịnh Thế Cang, Lê Thanh Nhân, Nguyễn Thị Vân và Nguyễn Tấn Thanh. Năm 1973 bổ sung đồng chí Bùi Như Nho. Tại thời điểm này, tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Khu có 33 đồng chí [22, tr.674].

Tháng 9-1973, Trung ương Đảng điều động đồng chí Võ Văn Kiệt làm Ủy viên Thường trực Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Vũ Đình Liệu nhận nhiệm vụ Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu; đồng chí Trần Văn Long, Phó Bí thư Khu ủy phụ trách dân vận, binh vận và tuyên huấn. Đồng chí Nguyễn Tấn Thanh (Sáu Kẹo) thay đồng chí Lê Phước Thọ (đi chữa bệnh) làm Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng. Tháng 11-1973, đồng chí Lê Đức Anh được điều động về Bộ Tư lệnh Miền, đồng chí Phạm Ngọc Hưng được bổ nhiệm giữ chức vụ Tư lệnh quân khu. Về thành phần và phân công trong Quân Khu ủy, đồng chí Vũ Đình Liệu là Chính ủy; các Phó Chính ủy: Trần Văn Long, Phạm Ngọc Hưng, Bùi Như Nho; các Ủy viên: Nguyễn Đệ, Nguyễn Đình Chức, Nguyễn Văn Hôn và Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh trong Khu [22, tr.719].

Đối với công tác vận động, tập hợp và phát triển cơ sở trong quần chúng, Khu ủy xác định rõ phương châm hoạt động là kiên cường bám trụ địa bàn, bám dân, bám cơ sở

Trong bất cứ tình huống nào, chi bộ, đảng viên cũng phải bám chặt địa bàn, bám chặt quần chúng bằng mọi phương thức... Bằng một quyết tâm sinh tử giành từng người dân, nhất là thanh niên với địch, quyết không để chúng bắt lính hoặc sử dụng có lợi cho chúng, tranh thủ mọi điều kiện đưa quần chúng đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày với địch, chăm sóc mọi lợi ích vật chất, tinh thần của quần chúng bằng mọi cách thích hợp nhất [127, tr.2].

Đảng lãnh đạo quần chúng phải thông qua các tổ chức quần chúng, do đó, tổ chức cách mạng của quần chúng cũng phải chặt chẽ, hoạt động hiệu quả, “thể hiện chuẩn chất của chi bộ”. Tùy từng địa bàn, căn cứ tương quan lực lượng giữa ta và địch mà quy định quy mô tổ chức và hình thức hoạt động cho các tổ chức cách mạng của quần chúng vùng giải phóng và vùng tranh chấp mạnh.

Bước vào giai đoạn thực hiện nhiệm vụ phản công chiến lược, Khu ủy chỉ đạo các cấp ủy Đảng phải phát triển diện đều khắp về mặt tổ chức ở cả nông thôn và đô thị; tăng số lượng cấp ủy từ cơ sở đến cấp tỉnh; quy định về độ tuổi ở từng cấp; về cơ cấu giới và công tác đào tạo cán bộ dự nguồn; công tác tổ chức; công tác cán bộ (phát triển đảng, quản lý đảng viên) công tác bảo vệ Đảng. Trong bố trí, sử dụng cán bộ, cấp ủy phải phân bổ đảng viên, chi ủy viên, xã ủy viên có chân trong tiểu tổ, tiểu đội, ban cán sự, ban chấp hành đoàn thể, ban chuyên môn xã, áp thật sự làm tốt nhiệm vụ chức trách, phát huy tốt tác dụng lãnh đạo đối với tổ chức mình. Đối với mỗi cấp ủy Đảng, ban ngành phải kiện toàn, chấn chỉnh tổ chức và sửa đổi lỗi làm việc, để tạo sự chuyên biến trong lãnh đạo, chỉ đạo, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo tập trung, thống nhất, toàn diện. Tăng số lượng cấp ủy từ cơ sở đến tỉnh, mỗi huyện ủy (Vi) phải có số lượng tối thiểu từ 13 đến 15 Huyện ủy viên, chú ý cán bộ trẻ; mỗi cấp ủy phải có 20% ủy viên nữ. U5 (Trà Vinh) và U2 (Sóc Trăng) tiến tới có khoảng 1/5 Ủy viên người Khmer, U1 (Cà Mau), U2 (Rạch Giá) có Ủy viên là người Khmer cân đối với số lượng quần chúng và đảng viên người Khmer [132, tr.17-18].

Đối với công tác ở đô thị, tháng 9-1972, Thường vụ Khu ủy chỉ đạo các cấp ủy, chi bộ phụ trách nắm địa bàn và lãnh đạo các phong trào đấu tranh phải hết sức chú ý bảo vệ cơ sở. Chấp hành nghiêm các nguyên tắc bí mật của Đảng; bố trí khoa học để nắm bắt tình hình đúng, nhanh chóng, kịp thời. Đối với cán bộ hoạt

động công khai phải tạo được vỏ bọc an toàn, tuyệt đối “không dự các cuộc họp của các tổ chức bí mật, không tuyên truyền bất hợp pháp, không phát triển, kết nạp cơ sở bí mật (trừ trường hợp bí mật và được đồng ý của cấp trên), không áp dụng phương pháp và lề lối làm việc của bí mật vào tổ chức ông khai. Cán bộ hoạt động công khai chỉ liên hệ với một người do cấp trên chỉ định” [135, tr.6]. Công tác tổ chức “Cần chuyên môn hoá cán bộ. Phải có ý thức lâu dài... Nếu xáo trộn thường sẽ rơi vào bị động chấp vạ. Tổ chức sẽ không ổn định, ảnh hưởng lớn đến xây dựng lực lượng và phong trào” [135, tr.9]. Việc chỉ đạo đấu tranh ở thành thị phải hết sức chú ý đến lợi ích thiết thân của đông đảo quần chúng để lựa chọn hình thức đấu tranh cho phù hợp, hiệu quả.

Tại các địa phương, công tác phục hồi, củng cố tổ chức và phát triển Đảng được quan tâm. Ở Sóc Trăng: năm 1971, Tỉnh ủy điều động trên 300 cán bộ cấp tỉnh, huyện tăng cường dài hạn cho xã, xây dựng chi bộ 4 tốt và chống địch bình định. Bộ phận thường trực các cấp ủy, ban ngành cấp tỉnh huyện sắp xếp gọn nhẹ, số đông bố trí bám cơ sở, số trẻ khỏe đưa bổ sung lực lượng vũ trang [4, tr.382]; đến cuối năm 1972 có 4.400 đảng viên [6, tr.311]. Ở Cà Mau, riêng trong năm 1972 Đảng bộ đã phát triển được 1.257 đảng viên mới [64, tr.342]. Ở Trà Vinh, đầu năm 1970, Khu ủy đồng thời điều chỉnh một số đơn vị cấp huyện và điều động một số cán bộ chủ chốt sang thực hiện nhiệm vụ ở Vĩnh Long; số lượng Tỉnh ủy viên lúc này có 34 đồng chí [195, tr.212]. Ở Vĩnh Long, đến đầu năm 1970, số lượng Tỉnh ủy viên được bổ sung thêm 11 đồng chí, nâng số lượng Tỉnh ủy viên lên 32 đồng chí [7, tr.271]; công tác phát triển Đảng có bước phục hồi, đến giữa năm 1971, có 1.893 đảng viên, toàn tỉnh còn 7 xã chưa có đảng viên, 17 xã có đảng viên nhưng chưa có chi bộ [7, tr.289]. Tỉnh Cần Thơ, năm 1969 phát triển được 380 đảng viên; năm 1972 phát triển được 534, nâng tổng số lên 4.334 đảng viên [62, tr.360].

Về kết quả công tác phát triển Đảng của toàn Đảng bộ khu Tây Nam Bộ: cuối năm 1969 có 30.035 đảng viên; cuối năm 1970 có 25.280 đảng viên; tháng 3-1972 có 31.104 đảng viên, đến cuối năm 1972 có 34.023 đảng viên. Về tổ chức cơ sở đảng, toàn Khu có 381 xã có Chi ủy, Xã ủy, 12 xã có đảng viên, 8 xã có cơ sở (quần chúng được giác ngộ cao, thuộc thành phần “chí cốt” cách mạng), chỉ còn 35 xã chưa có chi bộ (trong đó có 9 xã trắng) [138, tr.2-3].

Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, tình hình diễn biến phức tạp, chính

quyền, quân đội VNCH tiến hành các cuộc hành quân đánh phá ác liệt, chiếm đất, giành dân. Nhằm củng cố vai trò và sức mạnh lãnh đạo của các tổ chức Đảng, nhất là ở cơ sở trong tình hình mới, ngày 31-4-1973, Thường vụ Khu ủy ra Chỉ thị số 06/CT-T.73 về việc “Ra sức củng cố, xây dựng chi bộ vững mạnh toàn diện, phát huy vai trò lãnh đạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống”. Khu ủy xác định “trong bất cứ tình huống nào, củng cố, xây dựng chi bộ cũng là khâu trung tâm then chốt trong toàn bộ khâu xây dựng Đảng” [139, tr.1]. Trọng tâm của công tác xây dựng chi bộ là củng cố, xây dựng các loại chi bộ ở các vùng phát triển vững chắc, toàn diện, bám chặt địa bàn, nắm quần chúng trong mọi tình huống. Phát huy vai trò của chi bộ, nhanh chóng làm chuyển biến so sánh lực lượng ở cơ sở có lợi cho ta, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công tác xây dựng chi bộ phải chặt chẽ; xây dựng nghị quyết phải gắn chặt với các yêu cầu, nhiệm vụ của từng chi bộ. Trong hoạt động, chi bộ phải bám sát yêu cầu nhiệm vụ của mình trên từng địa bàn, đặc biệt, ở những vùng tranh chấp, vùng địch kìm phải nắm vững và thực hiện tốt nguyên tắc luôn hoà mình vào trong nhân dân, bám chặt nhân dân, giữ dân để tuyên truyền và lãnh đạo nhân dân, cùng nhân dân tổ chức sản xuất và chiến đấu. Cấp ủy và các ban ngành phải lấy cấp xã, ấp làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, tăng cường cán bộ xuống cơ sở, làm cho cơ sở không ngừng mạnh lên. Cán bộ phải được chỉnh huấn, bồi dưỡng, phát huy hết khả năng cho cơ sở. Đồng thời, phải chú ý đào tạo cốt cán cho chi bộ [139, tr.10]. Khu ủy yêu cầu phải “cắm chốt” được sự lãnh đạo của Đảng trên từng địa bàn, khu vực để tổ chức tập hợp quần chúng và lãnh đạo quần chúng, phấn đấu “khắc phục hết xã trắng đảng viên, trắng chi bộ, xây dựng được chi bộ, tổ đảng trong tất cả các xã, ấp giải phóng, làm chủ vùng tranh chấp mạnh ở nông thôn, các ngành nghề, lực lượng, khu vực chủ yếu ở đô thị, mở rộng diện ấp có cơ sở Đảng trong hầu hết các khu vực tranh chấp yếu và kèm lỏng nông thôn” [145, tr.72].

Ngày 15-9-1973 Thường vụ Khu ủy ra Nghị quyết về “Tình hình và nhiệm vụ của Đảng bộ Tây Nam Bộ trong giai đoạn mới”, chỉ rõ: tiếp tục kiên toàn, củng cố hệ thống các ban, ngành cấp Khu theo hướng tinh gọn, hiệu quả, dồn lực lượng cho cơ sở. Ở cấp Khu phân công từ 3 đến 5 phụ trách quân sự; các lĩnh vực chính quyền, an ninh, kinh tế tài chánh, tuyên huấn, tổ chức, kiểm

tra..., dân vận, bố trí từ 1 đến 2 cán bộ; phân công trách nhiệm từ 5 đến 7 Khu ủy viên chỉ đạo địa phương, trong đó, có một số trực tiếp làm Bí thư Tỉnh ủy [155, tr.76]. Đến đầu tháng 4-1974, trong số 14 ban, ngành và tương đương của Khu đã điều động 61 cán bộ về tăng cường cho cấp tỉnh, huyện và cấp xã. Đối với cấp tỉnh, căn cứ vào chỉ đạo chung của Khu ủy và tùy vào yêu cầu, nhiệm vụ ở từng địa bàn để bố trí, phân công nhân sự cho phù hợp, đảm bảo hiệu quả cho hoạt động [151, tr.1-4].

Nhằm khắc phục hạn chế do địa hình chia cắt, nâng cao tính cơ động, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, ngày 20-11-1973, đồng chí Vũ Đình Liệu, Bí thư Khu ủy chủ trì Hội nghị tại căn cứ Cái Chanh, xã Thanh Lợi (Hồng Dân), công bố quyết định thành lập lại tỉnh Bạc Liêu, chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, đồng chí Nguyễn Văn Đáng, Khu ủy viên giữ chức Bí thư Tỉnh ủy [4, tr.425].

Tại các địa phương, công tác kiện toàn tổ chức và phát triển Đảng tiếp tục được quan tâm, bảo đảm đáp ứng yêu cầu cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng. Ở Trà Vinh: tháng 8-1973, Thường vụ tiến hành sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng, bố trí phân công nhiệm vụ các chức danh chủ chốt khối các cơ quan dân chính, tinh đội, Ban Khmer vận, thành lập đội vũ trang Khmer (sau phát triển thành tiểu đoàn) [195, tr.271]. Ở Vĩnh Long: công tác tổ chức được Thường vụ Tỉnh ủy quán triệt và hướng dẫn “tiên hành kiểm thảo Huyện ủy, ban, ngành tỉnh, tập thể chi bộ và cá nhân. Bố trí cán bộ, đảng viên ở cơ sở nằm trong tiểu tổ, tiểu đội... xây dựng lực lượng ba mũi, kế hoạch ba mũi và chỉ huy ba mũi”. Phát triển đảng viên, nâng cao vai trò của chi bộ, đảm bảo cho chi bộ vững vàng đi lên và lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn [7, tr.322]. Ở tỉnh Cần Thơ: Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng địa phương ra sức chỉnh đốn hàng ngũ, tiếp tục củng cố tổ chức và phát triển đảng trong bối cảnh mới. Đến quý III năm 1973, toàn tỉnh có 3.661 đảng viên và 3 chi bộ xã ly hương; 1.841 đoàn viên, 14.733 hội viên các đoàn thể [62, tr.398]. Ở tỉnh Rạch Giá: đến cuối năm 1973 toàn tỉnh có 23 xã có chi bộ và 12 xã có Đảng bộ xã, 2.692 đảng viên (trong đó nữ: 283, mật: 192, dân tộc Khmer: 74), hoạt động ở cơ sở: 1.123, ở huyện: 671, ở cấp tỉnh: 782 và tại thị xã: 116; trong tổng số 290 ấp, có: 83 ấp có chi bộ, 32 ấp có tổ Đảng, 94 ấp có đảng viên, 23 ấp cơ sở quần chúng và 38 ấp trắng; đến cuối năm 1974 phát triển thêm được

196 đảng viên [194, tr.222, 239]. Ở tỉnh Cà Mau, Tỉnh ủy chủ trương chấn chỉnh tổ chức, sắp xếp lại các cấp ủy Đảng, nhất là đối với cơ sở, đưa cán bộ, đảng viên có năng lực xuống giữ các chức vụ quan trọng, mở các lớp đào tạo cán bộ; trong năm 1973 đã mở hơn 100 lớp bồi dưỡng cho đối tượng Đảng, kết nạp gần 1.500 đảng viên [64, tr.347, 356]. Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu ngay sau khi được tái thành lập (tháng 11-1973) đã gấp rút kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng và bố trí cán bộ phụ trách các ngành, lĩnh vực và địa bàn. Tại thời điểm tái thành lập tỉnh có 2.119 đảng viên; đến cuối năm 1974 phát triển thêm được 275 đảng viên, đến tháng 1-1975 phát triển được 31 đảng viên [4, tr.425, 444, 449].

Cuối năm 1973, Đảng bộ Khu có gần 35.000 đảng viên, đến cuối năm 1974, riêng số lượng đảng viên thuộc khối Đảng bộ cơ sở nông thôn có 27.290 đảng viên là lực lượng nòng cốt trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở và xây dựng hậu phương kháng chiến [149, tr.4]. Đến đầu năm 1975, toàn Đảng bộ có 351 chi bộ cơ sở [22, tr.874], là hạt nhân của chiến tranh nhân dân và tổ chức kháng chiến, đảm đương nhiệm vụ lãnh đạo kháng chiến trên địa bàn, thực hiện thắng lợi phương châm “xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh”, cùng quân và dân toàn miền Nam nhất tề đứng dậy đập tan bộ máy chính quyền tay sai, thống nhất Tổ quốc.

Sau giải phóng, Đảng bộ khu Tây Nam Bộ tiếp tục lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ cấp bách trước mắt: thành lập các Ban Quân quản thực hiện nhiệm vụ tiếp quản các cơ sở kinh tế, căn cứ quân sự và phương tiện chiến tranh do Mỹ và chính quyền Sài Gòn để lại và nhanh chóng ổn định tình hình.

Chỉ đạo cấp ủy Đảng các địa phương củng cố, dựng chính quyền cách mạng, khắc phục hậu quả chiến tranh; thực hiện các chính sách đối với tù binh, hàng binh, hướng dẫn đăng ký, quản lý, giáo dục đối với những người ra trình diện, trở về với nhân dân; tiến hành truy quét, trấn áp các đối tượng ngoan cố, không chịu ra trình diện. Lãnh đạo các địa phương gấp rút thực hiện các biện pháp khôi phục và phát triển sản xuất, giải quyết thất nghiệp; xây dựng các thiết chế xã hội mới trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và thực hiện các biện pháp bảo vệ vững chắc chủ quyền đất nước trên phạm vi địa bàn quản lý.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, các Ủy ban Quân quản chuyển dần nhiệm vụ quản lý cho các Ủy ban nhân dân cách mạng.

Quá trình thực thi các biện pháp để ổn định xã hội, Khu ủy chỉ thị cho các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, cán bộ, đảng viên gương mẫu, thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng. Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương nơi tiếp nhận phải tổ chức giáo dục, cải tạo tư tưởng và đào tạo nghề cho những người đã từng tham gia chế độ VNCH, các đối tượng vô gia cư, thất nghiệp.

Trong khi quân và dân Khu Tây Nam Bộ đang bắt tay vào công cuộc ổn định và khắc phục hậu quả chiến tranh thì tập đoàn Pôn-pốt đưa quân tràn qua biên giới, giết hại nhiều đồng bào ta với mức độ ngày càng dã man từ Tây Ninh đến Hà Tiên với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Tại biên giới biển tiếp giáp ở Tây Nam Bộ, chúng đánh chiếm các đảo Thổ Chu, Phú Quốc, Hòn Ông, Hòn Bà..., trên tuyến đất liền từ Hà Tiên đến Long Châu Hà, có nơi chúng thọc sâu hàng chục km cướp tài sản, giết hại đồng bào.

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ quốc phòng: “phải đánh chiếm lại toàn bộ các đảo và đất đai của ta mà quân Pôn-pốt đã chiếm” [172, tr.1-2], Thường vụ Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu chỉ đạo lực lượng vũ trang và các địa phương bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc, giành lại chủ quyền tại các đảo đã bị chiếm đóng. Trước tình hình biên giới diễn biến ngày càng phức tạp, Khu ủy và Quân khu chỉ đạo các biện pháp bảo vệ đồng bào; điều chỉnh, bố trí lại lực lượng, xây dựng phương án phòng thủ biên giới và sẵn sàng phản công, truy kích khi chúng có hành vi xâm lược.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 245-NQ/TW ngày 20-9-1975 của Bộ Chính trị “Về việc bỏ khu, hợp tỉnh” và Quyết định số 246-NQ/TW, ngày 20-9-1975 “Về việc giải thể Ban miền Nam” của Trung ương Đảng, theo đó giải thể các Đảng bộ cấp Khu trong đó có Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ.

Tiểu kết chương 3

Từ năm 1969 đến 1975 là giai đoạn cuộc kháng chiến diễn ra ngày càng quyết liệt, Đảng bộ nỗ lực đẩy mạnh toàn diện nhiệm vụ xây dựng Đảng: nâng cao bản lĩnh chính trị, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, giữ vững lập trường tư tưởng, kiện toàn tổ chức, phát triển đảng viên; xây dựng Đảng bộ vững mạnh ngang tầm nhiệm vụ. Hệ thống tổ chức trong Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ được củng cố, kiện toàn theo 4 cấp. Các cấp ủy Đảng từ Khu đến tỉnh, huyện, xã và các địa bàn cơ sở trong vùng địch kiểm soát kiên cường bám trụ địa bàn trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến, bám dân xây dựng cơ sở, bám thắt lưng địch để đánh địch. Trong vùng giải phóng, các cấp ủy Đảng vừa thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, vừa lãnh đạo xây dựng chính quyền, xây dựng hậu phương kháng chiến.

Trên cơ sở nắm vững các nguyên tắc xây dựng Đảng, từng cấp ủy Đảng trong toàn Đảng bộ xác định rõ nhiệm vụ chính trị, đề ra chủ trương, giải pháp kịp thời chuyển trọng tâm về củng cố và phát triển thế đứng của cách mạng ở nông thôn; xây dựng, củng cố các khu căn cứ vững chắc, từng bước phát triển thực lực, đẩy mạnh phát triển thế trận chiến tranh nhân dân “hai chân, ba mũi, ba vùng” và tổ chức lãnh đạo, kháng chiến, đánh bại mọi nỗ lực “bình định” của đối phương, cùng Nhân dân miền Nam làm thất bại cơ bản chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, Khu ủy đã chỉ đạo các cấp ủy địa phương không chủ quan, lơ là, không mơ hồ, ảo tưởng về khả năng hoà bình trực tiếp từ Hiệp định Pa-ri và quyết định chủ động đấu tranh chống địch vi phạm Hiệp định; xây dựng quyết tâm chính trị, tư tưởng cách mạng tiên công, tích cực củng cố, kiện toàn tổ chức, phát triển thế đứng của cách mạng, đánh bại mọi hành vi vi phạm Hiệp định, góp phần củng cố quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị trong việc xác định con đường phát triển của cách mạng miền Nam. Khi thời cơ đến, với phương châm “chủ động, tự lực, tự cường” Đảng bộ đã lãnh đạo quân và dân trên địa bàn thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy giành thắng lợi, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Một là, Đảng bộ luôn bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện và liên tục của Đảng đối với sự phát triển của phong trào cách mạng trên địa bàn

Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện và liên tục của Đảng đối với sự phát triển của phong trào cách mạng là vấn đề tiên quyết, xuyên suốt của tổ chức Đảng, mỗi cán bộ, đảng viên, đồng thời cũng là mục tiêu sống còn của Đảng, quyết định sứ mệnh lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Vấn đề sống còn ấy càng đặc biệt hơn đối với tổ chức Đảng thực hiện nhiệm vụ trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh và trên địa bàn trực tiếp đối mặt với xâm lược. Với những đặc thù về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, Khu Tây Nam Bộ trở thành địa bàn trọng điểm của chính sách “bình định” của đối phương. Các chính sách, giải pháp, thủ đoạn tiến hành chiến tranh xâm lược, bình định của Mỹ và chính quyền VNCH gây rất nhiều khó khăn cho cuộc kháng chiến trên địa bàn nói chung và trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng nói riêng. Thể hiện rõ ở những vấn đề sau:

Thứ nhất, Khu Tây Nam Bộ là vùng đồng bằng sông nước, kênh rạch chằng chịt, địa hình bị “phân mảnh”, chia cắt bởi những con sông là trở ngại lớn trong công tác liên hệ nắm bắt thông tin và lãnh đạo, chỉ đạo từ trên xuống. Những khó khăn, trở ngại đó càng nhân lên gấp bội trong trong hoàn cảnh đối phương đã thiết lập được hệ thống kìm kẹp với đầy đủ thiết chế, công cụ để đàn áp, bình định. Trên thực tế, từ giữa năm 1955, hệ thống chính quyền tay sai đã cơ bản hoàn thiện; đồng thời, từ chính sách “tố Cộng”, “diệt Cộng” có hệ thống tổ chức, ngày càng khốc liệt của chính quyền Mỹ và Ngô Đình Diệm trong gần 5 năm tiếp đó đã gây những tổn thất rất lớn đối với cách mạng nói chung và hệ thống tổ chức Đảng nói riêng.

Địa hình Tây Nam Bộ chủ yếu là đồng bằng cũng tạo ra những khó khăn, thách thức rất lớn đối với việc xây dựng các “căn cứ địa”; địa hình cũng không thuận lợi cho việc bố trí thế trận phòng thủ, che giấu lực lượng như ở vùng rừng núi... vì vậy, việc xây dựng, phát triển tổ chức, cơ sở của Đảng vốn dĩ đã khó, công tác bảo vệ tổ chức lại càng khó, rất dễ bị đối phương phát giác và đánh phá.

Thứ hai, địa bàn Khu Tây Nam Bộ có nhiều đồng bào dân tộc, tôn giáo sinh sống. Hầu hết đồng bào theo tôn giáo có điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ văn hóa thấp. Lợi dụng điều kiện đó, đối phương thực hiện nhiều thủ đoạn dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc; đẩy mạnh các hoạt động xuyên tạc nhằm tạo lập ngăn cách, chia rẽ sự đoàn kết cộng đồng và tách biệt nhân dân với cách mạng. Kết hợp với việc siết chặt hệ thống kìm kẹp, kiểm soát gắt gao quần chúng bằng hệ thống cảnh sát, dân vệ, tề điệp đến tận thôn, ấp; phân loại và đưa nhân dân vào các ấp chiến lược; tiến hành khủng bố, trấn áp tinh thần, lùng bắt những quần chúng yêu nước và đẩy mạnh các hoạt động càn quét, đánh phá cơ sở cách mạng... đây là những khó khăn, thách thức vô cùng lớn đối với cách mạng.

Thứ ba, trong quá trình triển khai chính sách “thực dân kiểu mới”, ở Khu Tây Nam Bộ, đối phương khai thác triệt để chính sách “sử dụng người Việt Nam để đàn áp người Việt Nam”. Lực lượng được sử dụng để thực hiện chính sách “bình định”, tiến hành các hoạt động càn quét, đánh phá đều là quân VNCH - là người Việt Nam - với sự am hiểu sâu sắc về địa hình, truyền thống, tâm lý, cách thức tổ chức, quy luật hoạt động... của người Việt Nam để truy lùng, đánh phá hệ thống tổ chức Đảng, đàn áp phong trào cách mạng và khủng bố, bắt bớ những người yêu nước, tạo ra tâm lý căng thẳng, chia rẽ trong quần chúng. Đồng thời kết hợp nhiều thủ đoạn, kìm kẹp, “xúc tát” dân, lập ACL nhằm cô lập cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng với nhân dân... đã gây rất nhiều khó khăn cho ta trong quá trình gây dựng, phát triển tổ chức, bảo vệ các cơ sở cách mạng, bảo vệ cán bộ, đảng viên.

Tuy nhiên, trước tình thế khó khăn, hiểm nghèo, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ đã có nhiều nỗ lực khắc phục khó khăn, sáng tạo trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng nhằm bảo đảm vai trò và sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng kháng chiến trên địa bàn. Bám sát sự chỉ

đạo của Trung ương Đảng, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, các cấp ủy từ cấp khu đến chi bộ, mỗi cán bộ luôn chủ động, sáng tạo, xây dựng tổ chức gắn liền với củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo Đảng bộ. Các cấp ủy trong Khu, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ từ thực tiễn của địa bàn, tự giác, chủ động trong xác định nhiệm vụ chính trị; xây dựng kế hoạch phương án, giải pháp tổ chức, lãnh đạo phong trào cách mạng trên địa bàn được phân công, phụ trách. Đây là một ưu điểm cũng là thành công trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ trong điều kiện luôn bị đối phương kìm kẹp, kiểm soát gắt gao, sử dụng nhiều thủ đoạn chia rẽ và truy lùng, đánh phá.

Đối với các tổ chức cơ sở Đảng, Khu ủy chủ trương thông qua thực hiện nhiệm vụ xây dựng Chi bộ tự động công tác, bảo đảm chi bộ luôn nắm vững và quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, nắm vững các nguyên tắc xây dựng Đảng và chỉ đạo của cấp ủy cấp trên; nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của chi bộ cơ sở thông qua xây dựng các Chi bộ tự động công tác. Trong vùng tranh chấp, vùng địch kiểm soát và ở các ACL, Đảng bộ luôn quán triệt phương châm chiến lược “ba bám” (bám dân, bám cơ sở/địa bàn, bám địch đánh địch). Đặc biệt, “bám dân” là hòa mình vào dân để hoạt động, “nắm dân” để giữ vững và phát triển thực lực của cách mạng, kiên trì vận động, giác ngộ quần chúng, từng bước hình thành những “nòng cốt”, “chí cốt” ngay trong vùng bị kìm kẹp để gây dựng, phát triển tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng. Nắm vững và thực hiện nguyên tắc “trong bất cứ tình huống nào, dù trong hoàn cảnh khó khăn đến mấy thì chi bộ phải luôn quán triệt tư tưởng bạo lực, tư tưởng quần chúng, chi bộ chịu trách nhiệm với trên và quần chúng...” và xác định rõ việc xác định và thực hiện nhiệm vụ của chi bộ phải theo yêu cầu, chứ không phải theo khả năng [107, tr.11].

Chính việc xác định rõ nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu và giải quyết nhiệm vụ thực tiễn (mặc dù trong nhiều hoàn cảnh, đối với những chi bộ chỉ đạo những địa bàn trọng điểm đối phương đánh phá, vùng địch kiểm soát và có thể “vượt ngoài khả năng”) đã giúp cho từng cấp ủy chi bộ, mỗi cán bộ đảng viên luôn nhận thức sâu sắc về trọng trách của mình để không ngừng nỗ lực sáng tạo, bền chí, kiên gan, vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, nhờ

bám chặt địa bàn, bám chặt nhân dân đã giúp các cấp ủy, chi bộ cơ sở nắm chắc những vấn đề liên quan đến cách thức, thủ đoạn của đối phương và những yêu cầu đặt ra cụ thể ở từng địa phương, từng địa bàn cơ sở, từ đó đề ra giải pháp đúng, sát hợp và kịp thời để tập hợp, hướng dẫn, lãnh đạo nhân dân tổ chức chiến đấu; lấy mục tiêu đấu tranh bảo vệ lợi ích của quần chúng nhân dân làm mục tiêu, nhiệm vụ căn bản của nhiệm vụ xây dựng Đảng; không ngừng củng cố mối liên hệ bền chặt giữa Đảng với Dân, tạo lập cơ sở chính trị để xây dựng căn cứ địa lòng dân vững chắc. Cũng chính từ sự bền bỉ, kiên cường bám trụ hoạt động trong vùng địch kềm, đội ngũ cán bộ đảng viên có điều kiện được giáo dục, rèn luyện từ thực tiễn khó khăn, khốc liệt trở thành hạt nhân trực tiếp chỉ đạo quần chúng nhân dân đấu tranh, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Khu ủy đề ra trong từng giai đoạn kháng chiến.

Về phương thức tổ chức lực lượng, từng cấp ủy luôn nắm vững và thực hiện triệt để phương châm phát triển thế trận chiến tranh nhân dân toàn diện. Chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị của quần chúng với sự hỗ trợ hiệu quả của lực lượng vũ trang. Xây dựng hệ thống các tổ chức chính trị của Đảng trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam như Thanh niên, Phụ nữ... tổ chức vận động quần chúng, xây dựng phong trào trên từng xóm, ấp; thực hiện hiệu quả công tác giác ngộ binh lính trong lực lượng của đối phương; thực hiện chỉ đạo của cấp ủy trong phối hợp với lực lượng vũ trang đấu tranh phá vỡ ACL, chuyển ACL thành ấp chiến đấu, làm thất bại âm mưu tách dân khỏi Đảng của đối phương. Từ năm 1961, trên cơ sở các vùng “lõm” kháng chiến, nhiều khu căn cứ Tỉnh ủy, tiếp đó là các căn cứ huyện/ thị xã ủy đã được thành lập trở thành “bộ não” lãnh đạo phong trào cách mạng, chỉ đạo kháng chiến ở các địa phương. Mặc dù trong một số thời điểm cách mạng gặp những khó khăn, tổn thất lớn (nửa cuối năm 1968 đến nửa đầu năm 1970) với hơn 79% diện tích đất đai bị đối phương kiểm soát, nhiều cơ sở cách mạng bị đánh rã, hầu hết địa bàn trọng yếu khu vực nông thôn bị địch chiếm giữ... nhưng cơ bản hệ thống tổ chức của Đảng vẫn được giữ vững, “vùng trắng” chi bộ ở một số địa phương nhanh chóng được khôi lập, công tác lãnh đạo, chỉ đạo từ cấp Khu xuống cơ sở luôn được thông suốt, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện và liên tục của Đảng.

Sự kiên cường vượt mọi khó khăn và không ngừng lớn mạnh của Đảng bộ trở thành hạt nhân, điểm tựa bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện và liên tục của Đảng vừa là ưu điểm, cũng là thành công lớn của Đảng bộ trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, cũng chính là yếu tố xuyên suốt quyết định đến thắng lợi của cách mạng trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ.

Hai là, Đảng bộ luôn chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm giữ vững bản chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên và củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên địa bàn trực tiếp đối đầu xâm lược và trong điều kiện luôn bị đối phương kìm kẹp, khủng bố, từng cấp ủy luôn quan tâm giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, bảo đảm đội ngũ cán bộ, đảng viên giữ vững lập trường tư tưởng chính trị, kiên định với con đường, lý tưởng đã chọn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Công tác củng cố, nâng cao bản lĩnh lập trường chính trị của đội ngũ đảng viên ngoài được tiến hành thường xuyên trong toàn Đảng bộ Khu, bên cạnh vai trò nòng cốt lãnh đạo của các cấp ủy còn có sự tham gia tích cực, hiệu quả của các cơ quan, các tổ chức chính trị. Đặc biệt là các cơ quan thông tấn, truyền thông cách mạng thông qua các hoạt động văn nghệ, các tập san, báo cách mạng... nhằm chuyển tải chủ trương, đường lối của Đảng, của cấp ủy cấp trên; những thành công trong tổ chức lãnh đạo, chiến đấu của Đảng bộ và nhân dân các địa phương; những gương điển hình trong kháng chiến... đã góp phần mang những tri thức, kinh nghiệm quý, sự cổ vũ, động viên kịp thời đến đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng được Đảng bộ quan tâm thực hiện gắn kết với xây dựng Đảng về chính trị, nâng cao nhận thức lý luận về đường lối kháng chiến, thấu triệt nhiệm vụ kháng chiến trên địa bàn, nhận thức về bản chất giai cấp công nhân của Đảng; kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin. Đảng bộ Khu thường xuyên tổ chức “tự kiểm điểm”, “tự phê bình” gắn với hoạt động kiểm tra, giám sát đối với tập thể cấp ủy và mỗi cán bộ, đảng viên. Thông qua hoạt động này đã giúp tập thể các cấp ủy Đảng kịp thời phát hiện và chấn chỉnh, uốn nắn những biểu hiện tiêu cực trong tư tưởng xuất hiện trong quá trình kháng

chiến. Thực tế trong những thời điểm đầu sau khi giành được những thắng lợi nhất định như (giai đoạn đầu sau “Đông khởi”, giai đoạn sau khi ký Hiệp định Pa-ri) đã xuất hiện tư tưởng chủ quan, khinh địch dẫn đến lơ là, mất cảnh giác; một bộ phận khác tác phong “lề mề” trì trệ, giáo điều, thiếu sự sâu sát thực tiễn; làm việc “lơi khơi”, thiếu sự cẩn trọng trong thực hiện nhiệm vụ. Một số cán bộ qua thời gian công tác có những đóng góp nhất định đối với phong trào đã có những biểu hiện “công thần địa vị”, cục bộ địa phương dẫn đến sự chia rẽ, bè cánh ở một số cấp ủy và đơn vị. Ở những thời điểm cách mạng gặp khó khăn, một số cán bộ, đảng viên xuất hiện tư tưởng ngại khó, ngại khổ, “co thủ” “cầu an”. Trên một số địa bàn ở địa phương, cơ sở bị đối phương khủng bố, tổ chức bị vỡ, nhiều cán bộ bị bắt và bị sát hại cùng với những thủ đoạn dụ dỗ, cưỡng ép, gây áp lực gia đình dẫn đến một bộ phận cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động; một số cán bộ, đảng viên không vượt qua được sự tra tấn của kẻ thù nên trong một chừng mực đã thỏa hiệp, thậm chí đầu hàng và làm tay sai. Trên cơ sở nắm bắt thực tế diễn biến tình hình, đánh giá cụ thể những thuận lợi, khó khăn, các yếu tố tác động đến tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, Đảng bộ đã kịp thời đề ra giải pháp và tiến hành chấn chỉnh, khắc phục. Điểm nổi bật đáng chú ý trong công tác khắc phục những biểu hiện tiêu cực nảy sinh về tư tưởng là Đảng bộ đã rất cẩn trọng, trách nhiệm trong công tác chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác tư tưởng. Đối với những biểu hiện suy thoái ở mức độ nhẹ, có ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ ở từng chi bộ, từng địa bàn riêng lẻ... được kiểm điểm, chấn chỉnh dưới hình thức “chỉnh huấn” theo từng đợt do cấp ủy cấp trên hoặc cơ quan chuyên môn (Tuyên huấn/ Tuyên Văn giáo) triển khai; thực hiện nghiêm túc, thực chất công tác “tự phê bình” và “phê bình” đối với từng cá nhân thông qua hoạt động sinh hoạt Đảng định kỳ. Đối với những biểu hiện suy thoái nặng, có gây thiệt hại đến tổ chức, cán bộ, ảnh hưởng trực tiếp đến phong trào cách mạng, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng đối với quần chúng nhân dân, tạo ra những tiền lệ xấu... thì tổ chức phân loại, tùy mức độ để kiểm điểm, đánh giá cụ thể, thực hiện kỷ luật Đảng nghiêm minh, với hình thức phù hợp.

Công tác kiểm điểm, đánh giá thực hiện nghiêm minh, công tâm, khách quan, thực chất với phương châm là *chủ động ngăn ngừa* từ khi mới manh nha, khắc phục triệt để những biểu hiện lệch lạc trong tư tưởng; chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, xác định rõ nguyên nhân; định hướng giải pháp và tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên khắc phục; nhưng cũng *kiên quyết loại bỏ những thành phần không trung thực, thoái hóa biến chất, vì lợi ích cá nhân đã đổi màu và trở cờ*, phản bội mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Đối với những cán bộ, đảng viên vì không chịu đựng được sự tra tấn của đối phương nên đã “chiêu hồi”, có thời gian làm việc cho địch nhưng đã từ bỏ và mong muốn quay trở lại hoạt động, phục vụ Đảng, phục vụ cách mạng thì tùy vào động cơ, hoàn cảnh, tính chất mức độ ảnh hưởng đến tổ chức, đến phong trào để có cách thức xử trí phù hợp, đồng thời tổ chức theo dõi, đánh giá thái độ và thử thách, bảo đảm thực hiện đúng, chặt chẽ theo quy trình của công tác cán bộ, bảo đảm tính khách quan, hợp lý, hợp tình, đồng thời tạo điều kiện để cán bộ có cơ hội được cống hiến.

Đối với tập thể cấp ủy mà trước hết là Khu ủy, với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước tập thể cán bộ đảng viên và nhân dân đã nghiêm khắc tự phê bình, dũng cảm thừa nhận những hạn chế, khuyết điểm của mình và chỉ rõ nguyên nhân dẫn đến hạn chế, khuyết điểm trong công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng cũng như trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn được phân công. Công tác kiểm điểm, phê bình bảo đảm tính toàn diện, thực hiện ở tất cả các khâu, các nội dung công tác, kịp thời và thực chất, nhờ đó đã góp phần phát huy dân chủ, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ tập thể các cấp ủy.

Nhờ những giải pháp trên mà Đảng bộ đã không ngừng được củng cố, không ngừng trưởng thành và vững mạnh, tỏ rõ bản chất cách mạng, kiên trung đáp ứng và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ba là, hệ thống tổ chức của Đảng bộ luôn được kiện toàn, phát triển và hoàn thiện đáp ứng yêu cầu lãnh đạo kháng chiến

Trong quá trình thực hiện xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức, Đảng bộ luôn tuân thủ các nguyên tắc xây dựng Đảng, đồng thời căn cứ vào điều kiện thực tiễn kháng chiến chống Mỹ ở địa bàn Khu Tây Nam Bộ để *xây dựng tổ*

chức bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, chặt chẽ và tinh gọn đáp ứng yêu cầu của cách mạng. Theo nguyên lý tổ chức Đảng kiểu mới của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tổ chức và hoạt động của chính Đảng vô sản kiểu mới phải dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời, để quyết định mọi vấn đề trong Đảng đều phải dựa trên cơ sở cấp dưới phải phục tùng cấp trên, “bộ phận phục tùng toàn bộ và thiểu số phục tùng đa số (...) phân công dưới quyền lãnh đạo của một cơ quan Trung ương” [207, tr.460-461].

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chuyển sang giai đoạn mới đòi hỏi Đảng phải có sự điều chỉnh, phát triển hệ thống tổ chức để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thống nhất của Đảng. Cùng với việc thành lập trở lại Trung ương Cục miền Nam, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) chủ trương kiện toàn tổ chức cấp Khu và lập các cơ quan lãnh đạo Đảng cấp khu ở những địa bàn chiến lược quan trọng. Nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo kháng chiến trong giai đoạn cách mạng miền Nam chuyển sang thế tiến công, đánh bại các chiến lược chiến tranh bình định miền Nam của đế quốc Mỹ, Khu ủy Tây Nam Bộ ra đời vào tháng 7-1961. Đây là quyết định kịp thời, sáng suốt của Trung ương Đảng, thể hiện sự phát triển hoàn chỉnh hệ thống tổ chức Đảng trong hoàn cảnh cụ thể của cuộc kháng chiến.

Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ là một cấp bộ Đảng trong hệ thống tổ chức 5 cấp của Đảng ở miền Nam. Trong phạm vi cấp Khu, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ có hệ thống tổ chức Đảng gồm 4 cấp: Đảng bộ Khu, Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện và Đảng bộ/chi bộ xã. Hệ thống cấp ủy Đảng được tổ chức chặt chẽ từ cấp Khu đến cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng thông suốt.

Khu ủy Tây Nam Bộ chấp hành sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam; chịu trách nhiệm lãnh đạo và chỉ đạo toàn diện mọi hoạt động công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo kháng chiến trên địa bàn khu Tây Nam Bộ. Cơ cấu tổ chức, nhân sự lãnh đạo chủ chốt của cấp ủy cấp khu đều do Trung ương Cục miền Nam điều động, bổ nhiệm và chuẩn y theo đúng các quy định về công tác cán bộ của Đảng. Khu ủy nhiều lần được kiện toàn, có cơ chế phân công, phân nhiệm rõ ràng, bảo đảm tinh gọn. Trong cơ cấu tổ chức của Khu

ủy (Ban Chấp hành Đảng bộ) có các ban chuyên môn, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy, được củng cố trong mỗi giai đoạn kháng chiến làm nhiệm vụ tham mưu, giúp cho Khu ủy lãnh đạo toàn diện kháng chiến.

Trong điều kiện xa Trung ương, địa bàn bị chia cắt cùng sự khùng bố gắt gao của kẻ thù thì việc nâng cao vị thế, vai trò của Đảng bộ Khu (thay thế cho các Liên tỉnh ủy) hoàn toàn phù hợp, kịp thời đáp ứng những đòi hỏi, yêu cầu bức thiết của cách mạng. Thực tế đã chứng minh trong bối cảnh cuộc chiến tranh ngày càng diễn ra quyết liệt, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ vừa có điều kiện lãnh đạo bao quát toàn khu vực, vừa có thể chỉ đạo sâu sát, nắm vững từng địa phương, những động thái, thay đổi của đối phương, vấn đề mới phát sinh ở các địa phương, cơ sở để kịp thời báo cáo, xây dựng phương án, kiến nghị với Trung ương và Trung ương Cục miền Nam về các vấn đề liên quan đến cuộc kháng chiến ở địa bàn.

Đặc biệt, trong những tình huống đặc biệt cấp bách và trong điều kiện chưa có sự chỉ đạo kịp thời của cấp trên, Khu ủy căn cứ vào chủ trương, nghị quyết của Đảng, căn cứ vào vị trí vai trò, nhiệm vụ được phân công mà chủ động tổ chức chỉ đạo các cấp, ngành, địa phương thực hiện các phương án đấu tranh, đưa phong trào cách mạng ở địa bàn tiến lên.

Khu ủy luôn chú trọng công tác kiện toàn, củng cố, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị của đội ngũ đảng viên. Trong quá trình hoạt động, được sự quan tâm thường xuyên của Trung ương Cục miền Nam, trong mỗi giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến, đội ngũ cán bộ lãnh đạo được tăng cường nhằm bổ sung, nâng cao chất lượng hoạt động của cấp ủy. Để hoàn thiện cơ chế hoạt động và phân công nhân sự phụ trách lãnh đạo các lĩnh vực trong cấp ủy hoạt động hiệu quả, Khu ủy tập trung chỉ đạo việc kiện toàn, chấn chỉnh tổ chức và sửa đổi lỗi làm việc của các cấp ủy Đảng và ban ngành từ cấp Khu đến cấp huyện, “đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất, toàn diện, sâu sát cơ sở (...) đưa các cấp ủy, ban ngành vào nền nếp, đúng với chức năng và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng” [132, tr.17].

Trong xây dựng, củng cố hệ thống cấp ủy Đảng ở các địa phương, từ cấp ủy cấp Khu đến chi ủy luôn chấp hành nghiêm túc Điều lệ Đảng, thực hiện

nghiêm chế độ sinh hoạt Đảng, quán triệt đầy đủ và kịp thời các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Cấp uỷ cấp trên luôn chủ động đề ra các biện pháp chỉ đạo giúp đỡ cấp dưới củng cố tổ chức, xây dựng nghị quyết và hướng dẫn chỉ đạo thực hiện nghị quyết, từ đó đã “làm cho chi bộ tiến lên tự công tác (...) chi bộ biết tự củng cố mình” [93, tr.19], công tác củng cố, phát triển tổ chức cơ sở đảng, đảm bảo hoạt động hiệu quả, liên tục trên tất cả các vùng, khu vực, trong từng đơn vị, xí nghiệp, ngành nghề; nắm chắc các tổ chức quần chúng, các tổ chức chính trị. Từng bước thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ, đảng viên; thực hiện hiệu quả công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ vào trong cấp uỷ đúng với năng lực, sở trường. Lấy tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ của từng đảng viên làm cơ sở đánh giá năng lực hoạt động của chi uỷ và là thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức đảng.

Đảng bộ luôn chú trọng công tác phát triển Đảng, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo kháng chiến trên địa bàn. Công tác xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức của Đảng bộ gắn liền với phát triển viên, trong đó, bảo đảm chất lượng của đội ngũ đảng viên là vấn đề mang tính quy luật nhằm làm cho Đảng bộ không ngừng lớn mạnh. Trong điều kiện cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt, những yêu cầu đặt ra cho công tác xây dựng Đảng phải hết sức khoa học, đòi hỏi sự khắt khe gấp bội lần so với điều kiện bình thường. Đồng thời, tính chất khắc nghiệt và yêu cầu cao của hoàn cảnh chiến tranh cũng đòi hỏi người đảng viên phải có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị luôn vững vàng, sẵn sàng chấp nhận hy sinh vì lý tưởng của Đảng, vì độc lập, tự do của dân tộc. Những yêu cầu này, được Đảng bộ quán triệt thực hiện trong công tác phát triển Đảng, tuân thủ đúng Điều lệ Đảng.

Về yêu cầu chung của công tác phát triển Đảng, từ nguyên tắc xây dựng Đảng và đúc kết từ thực tiễn lãnh đạo kháng chiến trên địa bàn trực tiếp đối đầu với kẻ thù xâm lược, các cấp uỷ Đảng trong toàn Đảng bộ, trước hết là Khu uỷ luôn đặt ra những yêu cầu nghiêm khắc, chặt chẽ trong công tác xây dựng lực lượng, phát triển đảng viên: “Đối tượng được kết nạp nhưт thiết phải thông qua hoạt động trong các tổ chức quần chúng bất luận dưới hình thức nào có sự chi phối lãnh đạo của Đảng”; phát triển số lượng phải đi đôi với chất lượng, “thử thách một đối tượng phải xét chất lượng hoàn thành nhiệm vụ, chớ không phải

căn cứ vào thời gian dài hay ngắn, nhưng phải chú ý giáo dục và động cơ vào Đảng” [132, tr.4, 6].

Công tác kết nạp Đảng trong quần chúng được căn cứ vào thái độ và thành tích trong tham gia thực hiện các phong trào, nhiệm vụ chính trị, thông qua các hệ thống chính quyền và các tổ chức Mặt trận do tổ chức Đảng lãnh đạo. Đối với vùng tranh chấp, tổ chức Đảng hoạt động chủ yếu là bí mật, trong điều kiện thuận lợi có thể sử dụng các hình thức bán công khai. Thành phần được kết nạp vừa phải đáp ứng các yêu cầu chung nhưng ở mức độ cao hơn. Trong đó, ưu tiên những quần chúng được phân công tham gia công tác binh vận, địch vận, hoạt động trong lực lượng du kích, dân quân tự vệ..., có tinh thần hăng hái, thành tích trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Riêng đối với những vùng địch kìm, hệ thống tổ chức và lực lượng kìm kẹp của địch mạnh, sử dụng nhiều thủ đoạn, biện pháp chiến tranh, kiểm soát gắt gao đến từng người dân. Trong điều kiện đó, cấp ủy các địa phương lựa chọn những cán bộ, đảng viên kiên trung, có kinh nghiệm xuống cơ sở để tổ chức xây dựng các tổ chức, hội quần chúng; đội ngũ đảng viên bám cơ sở luôn nỗ lực, kiên trì quyết tâm gây dựng cơ sở của Đảng là những “nòng cốt”, “chí cốt” cách mạng để làm hạt nhân lãnh đạo phong trào; với phương thức hoạt động tuyệt đối bí mật, tận dụng mọi điều kiện, khả năng để tổ chức lãnh đạo đấu tranh. Trung bình khoảng 100 quần chúng ở ấp, xóm phải có tối thiểu từ 1 đến 2 đảng viên tại chỗ lãnh đạo. Công tác phát triển Đảng chú trọng đối tượng là nữ, trẻ và có thành tích xuất sắc trong phong trào “ba mũi” tại chỗ.

Với sự chỉ đạo sát sao của Khu ủy, và sự nỗ lực của cấp ủy Đảng các địa phương đã khắc phục khó khăn, triển khai thực hiện và hoàn thành tốt các chỉ tiêu, yêu cầu của công tác phát triển Đảng. Cuối năm 1961, toàn Đảng bộ Khu có 10.057 đảng viên, đến tháng 1-1965, phát triển đến trên 22.770 đảng viên, cuối năm 1972 có 34.023 đảng viên. Thời điểm cuối năm 1974 đến đầu 1975, riêng số lượng đảng viên ở Đảng bộ các tỉnh và Côn Đảo (chưa tính số đảng viên trong lực lượng quân đội do Quân khu quản lý) có 27.290 đảng viên. Đây là lực lượng nòng cốt và tiên phong trong tổ chức, tập hợp, phát huy sức mạnh quần chúng trực tiếp đấu tranh, lần lượt đánh thắng các chiến lược, kế hoạch chiến tranh của địch trên địa bàn.

Quá trình không ngừng xây dựng, phát triển Đảng đi đôi với kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các cấp uỷ là yếu tố quan trọng góp phần không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả trong quá trình lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ cách mạng trên địa bàn được phân công phụ trách.

4.1.1.2. Nguyên nhân

Một là, trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, thường xuyên, kịp thời của Trung ương Đảng, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam.

Sau Đồng khởi (1960), cách mạng miền Nam nói chung và cách mạng trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ *chuyển từ thế bị động chiến lược sang thế tiến công*. Không từ bỏ tham vọng xâm lược bằng được miền Nam Việt Nam, suốt 15 năm (1961 - 1975), Mỹ triển khai 03 loại hình chiến lược chiến tranh, mỗi loại hình đều có những đặc điểm, tính chất, phương thức, biện pháp, mức độ ác liệt khác nhau. Trong nhiều thời điểm, cách mạng miền Nam nói chung và Khu Tây Nam Bộ bị đẩy vào tình thế vô cùng khó khăn. Tuy nhiên Trung ương Đảng luôn bám sát tình hình, kịp thời vạch ra đường lối, củng cố quyết tâm chiến lược, đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng kịp thời, ngang tầm nhiệm vụ, dẫn dắt cách mạng miền Nam từng bước đánh bại các chiến lược của đối phương. Thông qua các nghị quyết, chỉ thị, điện, thông tri, hướng dẫn... Trong công tác xây dựng Đảng, Trung ương Đảng, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam đã kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh chủ trương; chỉ đạo, chấn chỉnh những khuyết điểm và khắc phục hạn chế, thiếu sót trong công tác chính trị, tư tưởng, xây dựng, phát triển và củng cố tổ chức. Đây chính là cơ sở quan trọng để Đảng bộ Khu không ngừng tự chỉnh đốn, tự củng cố và hoàn thiện về mọi mặt để vượt qua mọi khó khăn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Hai là, trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ luôn thực hiện nghiêm nguyên tắc xây dựng Đảng và sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam.

Xuyên suốt quá trình hoạt động, Đảng bộ luôn bám sát và thực hành nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng. Trong đó, bảo đảm nguyên tắc “tập

trung dân chủ” là nguyên tắc nhất quán, xuyên suốt, là cơ sở cho mọi quyết sách chính trị, trong mọi chủ trương, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ chính trị cũng như đối với mọi cán bộ, đảng viên từ cấp Khu đến cấp cơ sở. Đồng thời, lấy nguyên tắc “tự phê bình và phê bình” làm quy luật phát triển vững mạnh của tổ chức, ngăn chặn mọi biểu hiện “hủ hóa”, bệnh “công thần”, chủ nghĩa cá nhân trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trước những khó khăn, thách thức và sau mỗi hạn chế, tổn thất từ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, Đảng bộ tuyệt đối không “tư biện”, co thủ mà luôn “tự soi”, “tự sửa”, nghiêm túc tìm ra những hạn chế, nguyên nhân và đề ra giải pháp, cách thức để chấn chỉnh, khắc phục và hoàn thiện. Nhờ đó mà Đảng bộ đã có một đội ngũ không ngừng lớn mạnh, luôn tận tụy, dám hy sinh vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Đây vừa là nguyên tắc và là quy luật phát triển của Đảng cách mạng, cũng là phẩm chất cao quý của Đảng, đã được Đảng bộ khu Tây Nam Bộ quán triệt sâu sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ cũng như trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng trên địa bàn, là cơ sở đảm bảo cho sự phát triển vững mạnh không ngừng của Đảng bộ, đồng thời cũng là nguyên nhân chủ quan dẫn đến mọi thắng lợi.

Ba là, trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, Đảng bộ luôn thấu triệt nguyên tắc liên hệ mật thiết với nhân dân, coi đây là vấn đề máu chót bảo vệ và duy trì lực lượng và hoạt động của tổ chức Đảng.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, Đảng bộ đã cụ thể hóa chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng trong thực tiễn, phát huy mạnh mẽ sức mạnh, trí tuệ toàn dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc để xây dựng Đảng, bảo vệ Đảng. Chính xây dựng được thế trận lòng dân nên luôn được nhân dân đùm bọc, chở che, đặc biệt là đối với những tổ chức, những cán bộ “đứng chân”, “cắm chốt” ở những vùng địch chiếm, vùng tranh chấp mạnh, kể cả trong những giai đoạn cách mạng gặp khó khăn nhất.

Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên địa bàn trực tiếp chống xâm lược, đối phương sử dụng nhiều thủ đoạn: sự kìm kẹp, kiểm soát gắt gao với nhiều tầng, nhiều đối tượng; hoạt động khủng bố, đàn áp liên tục; nhiều thủ đoạn chia rẽ, dụ dỗ, lôi kéo một cách có hệ thống và toàn diện (kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa...), các cấp ủy Đảng trong toàn Đảng bộ đã gắn lợi ích

của Đảng hòa vào lợi ích của Nhân dân; lấy lợi ích, sự sống còn của Nhân dân làm cơ sở trong hoạch định chủ trương, giải pháp chỉ đạo đấu tranh.

Cán bộ đảng viên trong hệ thống tổ chức Đảng từ cấp khu đến cơ sở luôn *hòa mình vào dân để hiện thực hóa chủ trương chiến lược của Đảng và thực hiện mục tiêu của cách mạng*. “Trong bất cứ tình huống nào, chi bộ, đảng viên cũng phải bám chặt địa bàn, bám chặt quần chúng bằng mọi phương thức nắm quần chúng bằng tổ chức, nắm chặt công cụ bạo lực cách mạng”; luôn phát huy thế tiến công bằng sức mạnh tổng hợp 3 mũi của quần chúng nhằm mục tiêu “đưa quần chúng giành, giữ, mở rộng và không ngừng nâng cao quyền làm chủ của nhân dân”. Lấy mục tiêu, khát vọng của người dân làm mục tiêu của cách mạng; nắm được Dân, bảo vệ được Dân và giành được dân là cơ sở tồn tại của tổ chức Đảng, vì vậy nhiệm vụ của mỗi tổ chức cơ sở đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn “bằng một quyết tâm sinh tử giành từng người dân, nhất là thanh niên với địch, quyết không để chúng bắt lính hoặc sử dụng có lợi cho chúng”; tranh thủ mọi điều kiện *đưa quần chúng đấu tranh giành giữ quyền lợi hằng ngày* với địch, chăm sóc mọi lợi ích vật chất, tinh thần của của quần chúng bằng mọi cách thích hợp nhất, phát huy tình hữu ái giai cấp, sống chết có nhau trong sản xuất, chiến đấu [138, tr.3]. Từ sức mạnh của thể trận lòng dân đã giúp Đảng bộ luôn tồn tại, vượt qua những lần ranh sinh tử để không ngừng trưởng thành, vững mạnh, trở thành hạt nhân lãnh đạo và là yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng trên địa bàn.

Bốn là, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, giác ngộ quần chúng nhân dân đoàn kết, xây dựng cơ sở, phát triển thực lực của cách mạng.

Trong bối cảnh địch luôn tìm cách gieo rắc tâm lý hoang mang, chia rẽ, xuyên tạc, đội ngũ cán bộ cách mạng với nhân dân; chia rẽ dân tộc, tôn giáo... nhằm xây dựng cơ sở chính trị cho chúng, tiến tới cô lập cán bộ; sử dụng nhiều thủ đoạn bài bản, tinh vi với sự kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với chính trị, văn hóa và sự khủng bố bằng bom đạn... Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ chủ trương phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, vận động sâu rộng trong quần chúng nhân dân, đồng bào tôn giáo, dân tộc, kết hợp chặt chẽ với công tác binh vận. Cán bộ thường xuyên xuống cơ sở, giải thích cho nhân dân hiểu rõ âm mưu thủ đoạn của Mỹ và tay sai, đồng thời khơi dậy tinh thần yêu nước, đoàn kết đấu tranh. Chính nhờ sự sâu sát và khả năng tuyên truyền hiệu

quả của cán bộ, đảng viên đã góp phần đánh bại các giải pháp chia rẽ, các kế hoạch “bình địch” để giành “trái tim và khối óc” đồng bào miền Nam và quốc sách lập “áp chiến lược” của đối phương. Trên cơ sở đó, chủ trương, chính sách của Đảng, các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ được truyền bá và thấm thấu vào quần chúng, trở thành sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn; hình thành thế trận chiến tranh nhân dân, thúc đẩy các phong trào đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang kết hợp với binh vận, dân vận ở Khu Tây Nam Bộ phát triển mạnh mẽ, góp phần làm suy yếu hệ thống kìm kẹp của địch. Đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo trên cơ sở khai thác những điểm chung từ các giá trị tuyên thống của dân tộc; thực hiện các giải pháp hoà giải, hoà hợp dân tộc. Tập hợp tất cả các giai cấp, tầng lớp đấu tranh đòi các quyền dân chủ trực tiếp, các nhu cầu thiết yếu trước mắt để tiến tới thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những thành công lớn, toàn diện, bao trùm, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ giai đoạn 1961 - 1975 cũng có những hạn chế:

Về chính trị: trong một số thời điểm đầu mỗi khi đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng và của Trung ương Cục miền Nam thành nhiệm vụ chính trị cụ thể, phù hợp với đặc thù địa bàn chưa thật sự kịp thời; công tác triển khai, quán triệt xuống cơ sở ở một số địa phương còn chậm; trong chỉ đạo có phần máy móc, cứng nhắc, chưa xuất phát từ thực tiễn. Bộ phận cấp ủy từ cấp Khu đến chi ủy chi bộ trong phối hợp hoạt động chưa thật sự hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát và sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết có nơi, có lúc chưa thường xuyên.

Về tư tưởng: Công tác giáo dục, củng cố và nâng cao nhận thức tư tưởng, lập trường của Đảng bộ ở một số thời điểm chưa theo kịp với diễn biến và yêu cầu lãnh đạo cách mạng trên địa bàn. Một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ xuất hiện tư tưởng nóng vội; một bộ phận khác co thủ, cầu an; hoặc một bộ phận nhỏ thiếu tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng, bi quan hoặc hoang mang, dao động, không chịu đựng được những khó khăn, gian khổ hoặc

trước sự tra tấn của kẻ thù... dẫn đến rời bỏ hàng ngũ, thậm chí đầu hàng giặc, từ đó gây tổn thất cho tổ chức, tạo sự hoang mang trong một bộ phận nhân dân. Đồng thời, ở một số thời điểm khi cách mạng đạt được những kết quả nhất định lại xuất hiện tư tưởng chủ quan, kinh địch, trong đó có cán bộ chủ chốt có biểu hiện bệnh “công thân”, thiếu dân chủ trong sinh hoạt và trong xây dựng chủ trương, kế hoạch.

Về tổ chức: trong giai đoạn đầu thành lập, hệ thống tổ chức Đảng vận hành chưa thật sự khoa học. Công tác xây dựng và củng cố lại tổ chức cơ sở đảng ở một số địa bàn, đặc biệt là vùng địch kiểm soát, vùng tranh chấp ở một số thời điểm (sau Mậu Thân) còn chậm và chưa đều, một số địa phương còn tình trạng “xã trắng” chi bộ, thiếu hụt đảng viên nắm địa bàn. Năng lực “tự động công tác” và tổ chức lãnh đạo phong trào của một số chi bộ chưa cao.

4.1.2.2. Nguyên nhân

Những hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ khu Tây nam Bộ xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân bên trong (chủ quan) và những nguyên nhân từ sự tác động, ảnh hưởng của nhiều yếu tố bên ngoài (khách quan). Về khách quan có những yếu tố sau:

Một là, Dân tộc Việt Nam phải tiến hành kháng chiến chống kẻ xâm lược là một “siêu cường” rất mạnh về tiềm lực kinh tế, quốc phòng, khoa học kỹ thuật, vượt xa chúng ta. Với dã tâm thôn tính bằng được Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và tiền đồn chống cộng, đối phương đã có sự chuẩn bị rất bài bản, kỹ lưỡng về mọi mặt, phát động một cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện với việc huy động mọi nỗ lực về năng lực kinh tế, quốc phòng; tập hợp gây sức ép về mặt chính trị; lôi kéo nhiều nước đồng minh vào trong cuộc chiến tranh... Vì vậy, cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất của Dân tộc Việt Nam nói chung cũng như thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên địa bàn trực tiếp đối đầu với quân xâm lược, dưới ách kìm kẹp của đế quốc và tay sai lại càng trở nên vô cùng khó khăn.

Hai là, về tổ chức triển khai chiến lược và hình thái, phương thức, giải pháp tổ chức chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân “kiểu mới” - hoàn toàn khác xa về “chất” so với các loại hình chiến tranh “kiểu cũ” trước đây. Sự tinh vi và mức độ thâm hiểm được đẩy lên

đến mức cao nhất thông qua việc thiết lập hệ thống chính quyền, quân đội tay sai; duy trì, nuôi sống, sử dụng hệ thống đó bằng viện trợ toàn phần (kinh tế - tài chính, vũ khí, phương tiện chiến tranh...); đào tạo nhân lực để vận hành bộ máy chiến tranh; bảo trợ pháp lý bằng việc hậu thuẫn, lôi kéo tập hợp đồng minh thông qua hệ thống các hiệp ước; do hệ thống cố vấn Mỹ điều khiển... nhằm tạo vỏ bọc để “dấu mặt, trá hình”, che đậy bản chất và hành vi xâm lược.

Riêng đối với địa bàn Khu Tây Nam Bộ, xuất phát từ vị trí địa lý, địa hình và các đặc thù lịch sử - văn hóa, đế quốc Mỹ xác định là “vùng đệm”, vùng khai thác nhân, vật, lực phục vụ chiến tranh, vì thế không bố trí nhiều lực lượng quân chủ lực và lính đánh thuê cùng các loại vũ khí hạng nặng... Điều đó phản ánh sự khác biệt ở Khu Tây Nam Bộ khi không có những trận đánh lớn kiểu hiệp đồng binh chủng, huy động sử dụng binh lực lớn cùng khí tài hạng nặng so với các vùng khác (như ở Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ) mà thay vào đó là sử dụng lực lượng tay sai với sự hỗ trợ của hệ thống cố vấn Mỹ để thực hiện chính sách “bình định”; khai thác triệt để các yếu tố khác biệt về văn hóa, tín ngưỡng, dân tộc để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ giữa Đảng với Dân; sử dụng chính người Việt trong hệ thống chính quyền và quân đội tay sai để đàn áp, khủng bố các tổ chức cách mạng và đồng bào yêu nước. Tính chất căng thẳng, khốc liệt tiếp tục được đẩy lên mức cao nhất, từ đó gây rất nhiều khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng nói chung cũng như trong lãnh đạo kháng chiến nói riêng.

Ba là, Khu Tây Nam Bộ là địa bàn xa Trung ương, việc đón nhận những chỉ đạo của Trung ương thường chậm hơn các vùng khác; đồng thời, do đặc điểm về tự nhiên địa hình dẫn đến sự chia cắt giữa các chiến trường, trong khi Khu Tây Nam Bộ là địa bàn trọng điểm “quốc sách bình định” với sự kiểm soát, phong tỏa gắt gao của đối phương... nên phần nào có ảnh hưởng đến truyền đạt thông tin lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng cũng như trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, đặc biệt là khi cần xin ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên.

Bên cạnh những yếu tố khách quan trên, những hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ cũng xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan sau:

Xuyên suốt quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, về cơ bản, Đảng bộ luôn thể hiện bản lĩnh, sự nhạy bén trong nhận diện đối tượng của cách mạng, xác định đúng, rõ bản chất của đối phương và đề ra chủ trương, nhiệm vụ đúng đắn. Tuy nhiên trong một số thời điểm quan trọng, khâu triển khai và tổ chức thực hiện đến cấp cơ sở chưa tốt: việc xây dựng kế hoạch, xác định chỉ tiêu còn chung chung, mang tính “lý luận” mà chưa bám sát những diễn biến và yêu cầu của thực tiễn ở cơ sở. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy ban, ngành và địa phương đối với các chi bộ cơ sở có lúc có nơi chưa sát với đặc điểm, yêu cầu của từng vùng; việc xác định nhiệm vụ chính trị vẫn còn chung chung, thiếu tính thực tiễn, thậm chí “cái nào cũng nói đường lối quần chúng, bắt chi bộ học và làm”; mục tiêu đề ra thiếu tính khả thi, Huyện ủy là nơi trực tiếp (lãnh đạo) nhưng “làm theo lối sự vụ, từ việc, từ món” giao chỉ tiêu cho chi bộ quá cao, chuyên môn nặng mà không khả thi [99, tr.1-2].

Công tác giáo dục chính trị, củng cố lập trường tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ trong một số thời điểm chưa thực sự hiệu quả; thiếu tính hệ thống, thường xuyên trong điều kiện chiến tranh ác liệt, kéo dài và đối phương liên tục thay đổi chiến lược. Đặc biệt trong một số thời điểm nhạy cảm, mang tính bước ngoặt hoặc thời điểm cách mạng gặp khó khăn, công tác “chỉnh huấn”, củng cố tư tưởng có chậm và chưa thật sự triệt để và toàn diện.

Trong giai đoạn đầu mới được thành lập, tổ chức của Khu ủy chưa khoa học, cơ chế hoạt động giữa Ban Thường vụ với các ban, ngành trực thuộc Khu ủy chưa thật sự hiệu quả; hoạt động giữa các ban, ngành trên một số lĩnh vực còn chòng chéo, “dẫm chân lên nhau”. Ở cấp Khu, trong thời gian đầu chưa xác định rõ vị trí, vai trò giữa Bộ Tư lệnh Quân khu với các Ban khác trong Khu ủy, từ đó đã “không phát huy được vai trò một Bộ Tư lệnh cấp quân khu, chưa tương xứng với vai trò, vị trí, chức trách, nhiệm vụ của một tổ chức chỉ huy quân sự cấp quân khu” [67, tr.227].

Những hạn chế, yếu kém trong xây dựng cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp giữa cấp ủy và các ban, ngành cấp Khu chậm được khắc phục. Đối với cấp ủy cấp Khu, vẫn còn tình trạng: “Chưa thật sự xem trọng sử dụng và phát huy tổ chức... Hệ thống các ngành còn lỏng lẻo; quyền hạn giữa Cấp ủy và Thường vụ, giữa Thường vụ và Bí thư, Thường trực chưa chặt chẽ, trách nhiệm trong

phân công phụ trách chưa cao” [119, tr.4]. Trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kháng chiến còn “chồng chéo”, hoạt động “dẫm chân lên nhau”; còn thiếu thống nhất trong một số vấn đề thuộc cơ chế phối hợp lãnh đạo, chỉ huy, giữa vai trò, trách nhiệm của Khu ủy và Quân khu ủy, nhận thức trong một số cán bộ chủ chốt chưa thông suốt [119, tr. 6]. Những hạn chế trên đã ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của của Đảng bộ.

Trong công tác bảo vệ tổ chức, bảo vệ đảng viên có những thời điểm thiếu chặt chẽ. Công tác phát triển Đảng, một số chi bộ ở địa phương chưa có giải pháp căn cơ trong công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ Đảng, công tác phòng gian, bảo mật của một số cấp ủy, cơ sở ở một số thời điểm chưa được thực hiện chặt chẽ, thiếu sự kiểm tra, thẩm định lý lịch thiếu sự kỹ lưỡng... từ đó để lọt những phần tử cơ hội, phản động có cơ hội chui vào trong Đảng, gây thiệt hại cho tổ chức. Một số địa phương trước khi kết nạp, phát triển đảng còn lỏng lẻo, việc lựa chọn quần chúng vào Đảng ở một số nơi chưa được xác minh, thẩm định kỹ lưỡng, thiếu trui rèn qua thử thách... vì vậy, khi phải đối mặt với những khó khăn thách thức, một bộ phận cán bộ, đảng viên đã không giữ vững được lập trường tư tưởng, có những biểu hiện tư tưởng chủ nghĩa cá nhân, hoặc hoang mang, dao động, nhiều người đã rời bỏ hàng ngũ của Đảng, thậm chí phản bội lại lợi ích của Đảng.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

Từ quá trình thành lập và lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ từ năm 1961 đến năm 1975 có thể đúc kết một số kinh nghiệm sau:

Một là, trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, tổ chức Đảng phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, đồng thời căn cứ vào điều kiện cụ thể để xây dựng nghị quyết sát hợp.

Trong suốt quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, lãnh đạo kháng chiến, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ luôn nắm vững bài học và cũng là yêu cầu về xây dựng Đảng bộ vững mạnh toàn diện trên cơ sở quán triệt và thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, đồng thời, căn cứ tình hình cụ thể tại địa bàn được phân công phụ trách để

đề ra chủ trương, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng. Trong đó, xây dựng Đảng về chính trị gắn với xây dựng, hoàn thiện đường lối, phương châm lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo; xây dựng, củng cố, phát triển tổ chức gắn với bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao trong tập thể cấp ủy, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên đáp ứng yêu cầu, ngang tầm nhiệm vụ.

Từ thực tiễn thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu giai đoạn 1961 - 1975 cho thấy, nhờ nắm vững và thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng mà hệ thống tổ chức Đảng trên toàn Khu cơ bản phát triển đều khắp, bảo đảm được sự lãnh đạo liên tục của Đảng đối với mọi phong trào cách mạng. Ở một số thời điểm khi đối phương đẩy mạnh các hoạt động khủng bố, nhiều địa bàn, khu vực bị bao vây, cô lập, sự liên hệ tiếp nhận thông tin lãnh đạo, chỉ đạo từ cấp trên bị gián đoạn... nhưng tổ chức Đảng vẫn luôn biết cách *tự củng cố mình* để trụ vững; chủ động, “tự động” trong xây dựng giải pháp bảo toàn lực lượng, từng bước tự củng cố, phát triển tổ chức và gây dựng phong trào. Đồng thời thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động; thường xuyên tiến hành “tự phê bình” và “phê bình” trong nội bộ, kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc nảy sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, nhờ đó đã giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng luôn giữ vững lập trường cách mạng, tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, giữ vững niềm tin vào thắng lợi của cách mạng. Đồng thời, cũng qua đó mà bản thân tổ chức cơ sở Đảng bám địa bàn cũng luôn thể hiện được vị trí, vai trò lãnh đạo và hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của mình.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng ở một chiến trường xa Trung ương và trong điều kiện hoạt động tuyệt đối bí mật, đặc biệt là đối với những tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên hoạt động trong vùng kìm kẹp thực hiện nhiệm vụ tổ chức vận động quần chúng và tổ chức đấu tranh thì công tác phổ biến, học tập, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Chính nhờ được nắm vững quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, những chủ trương, nhiệm vụ của Trung ương Cục miền Nam đã bảo đảm cho thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ luôn đúng với tôn chỉ mục

đích và sứ mệnh lịch sử của Đảng, đúng đường lối chiến lược và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ kháng chiến, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra của cách mạng trên địa bàn; bảo đảm sự thống nhất chặt chẽ trong hiệp đồng với các chiến trường khác thực các yêu cầu, nhiệm vụ Trung ương đề ra.

Trên phương diện xây dựng, rèn luyện bản chất cách mạng, từ quá trình học tập, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng mà trình độ, nhận thức chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và lập trường, bản lĩnh chính trị của từng cấp ủy, cán bộ đảng viên không ngừng được củng cố và nâng cao; là cơ sở, nền tảng để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng tiên phong, gương mẫu, kiên cường, dám hy sinh, ngăn ngừa những tư tưởng lệch lạc xuất hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, vượt qua mọi thử thách cam đo, những khó khăn gian khổ.

Mặt khác, trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, các cấp ủy Đảng đã luôn nắm vững quan điểm thực tiễn bám sát thực tiễn, xác định đúng những đặc thù, đặc điểm của mỗi địa phương, trên từng địa bàn và trong từng giai đoạn, từng thời điểm đề xây dựng chủ trương, xác định nhiệm vụ và giải pháp sát hợp với yêu cầu, nhiệm vụ. Cụ thể như ở thời điểm từ đầu tháng 5 đến cuối tháng 9-1968, Khu ủy một mặt vẫn nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Trung ương Cục miền Nam về tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức các đợt “tổng công kích”, đồng thời căn cứ vào tương quan lực lượng, khả năng và điều kiện của ta... nên đã sớm có những điều chỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động chuyển hướng về khu vực nông thôn để bảo toàn lực lượng. Cùng với việc xây dựng, củng cố lực lượng, các cấp ủy Đảng có nhiều giải pháp và nỗ lực trong xây dựng và củng cố tổ chức Đảng tại những vùng nông thôn quan trọng, xây dựng và củng cố cơ sở chính trị của Đảng thông qua việc xây dựng tổ chức chính trị quần chúng và củng cố căn cứ địa để đối phó và vượt qua những đợt phản kích mạnh của đối phương. Giai đoạn sau khi ký Hiệp định Pa-ri, đối phương đã có hành vi vi phạm Hiệp định khi đẩy mạnh các hoạt động xua quân “tràn ngập lãnh thổ” đánh phá vùng giải phóng, giành dân, lấn đất. Thời điểm tháng 4-1973, phương châm chỉ đạo thực hiện vẫn là “phải kết hợp chặt chẽ các mặt đấu tranh chính trị, vũ trang và pháp lý, lấy đấu tranh chính trị làm cơ sở, đấu tranh vũ trang làm hậu thuẫn đắc lực, hết sức lợi dụng sơ hở pháp lý của

Hiệp định”. Căn cứ vào tình hình thực tiễn ở địa bàn Khu Tây Nam Bộ, Ban Thường vụ Khu ủy, đứng đầu là đồng chí Võ Văn Kiệt (Bí thư Khu ủy), đồng chí Lê Đức Anh (Tur lệnh Quân khu) với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước nhân dân đã quyết định “tạm ngưng” việc triển khai chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên về các giải pháp không có lợi cho đấu tranh vũ trang, một mặt kiên trì kiến nghị với Trung ương và Trung ương Cục miền Nam, đồng thời dũng cảm hạ quyết tâm kiên quyết và chủ động đánh địch lấn chiếm. Quyết tâm chủ động đánh địch vi phạm Hiệp định của Khu ủy, Quân khu được sự đồng lòng, nhất trí của toàn Đảng bộ, quân và dân toàn Khu. Chính nhờ sự quyết tâm này, quân và dân trên địa bàn khu Tây Nam Bộ đã lần lượt đánh thắng 75 lượt tiểu đoàn địch càn quét, đánh chiếm vùng giải phóng, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng và các khu căn cứ kháng chiến, bảo vệ tài sản nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng, từng bước tạo lập thế đứng vững chắc của cách mạng, *mở ra những khả năng mới cho ta thay đổi cục diện trên chiến trường*. Đến thời điểm đầu tháng 3-1975, khi thời cơ chín muồi, trên cơ sở đánh giá đúng tình hình, Khu ủy đã dũng cảm và nhận nhiệm vụ trước Trung ương Đảng về khả năng *tự lực giải phóng*, đã chỉ đạo các cấp ủy Đảng địa phương quán triệt thực hiện phương châm xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh với một quyết tâm cao nhất và huy động mọi năng lực có thể để giành thắng lợi. Việc hạ quyết tâm và nêu cao tinh thần tự lực tự cường, không thụ động trông chờ cấp trên, không phụ thuộc vào sự chi viện của các cánh quân chủ lực, tạo điều kiện để các cánh quân chủ lực thần tốc tiến công tiêu diệt sào huyệt đầu não của địch nhưng vẫn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đưa cách mạng Khu Tây Nam Bộ hòa cùng nhịp bước thắng lợi của cách mạng toàn Miền là một trong những thành công lớn trong lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện kháng chiến của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ, thể hiện tầm trí tuệ, sự nhạy bén, quyết đoán, bản lĩnh với tinh thần trách nhiệm cao của Đảng bộ, đứng đầu là cấp ủy trong thời khắc quyết định bước ngoặt của lịch sử dân tộc.

Hai là, cấp ủy Đảng phải luôn chú trọng công tác tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đảng viên.

Không ngừng nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, củng cố lập trường tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên vừa là nhiệm vụ then chốt, thường

xuyên trong công tác xây dựng Đảng của cấp ủy. Làm tốt công tác tư tưởng là cơ sở và điều kiện để củng cố quyết tâm, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thách thức thực hiện thắng lợi mọi nghị quyết, mọi nhiệm vụ chính trị.

Từ thực tiễn lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, lãnh đạo kháng chiến ở miền Nam nói chung trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ nói riêng cho thấy một quy luật: khi cách mạng thành công thì trong đội ngũ cán bộ, đảng viên xuất hiện tư tưởng “chủ quan”, kinh địch, nôn nóng hoặc tư tưởng “công thần” địa vị, đối với cán bộ công tác ở một số vùng giải phóng có biểu hiện “hủ hóa”, “tự tư tự lợi”; trong những thời điểm cách mạng gặp khó khăn lại nảy sinh những biểu hiện “co thủ”, “cầu an”, bi quan, dao động... Những biểu hiện trên mặc dù không lớn, không cơ bản nhưng ít nhiều đã ảnh hưởng tiêu cực đến công tác xây dựng Đảng nói riêng và đối với cách mạng nói chung. Sự chủ quan, kinh địch hoặc nôn nóng dẫn đến sơ hở trong tổ chức và hoạt động, tạo điều kiện để đối phương khai thác và tiêu diệt. Thực tế ở một số thời điểm và trên một số địa bàn, tổ chức đã không “trụ vững” trước sự khủng bố mạnh, có tổ chức của đối phương. Đồng thời, chính tư tưởng cầu an, bi quan, dao động của một bộ phận cán bộ, đảng viên trước sự khủng bố của đối phương đã dẫn tới buông vị trí, bỏ cơ sở, nhiều địa bàn “trắng chi bộ”, thậm chí đã có một số cán bộ vì không chịu được gian khổ đã ra “trình diện” đối phương, đầu hàng giặc.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, lãnh đạo kháng chiến, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều thách thức, có những thời điểm bị chia cắt do sự kiểm soát gắt gao và sự truy lùng, khủng bố của đối phương - trong khi sự chỉ đạo của Đảng và của cấp trên xuống cơ sở có lúc, cơ nơi chưa kịp thời, sự kết nối giữa tổ chức đảng với cán bộ, đảng viên và giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng bị đứt quãng. Tuy nhiên, nhờ thường xuyên quan tâm và làm tốt công tác tư tưởng mà Đảng bộ đã xây dựng được đội ngũ đảng viên ngày càng trưởng thành, bản lĩnh, luôn kiên định, giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, luôn tin tưởng tuyệt đối vào tương lai tất thắng của cách mạng. Nhờ làm tốt công tác tư tưởng mà mỗi tổ chức cơ sở Đảng và cán bộ, đảng viên Toàn Đảng bộ luôn nỗ lực khắc phục khó khăn gian khổ, vượt qua

mọi thủ đoạn cám dỗ vật chất, mọi truy lùng, khủng bố và sự tra tấn của kẻ thù để hoàn thành nhiệm vụ. Tiêu biểu như Bà Má Thạch Thị Thanh - người chiến sĩ cách mạng kiên trung người dân tộc Khmer của quê hương Cầu Kè, Trà Vinh từng 3 lần bị giặc bắn bị thương, trong 4 lần bị bắt có 1 lần bị tra tấn bằng hình thức dìm nước suốt nhiều lần trong ngày nhưng địch vẫn không thể khai thác được thông tin, ngay sau khi được thả lại tiếp tục quay trở lại hoạt động cách mạng. Anh hùng lực lượng vũ trang Phan Thị Ràng (Chị Sứ) bị địch bắt khi làm nhiệm vụ, địch đã dùng nhiều thủ đoạn mua chuộc và tra tấn nhưng vẫn giữ vững khí tiết người đảng viên cộng sản. Biết không thể lung lạc được ý chí kiên cường của Chị, đồng thời để trấn áp tinh thần đấu tranh của Nhân dân, giặc đã đem chị ra hành quyết, trước lúc hy sinh đã đồng dục hô vang “đả đảo lũ bán nước, làm tay sai cho giặc”.

Từ thực tiễn thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ nói chung và đối với mỗi cấp ủy Đảng trong các ngành, cấp và địa phương cho thấy, công tác tư tưởng luôn được quan tâm, tiến hành thường xuyên, triển khai dưới nhiều hình thức và biện pháp, bảo đảm tính chủ động, kịp thời và thực chất. Nhờ đó đã giúp Đảng bộ ngăn ngừa, chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc xuất hiện trong tư tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên từ quá trình chiến đấu. Lòng tin cách mạng, lập trường tư tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng được vun bồi củng cố, luôn vững vàng, kiên định, trung thành với lợi ích, lý tưởng của Đảng, dám hy sinh vì lợi ích của Đảng.

Có thể khẳng định, từ tinh thần dũng cảm, kiên trung, sự nỗ lực khắc phục khó khăn, chấp nhận hy sinh của đội ngũ cán bộ, đảng viên đã góp phần không ngừng khôi phục tổ chức, khôi phục phong trào cách mạng, từng bước đưa cách mạng trên địa bàn ra khỏi khó khăn và giành thắng lợi.

Ba là, xây dựng và phát triển tổ chức phải gắn liền với công tác kiện toàn và bảo vệ tổ chức.

Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, lãnh đạo kháng chiến trên một khu vực đồng bằng rộng lớn, trực tiếp đối đầu xâm lược đặt ra yêu cầu hết sức chặt chẽ và khoa học của công tác xây dựng và củng cố tổ chức. Bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất tuyệt đối trong tổ chức và hoạt động của Đảng bộ. Theo

đó, tập trung dân chủ là nguyên tắc bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động toàn Đảng bộ, giữ vững vai lãnh đạo của cấp ủy, xây dựng tổ chức Đảng đoàn kết, thống nhất, vững mạnh. Tổ chức Đảng đứng trên địa bàn trực tiếp đối đầu với đế quốc Mỹ, trực tiếp lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến càng phải quán triệt thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và đảm bảo sự đoàn kết, thống nhất cao độ. Đây là nguyên tắc sống còn bảo đảm cho tổ chức Đảng luôn giữ vững vị thế, vai trò lãnh đạo, tạo lập sự thống nhất chặt chẽ trong xác lập mọi chủ trương, mọi quyết sách, hành động của tổ chức.

Trong quá trình hoạt động, cấp ủy Đảng luôn chú trọng việc xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức; xây dựng cơ chế hoạt động hiệu quả cho các cơ quan chuyên môn, ban ngành đúng chức năng, vận hành thông suốt, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ, hạn chế sự chồng chéo, “hoạt động giẫm chân lên nhau”. Đặc biệt phải thường xuyên chú trọng đoàn kết thật sự, thống nhất cao ý chí và hành động, giải quyết kịp thời, sâu sắc và triệt để những khúc mắc, bất đồng nảy sinh trong tập thể cấp ủy, trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo.

Đối với các cấp ủy đảng địa phương, phải thường xuyên củng cố hệ thống tổ chức các cấp, đặc biệt là xây dựng cơ sở Đảng vững mạnh; quán triệt và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng; coi trọng và không ngừng quan tâm thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đảng viên. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải làm tốt công tác quản lý đảng viên, thực hiện kỷ luật Đảng nghiêm minh.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ; quán triệt, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; mọi cán bộ, đảng viên phải chấp hành các quy định của Điều lệ Đảng và nghị quyết của chi bộ; thực hiện hiệu quả công tác “tự phê bình và phê bình”. Thực hiện chế độ sinh hoạt đảng đúng định kỳ, nề nếp, nâng cao chất lượng và hiệu quả.

Công tác cán bộ luôn là khâu then chốt quyết định chất lượng lãnh đạo của tổ chức Đảng, do đó, các cấp ủy Đảng phải luôn chú trọng công tác đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ, chú ý đến phát huy sở trường của cán bộ trong thực tiễn cách mạng. Thực hiện tốt chính sách cán bộ, trong đó chú trọng đến việc phát

hiện, quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ dự nguồn cho tổ chức, mạnh dạn “phóng tay” đề bạt, bổ nhiệm những cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn và lập trường tư tưởng tốt vào những vị trí quan trọng của tổ chức; gạt bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất, dao động về lập trường chính trị, không thiết tha với công việc cách mạng ra khỏi Đảng và các cấp ủy.

Công tác củng cố bảo vệ tổ chức, xây dựng và bảo vệ cán bộ của Đảng phải luôn gắn liền và thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng, bảo đảm tính kỷ luật chặt chẽ, bảo đảm đúng quy trình ngay từ đầu của công tác cán bộ. Thực tiễn thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng trên địa bàn Khu cho thấy, nơi nào thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và lý luận Đảng, ở đó có cán bộ tốt, tập thể vững mạnh và ngược lại.

Với những chủ trương, giải pháp đúng đắn, kịp thời Khu ủy đã từng bước khắc phục những hạn chế trong công tác xây dựng Đảng. Hệ thống tổ chức Đảng ngày càng chặt chẽ, thống nhất, chất lượng hoạt động của các cấp ủy Đảng từng bước nâng cao, tổ chức Đảng phát huy vai trò trong lãnh đạo uy tín, lòng tin của Nhân dân với Đảng ngày càng được củng cố. Đây là cơ sở quan trọng quyết định năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, tập hợp, huy động đông đảo lực lượng từ nhân dân tham gia kháng chiến và phục vụ kháng chiến.

Bốn là, thường xuyên quan tâm xây dựng và củng cố sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ cấp ủy.

Tổ chức Đảng lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng cũng như trong lãnh đạo kháng chiến, bộ phận cấp ủy có vai trò rất quan trọng, là hạt nhân chính trị giữ vai trò quyết định đến việc quán triệt, triển khai chủ trương, đường lối của Đảng; chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện và xuyên suốt công tác xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; xây dựng nghị quyết, xác định nhiệm vụ, đề ra giải pháp và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Theo đó, việc thường xuyên quan tâm xây dựng và củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ cấp ủy các cấp của Đảng bộ là cơ sở, điều kiện thường trực góp phần huy động, phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của từng thành viên trong cấp ủy, qua đó góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, bản lĩnh của cấp ủy; thực sự trở thành

hạt nhân gương mẫu, tin cậy để huy động, tập hợp và phát huy sức mạnh của tất cả cán bộ, đảng viên và nhân lên sức mạnh của toàn Đảng bộ - yếu tố quyết định thắng lợi của Đảng bộ.

Thực tiễn xây dựng, củng cố tổ chức Đảng bộ Khu từ khi thành lập (1961) cho thấy sự đoàn kết, thống nhất của tập thể cấp ủy liên quan trực tiếp đến việc phát huy năng lực và sức chiến đấu của Đảng bộ. Trong giai đoạn đầu của kháng chiến, đặc biệt là ở những thời điểm quan trọng của cuộc kháng chiến (khoảng thời gian từ 1968 đến khoảng giữa năm 1970), cách mạng trên địa bàn Khu gặp rất nhiều khó khăn. Thực tế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, đó là những khó khăn khi đối phương được sự hậu thuẫn từ phía Mỹ và tăng cường phản kích, khai thác triệt để khó khăn của ta trên phạm vi toàn Miền; những sai lầm đánh giá đối phương; thực lực của ta trong tương quan so sánh với đối phương khả năng của ta... tuy nhiên, những khó khăn cũng *xuất phát từ tư tưởng cục bộ, thiếu dân chủ, dẫn đến nội bộ tổ chức cấp ủy, mà trước hết ở cấp Khu thiếu sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo dẫn đến mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả lãnh đạo của Đảng bộ*. Những hạn chế này ít nhiều đã tạo nên những tiền lệ xấu trong một thời gian trong công tác tổ chức cán bộ, dẫn đến sự nghi kỵ, thiếu tin tưởng, thiếu sự gắn kết trong tổ chức và hoạt động của Đảng bộ; trong xây dựng tinh thần đoàn kết nội bộ của các Đảng bộ cũng như bộ phận cấp ủy ở các ban, ngành Khu và ở địa phương, cơ sở. Tuy nhiên, khi những hạn chế trên được phát hiện, chấn chỉnh, đồng thời công tác tổ chức nhân sự cấp ủy cấp Khu được kiện toàn và có sự bổ sung số lượng Khu ủy viên (năm 1964 có 21 KUV, năm 1967 có 21 KUV; tháng 11/1971 có 26 KUV; năm 1972 có 32 KUV) đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, đặc biệt là từ khi Thường vụ cấp Khu được Trung ương Cục miền Nam tăng cường lực lượng, điều đồng chí Lê Đức Anh - Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Miền về làm Tư lệnh Quân khu với bí danh là “Chín Hòa” và đồng chí Võ Văn Kiệt về làm Bí thư Khu ủy với bí danh là “Tám Thuận” thì công tác xây dựng Đảng ở Khu Tây Nam Bộ có những chuyển biến rõ rệt: những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân như công thần, tư tưởng cục bộ, bản vị, ... được chấn chỉnh; sự đoàn kết, thống nhất trong

bộ phận cấp ủy được củng cố, khi đó cách mạng trên địa bàn Khu phát triển mạnh mẽ. Chính sự đoàn kết đó là một nhân tố cực kỳ quan trọng tạo ra những chuyển biến nhanh chóng về thế và lực của ta từ đầu năm 1971 trở đi, đặc biệt là chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch phá hoại Hiệp định Pa-ri (đầu năm 1973) - một chiến thắng mang tầm chiến lược, đã cung cấp cơ sở thực tiễn giúp Trung ương Đảng củng cố quyết tâm chiến lược và sớm ra Nghị quyết số 21 (khóa III tháng 7-1973) vạch ra phương hướng, con đường, mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Năm là, luôn đặt lợi ích của Nhân dân ở vị trí trung tâm, không ngừng tăng cường xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân là cơ sở để xây dựng Đảng bộ vững mạnh.

Trên thực tế ở địa bàn Tây Nam Bộ, trong suốt quá trình áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, để giành dân và tách nhân dân khỏi cách mạng, đối phương đã kết hợp thực hiện nhiều thủ đoạn như: Thành lập các cơ quan mật vụ, tâm lý chiến, đào tạo lực lượng chuyên thực hiện các hoạt động tuyên truyền, mị dân để “giành con tim và khối óc của người dân”, đồng thời, quản lý chặt chẽ mọi hoạt động dân sự; thí điểm nhiều mô hình quản lý như “khu dinh điền”, “khu trừ mật”, các loại hình “áp chiến lược”; thiết lập “vành đai” phân chia giới tuyến; quân sự hoá hệ thống kìm kẹp đến cấp xã, siết chặt quản lý đến các thôn, ấp..., song, mục tiêu giành dân của chúng đã thất bại.

Với việc thực hiện chủ trương đoàn kết toàn dân kháng chiến của Đảng, Đảng bộ khu Tây Nam Bộ đã đoàn kết được đông đảo quần chúng không phân biệt thành phần, giai cấp, tôn giáo..., tạo thành thành một khối thống nhất; phát huy cao độ mọi khả năng trí tuệ, sức mạnh to lớn từ nhân dân để thực hiện thắng lợi mọi mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng trên địa bàn đảm trách.

Về nội dung lãnh đạo, Khu ủy đề ra khẩu hiệu và đấu tranh bảo vệ các quyền lợi trực tiếp của nhân dân, như: chống bắt lính, chống bán giết bừa bãi, chống cướp đất, chống gom dân, lập ACL; đòi dân chủ, dân sinh, đòi hòa bình, thống nhất..., vừa phản ánh mục tiêu của cách mạng, vừa đáp ứng đúng nhu cầu thiết yếu, khát vọng của nhân dân. Thực hiện các biện pháp đấu tranh bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân trước sự càn quét, khủng bố và đàn áp của địch.

Tổ chức nhân dân trong các hội, đoàn thể cách mạng và hướng dẫn nhân dân đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình.

Trong quá trình triển khai các chính sách thực dân kiểu mới ở khu Tây Nam Bộ, đối phương luôn lợi dụng và khai thác triệt để các yếu tố dân tộc, tôn giáo để phục vụ các mục tiêu chính trị thông qua các giải pháp nhằm dụ dỗ, lôi kéo, đồng thời gây chia rẽ giữa bộ phận đồng bào có tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo, giữa các tôn giáo; lôi kéo, lợi dụng các nhóm tôn giáo và cá nhân để chống phá cách mạng. Để đập tan những âm mưu, thủ đoạn đó, Đảng bộ luôn chú ý quan tâm xây dựng cơ sở tại các địa bàn, vùng đồng bào tôn giáo sinh sống thông qua việc vận động các chức sắc tôn giáo, những người có uy tín trong đồng bào các dân tộc đứng về phía cách mạng, trở thành hạt nhân trong công tác giáo dục, vận động quần chúng tham gia cách mạng. Chú trọng đào tạo, xây dựng nguồn cán bộ là người dân tộc thiểu số. Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng bào các dân tộc thiểu số, đông đảo chức sắc, chư tăng, phật tử và đồng bào theo tôn giáo đã tích cực tham gia các phong trào đấu tranh, tham gia kháng chiến, trong đó nhiều vị chư tăng uy tín đã góp công lớn đối với cách mạng như: Đại đức Sơn Vọng (Cầu Ngang, Trà Vinh) - tấm gương tiêu biểu cho tinh thần đại đoàn kết dân tộc và tích cực đấu tranh chống lại chế độ Mỹ - Ngô Đình Diệm; Hòa thượng Sư cả Thạch Som chùa Ô Mịch, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã có công nuôi chứa nhiều cán bộ cách mạng, vận động sư sãi và đồng bào tham gia kháng chiến. Những đóng góp to lớn, quan trọng của đồng bào các dân tộc, đồng bào theo các tôn giáo đối trong cuộc kháng chiến khẳng định sự đúng đắn của đường lối, chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo của Đảng, sự chủ động, tích cực và hiệu quả trong thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo của Đảng bộ Khu.

Trong điều kiện chiến tranh, Khu ủy chỉ đạo các ngành, cấp ở địa phương vùng giải phóng từng bước thực hiện chính sách ruộng đất cho nông dân; từng bước xây dựng chính quyền và thiết lập các thiết chế xã hội mới ở vùng giải phóng, trên nền tảng đó, xây dựng hậu phương tại chỗ để một mặt tạo lập thế đứng vững chắc của cách mạng, đồng thời là cơ sở huy động sự đóng góp ngày

càng lớn sức người, sức của cho cuộc kháng chiến. Chính sự đóng góp to lớn, thường trực của nhân dân thể hiện trên tất cả các mặt, lĩnh vực: cung cấp nhân - vật lực, tích cực tăng gia sản xuất, hoàn thành đóng góp đảm phụ, phục vụ hậu cần cho chiến tranh; trực tiếp thực hiện công tác binh vận, địch vận; xây dựng các xã chiến đấu, ấp chiến đấu; tham gia xây dựng chính quyền, tham gia các tổ chức, đoàn thể cách mạng trong các Mặt trận; bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả của cách mạng.

Luôn đặt nhân dân ở vị trí trung tâm của mọi vấn đề cách mạng, bảo vệ nhân dân, chăm lo cho lợi ích của nhân dân để giữ dân, tập hợp, huy động sức dân là cơ sở quan trọng bảo đảm vững chắc vai trò lãnh đạo và hoạt động của tổ chức Đảng, để vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành nhiệm vụ, đưa cuộc kháng chiến đến giành thắng lợi.

Tiểu kết chương 4

Giai đoạn 1961 - 1975 là thời kỳ đầy cam go, hào hùng của cách mạng miền Nam nói chung và Đảng bộ và nhân dân khu Tây Nam Bộ nói riêng.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, Đảng bộ khu Tây Nam Bộ đã đạt được những thành công quan trọng trên mọi mặt về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Xây dựng Đảng về chính trị đã giúp cho Đảng bộ luôn nhận thức đúng đắn về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính; thấm nhuần về sức mạnh đường lối chiến tranh nhân dân của, tổ chức thế trận toàn dân đánh giặc trên các vùng (vùng giải phóng, vùng địch kềm; vùng đô thị, nông thôn; vùng đồng bào dân dân tộc, tôn giáo...), làm thất bại các chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh Cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ và chính quyền VNCH; đấu tranh thi hành Hiệp định Pa-ri, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sự lãnh đạo đúng đắn và kiên cường của Đảng bộ khu Tây Nam Bộ đã giữ vững, phát huy vai trò hạt nhân trong xây dựng chủ trương, nhiệm vụ và giải pháp lãnh đạo cách mạng, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng.

Đảng bộ khu Tây Nam Bộ, đứng đầu là tập thể cấp ủy thường xuyên quan tâm, chỉ đạo công tác tư tưởng, chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc trong nhận thức nảy sinh khi phong trào cách mạng gặp khó khăn, trong những bước chuyển của cách mạng, xây dựng tư tưởng đúng đắn, kiên định, tin tưởng vào chiến thắng của kháng chiến; quyết tâm, kiên trì tư tưởng tiến công cách mạng, hoàn thành nhiệm vụ được giao trong cán bộ, đảng viên, các cấp bộ Đảng toàn Khu. Đồng thời, làm tốt công tác tư tưởng của Đảng trong các đoàn thể, quần chúng nhân dân, tin tưởng và quyết tâm kháng chiến, bảo vệ đảng, góp phần vào xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh.

Đảng bộ khu Tây Nam Bộ chú trọng xây dựng Đảng về tổ chức, lãnh đạo các cấp bộ Đảng trong Khu thực hiện củng cố tổ chức Đảng, phát triển đảng gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; giữ vững tính nguyên tắc trong sinh hoạt Đảng và kỷ luật Đảng. Việc tạo lập và giữ vững sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, nêu cao tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, tự lực tự

cường đã giúp Đảng bộ vượt qua nhiều thử thách, giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo cách mạng trên địa bàn.

Trong quá trình Đảng bộ lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng tuy còn một số hạn chế nhất định, song xét về toàn cục, những thành công của Đảng bộ giai đoạn 1961 - 1975 rất lớn, mang tính toàn diện, bao trùm, là nhân tố quyết định cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên địa bàn, để lại nhiều kinh nghiệm quý phục vụ cho công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay. Kinh nghiệm từ thực tiễn lịch sử đó cần tiếp tục được nghiên cứu, kế thừa và vận dụng sáng tạo trong công tác xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

KẾT LUẬN

1. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam ở Nam Bộ chuyển từ thế bị bao vây, kìm kẹp, khủng bố sang thế tiến công, đế quốc Mỹ tiếp tục tham vọng xâm lược, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới bằng việc thay đổi chiến lược. Đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, Trung ương thành lập Khu ủy Tây Nam Bộ. Đây là quyết định đúng đắn, kịp thời của Trung ương, dựa trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc xây dựng Đảng; chấp hành Điều lệ Đảng; đúng với nhiệm vụ, quyền hạn của mình và phù hợp với điều kiện thực tiễn của cuộc kháng chiến chống Mỹ trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ.

Là Đảng bộ cấp khu vực - cấp thừa hành trong hệ thống tổ chức Đảng, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến trên địa bàn khu Tây Nam Bộ trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện đúng nguyên tắc xây dựng xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác-Lênin, chấp hành đúng đường lối, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, tuân thủ điều lệ Đảng, tiên hành xây dựng Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đồng thời làm tốt công tác cán bộ, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến.

Phụ trách lãnh đạo kháng chiến và xây dựng Đảng trên một địa bàn chiến lược rộng lớn, trực tiếp đối mặt với quân thù, Đảng bộ khu Tây Nam Bộ trong đó tập thể các cấp ủy Đảng mà trước hết là Khu ủy có nhiều nỗ lực và sáng tạo trong tổ chức xây dựng lực lượng cách mạng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; khơi dậy và phát huy mọi tiềm năng trí tuệ từ nhân dân để tiến hành cuộc kháng chiến.

Sau khi cơ quan lãnh đạo (cấp ủy) cấp Khu được thành lập, hệ thống tổ chức các cấp ủy trên địa bàn toàn Khu không ngừng được kiện toàn, củng cố chặt chẽ, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, thống nhất và liên tục của Đảng từ cấp khu đến cấp cơ sở; bảo đảm việc triển khai và hiện thực hóa thắng lợi mọi chủ trương, nhiệm vụ của Đảng.

2. Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ luôn quán triệt quan điểm, đường lối của

Đảng, chấp hành sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam (từ tháng 10-1961), đồng thời, căn cứ vào điều kiện cụ thể ở địa bàn, Đảng bộ luôn nỗ lực, sáng tạo trong công tác lãnh đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trên địa bàn đảm trách. Trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, Đảng bộ luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời đề ra nhiệm vụ chính trị sát hợp; gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ xây dựng Đảng với nhiệm vụ sống còn của cách mạng, lãnh đạo nhân dân các tỉnh trên địa bàn Khu Tây Nam Bộ lần lượt đánh thắng mọi âm mưu, kế hoạch, các loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ trên địa bàn: “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965), “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968), “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1973) và dập tắt mọi hành vi can thiệp, viện trợ hòng quay trở lại của đế quốc Mỹ cùng lực lượng tay sai ngoan cố của chúng (1973 - 1975), góp phần cùng cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Song song với không ngừng xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, Đảng bộ, trong đó cơ vai trò rất quan trọng của bộ phận cấp ủy cấp Khu luôn quan tâm củng cố, nâng cao lập trường, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên toàn Đảng bộ có bản lĩnh chính trị và trí tuệ, thực sự trở thành hạt nhân giữ vững và lãnh đạo phong trào cách mạng trên địa bàn vượt qua những khó khăn đi đến thắng lợi.

3. Quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ giai đoạn 1961 - 1975 có những hạn chế nhất định. Những hạn chế này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó có những nguyên nhân không thể một sớm một chiều có thể khắc phục được. Tuy nhiên, với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng, trước nhân dân, trước yêu cầu sống còn của cách mạng và trọng trách được Trung ương giao phó, những tồn tại, hạn chế được Đảng bộ từng bước khắc phục, sửa chữa. Đó cũng là cơ sở, là bài học sâu sắc nhằm nhắc nhở các cấp ủy Đảng, từng cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ tránh những sai lầm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo.

4. Mặc dù thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng và trực tiếp lãnh đạo kháng chiến trên một vùng đồng bằng rộng lớn với những khó khăn đặc thù về địa lý

tự nhiên, lịch sử truyền thống và xã hội, trực tiếp đối đầu với những chính sách thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và xa Trung ương... Tuy nhiên, nhờ nắm vững và thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, nắm vững chủ trương, đường lối, sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, đồng thời trên quan điểm thực tiễn, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Từ quá trình vừa thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng vừa lãnh đạo, tổ chức kháng chiến, Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ đã không ngừng bổ sung vào hoàn thiện đường lối kháng chiến của Đảng bằng những thành công, những kinh nghiệm chỉ đạo thực tiễn địa phương. Thực tiễn thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ từ năm 1961 đến năm 1975 để lại nhiều kinh nghiệm quý về xây dựng tổ chức Đảng, trong đó có 05 kinh nghiệm tiêu biểu: một là, trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, tổ chức Đảng phải thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, đồng thời căn cứ vào điều kiện cụ thể để xây dựng nghị quyết sát hợp; hai là, cấp ủy Đảng phải luôn chú trọng công tác tư tưởng cho đội ngũ cán bộ đảng viên; ba là, xây dựng và phát triển tổ chức phải gắn liền với công tác kiện toàn và bảo vệ tổ chức; bốn là, thường xuyên quan tâm xây dựng và củng cố sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ cấp ủy; năm là, luôn đặt lợi ích của nhân dân ở vị trí trung tâm, không ngừng tăng cường xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân là cơ sở để xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Những kinh nghiệm này được Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ từng bước đúc kết và vận dụng có hiệu quả trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên địa bàn.

5. Những ưu điểm, hạn chế cùng những kinh nghiệm được đúc kết từ quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ mang những giá trị lịch sử, giá trị lý luận và thực tiễn hết sức quý báu cần tiếp tục nghiên cứu, kế thừa phục vụ công tác xây dựng Đảng nói chung và xây dựng Đảng bộ các địa phương hiện nay như: vấn đề bảo đảm vị trí, vai trò lãnh đạo, cầm quyền tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng; vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng; vấn đề không ngừng chăm lo xây dựng, phát triển đảng viên phải gắn liền với công

tác chăm bồi lý tưởng, nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng và đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên; vấn đề nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, nắm vững các nguyên tắc xây dựng Đảng trong xây dựng Nghị quyết Đảng bộ địa phương; vấn đề nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng phải gắn liền với nâng cao năng lực, sức chiến đấu của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là sự đoàn kết của cấp ủy và vai trò của người đứng đầu; vấn đề xây dựng thể trận lòng dân, phát huy sức mạnh, trí tuệ của Nhân dân trong xây dựng Đảng, bảo vệ Đảng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Trần Đình Duệ (2021), Tập bài giảng (thành viên): “*Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Hậu Giang*”, Nhà xuất bản Lý luận chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
2. Trần Đình Duệ (2023), “Xây dựng Đảng về đạo đức theo quan điểm Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Dạy và Học ngày nay* (3/2023) ISSN: 2851-5769
3. Trần Đình Duệ (2023), “Một số yêu cầu đối với việc lồng ghép nội dung phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giảng dạy lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Biển Việt Nam* (Cơ quan ngôn luận của Trung ương Hội KHKT Biển Việt Nam, ISSN: 1859-0233.
4. Trần Đình Duệ (2023), “Khu ủy Tây Nam Bộ lãnh đạo chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969-1972)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, Viện Lịch sử Đảng Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Số 389 (4-2023), ISSN: 0936-8477.
5. Trần Đình Duệ (2024), Sách (thành viên): “*Xây dựng mô hình chính quyền thân thiện cấp xã ở thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang*”, Nhà xuất bản Thể thao và Du lịch.
6. Trần Đình Duệ (2025), “*Công tác xây dựng Đảng về tổ chức ở Đảng bộ khu Tây Nam Bộ (1961 - 1968)*”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* Viện Lịch sử Đảng Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Số 418 (9-2025) ISSN: 2815-6382.
7. Trần Đình Duệ (2025), “*Đảng bộ Khu Tây Nam Bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng (1969 - 1975)*”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, Viện Lịch sử Đảng Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Số 421 (12-2025), ISSN: 2815- 6382.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TÀI LIỆU TRONG NƯỚC

1. Ban Biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (1945 - 1954)*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (1955 - 1969)*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Ban Biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến (1969 - 1975)*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu (2002), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu (1927 - 1975)*, tập 1, Bạc Liêu.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang (2007), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh An Giang (1954 - 1975)*, tập 2, An Giang.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng (2019), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng (1954 - 1975)*, tập 2, (xuất bản lần thứ hai, có bổ sung, chỉnh sửa), Sóc Trăng.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (2015), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (1930 - 2010)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 7, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 8, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
10. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 9, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
11. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 10, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.

12. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 11, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
13. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 12, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
14. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 13, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
15. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 14, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
16. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 15, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
17. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 16, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
18. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 17, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
19. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn phòng: *Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975*, tập 18, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020.
20. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1995), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: thắng lợi và bài học*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh, trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 - 1975) Thắng lợi và bài học*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập truyền thông Tây Nam Bộ (2000), *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến*, Cần Thơ.

23. Ban đại diện Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Tây Nam Bộ (1974), *Quyết định số 01/QĐ-BĐĐ.74 ngày 23-1-1974 về việc ban hành Nội quy tạm thời vùng giải phóng*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 33E/1974, Cần Thơ.
24. Ban đại diện Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Tây Nam Bộ (1974), *Quyết định số 04/QĐ-BĐĐ.74 ngày 15-2-1974 Về việc xây dựng (ở vùng giải phóng) một trật tự xã hội mới nhằm bảo đảm cho nhân dân yên tâm phấn khởi đoàn kết sản xuất và chiến đấu*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 37E/1974, Cần Thơ.
25. Ban Thống nhất Trung ương (1959), *Báo cáo kinh nghiệm của Nam Bộ về đấu tranh chống khủng bố, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng Đảng 1959*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu: X3/30.5.
26. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2000), *Sơ thảo lược sử công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam 1930-2000*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Hậu Giang (2010), *Quân, dân Khu 9 chiến thắng 75 lượt tiểu đoàn địch sau Hiệp định Paris 1973*, Kỷ yếu hội thảo, Hậu Giang.
28. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Vĩnh Long (2002), *Lịch sử tỉnh Vĩnh Long (1932 - 2000)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Bộ Chính trị (1975), Nghị quyết số 245-NQ/TW ngày 20-9-1975 *Nghị quyết về việc bỏ khu, hợp tỉnh*, Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ lịch sử thành phố Cần Thơ.
30. Bộ Ngoại giao, Ủy ban biên giới quốc gia (2010), *Biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia*, Nxb Vụ Tuyên truyền và Thông tin, Hà Nội.
31. Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh (2021), *Tổng kết Đảng lãnh đạo quân sự và quốc phòng trong cách mạng Việt Nam (1945 - 2000)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
32. Bộ Tổng tham mưu (2001), *“Tổng kết chiến tranh nhân địa phương”*,

- Chuyên đề, Kết hợp đấu tranh hai chân, ba mũi, giáp công trên cả ba vùng chiến lược trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ tại địa bàn Quân khu 9 (1954 - 1975), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.*
33. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (1965), *Báo cáo tình hình phong trào nhân dân du kích chiến tranh ở Tây Nam Bộ*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 02a/1965-QK9, Cần Thơ.
34. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (1970), *Mật điện của Sáu Nam gửi: Bộ + Miền; Anh Ba Long; Anh Mười Khang, đồng điện Bộ; Anh Tám Mạnh, Quân uỷ Miền + Quân uỷ Trung ương; Bộ + R; Bộ Chỉ huy Miền + Quân uỷ Trung ương + Trung ương Cục + Trung ương; Trả lời điện của anh Ba hỏi về miền Đông, từ 5-1-1970 đến 18-9-1974*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường Quân khu 9, ký hiệu: 154a/1970-QK9, Cần Thơ.
35. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (1996), *Quân khu 9 - 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
36. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (1998), *Quân khu 8 - Ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
37. Nguyễn Bình (2009), *Công tác xây dựng Đảng tại Đảng bộ miền Nam từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 10 năm 1961*, Luận án tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
38. Cục Văn thư và lưu trữ Nhà nước, Trung tâm lưu trữ quốc gia II (2012), *Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn*, tập 1, “Đánh và Đàm” (1968-1972), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
39. Cục Văn thư và lưu trữ Nhà nước, Trung tâm lưu trữ quốc gia II (2012), *Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn*, Tập 2, “Ký kết và thực thi” (1973-1975), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
40. Lý Kim Cương (2014), “Xã, ấp chiến đấu ở miền Tây Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, Số 4-2014.
41. Sáu Dân (1975), *Bài nói chuyện với đoàn công tác Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, ngày 30 tháng 12 năm 1975 tại thành phố Hồ Chí Minh*.

Minh, bản lược ghi, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu: K9/1.7, Hà Nội.

42. Lê Duẩn (1985), *Thư vào Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 15, Nhà Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 22, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 23, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 24, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 25, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 26, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 27, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 28, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 29 Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 30, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 31, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 32, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 33, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 34, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.

58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 35, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 36, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang (1987), *Hậu Giang 21 năm kháng chiến chống Mỹ*, Nxb Tổng hợp Hậu Giang.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ (2020), *Lịch sử Đảng bộ thành phố Cần Thơ*, tập III (1954 - 1975), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang (2007): *Lịch sử Đảng bộ tỉnh An Giang (1954 - 1975)*, tập 2, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang, An Giang.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau (2004), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau (1930 - 1975)*, tập 1, Nxb Mũi Cà Mau, Cà Mau.
65. Đảng uỷ - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Cà Mau (2007), *Lịch sử 30 năm kháng chiến của quân và dân tỉnh Cà Mau (1945 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
66. Đảng uỷ - Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (2008), *Tổng tiến công - nổi dậy năm 1968 và đánh địch bình định từ năm 1968 đến năm 1973 ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
67. Đảng uỷ - Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (2009), *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang Quân khu 9 (1945 - 2005)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
68. Đảng uỷ Quân khu 9 (2010), *Lịch sử Đảng bộ quân khu 9 (1947 - 2007)*, tập 1, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
69. Lê Duẩn (1986), *Thư vào Nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
70. Lý Ngọc Định (2009), “Tiếp nhận hàng chi viện của Trung ương về miền Tây Nam Bộ qua tuyến đường vận tải 1C trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, Số 11-2009.

71. Vũ Minh Giang (Chủ biên) (2008), *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
72. Trần Văn Giàu (2006), *Tổng tập*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
73. Trần Văn Giàu, Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Đầu (2003), *Nam Bộ xưa & nay*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
74. Trịnh Thị Hồng Hạnh (2014), “Công tác Xây dựng Đảng ở miền Nam (1973 - 1975)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 3-2014.
75. Nguyễn Quang Hòa (2023), *Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Liên khu V từ năm 1949 đến năm 1961*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
76. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, GS, TS Trịnh Nhu (chủ biên), *Lịch sử Biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục Miền Nam (1954 - 1975)*, In lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung (2008), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, PGS, TS Nguyễn Quý (chủ biên), *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục Miền Nam (1954 - 1975)*, Xuất bản lần thứ hai (2015), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
78. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1954 - 1975)*, tập 2, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, TS. Phạm Đức Kiên (2016) *Nghiên cứu, xác định sự kiện lịch sử Đảng trong lịch sử đấu tranh cách mạng khu vực các tỉnh miền Tây Nam Bộ*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.
80. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện lịch sử Đảng (2021): *Biên niên sự kiện Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 3 (8/1954-1964), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
81. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995): *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập II (1954-1975), xuất bản lần thứ hai (có sửa chữa, bổ sung), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

82. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2010), *Biên niên sự kiện lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1954 - 1975)*, Nxb chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
84. Hội đồng Chỉ đạo Biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2010), *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1954 - 1975)*, tập II, Nxb chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
85. Đoàn Thị Hương (2014), *Quá trình xây dựng tổ chức và hoạt động của Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục Miền Nam từ năm 1945 đến năm 1954*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
86. Trần Thị Thu Hương (2003), *Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá “quốc sách” áp chiến lược của Mỹ - nguy ở Miền Nam Việt Nam (1961 - 1965)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Khu ủy Tây Nam Bộ (1963), *Báo cáo Phục vụ cuộc Hội nghị R (Về tình hình Sóc Trăng từ 1959 đến 1963)*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 1E/1963, Cần Thơ.
88. Khu ủy Tây Nam Bộ (1964), *Báo cáo tổng hợp số 044/F về Số liệu năm 1964 (Về tình hình Sóc Trăng)*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 1E/1964, Cần Thơ.
89. Khu ủy Tây Nam Bộ (1965), *Nghị quyết Hội nghị xây dựng Đảng miền Tây lần thứ nhất (Tháng 1 năm 1965)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 04/1965-QK9, Cần Thơ.
90. Khu ủy Tây Nam Bộ (1965), *Nghị quyết Hội nghị cán bộ phụ trách du kích, dân quân miền Tây Nam Bộ ngày 5-4-1965 do Thường vụ Khu ủy chủ trì về Du kích chiến tranh năm 1965 - 1966*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 01/1965-QK9, Cần Thơ.
91. Khu ủy Tây Nam Bộ (1966), *Công văn số 35/TV-66 ngày 28-3-1966 của Ban Thường vụ Khu ủy Kính gửi các U và các ngành cấp T*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thành phố Cần Thơ, ký hiệu: 2E/1965, Cần Thơ.

92. Khu ủy Tây Nam Bộ (1966), *Nghị quyết số 03/TV-67 ngày 28-12-1966 của Ban Thường vụ Khu ủy về Công tác bưu vận năm 1966 - 1967*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 2E/1966, Cần Thơ.
93. Khu ủy Tây Nam Bộ (1967), *Chỉ thị số 24/TV-67 ngày 15-4-1967 của Ban Thường vụ Khu ủy Về việc đẩy mạnh phong trào giáo dục văn hoá ở cơ sở*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 3E/1967, Cần Thơ.
94. Khu ủy Tây Nam Bộ (1967), *Nghị quyết số 24/TV-67 ngày 26-4-1967 của Ban Thường vụ Khu ủy Tình hình, nhiệm vụ, phương hướng công tác thị xã, thị trấn miền Tây năm 1967*, tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 7E/1967, Cần Thơ.
95. Khu ủy Tây Nam Bộ (1967), *Nghị quyết số 76/TV-67 ngày 27-7-1967 của Ban Thường vụ Khu ủy Về công tác chống gián điệp phản động ở miền Tây Nam Bộ*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 8E/1967, Cần Thơ.
96. Khu ủy Tây Nam Bộ (1967), *Chỉ thị số 46/TV-67 ngày 01-8-1967 của Ban Thường vụ Khu ủy TV-T gửi các UI, QKU, AN, các Ban vận, MT, TN, TC, BV*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 5E/1967, Cần Thơ.
97. Khu ủy Tây Nam Bộ (1967), *Báo cáo số 50/TV-67 ngày 21-8-1967 của Văn phòng Khu ủy về Số liệu 6 tháng đầu năm 1967*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 2E/1967, Cần Thơ.
98. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Bản Tự phê bình của Khu ủy từ tổng tấn công đến nay*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 8E/1968, Cần Thơ.
99. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Công tác củng cố chi bộ vùng giải phóng, tranh chấp mạnh và công tác xây dựng và đưa phong trào vùng yếu vùng kèm kẹp*, (bản lược ghi ý kiến của đồng chí BT Ti khai thông Hội nghị củng cố chi bộ toàn T), Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 23E/1968, Cần Thơ.
100. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 19/CT-68 của Thường vụ Khu ủy*

Về công tác phòng gian bảo mật và bảo vệ nội bộ, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 28E/1968, Cần Thơ.

101. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 034/TM-68 ngày 25-4-1968 của Thường vụ Khu ủy Một số vấn đề các cấp cần nắm vững để chỉ đạo đẩy mạnh phong trào quần chúng khởi nghĩa*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 38E/1968, Cần Thơ.
102. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 28/CT-T.68 của Thường vụ Khu ủy Về binh vận phục vụ hoạt động tới*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 30E/1968, Cần Thơ.
103. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 34/CT-T68 của Thường vụ Khu ủy Về công tác trị an vùng giải phóng*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 9E/1968, Cần Thơ.
104. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 6/CT-68 ngày 20-1-1968 của Ban Thường vụ Khu ủy Về đảm bảo vật chất cho đợt Đông - Xuân (1967 - 1968)*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 1E/1968, Cần Thơ.
105. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 7/CT-68 ngày 20-1-1968 của Ban Thường vụ Khu ủy Về công tác phòng và chống chiến tranh hoá học của địch trong năm 1968*, tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 2E/1968, Cần Thơ.
106. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Chỉ thị số 8/CT-68 ngày 20-1-1968 của Ban Thường vụ Khu ủy Về tăng cường lãnh đạo công tác y tế, vệ sinh, thiết thực bồi dưỡng sức dân, đẩy mạnh kháng chiến cứu nước*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 3E/1968, Cần Thơ.
107. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Nghị quyết số 14/CT-68 ngày 20-4-1968 của Hội nghị Thường vụ Khu ủy (mở rộng) tháng 4-1968*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 15E/1968, Cần Thơ.

108. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Nghị quyết số 17/CT-68 ngày 5-5-1968 của Thường vụ Khu ủy về Nhiệm vụ tài chính phục vụ nhiệm vụ tổng tấn công của Đảng để giành thắng lợi hoàn toàn*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 4E/1968, Cần Thơ.
109. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Nghị quyết số 18/CT-68 ngày 15-5-1968 của Thường vụ Khu ủy Về công kích khởi nghĩa thị xã, thị trấn (Bản văn này thay cho bản số 03/NQ-68 đã gửi trước)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 19/1968-QK9, Cần Thơ.
110. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Thông báo số 15/TV-68 ngày 6-7-1968 của Thường vụ Khu ủy về Tổng kết cuộc tổng tấn công đợt 1 ở T3*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 31E/1968, Cần Thơ.
111. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Nghị quyết số 25/CT-T.68 của Hội nghị Khu ủy tháng 7-1968*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 18E/1968, Cần Thơ.
112. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Thông báo số 07/TB-68 ngày 30-7-1968 của Thường vụ Khu ủy Gửi các tỉnh, KUV, các ngành lớn T*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 7E/1968, Cần Thơ.
113. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Thông báo số 19/TB-68 Bản kiểm thảo của Ti trong Hội nghị tháng 10-1968*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 12E/1968, Cần Thơ.
114. Khu ủy Tây Nam Bộ (1968), *Công tác củng cố chi bộ vùng giải phóng, tranh chấp và công tác xây dựng, đưa phong trào vùng yếu, vùng bị kèm kẹp*, (Lược ghi ý kiến của đồng chí BT Ti khai thông trong Hội nghị củng cố chi bộ toàn T), Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 23E/1968, Cần Thơ.
115. Khu ủy Tây Nam Bộ (1969), *Nghị quyết công tác phá kèm, phá bình định nông thôn T3*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 1E/1969, Cần Thơ.

116. Khu ủy Tây Nam Bộ (1969), *Báo cáo số 99/VF-T.70 ngày 15-12-1969 của Văn Phòng Khu ủy Tổng kết tình hình địch đánh phá cơ sở chi bộ ở thị xã và sự thiệt hại của ta trong thời gian qua*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 21E/1969, Cần Thơ.
117. Khu ủy Tây Nam Bộ (1969), *Chỉ thị số 040/CT-68 ngày 21-12-1969 của Thường vụ Ti về Khẩn trương xây dựng tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của chính quyền cách mạng các cấp theo kịp với sự phát triển của tình hình*, tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 19E/1969, Cần Thơ.
118. Khu ủy Tây Nam Bộ (1969), *Nghị quyết Hội nghị (Mở rộng) của Thường vụ Ti*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 4E/1969, Cần Thơ.
119. Khu ủy Tây Nam Bộ (1969), *Bản Tự phê bình của Khu ủy từ tổng tấn công đến nay, nhất là từ sau khi có chỉ thị 71/CTNT của Trung ương Cục*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 3E/1969, Cần Thơ.
120. Khu ủy Tây Nam Bộ (1969), *Đề án công tác an ninh từ tháng 10-1969 đến tháng 3-1970*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 3E/1970, Cần Thơ.
121. Khu ủy Tây Nam Bộ (1970), *Bản tự kiểm điểm của Ban Thường vụ Khu ủy trong Hội nghị Ban Chấp hành Khu ủy*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 122/1970-QK9, Cần Thơ.
122. Khu ủy Tây Nam Bộ (1970), *Báo cáo Đề án (trích) về Công tác chính quyền 6 tháng đầu năm 1970 của Ban chỉ đạo chính quyền T3*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 156b/1970-QK9, Cần Thơ.
123. Khu ủy Tây Nam Bộ (1970), *Nghị quyết số 2/CT-BA-70, Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Khu ủy tháng 9/1970*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 2E/1970, Cần Thơ.

124. Khu ủy Tây Nam Bộ (1970), *Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Khu ủy*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 118a/1970-QK9, Cần Thơ.
125. Khu ủy Tây Nam Bộ (1971), *Chỉ thị số 04/CT-T.71 của Thường vụ Khu ủy về Tiếp tục quán triệt chỉ thị 01 năm vững bước đi do Khu ủy đề ra, thực hiện tốt các Nghị quyết của Tỉnh ủy và các ngành đúng thời gian, tạo khả năng và điều kiện giành thắng lợi có ý nghĩa bước sau*, tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 10E/1971, Cần Thơ.
126. Khu ủy Tây Nam Bộ (1971), *Danh sách phân công KU.T3*, tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 42, mục lục số 3, Đơn vị bảo quản (Đ.V.B.Q) số 71, Hà Nội.
127. Khu ủy Tây Nam Bộ (1971), *Đề án công tác xây dựng Đảng từ nay đến tháng 6-1971 của Ban Tổ chức Khu ủy (đã được TV-BA thông qua)*, tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 8E/1971, Cần Thơ.
128. Khu ủy Tây Nam Bộ (1971), *Nghị quyết số 26/NQ-T.71 của Hội nghị Khu ủy (Mở rộng)*, tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 15E/1973, Cần Thơ.
129. Khu ủy Tây Nam Bộ (1971), *Thông báo số 26/VF-T-71 ngày 6-5-1971 của Văn phòng Khu ủy về Số liệu chung niên năm 1970 ở T3*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 1E/1970, Cần Thơ.
130. Khu ủy Tây Nam Bộ (1972), *Báo cáo của Văn phòng Khu ủy về Số liệu cơ bản từ cuối năm 1967 đến năm 1972 của toàn Khu*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 33E/1972, Cần Thơ.
131. Khu ủy Tây Nam Bộ (1972), *Chỉ thị số 14/CT-72 ngày 27-1-1972 của Thường vụ Khu ủy Về việc chống địch cướp lúa và thu đảm phụ lạc quyền*, tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 07/1972-QK9, Cần Thơ.

132. Khu ủy Tây Nam Bộ (1972), *Đề án số 37/BTC-72 của Ban Tổ chức Khu ủy về Công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1972*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 45E/1972, Cần Thơ.
133. Khu ủy Tây Nam Bộ (1972), *Kế hoạch tấn công đối tượng bảo an của Ban Binh vận T3*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 32E/1972, Cần Thơ.
134. Khu ủy Tây Nam Bộ (1972), *Chỉ thị số 26/CT.72 ngày 30-6-1972 của Thường vụ Khu ủy Về việc thi hành chính sách ruộng đất của Đảng ở miền Tây trong tình hình mới*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 3E/1972, Cần Thơ.
135. Khu ủy Tây Nam Bộ (1972), *Đảng văn số 520/TV.T.72 ngày 06-9-1972 của Thường vụ Khu ủy Gởi Tỉnh ủy, Thành ủy, Thị xã ủy và Ngành Khu về tăng cường chỉ đạo công tác thành thị nhằm thực hiện tốt Chỉ thị 07/71 và Nghị quyết 51/72 của Khu ủy*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 47E/1972, Cần Thơ.
136. Khu ủy Tây Nam Bộ (1972), *Chỉ thị số 33/CT-T.72 ngày 19-11-1972 của Thường vụ Khu ủy Tranh thủ thời cơ, phát huy thắng lợi đã giành được, ra sức đẩy mạnh tấn công và nổi dậy, kết hợp xây dựng và bố trí lực lượng võ trang, chính trị thành thế chiến lược giành thắng lợi to lớn hơn trong thời gian sắp tới*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 4E/1972, Cần Thơ.
137. Khu ủy Tây Nam Bộ (1972), *Thông báo số 48/TB-T.72 ngày 22-12-1972 của Thường vụ Khu ủy về Đặc điểm tình hình thành thị T3 tháng 10 và tháng 11-1972*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 28E/1972, Cần Thơ.
138. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Báo cáo Số liệu cơ bản từ cuối năm 1967 đến năm 1972 của toàn Khu của Văn phòng Khu ủy*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ, ký hiệu: 33E/1973, Cần Thơ.
139. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Chỉ thị số 06/CT-T.73 ngày 31-4-1973 của Thường vụ Khu ủy về Ra sức củng cố, xây dựng chi bộ vững mạnh*

toàn diện, phát huy vai trong lãnh đạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 25E/1973, Cần Thơ.

140. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Thông báo số 10/TB-T.73 ngày 5-5-1973 của Thường vụ Khu ủy về Tình hình tháng 4-1973*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (bản viết tay), ký hiệu: 243b/1973-QK9, Cần Thơ.
141. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Thông tri số 06/TB-T.73 ngày 27-5-1973 của Thường vụ Khu ủy về việc Giữ vững thành quả đạt được, phát huy đúng mức sức mạnh tổng hợp của ta, đẩy mạnh tấn công và xây dựng lực lượng trong những tháng tới, đánh bại kế hoạch bình định đặc biệt của địch ở miền Tây, sẵn sàng chớp thời cơ, giành thắng lợi lớn, nếu nguy Sài Gòn rút quân đưa sang cứu nguy cho Lonol ở Campuchia*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 27E/1973, Cần Thơ.
142. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Thông báo số 19/TB-T.73 ngày 27-6-1973 của Thường vụ Khu ủy Tình hình diễn biến trong T trước và sau ngày ký kết bản thông cáo chung về ngừng bắn*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 10E/1973, Cần Thơ.
143. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Thông tri số 19/TB-T.73 ngày 16-7-1973 của Thường vụ Khu ủy Về việc xây dựng các lực lượng chủ lực K*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 24E/1973, Cần Thơ.
144. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Số 371/TV.T.72 ngày 28-7-1973 của Thường trực Khu ủy về việc Hướng dẫn thêm một số việc cấp bách cần tập trung chỉ đạo trong những tháng tới nhằm chuẩn bị cho mùa khô giành thắng lợi lớn hơn*, Tài liệu chép tay, lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 407/1973-QK9, Cần Thơ.
145. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Nghị quyết số 03/NQ-T.72 ngày 15-9-1973 của Thường vụ Khu ủy về việc Tình hình và nhiệm vụ của Đảng bộ*

Tây Nam Bộ trong giai đoạn mới, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 3E/1973, Cần Thơ.

146. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Đảng văn số 122/TV.T.73 ngày 15-11-1973 của Thường trực Khu ủy Gửi: Các tỉnh, Thành ủy, ngành Khu (Về việc nhanh chóng triển khai kế hoạch mùa khô xuống đến huyện, xã, ấp để chống kế hoạch bình định, cướp lúa của địch)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, (cặp KU9/1973), Cần Thơ.
147. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Đảng văn số 127/TV.T.73 ngày 07-12-1973 của Thường trực Khu ủy Gửi: Các Tỉnh ủy, Thành ủy, các ban ngành Khu, đồng gửi các Khu ủy viên (Về việc chỉ đạo một số nhiệm vụ trong tổ chức ban chấp hành các cấp; xây dựng tổ chức hệ thống các cấp ủy đoàn; nghiệp vụ các ban chuyên môn và vấn đề phát triển đảng viên ở một số chi bộ trì trệ, phức tạp về tổ chức)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, (Cặp KU9/1973), Cần Thơ.
148. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Chỉ thị số 05/CT.T73 ngày 10-12-1973 của Ban Thường vụ Khu ủy Nhận rõ vị trí của mùa khô năm nay, nắm vững nội dung mới trong đánh phá bình định, tạo thế tấn công mới nhằm đánh bại một bước kế hoạch bình định, lấn chiếm của địch*, tài liệu chép tay, lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 409/1973-QK9, Cần Thơ.
149. Khu ủy Tây Nam Bộ (1973), *Lược ghi bài nói chuyện của đồng chí Bảy Thang, Phó Bí thư Khu ủy Khu 9 về Một số vấn đề ở Khu 9 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (tháng 7-1954 đến cuối năm 1973)*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu: K9/1.6, Hà Nội.
150. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Ban Mặt trận K Báo cáo đến Ban Tổ chức K (6 tháng đầu năm 1974)*, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 42, mục lục 03, Đ.V.B.Q 42, Hà Nội.
151. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Báo cáo (sơ kết tình hình tăng cường cán bộ xuống cơ sở và củng cố cấp ủy ban, ngành sau triển khai nghị*

- quyết*), Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 42, mục lục số 03, Đ.V.B.Q số 73, Hà Nội.
152. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Báo cáo của Ban Tổ chức Khu ủy về Số liệu đảng viên toàn Khu (Trừ đảng viên trong Quân khu và chủ lực)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 55/1975-QK9, Cần Thơ.
153. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Báo cáo của đồng chí Bảy Thạnh tại Hội nghị trao đổi kinh nghiệm giữa các Khu về Tình hình Khu 9 từ 28.1.1973 đến 10.1974*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu: K9/1.9, Hà Nội.
154. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Báo cáo tổng kết đánh phá bình định của Khu 3 (từ 28 tháng 1 năm 1973 đến tháng 6 năm 1974)*, tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (bản viết tay), ký hiệu: 154/1974-QK9, Cần Thơ.
155. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Đảng văn số 02/TV.T.74 ngày 15-4-1974 của TV.KA gửi các Tỉnh ủy và các ban, ngành K*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 29E/1974, Cần Thơ.
156. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Chỉ thị số 03/CT-T.74 của Thường vụ Khu ủy mở đợt sinh hoạt chính trị trong các đoàn thể về tuyên truyền, phát động quần chúng ba vùng quán triệt tình hình, nhiệm vụ mới, hăng hái xông lên giành thắng lợi to lớn hơn*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 3E/1974, Cần Thơ.
157. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Chỉ thị số 08/CT-T.74 của Thường vụ Khu ủy Về nhiệm vụ, yêu cầu và chỉ đạo hoạt động từ đây đến cuối năm 1974 và phương hướng 6 tháng đầu năm 1975*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 5E/1974, Cần Thơ.
158. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Kế hoạch số 505/TV.T-74 về chỉnh huấn bổ sung chỉ thị 12 của Trung ương Cục và Nghị quyết tháng 5 năm 1974 của Khu ủy*. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 21E/1974, Cần Thơ.

159. Khu ủy Tây Nam Bộ, Ban Tuyên huấn BA (1974), Báo cáo số 69/TH.74 *Báo cáo Tuyên huấn Quý III/1974 ngày 11-10-1974*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 10E/1974, Cần Thơ.
160. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Công văn số 1058/TC ngày 27-11-1975 của Ban Tổ chức K kính gửi Thường vụ TWC, BTC TWC về việc giải thể cấp Khu, hợp nhất các tỉnh theo đơn vị lớn*, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng 42, mục lục 03, Đ.V.B.Q 74, Hà Nội.
161. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Đảng văn số 296/TV-T.74 ngày 23-12-1974 của Ban Thường vụ Khu ủy Về việc hướng dẫn công tác tiếp quản vùng mới giải phóng*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 41E/1974, Cần Thơ.
162. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Nghị quyết số 4/NQ-T.74 ngày 10-12-1974 của Ban Tổ chức Khu ủy về Tình hình nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng (đã được TV.BA thông qua)*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 14E/1974, Cần Thơ.
163. Khu ủy Tây Nam Bộ (1974), *Thông báo số 46/TB-T.74 ngày 29-12-1974 của Thường trực Khu ủy về Tình hình tháng 12 năm 1974 trong Khu*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 76/1974-QK9, Cần Thơ.
164. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Báo cáo của Ban Tổ chức Khu ủy Về số liệu đảng viên Đảng bộ cơ sở nông thôn*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 55/1975-QK9, Cần Thơ.
165. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Báo cáo số 100/TH-75 của Ban Tuyên huấn T3*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 17E/1975, Cần Thơ.
166. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Chỉ thị đặc biệt của Thường vụ Khu ủy gửi: Các ban, ngành khu*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 14E/1975, Cần Thơ.

167. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Chỉ thị số 02/CT-T.75 ngày 17-2-1975 của Thường vụ BA về Phát huy đúng mức thuận lợi, khả năng mới của ta, khoét sâu nhược điểm sa sút mới của địch, táo bạo tiến công và xây dựng giành thắng lợi to lớn hơn, nỗ lực hoàn thành mọi yêu cầu, chỉ tiêu đã đề ra cho cả năm 1975 trong 6 tháng đầu năm*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 24E^a/1974, Cần Thơ.
168. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Thông tri số 05/TT-T.75 ngày 30-3-1975 của Thường trực BA về việc Tận dụng thời cơ, tranh thủ thời gian, táo bạo xông lên giành thắng lợi to lớn trong tháng 4 năm 1975*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 3E^a/1975, Cần Thơ.
169. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Đảng văn số 170/TV ngày 4-4-1975 của Thường vụ Khu ủy gửi các Tỉnh ủy, Thành ủy và các Ngành Khu Lôi kéo gọi của Ban Thường vụ Khu ủy Tây Nam Bộ gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và các cấp bộ Đảng nhân thời cơ lịch sử hiện nay*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, (Cấp KU9/1975), Cần Thơ.
170. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Đảng văn số 878/TV ngày 5-4-1975 của Thường vụ Khu ủy gửi các Tỉnh ủy, Thành ủy, Anh Năm Trung, Tư Chức (K18), P B C L*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 5E^a/1975, Cần Thơ.
171. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Thông tri số 06/TT-T.75 ngày 5-4-1975 của Thường trực BA về Khẩn trương xây dựng lực lượng, trước nhất là lực lượng vũ trang, đặc biệt là lực lượng vũ trang tập trung để bảo đảm đủ sức giành thắng lợi cao nhất trong thời cơ lịch sử hiện nay*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 6E^a/1975, Cần Thơ.
172. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Đảng văn số 961/TV-T.75 ngày 18-4-1975 của Thường trực BA Gửi: Các Tỉnh ủy, Thành ủy, QKU, các ngành Khu + Khu ủy viên (về chỉ đạo một số nội dung trong tổ chức quần chúng nổi dậy)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, (Cấp KU9/1975), Cần Thơ.

173. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Dự kiến Ban Tổ chức Khu 9, các ban, ngành, tỉnh, về thành lập tỉnh mới và bố trí cán bộ các cơ quan tỉnh, huyện sau khi giải thể Khu (1975 - 1976)*, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 42, mục lục số 03, Đ.V.B.Q số 74, Hà Nội.
174. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Nghị quyết số 325/TC-TV.T.75 ngày 23-6-1975 Về việc thành lập Ban tiếp nhận và vận động đồng bào ở đô thị về nông thôn ở khu Tây Nam Bộ*, tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 42, mục lục số 03, Đ.V.B.Q số 70, Hà Nội.
175. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Thông tri số 01/TT.B.75 ngày 29-6-1975 của Thường vụ Khu ủy Về quyền xét nhà, bắt người, xử tội và tịch thu tài sản*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, (Cấp KU9/1975), Cần Thơ.
176. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Báo cáo thống kê của Văn phòng và các ban trực thuộc khu 9 về tình hình cán bộ (1969 - 1975)*, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong 42, mục lục 03, Đ.V.B.Q 405, Hà Nội.
177. Khu ủy Tây Nam Bộ (1975), *Chỉ thị số 4/CT-D75 ngày 16-7-1975 của Thường vụ Khu ủy Về việc vận động và tiếp nhận đồng bào đô thị về nông thôn xây dựng khu kinh tế mới*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, (Cấp KU9/1975), Cần Thơ.
178. Nguyễn Danh Lợi (2012), *Công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Liên khu IV từ tháng 11-1946 đến tháng 7-1954*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
179. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội (2010), *Chung một bóng cờ (Về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam)*.
180. Sáu Nam (1976), *Bài nói chuyện tại cuộc Hội nghị tổng kết mùa khô 1974 - 1975 của toàn khu 9, ngày 3 tháng 1 năm 1976 tại Cần Thơ, bản lược ghi*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu: K9/1.4, Hà Nội.

181. Đặng Phong (1991), *21 năm viện trợ Mỹ ở Việt Nam*, Viện Nghiên cứu khoa học thị trường - giá cả, Hà Nội.
182. PGS, TS Nguyễn Trọng Phúc: *Lịch sử công tác xây dựng Đảng (1930 - 2011)*, Nhà xuất Chính trị quốc gia, 2012.
183. Nguyễn Minh Phụng (2023), “Đánh địch bình định, lần chiếm sau Hiệp định Paris ở miền Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, Số 2-2013.
184. Quân khu 9 (1970), *Báo cáo Tình hình T3 (Về tình hình bình định, lần chiếm của địch; vùng địch kèm; vùng mới chuyển lên và vùng tranh chấp mạnh từ cuối 1967 đến đầu 1970)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 17/1968-QK9, Cần Thơ.
185. Quân ủy Miền (29-1-1973), *Mật điện số 100/2N: 10 Khang gửi anh 6 Nam*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (bản viết tay), ký hiệu: 88/ TWC-1973, Cần Thơ.
186. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2025): Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12-6-2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.
187. Nguyễn Văn Thanh (chủ biên) (1995), *Tổ chức và hoạt động phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
188. Mạch Quang Thắng (2007), *Đảng Cộng sản Việt Nam, những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng*, Nxb Lao động, Hà Nội.
189. Ngô Đức Tính (2004), *Xây dựng Đảng về tổ chức* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
190. Phạm Đức Thuận (2017), *Phong trào phá áp chiến lược ở miền Tây Nam Bộ (1961-1965)*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Đại học Huế.
191. Nguyễn Bích Thúy (2023), *Khu ủy Tây Nam Bộ lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị từ năm 1965 đến năm 1975*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
192. Ngô Đăng Tri (2022), *Tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2021)*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
193. Tổng Cục Chính trị, *Tổng kết công tác binh vận - địch vận trong kháng*

- chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002.
194. Tỉnh ủy Kiên Giang (2008), *Kiên Giang kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)*, Tạp chí Xưa & Nay - Nxb Văn hóa Sài Gòn xuất bản.
195. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (2005), *Lịch sử Trà Vinh*, tập ba (1954 - 1975), Ban Tư tưởng Tỉnh ủy Trà Vinh xuất bản, Trà Vinh.
196. Trần Bình Trọng (2025), “Công tác tuyên huấn/tuyên giáo trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở Trà Vinh”, <https://mttq.travinh.gov.vn/tin-noi-bat/cong-tac-tuyen-huan-tuyen-giao-trong-cuoc-khang-chien-chong-my-cuu-nuoc-o-tra-vinh-738650>, truy cập: 26-4-2025.
197. Trung tâm nghiên cứu khoa học tổ chức, Nguyễn Hữu Tri, Nguyễn Thị Phương Hồng (Chủ biên) (2005), *Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2000)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
198. Trung ương Cục miền Nam (1962), *Báo cáo tổng kết số 699/S.Y (Về tình hình dân số và ngân sách do Mỹ viện trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 13/62-TWC, Cần Thơ.
199. Trung ương Cục miền Nam (1967), *Anh Tư: Số liệu Khu 3 từ cuối 1967 đến tháng 9-1970*, Tài liệu lưu tại Cục lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 42, Mục lục số 01, Đ.V.B.Q số 648, Hà Nội.
200. Trung ương Cục miền Nam (1971), *TWC gửi CK: Số liệu thành tích năm 1971 của T3*, Tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng số 42, mục lục số 01, Đ.V.B.Q số 648, Hà Nội.
201. Trung ương Cục miền Nam (1973), *Biên bản Hội nghị bàn về xây dựng căn cứ địa và vùng giải phóng ở T3 (Giữa KBN với Thường vụ T3 từ 13 đến 17-7-1973)*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 303/1974-QK9, Cần Thơ.
202. Trung ương Cục miền Nam (1974), *Biên bản cuộc họp giữa TV.TWC với đoàn Khu 3 trong ngày 11-9-1974 để góp ý kiến chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Hội nghị đánh phá bình định*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 10c/TWC-1974, Cần Thơ.

203. Trung ương Cục miền Nam (1975), *Chỉ thị Hướng dẫn kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ toàn dân, toàn quân vùng lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa, của xã, huyện, tỉnh khởi nghĩa giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 05/TWC-1975, Cần Thơ.
204. Trung ương Cục miền Nam (1975), *Chỉ thị Về chính sách đối với tù, hàng binh trong tình hình mới*, tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, ký hiệu: 10/ TWC-1975, Cần Thơ.
205. Trung ương Cục miền Nam (1975), *Mật điện số 506/TV của Thường vụ KBN gửi P10 (3 nơi) Khu ủy (Chuyển cho các Thành ủy và Tỉnh ủy), N50, B76, Quân ủy Miền, các Ban ngành*, Tài liệu lưu tại Phòng Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, (Cặp KU9/1975), Cần Thơ.
206. Phạm Hồng Tung (2024), “Cuộc đấu tranh thống nhất đất nước Việt Nam (1954-1975) tiếp cận từ một số phương diện quốc tế”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, ngày 20-4-2024, (link website: <https://tapchilichsudang.vn/cuoc-dau-tranh-thong-nhat-dat-nuoc-viet-nam-1954-1975-tiep-can-tu-mot-so-phuong-dien-quoc-te.html>. Truy cập: 25-4-2024).
207. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Tiến bộ, Mat-xơ-va.
208. Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Viện sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam*, tập 13, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội.
209. Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Viện sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam*, tập 14, Nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội.
210. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1998), *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975)*, Hà Nội.
211. TS Đặng Minh Phụng và TS Lê Tuấn Vinh (2022), “Kinh nghiệm công tác xây dựng Đảng về tư tưởng - nhìn từ các cuộc vận động chỉnh đốn Đảng ở miền Bắc Việt Nam (1954 - 1975)”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, số ra ngày 14-11-2022, (link website:

<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/826314/kinh-nghiem-cong-tac-xay-dung-dang-ve-tu-tuong---nhin-tu-cac-cuoc-van-dong-chinh-don-dang-o-mien-bac-viet-nam-%281954---1975%29.aspx>. Truy cập: 25-4-2024).

212. Xứ ủy Nam Bộ (1959), *Báo cáo gửi Trung ương số 41/XU, về Tình hình khủng bố ở miền Tây*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu: X3/30.2, Hà Nội.
213. Xứ ủy Nam Bộ (1959), *Điện gửi Trung ương về Một số tình hình khủng bố và chống khủng bố ở miền Tây Nam Bộ*, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu: X3/30.6, Hà Nội.
214. Daniel Ellsberg (2018), *Hồ sơ mật lâu năm góc và hồi ức về chiến tranh Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
215. Gabriel Kolko (1991), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
216. George C.Herring (1998), *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
217. Ilya V.Gaiduk (1998), “Liên bang Xô Viết và chiến tranh Việt Nam”, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.
218. L. Johnson (1972), *Hồi ký của Lindon Giônxon*, Nxb Việt Nam Thông tấn xã, Hà Nội.
219. Michael Maclear (1990), *Việt Nam - cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
220. Neil Sheehan (2003), *Sự lừa dối hào nhoáng*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
221. Philip B.Davidson (1995), *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
222. Robert S.McNamara (1995), *Nhìn lại quá khứ - Tán tẩm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
223. William C.Westmoreland (1988), *Tường trình của một quân nhân*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

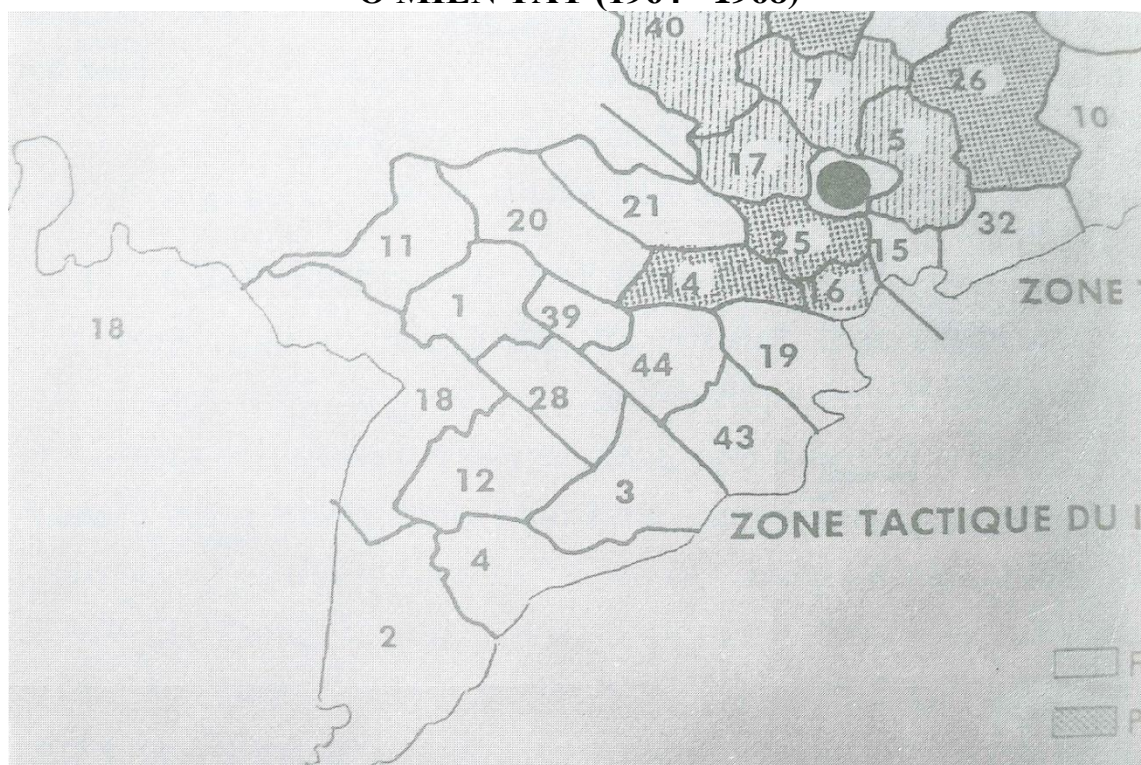
B. TÀI LIỆU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

224. David W.P. Elliott, (2003) *The Vietnamese war: Revolution and Social Change in the Mekong Delta, 1930-1975*, (link website: <https://doi.org/10.4324/9781315698809>, truy cập: 06/12/2024).
225. Peter Francis Leahy (1990), *Why did the strategic hamlet program fail?*, the Thesis of Master of Military art and science, New South Wales University, Australia, (link website: <https://apps.dtic.mil/sti/tr/pdf/ADA228494.pdf>, nguồn: Defense Technical Information Center – DTIC, truy cập: 24/4/2025).
226. Ralph W. Mc Gehee (1983), *Deadly deceits - My, 25 years in the CIA*, Sheridan Square publication Inc. New York. (link website: <https://dokumen.pub/qdownload/deadly-deceits-my-25-years-in-the-cia-094038003x.html>, truy cập: 24/4/2024).
227. Sir Robert Thompson: *Defeating communist insurgency: Experiences from Malaya and Vietnam*, (Chatto & Windus, London, 1965).
228. The Pentagon Papers (1971), *The Strategic Hamlet Program 1961-1963*, (link website: <http://www.vietnam.ttu.edu/>, truy cập 26/10/2024).
229. University Press of Kannas (2002), *Victory in Vietnam: The Official History of the People's Army of Vietnam, 1954-1975: the Military History Institute of Vietnam* (link website: https://www.google.com.vn/books/edition/Victory_in_Vietnam/_WluAAAAMAAJ?hl=vi&gbpv=1 truy cập: 15/3/2025)
230. William S Turley, 2019, *Vietnamese Communism In Comparative Perspective*, Taylor & Francis.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

**BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN
Ở MIỀN TÂY (1964 - 1968)**



1- An Giang, 2- An Xuyên, 3- Ba Xuyên, 4- Bạc Liêu, 11- Châu Đốc,
12- Chương Thiện, 18- Kiên Giang, 19- Kiến Hoà, 29- Phong Dinh,
39- Sa Đéc, 43- Vĩnh Bình, 44- Vĩnh Long.

Nguồn: [2, tr.424]

PHỤ LỤC 2
MẬT DANH KHU ỦY, CÁC TỈNH VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ LÀ ỦY VIÊN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHU TÂY NAM BỘ
ĐƯỢC SỬ DỤNG TỪ NĂM 1961 ĐẾN NĂM 1975

1. Một số tên gọi và mật danh Khu ủy Tây Nam Bộ

| Tên thật | Mật danh | Thời gian sử dụng |
|--|--|---|
| Khu IX/ (Khu 9)/ Tây Nam Bộ | A6 | Khoảng 1960 đến ... |
| | Long Châu | Từ 15-6-1960 đến ... |
| | T | Gọi tắt của Khu ủy. Dùng cho Nghị quyết, Công văn, Chỉ thị. Thời gian từ 1961 |
| | TV | Gọi tắt của Ban Thường vụ Khu ủy. Dùng cho: Công văn, Chỉ thị, Nghị quyết |
| | T3 | Từ cuối 1961 đến 1975 |
| | N23 | Khoảng cuối 1968, 1970 đến ... |
| | U Minh, UM | -... |
| | A3 | Tên Đài dùng 1970 – 1971 |
| | X40 | Tên Đài dùng 1972 – 1973 |
| | LMA, Lạng Sơn, Ngọc Thành | Đề dịch Điện gửi đến (không rõ thời gian sử dụng) |
| | Z24 | 30-9-1968 đến ... |
| | 912 | Mật ngữ đề dịch điện, dùng từ 13-5-1972 |
| | Ti (hoặc TI) | - Tên gọi tắt của Khu ủy. - 1967-1969, 1973: Chủ yếu dùng cho Nghị quyết, Chỉ thị |
| | T3 | - 1966: Hướng dẫn - 1967: Chỉ thị, Nghị quyết |
| | BA | - 1970, 1971: Nghị quyết - 1972: Chỉ thị, Thông báo - 1973; Chỉ thị - 1975: Chủ yếu dùng cho Thông tri |
| Khu 3/ Khu III | - Từ 1962, 1970, ... : Báo cáo, Điện của TWC gửi... - 1964: Chỉ thị của TWC gửi... - 1967: Báo cáo | |

| Tên thật | Mật danh | Thời gian sử dụng |
|----------|----------|---|
| | | - 1970: Điện của TWC gửi... - 1973 - 1975: Nghị quyết, Báo cáo |
| | K | Từ 1969 – 1975 Dùng cho: Thống kê, báo cáo, công văn |

Nguồn: [176; 160; 145; 173; 76; 108; 15]

2. Một số tên gọi và mật danh các tỉnh và ngành, đơn vị cấp huyện của Khu

| STT | Tên thật | Mật danh | Thời gian sử dụng |
|----------|----------------|----------|--|
| I | Tỉnh | | |
| 01 | Tỉnh/thành phố | U | Cách gọi chung của cấp tỉnh |
| 02 | Cà Mau | U1 | (...) |
| | | N40 | Từ 30-9-1968 [...] dùng cho điện tuyệt mật |
| | | VQ | (...) |
| | | KC | Dùng năm 1973 |
| | | (...) | Mật ngữ để dịch điện, dùng từ 13-5-1972 |
| 03 | Sóc Trăng | U2 | 1964 - 1975 |
| | | N58 | Từ 30-9-1968 dùng cho điện tuyệt mật |
| | | HQ | (...) |
| | | 626 | Mật ngữ để dịch điện, dùng từ 13-5-1972 |
| 04 | Rạch Giá | U3 | 1964 – 1975 |
| | | N48 | Từ 30-9-1968 ... dùng cho điện tuyệt mật |
| | | WH | (...) |
| | | 634 | Mật ngữ để dịch điện, dùng từ 13-5-1972 |
| 05 | Cần Thơ | U4 | (...) |
| | | N67 | Từ 30-9-1968 [...] dùng cho điện tuyệt mật |
| | | 620 | Mật ngữ để dịch điện, dùng từ 13-5-1972 |
| 06 | Trà Vinh | U5 | 1964 - 1975 |
| | | N73 | Từ 30-9-1968 dùng cho điện tuyệt mật |
| | | XQ | (...) |
| | | L2 | Dùng 1968 |
| | | 606 | Mật ngữ để dịch điện, dùng từ 13-5-1972 |

| STT | Tên thật | Mật danh | Thời gian sử dụng |
|------------|------------------|-----------------|---|
| 07 | Vĩnh Long | U6 | 1964 - 1975 |
| | | N80 | Từ 9-1968 dùng cho điện tuyết mật |
| | | TX | (...) |
| | | 499 | Mật ngữ để dịch điện, dùng từ 13-5-1972 |
| 08 | Bạc Liêu | U9 | 11/1973 - 1975 |
| II | Ngành | | |
| | Binh vận | T.163 | Báo cáo: Dùng trong các năm: 1971 ... |
| | | | |
| III | Cấp huyện | | |
| | Huyện/thị xã | V | Từ 1961 |
| | Thị xã ủy | TXU | (tên gọi Cấp ủy ở thị xã) 1961-1975 |
| | Huyện ủy | Vi | (tên gọi Cấp ủy ở huyện) 1972 ... |
| | Huyện ủy viên | ViV | 1972 ... |

Nguồn: [103; 127; 169; 171]

3. Danh sách tên và bí danh các đồng chí lãnh đạo của Liên Tỉnh uỷ miền Tây (LTU) và Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ khu Tây Nam Bộ (Khu uỷ viên - KUV) trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

| STT | Tên thật | Chức vụ | Bí danh |
|-----|------------------|---|--|
| 01 | Nguyễn Thành Thơ | - Ủy viên Thường vụ (UVTV) LTU miền Tây (... - 1959) - Bí thư LTU miền Tây (1959 - 1961) - Bí thư Khu uỷ (KU) TNB (1961 - 1968) | - Mười Thơ; - Mười Khẩn |
| 02 | Phạm Thái Bường | - Xứ uỷ viên XUNB (1954 - 1959) - Bí thư LTU miền Tây (1954 - 1960) - Bí thư KU (1969 - 1970) | - Ba Bình; - Ba Bường; - Lê Thắng; - Tư Phòng |
| 03 | Võ Văn Kiệt | - Phó Bí thư LTU miền Tây (1954 - 1960) - Bí thư KU (1970 đến 9-1973) | - Sáu Dân, - Tám Thuận |
| 04 | Vũ Đình Liệu | - Tháng 1-1960: Khu uỷ viên (KUV) - UVTV KU: (1961 - 1964) - Phó Bí thư KU: từ 1964 đến 9-1973 - Bí thư KU: (9-1973 đến 1975) | Tư Bình |
| 05 | Châu Văn Đăng | - UVTV LTU miền Tây: (1954 - 1957) - Phó Bí thư LTU miền Tây (1957 - 1959) | (...) |
| 06 | Đồng Văn Cống | - Phó Bí thư KU kiêm Tư lệnh QK9: (1964 - 1968) - Phó Tư lệnh Miền tháng 7-1965 ... | Chín Hồng |
| 07 | Lê Đức Anh | Phó Bí thư KU; Tư lệnh Quân khu 1969 đến 11-1973 | - Sáu Nam - Nguyễn Phú Hòa/ Chín Hoà/ |
| 08 | Trần Văn Bình | Phó Bí thư KU: (1961 - 1975) | Bảy Thạnh |
| 09 | Phạm Ngọc Hưng | - KUV từ ... đến 1973 - UVTV, Tư lệnh QK9 (1973 - 1975) | Năm Hải |
| 10 | Trần Văn Long | - KUV: 1961 - ... - UVTV, Phó Chính uỷ QK9 (... và 1971 - 1975) | Mười Dài |
| 11 | Lâm Văn Thê | Ủy viên Thường vụ: 1961 -...; phụ trách an ninh | Ba Hương |
| 12 | Nguyễn Hữu Xuyên | - Tham mưu trưởng quân sự miền Tây Phân Liên khu miền Tây; Từ 1954: Ủy viên LTU, phụ trách xây dựng lực lượng vũ trang bí mật, binh vận, thanh vận. | (...) |

| STT | Tên thật | Chức vụ | Bí danh |
|-----|------------------|--|------------|
| | | - 1955 đến ...: Phó Bí thư LTU miền Tây | |
| 13 | Văn Viên | Ủy viên LTU miền Tây | (...) |
| 14 | Dương Cự Tâm | KUV; Phó Chính uỷ Quân khu 1963 - 1969 | Năm Thanh |
| 15 | La Lâm Gia | - KUV: (1961 - 1971) - UVTV: (1971 - 1975), Phụ trách chính quyền | Bảy Máy |
| 16 | Phan Ngọc Sến | - KUV: (1961 - 1971) - UVTV: (1971 - 1975), Phụ trách an ninh | Mười Kỷ |
| 17 | Nguyễn Việt Châu | KUV: 1961 - 1969 | Sáu Tâm |
| 18 | Dương Minh Cảnh | - Ủy viên LTU miền Tây 1954 -1961 - KUV: 1961 - ... | (...) |
| 19 | Nguyễn Hoài Pho | KUV: 1964-1970 (Hy sinh năm 1970) | Ba Mai |
| 20 | Nguyễn Hồng Sơn | KUV: 1964 - ... | Cò Già |
| 21 | Phan Thị Tốt | KUV: 1964 - ... | Ba Tốt |
| 22 | Nguyễn Thị Được | KUV: 1964 - ... | Hai Được |
| 23 | Nguyễn Hữu Sanh | KUV: 1964 - ... | Mười Thiện |
| 24 | Nguyễn Văn Hôn | KUV: (1964 - 1975), Chuyên trách Nông vận | Hai Tân |
| 25 | Phan Công Cương | - KUV: (1961 -1970) - UVTV: (1971-1975), Chuyên trách Tổ chức | Chín Lân |
| 26 | Trần Quang Quít | - KUV: (1970 - 1975) | Tám Quít |
| 27 | Lê Thị Bảy | - KUV: (1970 - 1975), Chuyên trách Phụ vận | Bảy Lê |
| 28 | Võ Văn Sĩ | KUV: (1964 - 1975), Chuyên trách kinh tài | Hai Sĩ |
| 29 | Phạm Văn Kiệt | KUV: (1964 - 1975) | Năm Vận |
| 30 | Bùi Thanh Khiết | KUV, Phó Chính uỷ Quân khu (1969 - 1973) | Hai Thanh |
| 31 | Nguyễn Đáng | KUV: (1971 - 1975) Chuyên trách Dân vận | Năm Trung |
| 32 | Nguyễn Văn Cúc | KUV: (1971 - 1975) Chuyên trách Tòa án - Tư pháp | Năm Cúc |
| 33 | Nguyễn Văn Đáng | KUV: (1971 - 1975) | Tư Hườn |
| 34 | Hồ Nam (Hồ Lộc) | KUV: (1971 - 1975) Chuyên trách Nông vận | Năm Đạt |
| 35 | Nguyễn Văn Nam | KUV: (1971 - 1975) | Năm Nam |
| 36 | Nguyễn Đình Chức | KUV: (1971 - 1975) | Tư Chức |

| STT | Tên thật | Chức vụ | Bí danh |
|------------|-------------------------------------|--|----------------|
| 37 | Lê Phước Thọ | KUV: (1971 - 1975) | Sáu Hậu |
| 38 | Nguyễn Tấn Liêng | KUV: (1971 - 1975) | Bảy Sách |
| 39 | Nguyễn Đệ | KUV: (1971 - 1975) | Ba Trung |
| 40 | Ngô Khắc Đăng | KUV: (1971 - 1975) | Sáu Phải |
| 41 | Ma Ha Sơn Thông | KUV: (1971 - 1975) Chuyên trách Khmer vận | Mười Tăng |
| 42 | Nguyễn Ký Úc | KUV: (1971 - 1975) | Sáu Úc |
| 43 | Phạm Trọng Yên | KUV: (1971 - 1975) | Chín Công |
| 44 | Trịnh Thế Cang | KUV: (1971 - 1975) | Sáu Cang |
| 45 | Nguyễn Tấn Thanh | KUV: (1971 - 1975) | Chín Cửu |
| 46 | Nguyễn Thị Vân (Nguyễn Thụy Nga) | KUV: (1971 - 1975) | Bảy Vân |
| 47 | Lê Thanh Nhân | KUV: (1971 - 1975) | Ba Râu |
| 48 | Bùi Như Nho | KUV: (1971 - 1975) | Tám Xuân |

Nguồn: [2; 22; 35; 126; 76]

của hoang phế. Có số người muốn dời nhà đi nơi khác. Trong lúc đổ dịch uy hiếp bắt xâu, thu tô, thu thuế, bắt đi học tập tổ cộng nặng nề v.v... Đời sống rất khổ sở cùng cực.

Đảng bộ địa phương đang chủ trương đẩy mạnh đấu tranh chống vợ vét bóc lột, kết hợp chống khủng bố.

Riêng 4 xã Tân-Thuận-A, Tân-Thuận-B, Tân duyệt và Thới bình mở cuộc đấu tranh đột xuất chống khủng bố, kết hợp chống vợ vét bóc lột. Có những hình thức đấu tranh:

- Truyền đơn, hiệu triệu, làm ma chay, cầu xiêu, thăm viếng, đoàn kết tương trợ, thăm nghèo kẻ khổ v.v... nhằm vạch trần âm mưu đen tối của địch, gây cảm thù địch, làm chúng càng bi cô lập hơn nữa.

- Đấu tranh trực tiếp với tà xã, tà ấp, quân, tỉnh, chỉ khu và ủy ban quốc tế chống bắt bóc, đánh đập, hăm hiếp, giết người hàng loạt, đòi can thiệp, giải quyết v.v...

- Tranh thủ dư luận báo chí và hỗ trợ của nghiệp đoàn

2- Báo cáo Liên tỉnh ủy miền Tây = cho biết:

- Dịch tập trung về Vĩnh bình 2 E bố trí lực lượng nhằm đánh Cầu-ngan, Trà-cú, Hương-chính đánh vào vùng rừng và căn cứ cũ. Tập trung 1.000 quân đánh quận Châu-thành Sa dec, Châu-thành Vĩnh-long và quận Bình-Minh, tức vùng Cái-vồn, Sóc-mắc.

- Ở Cần thơ trong 3 tháng đầu năm có đến 2.000 cuộc hành quân lớn nhỏ phối hợp các lực lượng bảo an, công an, cảnh sát, dân vệ, bắt trên 1.000 người giam cầm và giết chết 13 người.

3- Đã nhận được chỉ thị của Trung ương căn cứ vào tình thần chủ trương, chúng tôi có chỉ thị cho các nơi về chống khủng bố và chống luật 10/59 của địch.

4- Được biết các người của các anh sắp đến đất Phật, đề nghị anh xét đề nghị xin tiền của chúng tôi, số tiền 5 triệu để làm vốn sản xuất và cho mang theo trao lại cho chúng tôi như những lần trước.

5- Số người bị bắn chết: Tây-đức xã Phú-đức 3 người

a) Quận Đầm-dơi :

+ Xã Tân-thuận-B :

- Ngày 14-2 tên Thắng, Quận trưởng ra lệnh bắn 1 loạt 3 người tại ấp Tân-đức; anh Chúng, anh Hống (Cao môn), anh Thăng (anh này chạy thoát và bị thương nặng).

- Ngày 7-3 bắn chết hai người .

- Ngày 4-4 bắn chết 6 người tại lộ xe Tân-đức, trong đó có em bé 10 tuổi .

+ Xã Tân Thuận A : từ 11 đến 30-3 - 10-4 bắn chết 10 người

+ Xã Tân-ân : bắn chết 1 người trong phong trào CMQG

+ Xã Tân duyệt B :

- Ngày 10-3 bắn chết anh Mẫn phó chủ ấp và anh Ngọc Chi phó phong trào cách mạng quốc gia :

- Ngày 20-3 bắn chết em Toàn, học sinh .

- Ngày 26-3 bắn chết anh Đốc, cán bộ kháng chiến đấu thủ.

- Ngày 1-4 bắn chết 3 anh : Nhật, Tồn và Xương. Anh Xương là cán bộ kháng chiến đấu thủ .

- Ngày 2-4 bắn chết anh Núi, chi trưởng phong trào cách mạng quốc gia và ông Tý là cha của anh Nhật .

- Ngày 3-4 bắn tại ấp Tân-trung 5 người: ông Mẫn phong trào CMQG, anh Mạnh, Tỉnh, Nguyễn (3 anh này đều là phong trào CMQG) và anh Nghĩa chỉ điểm viên. Ông Mẫn và anh Nguyễn là cha con ruột bị bắn gục sống lại được, bị thương nặng .

- Ngày 4-4 bắn một loạt 5 người; ông Khá, ông Mậu, ông Bửu (ông này là cán bộ đấu thủ), anh Khá, anh Khen (hai anh này là thanh niên quân dịch).

- Ngày 1-4 bắn chết 4 người sau trường học Tân duyệt

- Ngày 2-4 bắn chết 3 người tại gốc cây còng ở trường học.

- Ngày 18-3 bắn một người tại chợ .

b) Quận Cái-nước :

Ngày 15-4 bắn chết tại Mây-dốc xã Phú-nỹ 3 người
anh Giảng, phong trào CMQG, anh Hơ và 1 ông lão 60 tuổi ở
Rạch lằng .

- Cũng ngày 15-4 bắn chết tại Cống Đá xã Tân-hưng-dông
8 người. Chúng chở xe nôi đồng đến đây bắn bỏ mế lộ không cho
xin xác về chôn và chúng dập chôn 3 người 1 lỗ .

c) Quận Thới-bình :

- Từ 17-3 đến 2-4 tên quận Mầu ra lệnh giết chết 11 người
chúng đem bắn lên ban đêm. Trong số này có 3 diêm chí viên .

Tên quận trưởng Mầu đã bị võ trang tuyên truyền, chặn
đường đánh chết với 7 tên giết người khác cũng bị với hấn.

d) Quận Sông-dốc : bắn chết 1 thanh niên quân địch và
bắn bị thương 4 quân chúng ở Khánh-bình đông.

Sao kính chuyển

- Anh Hùng
- Anh Ba
- Anh Trinh
- Anh Lương
- Anh Hoàng Anh
- Anh Tô-Hữu

Ngày 13 tháng 6 năm 1959

T/L VAN PHONG TRUNGQUONG

Phòng sáu

Đã ký: Dương-dông-Khiêm

Sao lại tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng TW

Ngày 16 tháng 3 năm 1971

Người soạn: Nguyễn Thu Hương
Người soạn lại: Nguyễn Thu Hương
Người đánh máy: Len

3 bản

Với nội tâm: Ban thống nhất TW.

Tài liệu số:

XU UY NAM BO

Ngày tháng 6 năm 1959

Số 49 XUMAT

Kính gửi : Trung ương,

Báo cáo về địch hành quân thăm sát và
lập khu Long-Mỹ .

Địch chủ trương, lập khu dinh điền dọc theo Kinh sáng Xà-no tới Vàm-xáng Hòa-lưu, chung lấy diện Tây be làm chính (rộng độ 72.000 công). Ở đây mấy năm nay nông dân đấu tranh giằng co quyết liệt, quyết giữ quyền sở hữu trên Đất tây, không chịu đóng tô .

Tháng 4-1959, có 3 tên Mỹ đến chợ Bảy-ngàn đi quan sát vùng Đất-be Tây. Ngày 13-5 có 3 tên Mỹ đến chợ Cái nhùm và chợ Vàm-xáng (Hòa-lưu). Ngày 18-5 bọn quân trưởng mời tề xã, chủ ấp hội nghị và ra lệnh đuổi nhà thờ Hắc-xơ, Vi thanh và Vi-thủy. Những số ở trong đồng hoặc ở theo rạch nhỏ đều phải di cư ra bờ xáng, thời hạn chót là ngày 3-6. Chúng ra lệnh gia đình tập kết, cán bộ kháng chiến, gia đình quân địch không lãnh thẻ kiểm tra đến 28-5 phải ra hết ngoài gần chỗ chúng ở .

Ngày 21-5, tên Bộ trưởng cải cách điền địa và tỉnh trưởng, quận trưởng đến khánh thành chợ Vàm-xáng, chúng làm rầm beng, biểu diễn quân sự đe uy hiếp quần chúng .

Ngày 20-5 một số đồng bào công giáo có ban chức và ông cha hương dẫn đến trực tiếp đấu tranh với tề xã chống lệnh đuổi nhà. Bọn tề nói không có quyền giải quyết, ông cha tức giận nói sẽ can thiệp với cấp trên của nó .

Ngày 22-5 quần chúng ấp Chàm của (xã Vi thanh) đi từng đoàn 5, 7 người đấu tranh trực diện với tề xã, bọn này hăm dọa khủng bố, nhưng đến chiều quần chúng tiến hành trên 80 người, bọn tề phải xuống đê, hứa nói rộng phạm vi rời nhà của nhân dân, ấp này từ Bờ xáng vô đồng một ngàn thước (trước chúng định là 200 thước) và phải nhận đơn của nhân dân gửi lên cấp trên của chúng giải quyết .

Bọn Mỹ-Diệm mở một chiến dịch lớn ở vùng Long-Mỹ từ đầu tháng 5 với 3 tiểu đoàn. Chúng cần quét mạnh nhất ở ngã Vĩnh-thuận đông, Dương-bình, Long trị, Vĩnh-viên, Lương tám, Xà-phiên, Vị-thủy. Chúng ngăn cắt từng vùng, bao ráp từng khúc từ 100 đến 200 gia đình, lừa bắt về quận nhốt mặt, lục soát trong nhà ngoài vườn, bắn bừa vào quần chúng, hãm hiếp phụ nữ. Riêng trong tháng 5 này có trên 800 cuộc cần quét và trên 100 cuộc biệt kích. Từ 24-5 đến 1-6 ở xã Vĩnh thuận đông chúng bắn tại trận 3 người và đem về đồn bắn 23 người ở xã Vĩnh-tài, chúng bắn 32 người. Ở xã Long-bà, bắn 30 người.

Chúng bắt trên 100 người ở 4 xã Long bình, Long trị, Vĩnh thuận đông, và Vĩnh tường đem chém, bắn thủ tiêu 87 người. Có những đêm chúng chặt đầu 1 lên 20 người, 30 người thả trôi sông.

Ngày 21-5 địch chặt đầu 3 người thả xác trôi theo Kinh xăng Nàng-mao, trong đó có 1 phụ nữ.

Ngày 29-5, địch dùng gươm máy chặt đầu một người trước hàng trăm quần chúng. Chúng nói "ai không di cư, không đi quân dịch thì bị chặt đầu như vậy".

Ngày 30-5 địch chặt đầu 4 người gim trên cây chuối thả trôi trên sông Long-mỹ. Quần chúng thị trấn, trong xóm ấp, có cả vợ con binh sĩ than khóc rất thảm thiết. Nhiều người bỏ ăn bỏ ngủ nguyên rủa bọn Mỹ Diệm không ngớt. Chúng ra lệnh tập trung gia đình cán bộ, gia đình kháng chiến, tập kết vô vòng dây kẽm gai. Chúng tiến hành đuổi nhà trong 12 xã (có 86 ấp bị đuổi hết), đập trên 9.000 nóc nhà (chưa kể Vị thủy, Long-bình và Hoà-an). Đối với những nhà chưa rời đi chúng chặt hết cây oải, đốt hoặc xô sập nhà. Có 1 gia đình bị đốt cháy hết 300 giạ lúa. Hàng ngày chúng lừa bắt quần chúng hàng trăm người đi làm đường, đào kênh, Cường bách nhân dân vô phong trào cách mạng quốc gia, hiệp hội nông dân. Mỗi người vô phải đóng 120 đồng, ngoài số tiền nguyệt phí, chúng sung tăng cường bắt lính.

Tin dịch thảm sát ở Long Mỹ trong tháng 5-1959 :

- Đêm 24 dịch thủ tiêu hai tù nhân .
- Ngày 26 lợi dụng lúc trời mưa, 3 giờ chiều dịch bắn và chặt đầu 24 người .

- Đêm 26 chặt đầu 6 người thả trôi sông .
- Ngày 27 chặt đầu 21 người chôn tại sân banh .
- Đêm 27 chặt đầu 7 người thả trôi sông .
- Đêm 28 chặt đầu 18 người chôn tại sân banh .

Tổng số người chết 78 người trong 5 xã: Vĩnh - thuận đông, Vĩnh-tường, Long-tri, Long-bình và ~~V~~ Long-phú .

Danh sách số người bị mất tích (chưa đầy đủ) :

- Xã Vĩnh-thuận đông :

- 1- Bê, thanh niên quân dịch.
- 2- Cọ, con một gián điệp.
- 3- Hồ, thanh niên quân dịch.
- 4- Phà, cán bộ cũ bị tù vượt ngục về .
- 5- Sáu Đạt Bí thư xã .
- 6- Hoà, cán bộ bị tù vượt ngục về .
- 7- Dương Đường, con ông Phà .
- 8- Nành gia đình tập kết .
- 9- Chồng chị Hai X, nông dân .
- 10- Đạm chỉ Công tự Bâu chủ tịch nghiệp đoàn xã .
- 11- Lép ủy viên nghiệp đoàn xã .
- 12- Phó xã Hai trưởng ấp .
- 13- Mười buôn bán
- 14- Báo, con cán bộ bị tù Côn-đảo.
- 15- Trâm thợ rèn.
- 16- Bàn cán bộ đầu hàng
- 17- Trục cán bộ đầu hàng
- 18- Bộ cán bộ đang hoạt động
- 19- Đem gia đình cán bộ
- 20- Phải thanh niên.
- 21- Ánh thanh niên
- 22- Út lùn, cán bộ cơ sở đầu hàng .

XU UY NAM BỘ Ngày 25 tháng 6 năm 1959

23- Hai Sự gia đình cán bộ

24- Sang gia đình cán bộ

- Xã Vĩnh tường ;

1- Ri , con em cán bộ.

2- Huê nông dân.

- Xã Long-trị :

1- Hê, cán bộ đầu hàng

2- Hữu bị tù mới thả .

3- Thêm, bị tù mới thả .

4- Biên, trưởng ấp

5- Trục thanh niên.

6- Giới gia đình cán bộ.

7- Bàn gia đình cán bộ.

- Xã Long bình : Lâm, cán bộ

- Xã Long phú: Đại, cán bộ đang hoạt động

Cộng chung số biết được là 35 người. Sau ngày 25-5 dịch còn tiếp tục tham sát .

Số xác chết thả trôi sông từ 21 đến 30-5 :

- Kinh xăng Nàng-mao trôi 7 thây.

- Kinh Mương lộ Vi thủy trôi 1 thây.

- Sông Long Mỹ Vĩnh trèo trôi 10 thây và 6 đầu .

Tin thêm về việc dịch đuổi nhà trong các xã sau đây :

| | |
|---------------------------------|--------------------------|
| (Gò quao)-Vĩnh tuy 442 gia đình | - Lương tâm 900 gia đình |
| - Thuận-hưng 600 | - Vĩnh viên 929 |
| - Vĩnh thuận-đông 950 | - Xã Phiên 450 |
| - Hòa-lưu 800 | - Vị thủy 1.155 |
| - Vĩnh-tường 820 | - Longtrình 500 |
| - Long-trị 1.200 | - Long Phú 1000 |
| (Sóc-trang)-Phụng-phu 170 | - Phương bình 280 |
| - Hòa-an 1.100 | - Vị thanh 600 |

Cộng chung là 11.896 gia đình (đã rời đi 81 gia đình)
(Số liệu trên đây chưa thật là đầy đủ).

XU UY NAM BỘ

Số tài liệu :
Nơi sưu tầm : Ban Thi viết Tu
Người soạn lại : Ng. Thị Sơn
Người đánh máy: Lan
3 bản

Ngày 4-tháng 7 năm 1959
TL. VẠN PHONG TRUNG ƯƠNG
Phòng sáu
Đã ký : Dương-đông-Khiêm

Thầy viết sưu tầm : Ng. Thị Sơn
: 17.2.1971

Nguồn: [212] Báo cáo gửi Trung ương số 41/XU về Tình hình khủng bố ở miền Tây, Tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu: X3/30.2, Hà Nội.

2. Số liệu 6 tháng đầu năm 1967 của T3

E14967.

số: 50/TV-67

SỐ LIỆU
6 THÁNG ĐẦU NĂM 1967 CỦA T
---+---

TRUNG ƯƠNG
LIU TRU
1967

BẢN LƯU

I.- ĐIỂM

Chiến lược đánh phá chung 6.211 cuộc, có 43 cuộc cấp P, 63 cuộc cấp B, 339 cuộc cấp C, 615 cuộc cấp D, 1 đến 2 C, 1.584 cuộc biệt kích, U1, U2, U5 có 47 cuộc kết hợp trực thăng, U3, U5 có 75 cuộc kết hợp M.113, pháo oanh tạc 2.693 lần (có 3 lần 2.52 ném bom Trá phải, Khe góc, Chầu, Duyên hải, Trá vào), Hai chốt dọc 71 lần (gồm U1, U2, U3, U6 3, U4 2 lần), trong pháo bắn U2, U3, U6 2.167 lần + trên 20.000 quả đạn, U6 tăng quân Mỹ, chủ nào 616 tên, tăng cho sân bay Vĩnh Long, Chi thu 85 chiếc máy bay khu trục, 40 trực thăng, 2 chi đoàn M.113, 2 giảng thuyền, U2, U3 đơn Thanh niên Công nông, thanh niên chiến đấu 400 tên lên Đỉnh Bảo an, U2, U4, U6 diệt cất trên 500 căn trại lính, U1, U3, U6 có 720 thanh niên tập quân sự, U5 diệt lên chiếm 9 ấp vùng giải phóng, U3 có 22 đoàn bình định trung ương, U4 có 24 đoàn bình định trung ương. Đốt 33 đơn, 37 bốt (U3 12 đơn 7 bốt, U6 11 đơn 8 bốt, U5 9 đơn 28 bốt, U4 3 đơn 1 bốt, U1 2 đơn), bắt 5.679 thanh niên đi lính.

Gây thiệt hại 2.328 người chết, 2.421 người bị thương, 4.828 người bị bắt, phụ nữ bị hãm hiếp 47 người, nhà cháy hư hỏng 4.863 cái trong đó có 12 nhà thờ, chùa, 16 bệnh xá nhà bạc sành, nữ 5.000 công rẫy, 45.045 gia lúa, chết 515 trâu bò, tài sản khác bị cướp phá 270 triệu đồng, dân không ổn định U2 100 gia đình, U6 5.379 người chạy ra vùng tạm, U6 21.577 người.

II.- TA

1/- Vũ trang :

Độc thủ quân đánh 6.653 trận lớn nhỏ, trong đó đánh phương quân U150, địa phương quân V 505, du kích xã ấp 5.365 trận. Đánh phục kích 338, công đồn 65, tập kích 69, chống cản 1.121, giao thông 238, U2 đánh hậu cứ 17 trận (cơ sở nòng cốt đánh trên chủ tịch U6).

Kết quả : diệt chết 8.903 tên, bị thương 8.584 tên, bắt 265, chết bị thương không tính được 2.391, tan rã 7.741 tên, chung loại ngoài vòng chiến đấu 27.884 tên, có 732 Mỹ chết, 273 tên Mỹ bị thương, chết 116 sĩ quan ngày. Thu 1.163 súng các loại, có 3 tiểu pháo, 11 trọng đại liên, 34 trung liên, 7 cối, 142.000 đạn, 1.400 lựu đạn, 42 VTB. Tiền diệt 26 đơn, 42 chốt, bốt rất 4 đơn, 12 chốt, đánh nữ ngày 26 đơn, 13 chốt. Một gọn 16 A, 37 B, 29 C, 2 tiểu đoàn, tiểu hạo nặng

13 B, 4 C, 3 D. Diệt 6 đoàn bình định, rã 3 đoàn bình định khác. Đập rớt 91 máy bay các loại, phá hủy 121, bị thương 153 chiếc. Xe quân sự bị diệt 99 chiếc trong đó có 29 M.113 bị hư 71 chiếc có 22 xe M.113. Giành 40 tàu, hư 47 chiếc khác có 9.940 lượt quân chúng tham gia phá 3.785 thước khối gỗ, 18 cầu cống.

Ta hy sinh 617 (U1 44, U2 94, U3 32, U4 126, 45 79, U6 123, chỉ lực T chỉ nắm được hy sinh ở địa bàn Trờ vịnh 59 chiến sĩ, bị thương chung 619, bị bắt 8 chiến sĩ.

- Phá ấp chiến lược : U2, U4, U5 phá 248 ấp, U1, U4, U5 phá lòng 113 ấp, U2, U3, U6 tuyên truyền được 34.000 quân chúng trong ấp chiến lược, diệt 33 tên tề điệp, có 9.500 quân chúng về chỗ cũ, U6 giải phóng 15 ấp, giải phóng 2 xã Tân Lộc (U1) và Cẩm Hải (U6), U5 có 30 ấp từ kìm chuyên lên xây dựng ấp xã chiến đấu, U6 chuyên lên tranh cướp lại ấp U5 có 62 ấp kìm chặt thành lòng

Số súng ta thu được, bị mất của các U và T

| | Thu súng các loại | Trong đó có súng B.Vạn. | Súng Mát (cây) | Trong đó có súng gần hàng |
|------------------|-------------------|--------------------------------|----------------|---------------------------|
| U1 | 53 | 22 | 130 | 7 |
| U2 | 95 | 10 | 84 | 11 |
| U3 | 34 | 5 | 35 | 7 |
| U4 | 108 | 16 | 164 | 48 |
| U5 | 405 | 28 | 69 | 4 |
| U6 | 159 | 2 | 141 | 13 |
| Đơn vị T | 383 | (Phần mất súng nắm không được) | | |
| Cộng | 1.137 | 83 | 596 | 90 |

Các U và T loại địch ra ngoài vòng chiến đấu :

| | U1 | U2 | U3 | U4 | U5 | U6 | GLT | Chung |
|---------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|---------------|
| * Chết, bị thương không tách... | : | : | : | : | : | : | : | : |
| * Diệt chết ... | 484 | 1186 | 904 | 1499 | 2.690 | 825 | 1314 | 8.903 |
| * Bị thương ... | 507 | 1038 | 469 | 936 | 3318 | 918 | 1401 | 6.584 |
| * Bị bắt | 39 | 26 | 38 | 52 | 47 | 27 | 36 | 265 |
| * Tàn rã | 729 | 1391 | 424 | 2543 | 1457 | 1217 | : | 7.741 |
| Cộng | 1760 | 3641 | 1835 | 5675 | 7489 | 3138 | 1646 | 27.884 |

2/- Đấu tranh chính trị :

- Tuyên truyền giáo dục được 1742.670 lượt quần chúng vùng kìm, nắm được U1 41.800 lượt, U5 9.516 lượt người.

- 3 -

- Đấu tranh trực diện 3.378 cuộc, có 251.665 lượt quần chúng đấu tranh, 81.134 quần chúng tại xã, công nhân học sinh, sinh viên 800, 9.327 lượt quần chúng tôn giáo, U5 có 21.523 lượt quần chúng Khơ-ma, Sư sãi, U1, U2, U3 mang 117 kiến nghị trên 10.000 khẩu hiệu. Kết quả đấu tranh giành và buộc địch bồi thường 4.515.354 đồng, 150 gia đình không đời nhà vô sản chiến lược, thả 700 người bị bắt, không đi lính 500 thanh niên, không lập sưu 300 người, buộc địch phải bắt giam 30 tên nâng chục tên khác đổi đi.

3/- Bình vận :

- Gia đình bình sĩ được tuyên truyền giáo dục 31.714 lượt, U1, U2, U3 qua 4.000 gia đình di vận động con em, 20086 lượt gia đình đấu tranh. Bình sĩ được tuyên truyền giáo dục 10.013 lượt, U1, U2, U4, U5 có 3.962 lượt bình sĩ đấu tranh rã ngũ 7.723 bình sĩ, U1, U2, U3 rã 1.000 lính chủ lực, 400 lính bảo an, 900 lính dân vệ, chung mang ra 83 súng, 65.000 đạn, 736 lựu đạn.

- Xây dựng 622 cơ sở mới (thiếu U6) U1, U4, U5 mới được 175 mới cũ, U5 phát triển 49 nội ứng, U4 phát triển 13 nội-tuyên, chung có 121. Ở đây mẫu toàn năm được U1, U2 có 42 vụ, bắn chết 33 tên có 1 Mỹ, bị thương 72 có 1 Mỹ, 1 Bắc Chung Hy, bắt giam 75 tên.

✓- Xây dựng nông thôn :

- 222.343 lượt quần chúng tham gia xây dựng xã chiến-dấu, đào 432 ngàn 461 hẻm chông, công sự, 389 bãi chông, 6 triệu mủi chông, 95.000 mét bờ chiến đấu, 255.717 mét chiến-nào (thiếu U6) 15.000 hàng phi pháo, trồng cây cải tạo địa bình 574.429 cây các loại, Vũ khí thô sơ làm diệt chết 453 tên, bị thương 1.061 tên (chưa đủ) hằm 50 cây súng cây, 20 súng đất.

- Tuyên truyền được 214.316 quần chúng làm công tác phòng gian bảo mật, U2, U3, U4 phát hiện 48 vụ gián điệp, bắt giam 505 tên, xử tử 50 tên, quản chế 203 tên, thả 2.067 tên khác.

- U1, U2 cấp 7.000 công đất cho nông dân, U4 phục hồi 84.000 công, đào vét 444.942 mét kênh, đào 150.000 mét bờ, 2.340 đập công, U2 đào 727 cái đê sơ mỗi cái, U4, U5, U6 làm được 195.787 công lúa ba trắng, U2, U4, U6, U1 tăng 85 ngàn công hoa màu (đậu, khoai, mía, thuốc ...) U4 diệt 14 triệu con chuột, U2, U4, U5 lập 165 vạn vạt công, 5.000 vạn viên, Tương trợ lúa cho nhau (thiếu U3) 3.298 gia, tiền 1.091.603 đồng. Đảng bộ U4 xuất giúp gia đình nông dân lúc đói 296.900 đồng, U1 huyện ủy Giải rai mượn tiền hợp tác xã ruộng muối ba triệu đồng đem cho nông nghèo làm vốn, cắt cho nhân 1.500 cái nhà, cứu trợ nạn lụt U1 133.339 đồng, U2 600.000 đồng. B/án phụ thu công nông thương nghiệp thành đến nay trong T được 1.600.000 giá lúa, tiền 270 triệu đồng.

- 4 -

- Khai giảng 391 lớp 12.363 học sinh, 82 lớp bình dân học vụ 1.262 học viên, U2 đào tạo được 90 giáo viên. Khấn trừ bình 331.780 lượt quân chúng, an toàn ngoài 152.382 lượt, U1, U5 hết 8.000 thang thuốc Nam cho quân chúng, U2 mở 3 lớp y tá, U4 mở 1 lớp học sinh và 1 lớp y tá.

5/- Xây dựng thực lực :

- Tổng quân 2.398 thanh niên, phát triển 2.423 du kích ấp, 744 du kích xã, 344 du kích bí mật, U3, U6 134 địa phương quân V, U1, U3, U4, U6 phát triển 105 chiến sĩ về 3 B 1 A địa phương quân V, đưa về 0.112 100 thanh niên KP.

- Phát triển 1.012 đảng viên mới, 1.256 đoàn viên (U1 152 đảng viên, 126 đoàn viên; U2 122 đảng viên, 155 đoàn viên; U3 67 đảng viên, 136 đoàn viên; U4 253 đảng viên, 348 đoàn viên; U5 347 đảng viên, 488 đoàn viên; U6 71 đảng viên không nên được đoàn viên), 3.760 nông hội, 3.09 phụ nữ giải phóng, 1.173 thanh niên giải phóng, 300 thiếu niên tiền phong

- Tiến nạo :

+ Hy sinh 26 đảng viên (thiếu U6), bị thương biết được U3, U5 27 đảng viên, bị bắt 51 đảng viên (thiếu U6). Bị kỷ luật U1, U5 18 đảng viên (riêng U6 hy sinh 221 cơ sở, bị bắt 44 cơ sở mà không phân tách được bao nhiêu đảng viên, đoàn viên).

+ Hy sinh 56 đoàn viên (thiếu U6), bị thương 10, bị bắt 19, U5 bị kỷ luật 9 đoàn viên.

+ Đâu hàng 363 cơ 30 đảng viên, 13 đoàn viên (U2 1 152 có 5 đảng viên, có 1 huyện đoàn ủy viên), U4 108 cơ 16 đảng viên, 1 phó an ninh V, U6 57 cơ 3 đảng viên, U5 15, U1 7 cơ 2 đảng viên.

+ Chi ủy viên hy sinh 39, bị bắt 3 (có 3 bộ thơ chỉ bộ hy sinh, 1 bị bắt).

+ Huyện ủy viên hy sinh 9.

+ Tỉnh ủy viên hy sinh 1 và 1 phó An-ninh U.

Ngày 21 tháng 8 năm 1967
VĂN PHÒNG 2

SAC Y nguyên văn : Tài liệu số 50/TV-67 của V-P.

ĐỌC ĐIỂM tài liệu : Ban đánh máy số.

Nơi lưu trữ : Bộ Lưu trữ tại Văn phòng Đảng, H-G.

Người lưu trữ : Bộ tư liệu

Dán nhãn :

Số lượng : 6 bản

Ngày 20 tháng 05 năm 1965
BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG
Ban Tuyên giáo

Nguồn: [97] Báo cáo số 50/TV-67 ngày 21-8-1967 của Văn phòng Khu ủy về Số liệu 6 tháng đầu năm 1967, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 2E/1967, Cần Thơ.

3. Thông báo số 19/TB-68 (của Thường vụ Khu ủy) Bản kiểm thảo của Ti trong Hội nghị tháng 10-1968

Số: 19/TB-68.

**BAN H.C. L.S. ĐẢNG
HÀNG GIANG
LƯU TRỮ
Ký hiệu: 12E/1968**

BẢN LƯU

Gửi
Các Ủy, Thành ủy Cảnh sát,
Các Ban chuyên môn cấp T.

Chúng tôi sao gửi bản kiểm thảo của Ti để sinh hoạt trong UI,
Thành ủy, Ban chuyên môn cấp T, đóng góp ý kiến cho TI, sau đó hủy bản
văn này và báo cáo cho TI biết.

Ngày 6 tháng 12 năm 1968.
T/H TV-TI
5 Nam.

**BẢN KIỂM THẢO CỦA TI
trong Hội nghị tháng 10-68.**

Trong hội nghị tháng 7-68, TI đã kiểm điểm việc nắm đường lối
chủ trương nghị quyết của Đảng và vận dụng trong tình hình địa phương
qua đó TI đi sâu kiểm điểm nhận thức tư tưởng.

Trong hội nghị này, TI tiếp tục giải quyết các vấn đề trên để
càng quan triệt và khẩn trương nỗ lực cao độ cùng Đảng bộ thực hiện
chờ kỳ được trong thời gian sắp tới quyết tâm của C, C112. Qua đó theo
sự hướng dẫn của C112, TI đi sâu kiểm điểm về tổ chức lề lối làm việc
để củng cố nguyên tắc tổ chức Đảng của giai cấp công nhân, để tăng
cường hơn nữa tính Đảng, tính tổ chức trong TI và Đảng bộ trước cuộc
chiến đấu rất ác liệt và phức tạp giành thắng lợi quyết định trước mắt.

I. TƯ TƯỞNG.

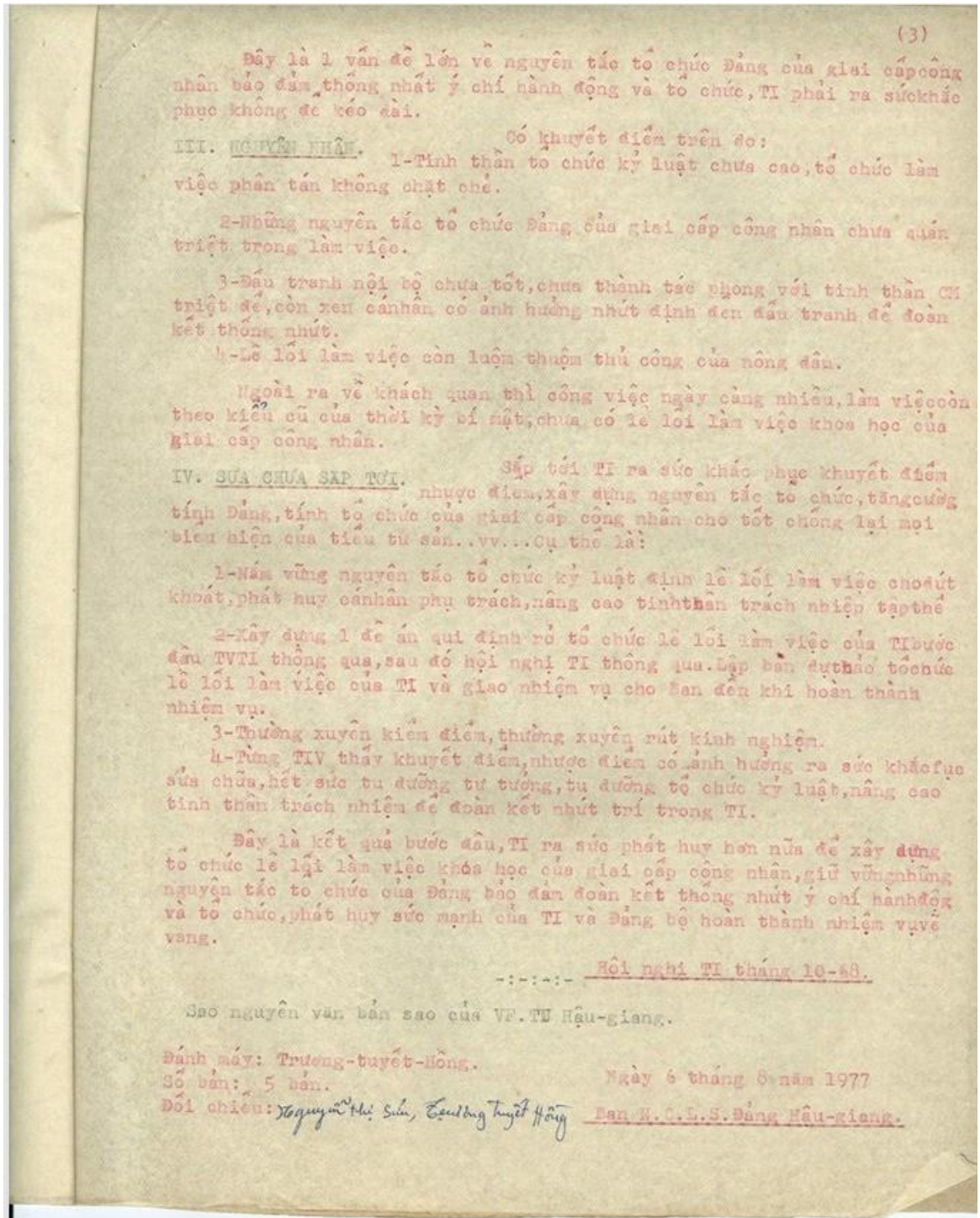
Qua 1 số chủ trương như là về quan sự, kinh tế tài chính, tăng công
và xây dựng, dân vận, chính sách cán bộ, đánh giá tình hình...vv... trong
TI có tình hình chưa như trí với nhau, có diễn đi diễn lại và kéo dài
trong TI, trong TWPI, từng TIV và giữa TI với các ngành và bên dưới. Tình
hình đó biểu hiện trong các mặt như sau:

1- Đấu tranh để đoàn kết thống nhất và chỉ có đấu tranh với đoàn kết
thống nhất được thì việc đấu tranh nội bộ chưa thường xuyên với tính
thần triệt để cách mạng.

Trong nội bộ TI hàng ngày không được cởi mở, tác thành hay không
tác thành phát biểu ý kiến không rõ, thấy đâu phát biểu đó cũng thiếu

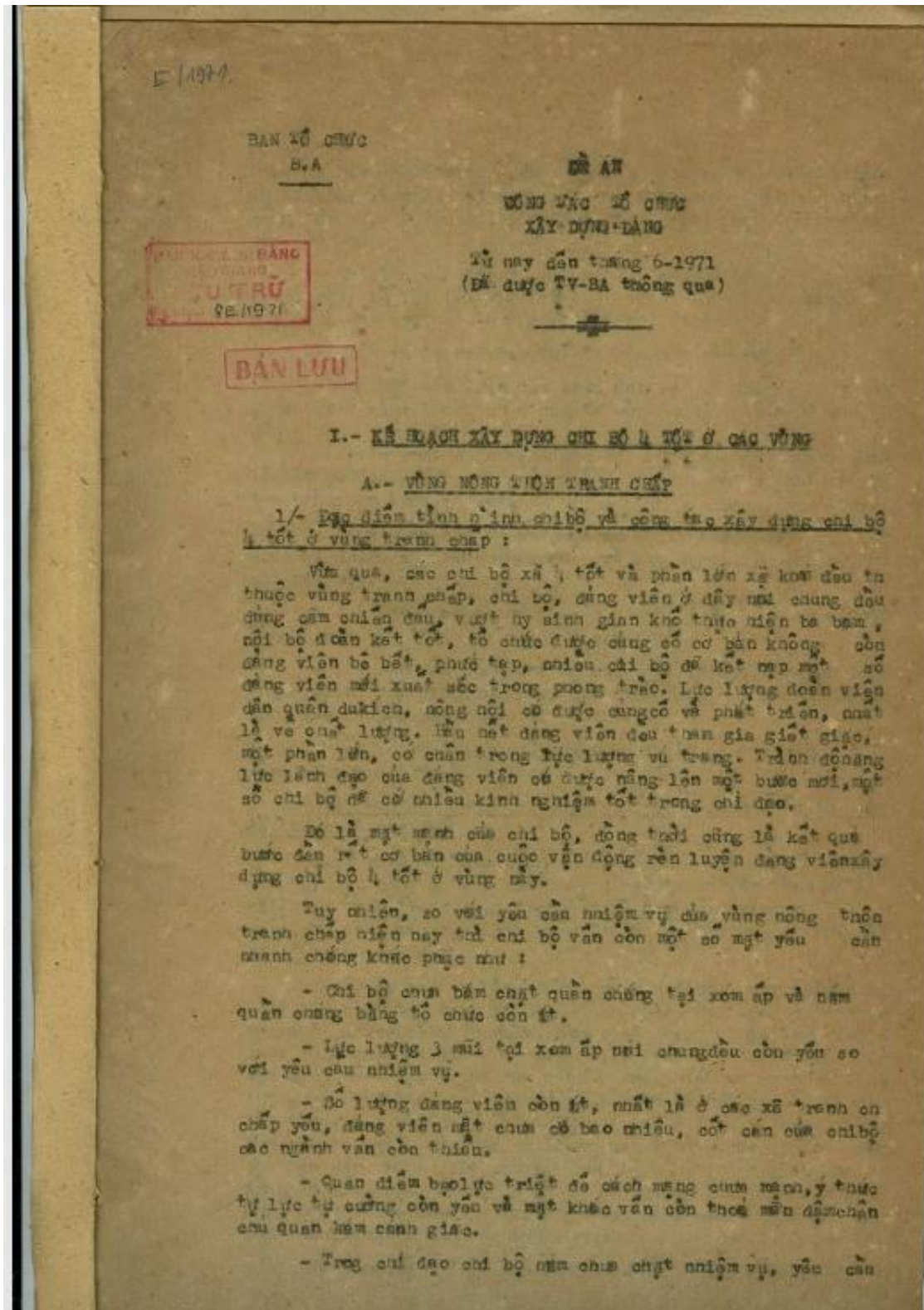
Thái độ đối với nhau có dè dặt càng dè dặt hơn khi thấy thái độ
đồng chí khác có nóng nảy, cay cú. Những đ/c có trách nhiệm trong TI
chưa có thái độ dè xep, có nóng vội, chưa tiếp thu tốt ý kiến các đ/c khác

Đối với 1 số vấn đề tồn tại lâu cũng thiếu đấu tranh triệt để dứt
khoát, có tiêu cực cơ thủ.



Nguồn: [113] Thông báo số 19/TB-68 (của Thường vụ Khu ủy): *Bản kiểm thảo của Ti trong Hội nghị tháng 10-1968*, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 12E/1968, Cần Thơ.

4. Đề án công tác tổ chức xây dựng Đảng từ nay đến tháng 6-1971 (Đã được TV-BA thông qua) (Trích)



- 2 -

bước đi từng thời gian, nắm chắc vững phương châm một nhiệm vụ, hai lực lượng, hai phương thức, nhẹ nhàng trao chính trị công tác BV, AN trong khi đó tài liệu lượng hoạt động vượt vắn còn thấp.

- Chỉ bộ chưa thông suốt một số nguyên tắc chế độ về sản xuất, lệ lối làm việc và đấu tranh trong Đảng. Đang viên thụ động cấp uy, bất thường nhiều, chất thấp.

- Diện xã tranh chấp nhỏ ta yêu này còn lớn.

Những mặt yếu trên đây phản ánh sự chỉ đạo xây dựng chỉ bộ 4 tốt ở vùng tranh chấp của ta còn những thiếu sót sau đây :

- Triển khai cuộc vận động tại vùng này còn chậm, như là đối với các xã tranh chấp nhỏ ta yêu do một số chỉ bộ bị tổn thất tạm thời sa sút.

- Chưa giúp chỉ bộ đề được nhiệm vụ trước mắt, yêu cầu bước đi chính xác từng thời gian và vận dụng tiêu chuẩn 4 tốt cho phù hợp.

- Chỉ đạo chuyên phương châm phương thức tổ chức vận động không kịp thời cho các nơi cần thiết.

- Chỉ đạo xây dựng chỉ bộ chưa toàn diện, công cơ Đoàn Thanh niên chưa đúng yêu cầu, các đoàn thể, ban ngành chuyên môn biến chuyên còn chậm.

- Một số xã tranh chấp nhỏ có nhiều kinh nghiệm tốt, cũng chưa được kịp thời tổng kết phổ biến.

2/- Yêu cầu xây dựng chỉ bộ 4 tốt vùng tranh chấp từ nay đến tháng 6 năm 1971 :

Xuất phát từ tình hình trên, để thực hiện nghị quyết của BA, vận dụng 4 tiêu chuẩn xây dựng chỉ bộ vào tình hình nhiệm vụ vùng tranh chấp trong ", từ nay đến tháng 6/1971 cuộc vận động xây dựng chỉ bộ 4 tốt ở vùng tranh chấp phải đạt các yêu cầu sau đây :

a)- Trong bất cứ tình huống nào, chỉ bộ, đảng viên cũng phải bám chặt địa bàn, bám chặt quần chúng bằng mọi phương thức nắm quần chúng bằng tổ chức, nắm chặt công cụ báo lực cách mạng (Đàn quân du kích, An ninh ...) phát huy thế tiến công sức mạnh tổng hợp 3 mũi của quần chúng, diệt và đánh rã lực lượng kẻ thù tại chỗ, ngăn chặn làm triệt hại năng lực lượng cơ quan, bao vây địch thành "đòn trời" dựa quần chúng từng bước giành, giữ, mở rộng và không ngừng củng cố quyền làm chủ tạo cơ sở địa phương tiến lên, dứt điểm giải phóng từng ấp đến nhiều ấp, triển cơ sở các phong trào để mà xây dựng phát triển thành công thực lực cách mạng các loại làm cho lực lượng ta hơn hẳn lực lượng địch tại cơ sở.

b)- Bằng một quyết tâm sinh tử giành từng người dân, m

- 3 -

nhất là thanh niên với quyết không để chúng bắt lính boga sử dụng cơ lợi cơ chúng, tranh thủ mọi điều kiện của quân ch chúng đấu tranh giành giật quyền lợi hàng ngày với địch, chăm sóc mọi lợi ích vật chất tinh thần của quân chúng bằng mọi cách thích hợp nhất, phát huy tinh thần hi sinh cấp, sống chết có nhau trong sản xuất, chiến đấu đưa vào các tổ chức bên hợp pháp, hợp pháp của quân chúng làm phương tiện thể hiện rộng rãi, do các tổ chức cách mạng làm công cốt cơ vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Các cấp uỷ không ngừng củng cố mối quan hệ giữa chi bộ với quân chúng.

c)- Trên cơ sở quan triệt vị trí, tính chất, nhiệm vụ của vùng tranh chấp qui định trong nghị quyết Bả tháng 9-1970, cần chú trọng quan cụ thể ta địch, chi bộ đề nhiệm vụ, yêu cầu bước đi và sức từng thời gian 3,4 tháng cho xã, phân phối nhiệm vụ chính xác cho từng ấp, hướng dân lập kế hoạch, giúp ấp triển khai tổ chức thực hiện có kết quả tốt, trên cơ sở đề mà nâng trình độ các mặt của chi bộ, các ban ngành chú ý khắc phục khâu đang yếu là công tác dân vận và việc vận động phương châm một nhiệm vụ, hai lực lượng, 2 phương thức.

c)- Ra sức phát triển nhanh chóng lực lượng đảng viên mới người tại chỗ, chú ý trong nữ, thanh niên cơ bản, lập tiên tổ, chi bộ mặt ở tất cả các ấp cơ yếu cầu, chuyển chỉ bộ xã thành tổ chức cơ sở, cơ xã ủy nơi đủ điều kiện, tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng chất đảng viên thông qua chương trình học tập đã qui định, bồi dưỡng giáo dục đủ cốt cho chi ủy, xã ủy, lực lượng dân quân du kích, đoàn Thanh niên, nông hội ... dạy mệnh lệnh binh tự phê bình, giữ vững sinh hoạt chi bộ, đưa toàn thể đảng viên lên cương vị một tự giác tham gia rèn luyện tốt có nề nếp, chất lượng ngày càng cao.

Mô lực chúng nhằm phân đấu đưa 2 phần tổng số chi bộ xã tranh chấp hiện nay đạt cơ bản 4 tốt, số còn lại phần lớn là chi bộ khá, một số ít chi bộ trung bình, không còn chi bộ kém trong vùng này.

3/- Kế hoạch thực hiện :

a)- Phát động nâng cao chất lượng từ rèn luyện và xây dựng chi bộ 4 tốt trong cấp ủy, cán bộ, đảng viên :

- Tất cả các chi bộ, đảng viên vùng tranh chấp, kể cả lễ và mặt đều phải được chính huấn tài liệu rèn luyện đảng viên xây dựng chi bộ 4 tốt. Yêu cầu phải đạt được như đã nêu trong phân phát động cho vùng giải phóng.

- Đối với các chi bộ, đã đạt tiêu chuẩn 4 tốt hoặc khá cần làm cho các đồng chí không định kết quả của cuộc vận động xây dựng chi bộ 4 tốt đã tạo nên thành tích cho chi bộ, đồng thời cũng sơ kết đánh giá cho thấy vì ta rèn luyện của thật đáng bài bản, nhất là khâu đảng viên tự rèn luyện, nên kết quả

- 4 -

chưa cao, thậm chí còn một số mặt yếu kéo dài cần phải tiếp tục rèn luyện sâu sắc chặt chẽ hơn để khắc phục tiến lên hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống không dậm chân thụt lùi với kết quả đạt được.

- Đối với chỉ bộ tuy đã có tiến triển xây dựng 4 tốt nhưng cần biến chuyển mạnh, cần làm cho các đồng chí này ngay lập tức do ta còn nhiều thiếu sót trong chỉ đạo do ra sức sửa chữa để phòng ngừa nguy hiểm tiến rèn luyện có kết quả, thiếu kiên trì, né tránh, giảm sút quyết tâm thực hiện những khó khăn bước đầu.

b)- Thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu bước đi theo nhiệm kỳ Đại hội nêu rõ chỉ tiêu các mặt công tác thành nội dung đồng kỳ xây dựng 4 tốt của chỉ bộ.

- Căn cứ yêu cầu xây dựng chỉ bộ 4 tốt vùng tranh chấp đã nêu trên.

- Căn cứ tình hình sơ kết được vận động qua đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của từng chỉ bộ trước loaïi tranh chấp để ta mạnh hay yếu.

- Căn cứ tình hình mọi mặt diện ta lúc đó, có thể đoán tình huống xấu tốt có thể xảy ra mà nêu mục tiêu phấn đấu và thời gian 3 hay 4 tháng đồng thời có rút ra kế hoạch thực hiện cụ thể từng tháng.

- Chỉ bộ lộ số lượng có thể nộp toàn thể, nếu đồng hợp chỉ ủy, xã ủy mở rộng, sau đó để nộp tổ này chỉ bộ nhỏ cho một đảng viên thông qua thành nghị quyết của Đảng bộ.

- Nơi có hai lực lượng thì nộp đảng viên mặt theo đơn vị đã tập hợp để thu thập ý kiến trước và triển khai nghị quyết sau hội nghị chỉ ủy, xã ủy do chỉ ủy viên, xã ủy viên phụ trách hướng dẫn. Số đảng viên nộp đơn tuyên cũng được phổ biến đầy đủ.

Phải tôn trọng ý kiến đảng viên, chỉ bộ mặt với số này đang bán sát quần chúng hơn nhưng cũng phải cần nhắc kỹ để phòng có ý kiến ngại ngại căng thẳng, tạo thế hợp pháp mà không dậm bụng mạnh phong trào lên.

Nghị quyết của Đảng bộ là một tiêu chuẩn của 2 loại chỉ bộ, đảng viên nhưng chỉ ủy, xã ủy cũng cần hướng dẫn rõ ngoài quan điểm yêu cầu chung, mỗi loại lực lượng phải nắm chắc yêu cầu nội dung nhiệm vụ chủ yếu của mình trong thời gian để đề ra lực phấn đấu hoàn thành.

c)- Thực hiện nhiệm vụ của Tổ đảng, chỉ bộ ấp, đảng viên (3) (lộ và mặt) của ban chấp hành chuyên môn hướng dẫn đồng kỳ rèn luyện, xây dựng 4 tốt hoặc theo tiến quân cũng có Ban chấp hành do cấp trên quy định.

- Nếu Đảng bộ hiện gồm toàn thành phần lộ mặt thì vận

- 5 -

đang còn làm như vùng giải phóng nhưng qui mô tập hợp nhỏ, thích hợp với điều kiện căn cứ từng xã.

- Nhiệm cơ đảng viên, tổ hay chi bộ mất thì chi ủy, xây phải phân công cấp ủy viên phụ trách có thời gian trên tay đối thường làm nhiều căn bộ lo biệt đảng viên mất. Chi ủy xã ủy nên bên trước một mức độ những công việc chính, yêu cầu từng thời gian sắp giao cho đảng viên, tiêu tổ hay chi bộ mất vì khả năng, hoàn cảnh, tương quan ta địch trước phạm vi đảng viên, tiêu tổ hay chi bộ ủy phụ trách để đồng chí chi ủy viên, xã ủy viên mang ý kiến tập thể đến giao nhiệm vụ cho bên dưới.

Giao nhiệm vụ đến đâu kết hợp phát động ý nghĩa, yêu cầu, tiêu chuẩn 4 tốt đến đó và góp ý cho đảng viên đứng ký vào phát huy tự giác của đảng viên và coi trọng sự hướng dẫn của tập thể hay căn bộ phụ trách (vì đảng viên mất thường trình độ kém) tránh gò ép, phải đi từ thấp rồi từng bước nâng lên trong quá trình rèn luyện.

Cán bộ, đảng viên phụ trách các ban ngành chuyên môn đoàn thể xã áp nhận nhiệm vụ của chi bộ giao về triển khai lại cho ban ngành, đồng thời cũng phải hướng dẫn Ban ngành các công việc trong thời gian đó, dựa theo những ưu khuyết của mình sẽ hạ quyết tâm rèn luyện xây dựng theo tiêu chuẩn đã được quy định cho từng Ban ngành.

Các Ban Cán sự, Ban chấp hành đoàn thể, Ban chuyên môn ở ấp, xã chưa lộ mặt phải được giao nhiệm vụ riêng do căn bộ cơ quan quyền phụ trách.

d) - Quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ là quá trình rèn luyện, sơ kết, bình chọn công nhân đảng viên, tiêu tổ, chi bộ 4 tốt và các Ban ngành đạt 4 tốt tiêu chuẩn của Ban ngành :

- Nguyên tắc là lối tổ chức thực hiện nghị quyết Đảng bộ đứng ký của đảng viên, cách bình chọn công nhân đảng viên chi bộ 4 tốt cơ bản giống như đã hướng dẫn cho vùng giải phóng nơi trên, nhưng khi vận dụng vào vùng tranh chấp cần chú ý các vấn đề cụ thể sau đây :

* Xã ấp đã hình thành hai loại lực lượng triển khai nắm quản chúng theo hệ riêng thì phải triển khai riêng do sự thống nhất quản lý và điều khiển hợp đồng khi cần thiết của xã ủy, chi ủy.

* Nơi nào Ban ngành xã gồm hầu hết là căn bộ lộ mặt, nội bộ và triển khai theo hệ dọc xuống áp như khu thì nên phân công số ủy viên BCH đoàn thể, Ban chuyên môn xã bản ấp, ban ban cán sự, Ban chuyên môn ấp haycott căn, nông cốt làm việc dưới sự cầm sóc của Tổ Đảng, chi bộ ấp, dân dân bởi đường đặc tạo căn bộ không lộ thuộc Ban ngành mình qua thủ

thành ở ấp, cần nhắc một số cứng cỏi với sự phát triển của tổ chức mà lập ban chấp hành đoàn thể hay Ban chuyên môn xã không lơ mơ (cách này nên chú ý áp dụng cho xã tranh chấp thể ta yêu).

4 Về báo công bình chọn tài đức đảng viên, chỉ bộ lộ tiến hành như kiểu cách quy định cho vùng giải phóng, đảng viên, tiểu tổ, chỉ bộ một số báo công và bình chọn riêng. Trước khi hưởng dân báo công tại tiểu tổ hay chỉ bộ mặt, đồng chí cấp ủy viên phụ trách phải nhắc lại nhiệm vụ chung của ấp, xã trong thời gian đó, những thành tích của bộ phận lộ mặt đã làm được so với yêu cầu nhiệm vụ chung để tiểu tổ, chỉ bộ mặt nắm được tình hình, làm cơ sở đánh giá sự chuyển biến ấp xã mà mình có trách nhiệm chung một mục tiêu và cũng dựa vào đăng ký mà tự phong ^{tiết}.

Khi báo công và trên để xét duyệt công nhận phải giữ bí mật cho số đảng viên mặt.

e) - Ban nhất yêu cầu nhiệm vụ, tăng cường công tác huấn luyện tư tưởng, nâng chất đảng viên, bồi dưỡng đào tạo cốt cán của chỉ bộ nhất triển nhiệm chống đảng viên tại chỗ lập tiểu tổ, chỉ bộ mặt ở tất cả các ấp có yêu cầu :

1- Công tác huấn luyện tư tưởng, nâng chất đảng viên :

- Giáo dục tính chất, mục đích của Đảng, kết tiết công sản chủ nghĩa cho đảng viên, xây dựng lập trường chiến đấu tới cùng, bản thủ dứt khoát, chống cái anh cơ thủ, nịnh-khuynh thối nản dậm chân tại chỗ, mất cảnh giác.

- Giữ cố quan điểm quần chúng, đi đường lối quần chúng trong công tác (cụ thể là theo đúng 5 bước) biểu hiện tình, bám, dựa tổ chức quần chúng, cùng quần chúng và lãnh đạo quần chúng đánh địch 3 mũi giáo tại xóm ấp (có thái độ đánh giá đúng đối với quần chúng đạo giáo, gia đình binh sĩ, phòng vệ dân sự, quần chúng công nhân ra vùng địch ...)

- Làm cho cán bộ, đảng viên nắm vững phương châm một nhiệm vụ, hai lực lượng, hai phương thức ở vùng nông thôn kèm để vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của xã.

- Bồi dưỡng nhân thức nội dung cơ bản các chính sách ruộng đất, dân tộc, tôn giáo, ~~V&P~~ BV ... tùy yêu cầu cần triển khai của mỗi địa phương.

Biện pháp giáo dục nâng chất đảng viên chính là dựa vào phê tự phê trong sinh hoạt lễ, sơ tổng kết công tác, bình chọn 4 tốt phổ biến gương người tốt việc tốt, đồng thời phải trên thủ tổ chức học tập các tài liệu qui định cho đảng viên từ nay đến tháng 6 năm 1971.

2- Bồi dưỡng đào tạo cốt cán cho chỉ bộ, Đoàn thanh niên,

- 7 -

lực lượng Đền quân du kích, nông hội, an ninh :

- Trên cơ sở phát động cho mọi đảng viên và cán bộ quần chúng rèn luyện theo các tiêu chuẩn của tổ chức nêu ra, đi đôi với phát động học hỏi tài liệu cơ bản qua thực tiễn làm nhiệm vụ của bộ chọn trong số tích cực, chú ý những người còn trẻ, nữ, chưa lộ mặt, thuộc thành phần cơ bản (cô, bác và trung nông dưới) phân công kèm cặp hoặc tổ chức tập huấn những tài liệu, kinh nghiệm cần thiết phục vụ cho nhiệm vụ đang làm hoặc nâng lên khi cần nhắc vào nhiệm vụ mới quan trọng hơn.

Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng phải thành nghị quyết của Đảng bộ để mọi người tích cực chấp hành. Cần được giao kèm cặp người khác phải báo cáo kết quả công tác trong các cuộc báo công bình chọn 4 tốt.

Phải nghiên cứu nắm vững và chọn đào tạo nhóm số tổ trưởng hoặc bí thư các chi bộ mật.

3- Nhiệm vụ phát triển đảng viên tạo chỗ lấp Tô Đảng chi bộ mật ở các ấp cơ yếu cấu trong xã :

- Phải kiểm tra lại tình hình cơ sở tất cả các ấp trong xã nhất là những ấp đang bị kèm, đối chiếu với yêu cầu nhiệm vụ để có quyết tâm cơ thể phát triển bao nhiêu đảng viên từ nay đến cuối tháng 6/1971 gắn liền với việc xây dựng cơ sở quan trọng các loại nhất là nông hội, thanh niên, Đoàn du kích, An ninh.

- Tập huấn cho số đảng viên lộ mặt hoặc nơi nào nên có đồng tài chọn ra một số đồng chí có kinh nghiệm công tác cơ sở, biết cách xây dựng cơ sở, phát triển đảng viên trong tình hình mới của địa phương, triển khai bám trụ vào từng ấp để công tác và chi bộ phải kiểm tra sát giúp đỡ từng bước để khi làm nhiệm vụ.

Sau khi cán bộ điều tra phân loại quần chúng, chi bộ, tiêu tổ nay chi ủy phải báo cáo tình hình tập thể xét chi điểm đối tượng để bắt rả (thành phần cơ bản, quan hệ xã hội tốt, quần chúng thường mến tin cậy...) phát động giao việc, nâng cao thủ tục để kết nạp vào Đảng.

Đối với số cơ sở cũ mới liên hệ lại cũng như phải được tập thể xét chi điểm tập trung chủ động bồi dưỡng những đối tượng nào đảm bảo kết nạp chứ không phải liên hệ giao việc chúng chúng chờ ai thuê làm vô.

- Ấp cơ sở đảng viên phải phân công đảng viên phụ trách công tác thành niên xây dựng chi đoàn 4 tốt để chèo đò bồi dưỡng kết nạp đảng viên trẻ. Đồng thời phải nắm chặt lực lượng Đoàn quân du kích cơ sở tổ chức và hoạt động của nó để tuyên truyền kết nạp vào Đảng thành phần trực tiếp tham gia trong chiến đấu.

- 8 -

- Phải quán triệt yêu cầu tăng số đảng viên trẻ, nữ, người tài giỏi, thành phần cơ bản ngay trong ý đồ chỉ đạo xây dựng kế hoạch phát triển Đảng cho từng xã ấp, trong điều tra phát hiện và chọn đối tượng, hướng xuyên kiểm tra tìm ra thiếu sót để khắc phục sớm.

- Trong khi đẩy mạnh phát triển Đảng cần tiếp tục thực hiện tốt các vấn đề khác và tổ chức như giải quyết đến không còn đảng viên bê bối, phức tạp, tiến hành bầu cử dân chủ tổ trưởng, tổ phó, chi ủy, xã ủy đúng nhiệm kỳ, phân bố đảng viên đảm bảo quan công quan tổ chức, công đảng viên, nông công viên theo nhu cầu công xây tại dân do tổ chức hướng dẫn quản công đến tranh tại chỗ tiến lên bước về bản địa sản xuất, diển đấu.

Nơi số đủ điều kiện cần thành lập xã bộ, cơ xã ủy và lập chi bộ ở mỗi ấp. Nếu ấp cần và có đủ 2 loại đảng viên để lập chi bộ thì lập 2 chi bộ ấp do xã ủy viên phụ trách. Có gắng đào tạo để bổ sung chi ủy viên, xã ủy viên chưa lộ mặt. Đối với xã tranh chấp thế ta yếu, đảng viên lộ quá ít hoặc chưa bán được vào xã tại khi trong xã có từ 3 đảng viên một trở lên nên tập hợp lập chi bộ (tính chi là chi bộ cơ sở xã) và trường hợp này phải có VIV hay cấp bộ VI có năng lực được VV ủy quyền phụ trách 2 chi bộ lộ và mặt của xã. Cả 2 chi bộ đều có nhiệm vụ lo sản công dịch, xây dựng ta chung cho toàn xã. Đặc biệt chi bộ mặt phải nắm vững phát triển để lập tổ Đảng ở mỗi ấp.

b) - Chỉ đạo của cấp trên

- Phải phân công cấp ủy viên và cán bộ có năng lực tập trung vào loại chi bộ vùng này nhằm yêu cầu về phát huy vai trò các xã diện hình tốt diện này làm lễ ở đầu của địa phương giúp các chi bộ tiến lên đều bằng cách chi ủy viên cho những nơi thiếu cốt lãnh đạo và đặc biệt tăng cường VIV các bộ U, V giỏi phụ trách xây dựng đại hạn cho những xã tranh chấp thế ta yếu và các chi bộ đảng lý xã.

- Cấp bộ hay cấp ủy viên phân công đi đâu phải được tập huấn kỹ về chi bộ lý tốt và các tài liệu cần thiết khác về chi đạo công tác cơ sở.

- Qua từng thời gian sơ kết kinh nghiệm địa phương tổ chức tập huấn nâng lên cho bá chủ, phụ tá chi bộ và các chi bộ trên đi xây dựng chi bộ vùng này.

- Chỉ đạo của VI, UI phải bồi dưỡng và phát huy tạo dựng chế chi bộ diện hình tốt hoặc những diện hình tốt từng mặt công tác hay từng khâu giải quyết đang kẹt tại các chi bộ cùng loại để kịp thời phân biến vận dụng đúng để lường lường, sự yên lâu.

- Tất cả các bộ trên xuống công tác đều phải tham gia rèn luyện lý tốt với chi bộ địa phương.

C.- VÙNG NÔNG THÔN BI KÈM1/- Vài nhận xét về chỉ bộ vùng nông thôn bị kềm hãm nay

Các chỉ bộ xã vùng nông thôn kềm hãm đều có quyết tâm bám trụ địa bàn, chịu đựng và vượt qua nhiều hy sinh gian khổ để làm nhiệm vụ. Một số chỉ bộ đã điệt ác phá kềm tạo thế thuận lợi đưa quân chúng giành quyền làm chủ từng mức độ, qua đó mà gây dựng, phát triển được cơ sở tại chỗ. Chất lượng đảng viên mới chung kể cả số và mặt đều tốt. Chỉ bộ, cán bộ, đảng viên được quần chúng tin yêu, mến phục.

Nhưng so với yêu cầu nhiệm vụ vùng này thì chỉ bộ hiện nay đang rơi yếu yếu nhiều nơi như trên các mặt sau đây :

- Một chưa chặt nội dung nhiệm vụ chỉ bộ vùng kềm, tình hình chính gia địa phương, bung ra chưa mạnh, thiếu tin quần chúng, rông chờ y lại.

- Lực lượng quần chúng có tổ chức ở cơ sở còn quá ít, nhiều ấp còn chưa có.

- Đảng viên rải ít, đa số lại lộ mặt bám không chặt trong quần chúng bị nhiều hạn chế trong hoạt động. Một số xã không có đảng viên ngời địa phương và hiện nay vẫn còn một số xã chưa có chỉ bộ, chưa có đảng viên hoặc chỉ bộ lý xa. Trình độ năng lực của đảng viên còn rất kém, nhất là công tác tổ chức quần chúng và không thông phương cầm phương thức hoạt động vùng kềm.

Thời gian qua cuộc vận động xây dựng chỉ bộ tốt đang triển khai được cho vùng này bao nhiêu, một phần do tình hình khó khăn, một phần chỉ bộ còn lúng túng trong vận dụng tiêu chuẩn với nhiệm vụ cụ thể, hoàn cảnh cụ thể của mình, chưa thể thông biến pháp nhưng chủ yếu là do nhận thức và hành động chưa đúng mức chưa gắn chặt cuộc vận động rèn luyện đảng viên, xây dựng chỉ bộ tốt với việc thi hành nhiệm vụ chính trị của chỉ bộ, cấp trên chưa quan tâm chỉ đạo đúng mức vùng này.

2/- Yêu cầu xây dựng chỉ bộ tốt vùng nông thôn kềm từ nay đến tháng 6 năm 1971 :

- Bằng mọi cách gây dựng cho có các loại cơ sở cách mạng (đoàn thể giải phóng, dân quân du kích, quần viên, đảng viên) đều khắp các ấp, làm cơ sở bám chặt trong quần chúng đấu tranh với địch từ thấp đến cao.

- Đưa phong trào đấu tranh chính trị với những khẩu niệm đến sinh dân chủ từ thấp đến cao kết hợp với vận động làm tan rã, nã và khống chế các lực lượng kềm kẹp, bình đẳng liên địch di đối với hoạt động của các lực lượng vũ trang bí mật, lộ và vũ trang tuyên truyền điệt ác phá kềm đưa quần chúng giành quyền làm chủ từng mức độ và không ngừng nâng lên.

- 10 -

- Làm cho chi bộ, đảng viên nắm được phương châm một nhiệm vụ, hai lực lượng, hai phương thức tại vùng nông thôn kèm, qua hoạt động nâng ngay mà nâng dần trình độ vận dụng phương châm này nhuyến vào các mặt công tác tổ chức và hoạt động của các đoàn thể quần chúng, lực lượng dân quân du kích phát triển đoàn viên, đảng viên, xây dựng chi đoàn, chi bộ lộ và mặt.

- Giữ vững sẵn sàng chi bộ, thực hiện phê tự phê, nâng cao giác ngộ tính chất Đảng, giáo dục nhân sinh quan cách mạng, khí tiết công sản cứu nghĩa, củng cố quan điểm quần chúng và đi đường lối quần chúng trong công tác đảng viên, chi bộ, ra sức phát triển nhiều đảng viên tại chỗ, lập chi bộ xã bộ gồm 2 loại đảng viên lộ và mặt đảm bảo tồn tại mọi tình huống trong quần chúng để từng bước tiến lên hoàn thành nhiệm vụ.

3/- Kế hoạch thực hiện :

a)- Phát động cho đảng viên, chi bộ có nhiệt tình tham gia rèn luyện 4 tốt :

* Khi chính muốn phát động tài liệu chi bộ 4 tốt cho đảng viên, chi bộ vững kèm ngoài các yêu cầu phải đạt đầđều cần chú ý thêm :

- Làm cho đảng viên, chi bộ xác định rõ tầm nhìn nh nhiệm vụ càng khó khăn phức tạp chừng nào lại càng phải tích cực rèn luyện 4 tốt chừng này. Dù phải hoạt động riêng lẻ một mình người đảng viên cũng vẫn rèn luyện 4 tốt được.

- Đối với số cán bộ, đảng viên được bọn địch cày, gây dựng cơ sở cũng phải được phát động kỹ và rèn luyện đảng viên, xây dựng chi bộ 4 tốt và đăng ký khi nhận nhiệm vụ.

- Trong rèn luyện 4 tiêu chuẩn hiện nay đảng viên ở vùng nông thôn kèm nên tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây :

. Kiên định lập trường quyết chiến quyết thắng kẻ địch trong bất luận tình huống nào.

- Kháng định lòng tin vào thắng lợi của cách mạng, vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sức mạnh của quần chúng, quyết tâm phục vụ quần chúng và phát huy tự lực tự cường mạnh.

- Kiên quyết bám trụ chắc trong quần chúng, nắm khâu dân vận làm gốc, gây cho được các loại cơ sở cách mạng.

- Nắm vững và biết vận dụng phương châm một nhiệm vụ hai lực lượng, hai phương thức.

- Rèn luyện tác phong khẩn trương, táo bạo, vững chắc

b)- Xác định nhiệm vụ, nêu yêu cầu chỉ tiêu phấn đấu cấp mặt trong từng thời gian nhằm nội dung đăng ký xây dựng 4 tốt của chi bộ :

- 11 -

Trên cơ sở nắm vững tính chất vị trí vùng kèm, quán triệt nhiệm vụ chính trị của chi bộ, nắm vững các yêu cầu kỹ thuật xây dựng chi bộ 4 tốt vùng nông thôn kèm hướng dẫn trên đây, cần cụ thể hình thành ra định cụ thể tại địa phương mà đề ra nhiệm vụ trước mắt thời gian 3 tháng và yêu cầu bước đi từng tháng cho chính xác.

Nếu đảng bộ xã có hai lực lượng lộ và mật thì phải bàn kỹ những yêu cầu công việc cụ thể của từng loại trong thời gian đó để mọi lực lượng có cơ sở phấn đấu rèn luyện 4 tốt.

Nếu chi bộ ít đảng viên (không có tổ Đảng) thì sau khi đề nhiệm vụ 3 tháng làm mục tiêu phấn đấu thì lập ngay kế hoạch 1 tháng và chương trình công tác 10 hay 15 ngày giao luôn nhiệm vụ cụ thể cho mỗi đảng viên.

o) - Tiến cực nhanh chất đảng viên, bồi dưỡng đào tạo cốt cho chi bộ, đẩy mạnh phát triển đảng viên, xây dựng tiêu tổ chi bộ mới để có đủ thực lực đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.

*** Nâng chất đảng viên :**

Nâng cao đảng tính, nhận thức cơ bản về Đảng và quan điểm quần chúng, về phương châm, phương thức công tác vùng kèm bằng cách phê tư phê trong thức tế công tác, trong sinh hoạt chi bộ, bình chọn đảng viên, chi bộ 4 tốt.

Ngoài ra còn phải cố gắng tổ chức học tập các tài liệu phục vụ cho những yêu cầu nội dung trên do Quốc-Học quy định và hướng dẫn.

*** Bồi dưỡng đào tạo cốt cho chi bộ :**

- Lấy nâng chất đảng viên làm cơ sở, đồng thời bồi dưỡng thêm những vấn đề cần thiết như công tác Tổ Đảng, công tác chi ủy, chi ủy viên, nhiệm vụ chức trách Bí thư chi bộ, v.v...

- Ngoài việc chọn trong số đảng viên hiện có những đồng chí tích cực nhất nhằm đồng chí trẻ, nữ, thành phần cơ bản để bồi dưỡng còn phải có ý thức lâu dài quán triệt ngay khi phân loại quần chúng bắt rễ để phát động giao việc bồi dưỡng, bám chặt nâng chất đến kết nạp đảng viên mới và tiến lên để bắt thành tổ trưởng, chi ủy viên, bí thư chi bộ khi tổ chức phát triển. Chú ý giữ thế tồn tại không lộ mặt cho số cốt được đào tạo.

* Đẩy mạnh phát triển đảng viên tại chỗ, xây dựng tiêu tổ chi bộ mới ở từng ấp :

- Nơi từ trước đến nay chưa có cơ sở thì cán bộ, đảng viên phụ trách qua điều tra phân loại quần chúng, bắt rễ đúng vào đối tượng tốt, thành phần cơ bản, phát động giai cấp, dân tộc giao nhiệm vụ từ thấp đến cao, chỉ vẽ phương pháp

- 12 -

công tác giúp họ lập thành tiên, thủ thịch nâng chất tuyến truyền đảng tiến tới kết nạp. Nội dung nhiệm vụ giác ngộ gồm hai mặt, một là họ hành động cách mạng, hai là vận động người cùng nghề nghiệp cùng giai cấp, cùng giới hoặc cùng cảnh ngộ tin cậy được, cùng họ làm cách mạng. Cứ như thế mà xâu chuỗi thêm ra mãi và khi đối tượng được bắt rõ đầu tiên trở thành đảng viên thì tới nhiều trong xâu chuỗi của họ cũng có một vài nông cốt, đoàn viên nắm thêm một số quân chúng tiên cực cảm tình khác theo quan hệ xâu chuỗi hoặc theo các tổ chức công, bán khai của quân chúng.

- Nơi trước đây có cơ sở nay tạm bị đánh rã hay đứt liên hệ với lãnh đạo nên rã lại từng cơ sở cũ tìm những người chưa bị lộ, còn tình thần tốt, mở mối giao việc, nâng chất đến đủ điều kiện thì kết nạp vào Đảng. Đồng thời phải mạnh dạn bung ra bắt rõ mới và tiến hành theo kiểu cách như nói trên để phát triển được nhanh chóng.

- Nơi có cơ sở chính trị vũ trang của quân chúng nhưng chưa có đảng viên, qua trình giao việc, kiểm tra công tác, kết hợp với điều tra những điều kiện cần thiết, phải hiểu đối tượng có triển vọng nhất để bồi dưỡng mọi mặt cho họ, làm cho sự trưởng thành của họ tác động tốt vào đơn vị, tổ chức mà họ làm cốt, tạo cho họ có uy tín lãnh đạo trong quân chúng để khi kết nạp vào Đảng sẽ phát huy tốt tác dụng.

- Nơi có đảng viên chưa đủ tổ Đảng thì cán bộ phụ trách phải bồi dưỡng cho số đông chỉ ấy biết cách điều tra, tuyên truyền phát triển Đảng, giúp anh đối tượng kèm cặp kiểm tra hàng tuần, 10 ngày để giải quyết kịp thời những vướng mắc khó khăn đến khi đủ điều kiện để vào Đảng, thực tiễn rút kinh nghiệm để đồng cấp lực triển khai rộng ra thêm.

Nếu đồng chí cán bộ có điều kiện thì nên tự mình nhận bồi dưỡng một đối tượng để có kinh nghiệm tại chỗ và tăng nhanh tốc độ phát triển cho áp sớm thành lập tổ Đảng ngay chi bộ.

- Những áp có đảng viên lộ mặt bám trụ nắm một ít cơ sở cũ nhưng chưa có đảng viên mặt, phải tập huấn cho số đảng viên lộ này biết cách phát triển đảng viên mới nhất là phải giữ bí mật cho đối tượng áp kết nạp. Khi đối tượng này có đủ điều kiện kết nạp thì chỉ ủy hay xã ủy phải người đến tổ chức kết nạp riêng và cắt quan hệ với đảng viên lộ. Nếu áp có đủ 3 đảng viên mặt thì tập hợp thành tổ ngay chi bộ do chỉ ủy hay xã ủy phụ trách. Đồng chí chỉ ủy viên hay xã ủy viên phụ trách có 2 tổ hoặc 2 chi bộ mặt và lộ mặt trong một áp.

Trường hợp chi bộ lộ ít khả năng, bám trụ khó khăn, nếu có từ 3 đảng viên mặt trở lên trong một xã dù ở rải rác, nhiều áp vẫn nên lập chi bộ cơ sở xã mặt, giao nhiệm vụ chung

- 13 -

* Các xã như* là việc nhanh chóng xây dựng cơ sở quần chúng tiến lên phá* triển Đảng để lập *ở Đảng mặt ở ấp. Phải có VIV hay cán bộ được Vi uy nhiệm, phụ trách hai chi bộ lộ và mặt* trong một xã.

Theo phương hướng này thì quy mô hình thành ban cán sự ban chấp hành các đoàn thể hay cán bộ phụ trách vận, ban an chuyên môn ấp, xã hay cán bộ phụ trách công tác chuyên môn không lộ mặt gắn liền với sự phá* triển nội viển, tiểu tổ, tiểu đội ở cơ sở.

Cán bộ ban ngành xã ấp lộ mặt nhiều có vấn phải được bố trí bám* ru xóm ấp, bám vào dân chúng động yếu cơ, khả năng và phương* nước lộ mặt, để sức cho* trọng việc tập hợp *ở chức quần chúng vào các lực lượng chính trị vũ* trang tại chỗ.

- Để nắm rộng rãi quần chúng đấu* rana hàng ngày và che dấu cho hoạt* động bí mật, chi bộ, đảng viên phải biết* tập hợp quần chúng vào nhiều hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp mà nhất là nửa hợp pháp dựa* theo tập quán làm ăn sinh sống của quần chúng.

- Khi đã hình thành hai loại lực lượng, trong cái đạo vận dụng phương* châm một* nhiệm vụ, hai lực lượng, 2 phương* nước cần chú ý các vấn đề sau đây :

: Cả hai lực lượng lộ và mặt đều có chung một* nhiệm vụ (mục tiêu) là xây dựng, *ở chức quần chúng và lãnh đạo quần chúng đấu* với mũi đánh địch tự giải phóng xã ấp.

Lực lượng lộ mặt ngoài việc vũ* trang tuyên* truyền, điệ* ác, đánh du kích ... cần phải gây dựng *ở chức cho loại cơ sở quần chúng.

Lực lượng mặt* mặt* tạo điều kiện thuận lợi tại chỗ cho hoạt* động của lực lượng lộ mặt, mặt* mặt* lấy kế* quả hoạt* động của lực lượng lộ mặt và phá* hoại trong quần chúng hướng dẫn quần chúng đấu* công nhân trị* diện đấu 33 mũi từng bước nâng lên qua đó là xây dựng các loại cơ sở.

- Giống như* nước coi* nhường vai* trò lực lượng mặt, bất* lực lượng mặt* phụ* thuộc dưới sự chỉ huy của lực lượng lộ* trong thực vụ* từng việc lộ* mặt* ngược lại cũng đề phòng sự lộ* ngay bề* bề không dám hướng dẫn lực lượng mặt* bùng nổ lên lãnh đạo quần chúng nổi dậy.

d) - Đưa đảng viên, chi bộ (kể cả lộ và mặt) vào nề nếp rèn luyện 4 *ở :

Khi nhận được nhiệm* vụ chi bộ giao cho* trong từng* thời gian 3* tháng, 1* tháng là những công việc cụ* thể* trong lộ* hay 15 ngày hoặc một* tuần kỳ gặp* ở giữa cán bộ phụ* trách với đảng viên công quan* đơn tuyên* truyền* mỗi đảng viên đều phải* đồng ký rèn luyện 4 *ở. Nội* dung* đồng ký gồm những công việc phải

- 14 -

quyết tâm đạt bằng được trong thời gian đó, những ưu điểm cần phải duy đặc biệt là nâng cao kỹ thuật nhưa điểm về tư tưởng lập trường, về quan hệ với quần chúng, về cách làm việc, về đấu tranh xây dựng nội bộ, v.v... phải khắc phục để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ.

Phải giúp đảng viên phân tích sâu sắc vì sao phải rèn luyện như thế để nâng cao tự giác và nhiệt tình tự rèn luyện

Sau đó dựa vào sách hướng thường lệ 10 ngày hay 15 ngày đảng viên báo công, tự phê cuối tháng có phê phán phân tích sâu và 3 hay 4 tháng có bình chọn, công nhận một lần.

Đảng viên mới sinh hoạt đơn tuyến báo công phải tự phê với cán bộ phụ trách; cán bộ đó về báo cáo lại với chi bộ, chỉ huy hay xã ủy có nắm quyền xét công nhận nhưng không làm lộ bí mật trong tích của đồng chí ấy.

Số đảng viên mới đã được tập hợp thành tổ, chỉ bộ tự theo sách hướng lệ, chỉ bộ sẽ bình chọn. Khi chỉ ủy viên, xã ủy viên mang kết quả bình chọn ở tổ hay chỉ bộ mật ở ấp về báo cáo cho cấp ủy xét công nhận phải giữ bí mật cho đảng viên.

c) - Chỉ đạo của cấp trên :

- Phải điều động tăng cường chỉ việc dặm cấy cho xã thuộc vùng nông thôn kèm một số cán bộ, đảng viên có lập trường tư tưởng vững, được tập huấn kỹ càng những tài liệu cần thiết cho công tác vùng, nhập toàn vào địa phương bám trụ bằng nhiều phương thức gây dựng cơ sở, phải triển khai công tác lực các loại để phát triển đảng viên, lập tổ, chỉ bộ địa phương. Chỉ bộ dù người lộ mật hay mật cũng phải là người địa phương. Chỉ bộ gồm một số đảng viên đưa vào gây dựng cơ sở thì coi là chỉ bộ đội công tác cơ sở nơi đó.

Cần chọn một số đơn bộ còn thế đi lại bám trụ hợp hay báo hợp pháp để dặm cấy cho vùng này. Mỗi nhóm đảng viên đoàn viên đi dặm cấy đều phải có cán bộ theo phụ trách.

- Phân công cấp ủy viên và cán bộ có năng lực phụ trách xây dựng dài hạn từng chỉ bộ. Tùy theo diện rộng hẹp của vùng này sẽ bố trí bộ phận chuyên lo, nghiên cứu sơ tổng kết công tác giúp cấp ủy điều động dặm cấy cán bộ, đảng viên, đoàn viên, v.v... cho chắc chắn phải kiên giải quyết kịp thời những khó khăn về tư tưởng, tổ chức, sinh hoạt và đời sống bảo vệ cán bộ.

- Cần tổ chức chỉ đạo riêng để kịp thời rút kinh nghiệm triển khai nhanh rộng ra trong địa phương. Có thể tổ chức những hội nghị chuyên đề riêng đối với các chỉ bộ trong vùng kèm./.

- 15 -

Báo Y nguyên văn : Đề án công tác tổ chức xây dựng Đảng
 ĐẶC ĐIỂM Tài liệu : bản đánh máy xé.

Nơi sưu tầm : Bài viết lưu tại ban NCS Đảng H-G.
 Người sưu tầm : Tô Văn Lưu
 Đánh máy :
 Số lượng : 5 bản.

Ngày 16 tháng 05 năm 1985
 BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG
 Tỉnh Đồng Tháp
 -348-

Nguồn: [127] Đề án công tác xây dựng Đảng từ nay đến tháng 6-1971 của Ban Tổ chức Khu uỷ (đã được TV-BA thông qua), tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành uỷ Cần Thơ, ký hiệu: 8E/1971, Cần Thơ

5. Báo cáo Số liệu cơ bản từ cuối năm 1967 đến năm 1972 của toàn Khu của Văn phòng Khu ủy

SỐ LIỆU CƠ BẢN
TỪ CUỐI 1967 ĐẾN CUỐI NĂM 1972
CỦA TOÀN KHU

TUYẾT
LIỆT

BAN LƯU

BAN N.C.T.S. ĐẢNG
HẬU GIANG
LƯU TRỮ
Ký hiệu: 32E-11972

I.- QUÊ

1/- Lên bất :

Quối 1967 : 1.607 đơn.
 Quối 1968 : 1.811 đơn (tăng 204 đơn)
 Quối 1969 : 2.316 đơn (tăng 507 đơn)
 Quối 1970 : 3.429 đơn (tăng 911 đơn)
 Quối 1971 : (có Châu Hà) 4.034 đơn (không kể đơn nằm trong thị xã, thị trấn, Chi khu (tăng 605 đơn)
 Quối 1972 : 3.541 đơn (sụt 493 đơn)

2/- Quân số :

Quối 1967 : quân số chung 75.000 tên.
 - 14.000 chủ lực - 22.000 bảo an
 - 20.000 dân vệ - 8.800 phụ quân.

Quối 1968 : Quân số chung 95.000 tên, có :
 - 25.000 chủ lực - 26.000 bảo an
 - 29.000 dân vệ - 26.500 PVDS

Quối 1969 : Quân số chung 119.000 tên, có :
 - 32.000 chủ lực - 35.000 bảo an
 - 29.000 dân vệ - 45.000 PVDS

Quối 1970 : Quân số chung 137.430 tên, có :
 - 35.000 chủ lực - 35.400 bảo an
 - 37.700 dân vệ - 80.000 PVDS

Quối 1971 : Quân số chung 139.250 tên, có :
 - 28.270 chủ lực - 39.250 bảo an
 - 46.757 dân vệ - 72.000 PVDS
 - 13.000 Đả cảnh sát (thiếu Hạc gié, Trà vinh)

Quối 1972 : Quân số chung 132.778 tên, có :
 - 24.500 chủ lực - 16.400 bảo an
 - 39.300 dân vệ - 42.300 PVDS
 - 19.200 CAGS các loại, biệt kích.

II.- XÃ, ẤP, DÂN SỐ

* Quối 1967 : có 385 xã, 3.100 ấp, 3.515.000 dân.
 Giải phóng 72 xã, 1.652 ấp, 1.110.000 dân.
 Trưa cấp nhiên
 mức độ... 619 ấp, 700.000 dân.
 Nông thôn kìa, thị trấn 915 ấp, 1.115.000 dân.
 Thị xã 550.000 dân.

- 2 -

- * Quốc 1968 : có 386 xã, 3.200 ấp, 3.440.000 dân.
 Giải phóng 73 xã, 1.653 ấp, 1.270.000 dân.
 Tranh chấp nhiều mức độ 786 ấp, 430.000 dân.
 Nông thôn kèm, thị trấn 761 ấp, 1.190.000 dân.
 Thị xã 550.000 dân.
- * Quốc 1969 : có 391 xã, 3.216 ấp, 3.440.000 dân.
 Giải phóng 32 xã, 1.065 ấp, 700.000 dân.
 Tranh chấp nhiều mức độ 915 ấp, 800.000 dân.
 Nông thôn kèm, thị trấn 1.238 ấp, 1.390.000 dân.
 Riêng thị xã 550.000 dân.
- * Quốc 1970 : có 390 xã, 3.219 ấp, 3.534.000 dân.
 Giải phóng 8 xã,
 Giải phóng và tr/chiếm 1.597 ấp, 225.000 dân.
 Tranh chấp 831.000 dân
 Nông thôn kèm, thị trấn 1.652 ấp, 1.928.000 dân.
 Riêng thị xã 550.000 dân.
- * Quốc 1971 : có 417 xã, 3.353 ấp, 3.540.000 dân { có
 Giải phóng 6 xã, 448 ấp, 217.000 dân { Chấn
 Tranh chấp nhiều mức độ 670 ấp, 470.000 dân { H
 Nông thôn kèm, thị trấn 2.156 ấp, 2.184.000 dân
 Riêng dân ở thị xã 579.000 dân
- * Quốc 1972 : có 417 xã, 3.353 ấp, 3.540.000 dân
 Giải phóng 9 xã, 665 ấp, 371.000 dân
 Tranh chấp nặng 561 ấp, 411.600 dân
 Tranh chấp vừa 212 ấp, 237.400 dân
 Tranh chấp yếu 284 ấp, 277.000 dân
 Nông thôn kèm, thị trấn 1.631 ấp, 1.624.000 dân
 Dân ở thị xã 580.000 dân
- * Tháng 5 năm 1973 tóm sơ bộ giải phóng hoàn toàn 8 xã
 6 xã còn 1,2 đơn, cùng 678 ấp, giải phóng 420.000 dân, tranh
 chấp nặng 653 ấp, 430.000 dân, Tranh chấp vừa có 298 ấp, 227
 ngàn dân, Tranh chấp yếu 218 ấp, 219 ngàn dân. Vùng kèm 1.479
 ấp (ke cả ấp trong chi khu, thị trấn) 1.600.000 dân và 580000
 dân thị xã.

III.- CÁC LOẠI THỰC LỰC

- * Quốc 1967 : có 26.377 đảng viên (thiếu quân đặc km),
 15.565 đoàn viên (thiếu cấp km), 126.152 nông nội, 9.815 tu
 tranh niên, 75.150 phụ nữ.
 2.367 địa phương quân tỉnh, 3.452 địa phương quân
 huyện, 8.538 du kích xã, 24.942 du kích ấp, có 1.971 DK mật.
- * Quốc 1968 : có 31.730 đảng viên, 14.604 đoàn viên
 (thiếu cấp km) 166.172 nông nội, 16.157 thanh niên, 74.080
 phụ nữ.
 2.409 địa phương quân tỉnh, 3.508 địa phương quân
 huyện, 8.434 du kích xã, 20.349 du kích ấp, có 1.137 DK mật.
- * Quốc 1968 : có 30.035 đảng viên, 15.182 đoàn viên

- 3 -

(thiếu cấp khu), 185.681 nông hộ, 16.895 thanh niên, 73.217 phụ nữ.

2.355 địa phương quân tỉnh, 2.875 địa phương quân huyện, 5.352 du kích xã, 24.094 du kích ấp có 1.156 DK mật.

+ Cuối 1970 : 25.280 đảng viên, 10.250 đoàn viên (thiếu quân sự Khu), 58.598 nông hộ, 6.127 thanh niên giải phóng và thanh niên xung phong cơ sở, 10.661 phụ nữ, 3.130 thiếu niên tiên phong.

Địa phương quân tỉnh 1.476, 1.809 địa phương quân huyện, 3.700 du kích xã, 11.462 du kích ấp có 3.051 DK mật.

+ Tháng 3 năm 1972 : 31.104 đảng viên, 14.528 đoàn viên (thiếu Quân H và cơ quan dân đảng cấp khu), 58.200 nông hộ, 2628 thanh niên giải phóng, 16.363 phụ nữ, 3.113 thiếu niên tiên phong, 6.201 cơ sở nông cốt vùng kềm.

1.926 địa phương quân tỉnh, 2.161 địa phương quân huyện, 3.493 du kích xã, 9.687 du kích ấp có 4.109 DK mật.

+ Cuối năm 1972 : có 34.023 đảng viên, 17.775 đoàn viên, 73.549 nông hộ, 6.531 thanh niên giải phóng, 32.329 phụ nữ, 8.200 thiếu niên tiên phong, 8.312 cơ sở nông cốt vùng kềm.

361 xã có Chi ủy xã ủy, 12 xã có đảng viên, 8 xã có cơ sở, 9 xã trắng (như vậy còn 35 xã chưa chi bộ), 1.316 ấp có chi bộ hoặc Tổ Đảng, 1.011 ấp có đảng viên, 1.008 ấp chưa có đảng viên (568 ấp có cơ sở, 440 ấp trắng).

2.605 địa phương quân tỉnh, 3.349 địa phương quân huyện, 5.727 du kích xã, 12.106 du kích ấp có 3.285 DK mật.

+ Tháng 6 năm 1973 : thực lực Đảng, Đoàn, các đoàn thể tiếp tục phát triển (nhưng tốc độ không nhanh hơn trước), có phát triển ở một số vùng yếu như Châu Thành A (Vĩnh Long) đạt liên lạc phổ.

Lực lượng vũ trang chưa tổng hợp được. Tháng 4 năm 1973 năm được (so với cuối năm 1972) :

- Quê nhà : du kích ấp tăng 16 phần trăm, du kích xã giảm 30 phần trăm, địa phương quân huyện giảm 1%, địa phương quân tỉnh giảm 4 %.

- Sóc trắng : du kích ấp giảm 11 phần trăm, du kích xã giảm 20 %, địa phương quân huyện giảm 20 %, địa phương quân tỉnh giảm 43 %.

- Bạch gia : du kích ấp giảm 17 phần trăm, du kích xã giảm trên 40 %, địa phương quân huyện giảm 30 %, địa phương quân tỉnh tăng 15 đội viên.

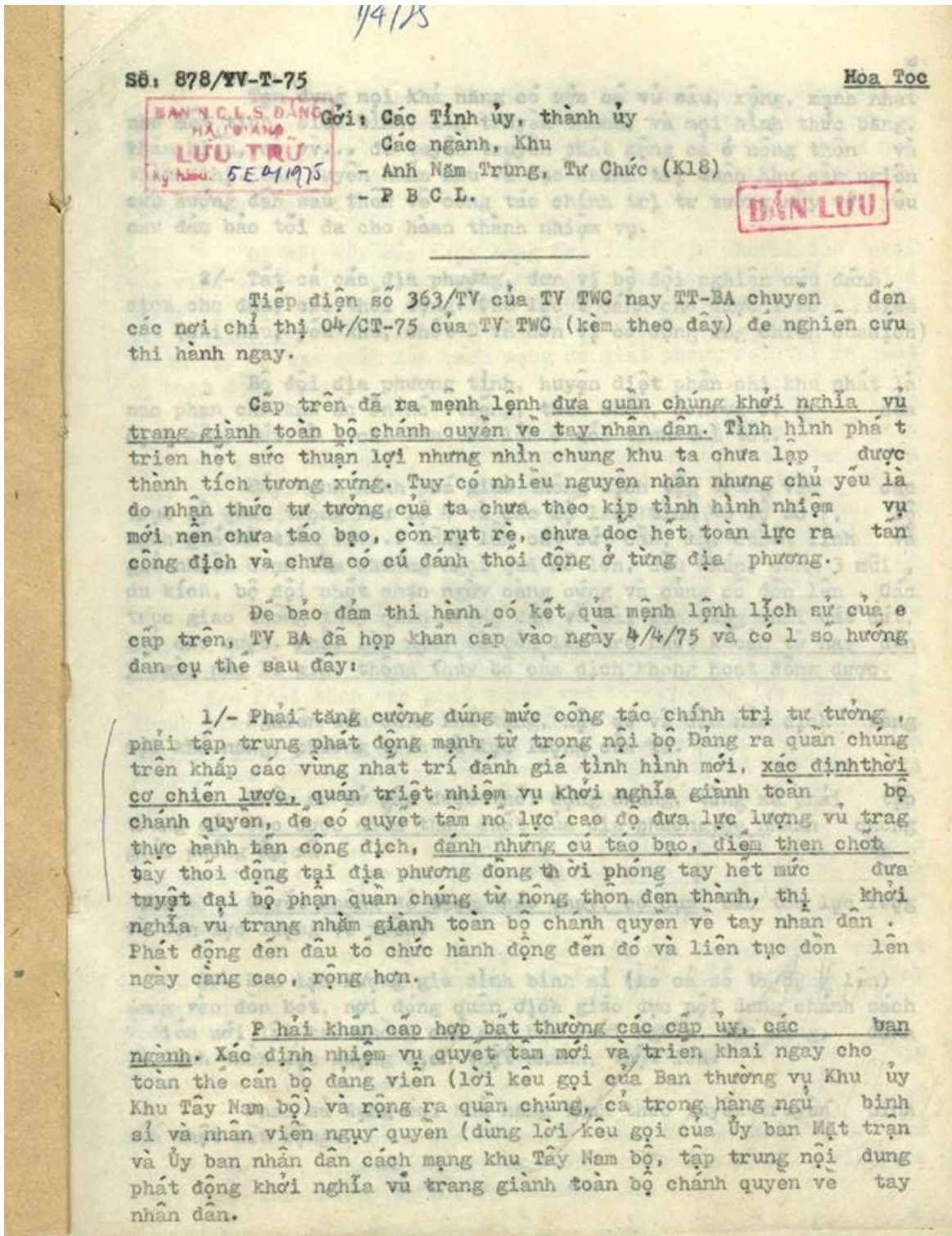
- Trà viên : tháng 3 năm 1973 so với tháng 10 năm 1972 du kích ấp xét soát số cũ, du kích xã giảm 12 %, địa phương quân huyện giảm 30 %, địa phương quân tỉnh tăng 10 %.

Tháng 7 năm 1973

VĂN PHÒNG KHU ỦY

Nguồn: [138] Báo cáo Số liệu cơ bản từ cuối năm 1967 đến năm 1972 của toàn Khu của Văn phòng Khu ủy, Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ, ký hiệu: 33E/1973, Cần Thơ

6. Đảng văn số 878/TV ngày 5-4-1975 của Thường vụ Khu ủy gửi các Tỉnh ủy, Thành ủy, Anh Năm Trung, Tư Chức (K18), P B C L)



Tận dụng mọi khả năng có sức cổ vũ sâu, rộng, mạnh nhất như meet tỉnh, biểu diễn, loa truyền thanh, và mọi hình thức băng, khẩu hiệu, cờ v.v... để tuyên truyền phát động cả ở nông thôn và thành thị. Ban Tuyên huấn khu và Cục chánh trị Quân Khu cần nghiên cứu hướng dẫn sâu thêm về công tác chính trị tư tưởng này với yêu cầu đảm bảo tối đa cho hoàn thành nhiệm vụ.

2/- Tất cả các địa phương, đơn vị bộ đội nghiên cứu đánh địch cho đau, cho thoái động. Chủ lực đánh cho được 1 số điểm tốt (chỉ khu, yếu khu, chốt D và đơn vị cơ động ứng chiến của địch) thành lập ủy ban nhân dân cách mạng để giải phóng rồi thì ra mặt và hoạt động. Bộ đội địa phương tỉnh, huyện diệt phân chi khu nhất là các phân chi khu ác ôn nổi tiếng, then chốt, đơn vị C, D của địch này, dứt từ 1 chi khu trở lên ở mỗi tỉnh thì tốt.

Đẩy mạnh đánh phá giao thông địch tập trung vào các trục lộ quan trọng như lộ 4 và các lộ liên tỉnh 40 lộ số 7, lộ Rạch Giá Hà Tiên v.v... Xong lên cắt đứt cầu, lộ, chiếm lĩnh và giữ nhiều đoạn làm chướng ngại qui mô lớn, đều khắp, dùng 3 mũi, du kích, bộ đội chốt chặn ngày càng cứng và củng cố đồn lên. Các trục giao thông thủy quan trọng dẫn về Sài Gòn cũng phải cắt đứt, giữ cho được. Phải làm ngay và đồn lên trẻ nhất khoản từ nay đến 5 ngày nữa là giao thông thủy bộ của địch không hoạt động được.

3/- Phải khẩn cấp giải quyết vấn đề xây dựng lực lượng và nghiên cứu đánh kho tàng, hậu cứ và đầu não địch bằng mọi khả năng, phương thức và lực lượng của ta.

Trên cơ sở gây được thoái động chung, từng xã phải tập trung dứt cho được điểm then chốt của địa phương, để nhanh chóng giải phóng áp xã.

Quyết không để địch tháo chạy, cơ cụm bảo tồn lực lượng và đồn lực lượng về trên.

Đưa lực lượng gia đình đình sĩ (kể cả số ta dựng lên) xông vào đồn bót, nơi đóng quân địch giáo dục nội dung chánh sách 7 điểm mới lôi kéo chồng con em, bức khởi nghĩa, bức hàng, đánh rá tinh thần lực lượng địch thật nhanh, thật lớn.

Phải sử dụng mọi khả năng hình thức tuyên truyền bình, vận thật sâu rộng.

Nâng cao sức chiến đấu của các tầng lớp cơ sở thông qua phát động chánh trị tư tưởng trong cán bộ đảng viên qua thực tiễn làm nhiệm vụ mà cũng cố nâng lên.

Ngoài các việc trên phải đưa thêm cán bộ vào vùng yếu, kết hợp với các đội vũ trang công tác, lực lượng tại chỗ và từng bộ phận lực lượng vũ trang từ ngoài vào, phát động quần chúng noi dạy giành chính quyền làm chủ tiến lên khởi nghĩa giải phóng trong những ngày sắp tới.

Đi đôi với các hoạt động trên, mỗi địa phương đều phải ráo riết chuẩn bị cho phương án dứt điểm thị xã (TV BA đã giao nhiệm vụ trực tiếp cho từng nơi, để sẵn sàng hành động được ngay khi có thời cơ. Phải chuẩn bị đầy đủ kế hoạch tiếp quản và việc thành lập ủy ban nhân dân cách mạng để giải phóng rồi thì ra mắt và hoạt động ngay.

4/- Ở phía sau, vùng nông thôn giải phóng phải phát động đẩy mạnh xây dựng toàn diện, hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu thu đảm phụ, thu mua lúa gạo (sẽ có hướng dẫn thêm) các công trình thủy lợi, chuẩn bị sản xuất tới, giải quyết ruộng đất, giống, vốn, văn hóa công v.v... nhất là giúp các gia đình có người đi bộ đội đi trực tấn công phía trước.

Phải đẩy lên sinh khí sôi nổi, có sức mạnh thật sự để đón/cho phía trước giành thắng lợi.

5/- Phải khẩn cấp giải quyết vấn đề xây dựng lực lượng mà trọng điểm là lực lượng vũ trang tập trung. Phát động phân công ngay số đảng viên trẻ, đoàn viên đi bổ sung cho địa phương quân huyện, tỉnh vừa hoạt động vừa rèn luyện. Đăng ký là thu xếp đi ngay và vận động thêm thanh niên xung quanh cùng đi.

Thực hiện đơn quân và các biện pháp đã nêu trong thông tri 05/TT-T-75 của TV BA. Làm sao trong 3 đến 5 ngày có bổ sung đầy đủ yêu cầu.

Song song phải tập hợp, tổ chức lực lượng chính trị thật mạnh ở cơ sở để huy động đủ sức cho tấn công phía trước và xây dựng phía sau.

6/- Phải chấn chỉnh tổ chức và tổ chức thực hiện theo kịp tình hình nhiệm vụ mới.

Ngày 5 tháng 4 năm 1975

. Thập sự nâng cao sức chiến đấu của các Đảng bộ cơ sở thông qua phát động chính trị tư tưởng trong cán bộ đảng viên qua thực tiễn làm nhiệm vụ mà củng cố nâng lên.

. Mạnh dạn cắt nhắc số ưu tú xuất hiện nổi trong hoàn thành nhiệm vụ và kiên quyết thay đổi cũng có số trĩ trệ, cần ngại (như tinh thần chỉ thị 04/CT-75) của TV TWC đã nêu).

. Ban tổ chức các cấp phải giúp cấp ủy có kế hoạch phân phối cán bộ nhanh chóng theo yêu cầu nhiệm vụ mới dồn sức cho phía trước, cho các mục tiêu dứt điểm cuối cùng của địa phương và chuẩn bị đầy đủ cán bộ phân cán bộ để quản lý, xây dựng vùng mới giải phóng. Phải tập huan cấp tốc nhiệm vụ và cách làm nhiệm vụ được giao cho mọi tổ chức, mọi cán bộ và đưa nhanh đến nơi công tác.

. Phải dồn thêm cán bộ ra chiến trường, xuống cơ sở. Phân công rõ ràng cấp ủy viên, cán bộ các ban ngành ai lo phía trước, phía sau cho tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ mọi nơi và kiểm tra bổ sung ngày càng phù hợp.

. Chỉ đạo phải tập trung, thống nhất, táo bạo, linh hoạt, nhạy bén và vững chắc. Phải chấp hành thật nghiêm mọi nghị quyết mệnh lệnh của cấp trên và của Đảng bộ mình như là mệnh lệnh quân sự.

Được chỉ thị 04/CT-75 của TV TWC và các ý kiến hướng dẫn của TV BA trên đây, các cấp ủy và ban ngành hợp bất thường khẩn cấp triển khai ngay dồn lực lượng ngay ra tấn công phía trước và xây dựng phía sau với khí thế tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở từng địa phương và nâng lên mãi. Phải gác lại những việc chưa cấp bách để tập trung tối đa lực lượng cho khởi nghĩa giành chính quyền.

Các nơi tổ chức triển khai thế nào, quyết tâm kế hoạch yêu cầu chỉ tiêu và biện pháp cơ bản đảm bảo tấn công phía trước, xây dựng phía sau, xây dựng cấp tốc lực lượng v.v... phải báo cáo ngay cho TV BA.

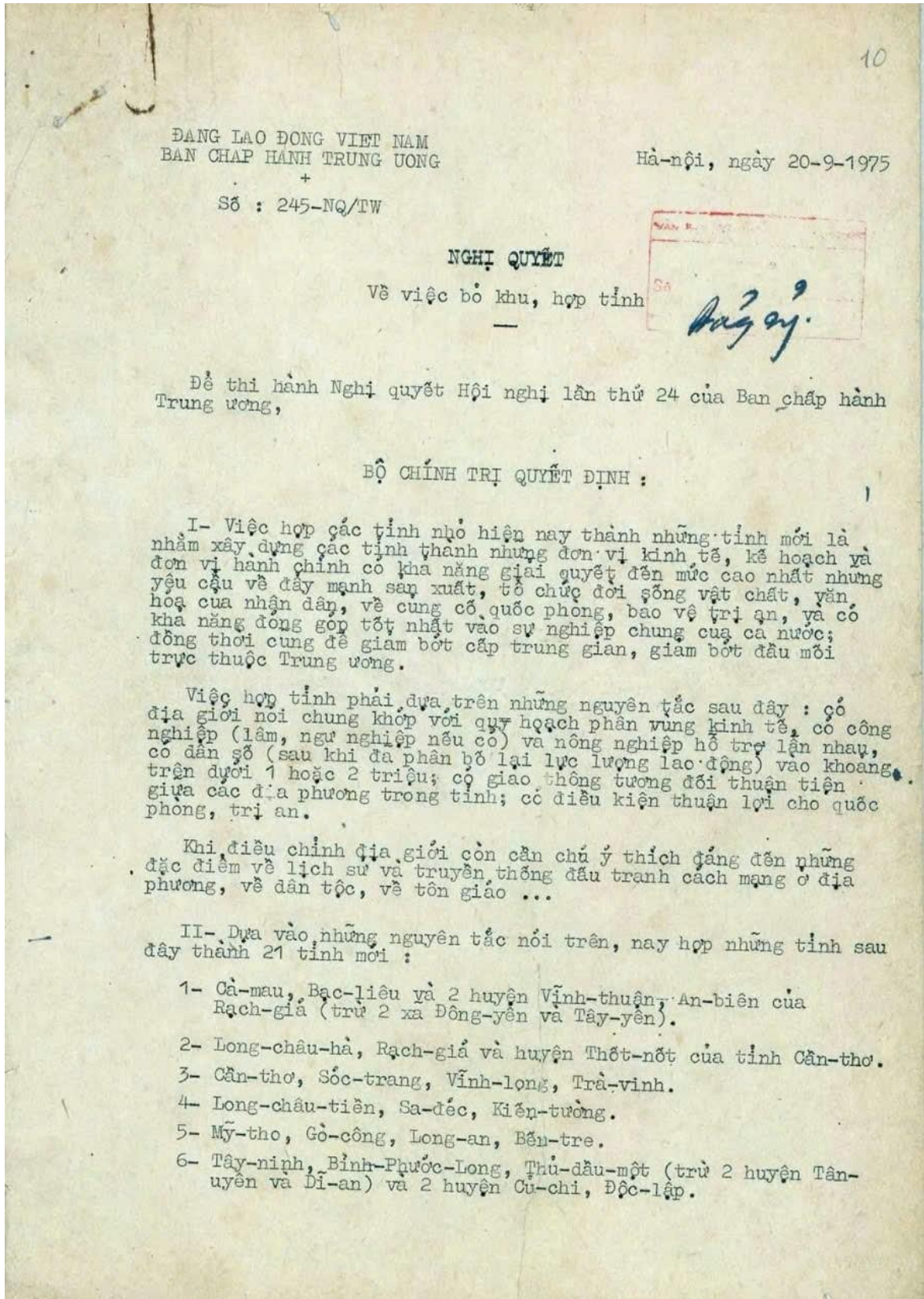
Thời cơ lịch sử đã diễm, phải nỗ lực cao nhất để giành thắng lợi lớn nhất cho cách mạng./.

Ngày 5 tháng 4 năm 1975

TV-BA

Nguồn: [170] Đảng văn số 878/TV ngày 5-4-1975 của Thường vụ Khu ủy gửi các Tỉnh ủy, Thành ủy, Anh Năm Trung, Tư Chức (K18), P B C L), Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Thành ủy Cần Thơ, ký hiệu: 5E^a/1975, Cần Thơ

7. Nghị quyết số 245-NQ/TW ngày 20-9-1975 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lập động Việt Nam về việc bỏ khu, hợp tỉnh



- 7- Biên-hòa, Bà-ri-a, Long-khánh, Bình-tuy và 3 huyện Định-quan, Tân-Uyên, Di-an.
- 8- Lâm-đồng, Tuyên-đức, Bình-thuận, Ninh-thuận.
- 9- Phú-yên, Khánh-hòa.
- 10- Quảng-ngãi, Bình-định.
- 11- Tỉnh Đắc-lắc, thêm các huyện Cheo-reo, Đắc-lập.
- 12- Công-tum, Gia-lai.
- 13- Quảng-nam, Quảng-đà.
- 14- Các tỉnh Quảng-trị, Thừa-thiên, Quảng-bình, khu vực Vinh-linh.
- 15- Nghệ-an, Hà-tĩnh.
- 16- Nam-hà, Ninh-bình.
- 17- Hà-tây, Hòa-bình.
- 18- Cao-bằng, Lạng-son.
- 19- Tuyên-quang, Hà-giang.
- 20- Sơn-la và 2 huyện Bắc-yên, Phú-yên của Nghĩa-lộ.
- 21- Yên-bái, Lào-cay, Nghĩa-lộ.

Như vậy, kể cả 8 tỉnh: Bắc-thái, - Hải-hưng, - Thanh-hóa, - Thái-bình, - Vĩnh-phú, - Hà-bắc, - Quảng-ninh, - Lai-châu vận đê nguyên, toàn quốc sẽ chia làm 29 tỉnh và 4 thành phố (Hà-nội, - Sai-gon, - Hải-phong, - Đà-lạt) trực thuộc Trung ương.

Việc hợp tỉnh cần tiến hành đồng thời với việc bỏ khu và phải làm theo đúng các thủ tục của Nhà nước.

Các tỉnh được hợp lại sẽ đề nghị Nhà nước quyết định tên và tỉnh lỵ của tỉnh mới.

Các cấp ủy phải lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền giải thích để nhân dân hiểu rõ ý nghĩa của việc hợp tỉnh và động viên nhân dân phấn khởi xây dựng tỉnh mới. Công tác sắp xếp cán bộ cần được tiến hành chu đáo; đề phòng tư tưởng so sánh địa vị, cấp bậc, địa phương chu nghĩa trong dịp kiện toàn tổ chức mới.

III- Ban Bí thư Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ, các cấp ủy địa phương có tên trên đây, các Ban của Trung ương, các Đảng đoàn và các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước cần có kế hoạch, biện pháp để thi hành Nghị quyết này và báo cáo kết quả lên Trung ương và Chính phủ.

Nơi nhận :

- Các đ/c Ủy viên TW,
- Trung ương Cục miền Nam,
- Các Khu, Thành, tỉnh ủy trong cả nước,
- Các Ban, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc TW
- 2 tổ theo dõi thuộc VFTW
- Các đồng chí Chánh phó VFTW
- Lưu.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Lê-đức-Thọ

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ lịch sử thành phố Cần Thơ

